

Số: /ĐA-UBND

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2024

Dự thảo

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
GIẢI ĐOẠN 2023 - 2025 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; ý kiến của Bộ Nội vụ tại Văn bản số 7538/BNV-CQĐP ngày 21/12/2023 về việc góp ý Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Hà Nội như sau:

Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP
CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

3. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14.

4. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

5. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

6. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

7. Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

8. Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

9. Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 23/8/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

10. Thông báo Kết luận số 1430-TB/TU ngày 15/11/2023 của Thành ủy Hà Nội về phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội, giai đoạn 2023 - 2025.

11. Phương án số 01/PA-UBND ngày 15/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Hà Nội.

12. Văn bản số 7538/BNV-CQĐP ngày 21/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc góp ý Phương án tổng thể sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Hà Nội.

13. Báo cáo số 25/BC-UBND ngày 24/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Nội vụ về phương án thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Hà Nội.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Cụ thể hóa và thực hiện chủ trương

Nhằm thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Chương trình, kế hoạch của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tạo chuyển biến về nhận thức, hành động của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Xuất phát từ tình hình thực tiễn

Theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai

đoạn 2023 - 2030; thành phố Hà Nội có 01 đơn vị hành chính cấp huyện và 173 đơn vị hành chính cấp xã không đảm bảo tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022. Theo đó, mục tiêu xác định:

- **Đến năm 2025:** Hoàn thành sắp xếp đối với ĐVHC cấp huyện, cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn ĐVHC tương ứng quy định; ĐVHC cấp huyện có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn ĐVHC tương ứng quy định.

- **Đến năm 2030:** Hoàn thành sắp xếp đối với ĐVHC cấp huyện, cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% tiêu chuẩn ĐVHC tương ứng quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn ĐVHC tương ứng quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn ĐVHC tương ứng quy định.

3. Yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

Việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã là cần thiết nhằm tạo điều kiện tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung mở rộng sản xuất, phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi được tập trung hơn, tránh việc đầu tư xây dựng dàn trải, nhất là đối với sự nghiệp giáo dục, y tế. Đồng thời, góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, tinh giản biên chế; tiết kiệm chi cho ngân sách, góp phần vào cải cách chính sách tiền lương, nâng cao đời sống cho cán bộ, công chức và nâng cao chất lượng, trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC, phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển; đảm bảo hoàn thiện thể chế về ĐVHC, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao đời sống Nhân dân; đảm bảo quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội và đảm bảo theo tinh thần chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Phần II

HIỆN TRẠNG CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP, NHẬP, CHIA, GIẢI THỂ, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐVHC CÁC CẤP CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

1. Khái quát quá trình thành lập, nhập, chia, giải thể, điều chỉnh địa giới ĐVHC các cấp của thành phố Hà Nội từ năm 1945 đến nay

1.1. Giai đoạn 1945 - 1975

Sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Hà Nội khi đó gồm 5 khu nội thành và 120 xã ngoại thành. Ngày 21/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 77 về việc thành lập thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc kỳ, thị xã thuộc kỳ hoặc tỉnh. Theo đó, Hà Nội trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, gồm 17 khu nội thành và 05 khu hành chính ngoại thành.

Ngày 09/11/1946, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa I đã thông qua Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946. Theo đó, thành phố Hà Nội là Thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Theo Hiến pháp Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 1946, hệ thống phân cấp hành chính gồm có bộ (Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ), tỉnh, huyện và xã.

Ngày 20/12/1946, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 1, đổi cấp bộ thành cấp khu. Cả nước chia thành 12 khu hành chính, trong đó Hà Nội là khu XI.

Tháng 05/1947, khu XI được mở rộng thêm, gồm cả Hà Đông và Sơn Tây. Tháng 09/1947, khu XI quyết định cắt 4 huyện: Hoài Đức, Đan Phượng, Thanh Oai và Thanh Trì của Hà Đông sáp nhập vào Hà Nội. Khu vực nội thành được tổ chức thành 3 quận: quận IV gồm hai khu Đại La và Lãng Bạc; quận V tức khu Đống Đa; quận VI gồm hai khu cũ Đề Thám và Mê Linh và 4 huyện là Hoài Đức, Đan Phượng, Thanh Oai và Thanh Trì (của Hà Đông mới cắt sang). Sau đó Hà Nội lại được tổ chức thành 3 liên quận huyện: Liên quận huyện I gồm quận IV, Đan Phượng và Hoài Đức; Liên quận huyện II gồm quận V và Thanh Oai; Liên quận huyện III gồm quận VI và Thanh Trì.

Tháng 5/1948, Hà Nội sáp nhập với Hà Đông thành tỉnh Lưỡng Hà thuộc Liên khu III. Sau khi sáp nhập, Liên khu III cắt hai huyện Liên Bắc và Liên Nam trả về cho Hà Đông, Hà Nội chỉ còn nội thành và 2 huyện ngoại thành. Tháng 9/1948, 3 quận, huyện của Hà Nội được tổ chức thành 2 huyện: Trán Tây và Trán Nam. Ngày 01/10/1948, Trung ương Đảng ra chỉ thị tách Hà Nội ra khỏi Lưỡng Hà.

Ngày 13/6/1949, Nghị quyết số 142-NQ/KC-Hà Nội của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Hà Nội chia nội thành Hà Nội làm 2 quận, lấy tên là Quận 1,

Quận 2 và chia ngoại thành Hà Nội làm 3 quận, lấy tên là Quận 4, Quận 5, Quận 6. Ngày 18/9/1950, Chính phủ ra Nghị định số 46-TTg hợp nhất các quận Hà Nội thành hai quận nội thành và ngoại thành. Theo đó, hai quận 1 và 2 nội thành hợp nhất thành quận Nội thành Hà Nội, ba quận 4, 5 và 6 ngoại thành Hà Nội hợp nhất thành quận Ngoại thành Hà Nội.

Ngày 13/12/1954, Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký Nghị định số 420-TTg, Thủ đô Hà Nội được hoàn toàn giải phóng. Ngày 4/11/1954, Hà Nội chính thức thành lập ủy ban hành chính các quận, khi đó Hà Nội có 4 quận nội thành với 34 khu phố và 4 quận ngoại thành với 46 xã.

Ngày 13/12/1954, Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký Nghị định số 420-TTg sáp nhập khu vực phố Gia Lâm - gồm có phố Gia Lâm, khu nhà ga xe lửa Gia Lâm, sân bay Gia Lâm và 6 xã: Bồ Đề, Gia Thụy, Việt Hưng, Long Biên, Ngọc Thụy, Thượng Thanh - của tỉnh Bắc Ninh vào thành phố Hà Nội. Ngày 04/01/1955, Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký Nghị định số 436-TTg giải tán quận Văn Điển.

Ngày 21/11/1957, thành phố Hà Nội gồm 04 quận nội thành với 34 khu phố và 04 huyện ngoại thành với 45 xã.

Năm 1958, 04 quận nội thành bị xoá bỏ và thay thế bằng 12 khu phố, trong đó chia Quận 1 thành 3 khu phố: Hai Bà Trưng, Hàng Cỏ và Hoàn Kiếm; chia Quận 2 thành 03 khu phố: Cửa Đông, Hàng Bông và Hàng Đào; chia quận 3 thành 03 khu phố: Ba Đình, Trúc Bạch và Văn Miếu; và chia Quận 4 thành 03 khu phố: Bạch Mai, Bảy Mẫu và Ô Chợ Dừa.

Năm 1959, 8 khu phố khu nội thành được sắp xếp lại và Hà Nội có thêm 4 huyện ngoại thành, trong đó, sáp nhập khu phố Bảy Mẫu vào khu phố Hai Bà Trưng, hợp nhất 3 khu phố Cửa Đông, Hàng Bông và Hàng Đào thành khu phố Đồng Xuân, và hợp nhất 2 khu phố Văn Miếu và Ô Chợ Dừa thành khu phố Đống Đa.

Ngày 20/4/1961, Nghị quyết Quốc hội khoá II kỳ họp thứ 2 đã phê chuẩn việc mở rộng thành phố Hà Nội, theo đó sáp nhập thêm một số xã của các tỉnh, bao gồm: 10 xã của huyện Thanh Trì; 5 xã của huyện Đan Phượng; 3 xã và 02 thôn huyện Hoài Đức; 01 thôn của thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Đông; 15 xã, thị trấn của huyện Gia Lâm; 10 xã của huyện Từ Sơn; 02 xã của huyện Tiên Du; 02 xã huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; 16 xã của huyện Đông Anh; 01 xã của huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phúc; 01 xã của huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 31/5/1961, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 78-CP chia các khu vực nội thành và ngoại thành của thành phố Hà Nội, cụ thể: bốn khu phố nội thành Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Ba Đình, Đống Đa và 4 huyện ngoại thành Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Từ Liêm được thành lập. Trong đó, huyện Đông Anh có 23 xã, huyện Gia Lâm có 2 thị trấn và 31 xã, huyện Thanh Trì có 1 thị trấn và 21 xã, và huyện Từ Liêm có 26 xã.

Ngày 31/8/1974, chia các khu phố thuộc thành phố Hà Nội ra nhiều khu vực nhỏ gọi là tiểu khu. Ở mỗi tiểu khu thành lập một cơ quan đại diện ủy ban hành chính khu phố, gọi là Ban đại diện tiểu khu. Nội thành gồm khu phố Hoàn Kiếm có 46 tiểu khu, khu phố Ba Đình có 34 tiểu khu, khu phố Đống Đa có 48 tiểu khu, khu phố Hai Bà Trưng có 51 tiểu khu. Ngoại thành gồm 4 huyện Thanh Trì, Từ Liêm, Gia Lâm, Đông Anh, với 102 xã và 3 thị trấn.

1.2. Giai đoạn 1975 - 1997

Ngày 29/12/1978, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa VI, kỳ họp thứ 4 ban hành Nghị quyết phê chuẩn mở rộng địa giới Hà Nội, sáp nhập thêm 5 huyện Ba Vì, Thạch Thất, Phúc Thọ, Đan Phượng, Hoài Đức và thị xã Sơn Tây, 2 xã thuộc huyện Chương Mỹ, 7 xã thuộc huyện Quốc Oai; 4 xã thuộc huyện Thường Tín; 01 xã thuộc huyện Thanh Oai của tỉnh Hà Sơn Bình; 02 huyện Mê Linh, Sóc Sơn của tỉnh Vĩnh Phú.

Ngày 17/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 49-CP năm 1979 điều chỉnh địa giới một số xã, thị trấn thuộc các huyện Sóc Sơn, Mê Linh, Hoài Đức, Phúc Thọ và Thanh Trì thuộc thành phố Hà Nội.

Năm 1980, Hà Nội có 04 khu phố: Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, 01 thị xã Sơn Tây và 11 huyện: Ba Vì, Đan Phượng, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Mê Linh, Phúc Thọ, Sóc Sơn, Thạch Thất, Thanh Trì, Từ Liêm, cụ thể: khu phố Ba Đình (15 tiểu khu), khu phố Đống Đa (24 tiểu khu), khu phố Hai Bà Trưng (22 tiểu khu), khu phố Hoàn Kiếm (18 tiểu khu), thị xã Sơn Tây (3 tiểu khu), huyện Ba Vì (41 xã), huyện Đan Phượng (15 xã), huyện Đông Anh (23 xã), huyện Gia Lâm (2 thị trấn và 31 xã), huyện Hoài Đức (27 xã), huyện Mê Linh (2 thị trấn và 22 xã), huyện Phúc Thọ (20 xã), huyện Sóc Sơn (25 xã), huyện Thạch Thất (19 xã), huyện Thanh Trì (01 thị trấn và 26 xã), huyện Từ Liêm (25 xã).

Ngày 03/01/1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 03-CP thống nhất gọi các đơn vị hành chính trực tiếp của thành phố trực thuộc trung ương thay cách gọi “khu phố” bằng “quận”, “tiểu khu” bằng “phường”. Hà Nội có 4 quận là Ba Đình (15 phường), Đống Đa (24 phường), Hai Bà Trưng (22 phường) và Hoàn Kiếm (18 phường).

Ngày 02/6/1982, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 101-HĐBT về việc phân vạch địa giới thị xã Sơn Tây, huyện Ba Vì và huyện Phúc Thọ thuộc thành phố Hà Nội, theo đó: mở rộng thị xã Sơn Tây trên cơ sở tách 7 xã thuộc huyện Ba Vì; tách 2 xã thuộc huyện Ba Vì để sáp nhập vào huyện Phúc Thọ. Sau khi chia tách, thị xã Sơn Tây có 03 phường và 9 xã, huyện Phúc Thọ có 22 xã, huyện Ba Vì có 32 xã.

Ngày 13/10/1982, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 42-HĐBT về việc phân vạch địa giới một số phường thuộc thành phố Hà Nội, theo đó: thành lập 02 phường thuộc quận Đống Đa, thành lập 01 phường và 01 xóm (xã

Hoàng Văn Thụ) thuộc huyện Thanh Trì về phường Tương Mai thuộc quận Hai Bà Trưng, thành lập 02 thị trấn thuộc huyện Gia Lâm, thành lập thị trấn Đông Anh thuộc huyện Đông Anh, và thành lập 03 thị trấn Nghĩa Đô, Cầu Giấy và Cầu Diễn thuộc huyện Từ Liêm. Quận Hai Bà Trưng có 23 phường, quận Đống Đa có 26 phường, huyện Đông Anh có 1 thị trấn và 23 xã, huyện Gia Lâm có 4 thị trấn và 31 xã, huyện Từ Liêm có 3 thị trấn và 24 xã.

Ngày 14/3/1984, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 42-HĐBT về việc phân vạch địa giới một số phường thuộc thành phố Hà Nội, theo đó: mở rộng thị trấn Văn Điển của huyện Thanh Trì, đồng thời chia phường Giáp Bát thuộc quận Hai Bà Trưng thành 2 phường là Giáp Bát, Tân Mai và thành lập 2 phường Sơn Lộc và Xuân Khanh thuộc thị xã Sơn Tây. Sau khi chia cắt và mở rộng, quận Hai Bà Trưng có 24 phường, thị xã Sơn Tây có 5 phường và 9 xã.

Ngày 3/3/1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 45-HĐBT về việc thành lập thị trấn của các huyện Ba Vì, Sóc Sơn thuộc thành phố Hà Nội, theo đó: thành lập thị trấn Quảng Oai thuộc huyện Ba Vì và thành lập thị trấn Sóc Sơn thuộc huyện Sóc Sơn.

Ngày 12/8/1991, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa VIII kỳ họp thứ 9 lại quyết nghị điều chỉnh địa giới của thủ đô Hà Nội. Trong đó chuyển huyện Mê Linh của Hà Nội về tỉnh Vĩnh Phú; chuyển thị xã Sơn Tây và 5 huyện: Hoài Đức, Phúc Thọ, Đan Phượng, Ba Vì, Thạch Thất của Hà Nội về tỉnh Hà Tây. Hà Nội còn lại 4 quận nội thành là Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng và 5 huyện ngoại thành là Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm.

Ngày 28/10/1995, Chính phủ ban hành Nghị định số 69-CP về việc thành lập quận Tây Hồ trên cơ sở tách 3 phường thuộc quận Ba Đình và 5 xã thuộc huyện Từ Liêm; thành lập các phường có tên tương ứng. Quận Tây Hồ có 8 phường; quận Ba Đình còn lại 12 phường; huyện Từ Liêm còn lại 5 thị trấn và 19 xã.

Ngày 29/11/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 74-CP về việc thành lập quận Thanh Xuân và quận Cầu Giấy. Theo đó, quận Thanh Xuân có 11 phường; quận Cầu Giấy có 7 phường; quận Đống Đa còn lại 21 phường; huyện Thanh Trì còn lại 1 thị trấn và 24 xã; huyện Từ Liêm còn lại 1 thị trấn và 15 xã. Đổi tên phường Cầu Giấy thuộc quận Ba Đình thành phường Ngọc Khánh; đổi tên phường Nguyễn Trãi thuộc quận Đống Đa thành phường Ngã Tư Sở; đổi tên phường Thanh Xuân thuộc quận Thanh Xuân thành phường Thanh Xuân Trung.

1.3. Giai đoạn 1997 - 2018

Ngày 06/11/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 132/2003/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập các quận Long Biên, Hoàng Mai, thành lập các phường trực thuộc quận Long Biên, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, theo đó: thành lập quận Long Biên trên cơ sở tách 10 xã và 3 thị trấn của huyện Gia Lâm; chia xã Gia Thụy thành 2 phường. Cũng trong Nghị

định này quyết định thành lập quận Hoàng Mai trên cơ sở tách 9 xã và một phần diện tích tự nhiên của xã Tứ Hiệp thuộc huyện Thanh Trì và 5 phường thuộc quận Hai Bà Trưng. Quận Long Biên và quận Hoàng Mai cùng có 14 phường; huyện Gia Lâm còn lại 1 thị trấn và 21 xã; huyện Thanh Trì còn lại 1 thị trấn và 15 xã; quận Hai Bà Trưng còn lại 20 phường.

Ngày 05/01/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 02/2005/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính, thành lập phường thuộc các quận Ba Đình, Cầu Giấy và thành lập thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, theo đó: điều chỉnh địa giới các phường Cống Vị, Ngọc Hà, Ngọc Khánh, thành lập 2 phường Liễu Giai và Vĩnh Phúc thuộc quận Ba Đình; điều chỉnh địa giới các phường Dịch Vọng, Quan Hoa, thành lập phường Dịch Vọng Hậu thuộc quận Cầu Giấy và thành lập thị trấn Trâu Quỳ thuộc huyện Gia Lâm trên cơ sở toàn bộ xã Trâu Quỳ. Quận Ba Đình có 14 phường; quận Cầu Giấy có 8 phường; huyện Gia Lâm có 2 thị trấn và 20 xã.

Ngày 29/5/2008, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 15/2008/QH12 điều chỉnh địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội và các tỉnh. Theo Nghị quyết, toàn bộ tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh của tỉnh Vĩnh Phúc và 4 xã thuộc huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình được nhập về Hà Nội.

Ngày 08/5/2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP về việc xác lập địa giới hành chính xã Đông Xuân thuộc huyện Quốc Oai; các xã: Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung thuộc huyện Thạch Thất; huyện Mê Linh thuộc thành phố Hà Nội; thành lập quận Hà Đông và các phường trực thuộc; chuyển thành phố Sơn Tây thành thị xã Sơn Tây thuộc thành Hà Nội, theo đó: quận Hà Đông có 17 phường, thị xã Sơn Tây có 9 phường và 6 xã, huyện Quốc Oai có 1 thị trấn và 20 xã, huyện Thạch Thất có 1 thị trấn và 22 xã.

Ngày 27/12/2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 132/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Từ Liêm để thành lập 02 quận và 23 phường thuộc thành phố Hà Nội, theo đó: thành lập 2 quận là Bắc Từ Liêm và Nam Từ Liêm trên cơ sở diện tích tự nhiên và quy mô dân số của huyện Từ Liêm. Quận Bắc Từ Liêm có 13 phường, còn quận Nam Từ Liêm có 10 phường trực thuộc.

1.4. Giai đoạn 2019 đến nay

Ngày 11/02/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 895/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội, theo đó: quận Hai Bà Trưng thực hiện hợp nhất phường Bùi Thị Xuân, phường Nguyễn Du và một phần phường Ngô Thì Nhậm thành phường Nguyễn Du, hợp nhất phường Phạm Đình Hổ và phần còn lại của phường Ngô Thì Nhậm thành phường Phạm Đình Hổ; huyện Phú Xuyên thực hiện hợp nhất xã Thụy Phú và xã Văn Nhân thành xã Nam Tiến; huyện Phúc Thọ thực hiện hợp nhất xã Sen Chiểu và xã Phương Độ thành xã Sen Phương, hợp nhất xã

Xuân Phú và xã Cẩm Đình thành xã Xuân Đình. Quận Hai Bà Trưng có 18 phường, huyện Phú Xuyên có 2 thị trấn và 25 xã, huyện Phúc Thọ có 1 thị trấn và 20 xã.

Ngày 27/4/2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1263/NQ-UBTVQH14 về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính giữa các quận Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm và Nam Từ Liêm thuộc thành phố Hà Nội, theo đó: điều chỉnh địa giới hành chính một phần nhỏ của các quận Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm và Cầu Giấy. Từ đó đến nay, thành phố Hà Nội hoạt động ổn định với 30 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 12 quận, 17 huyện và 1 thị xã; và 579 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 383 xã, 175 phường, 21 thị trấn.

2. Số lượng ĐVHC các cấp của thành phố Hà Nội đến thời điểm 31/12/2022

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, thành phố Hà Nội có 30 đơn vị hành chính cấp huyện và 579 đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể:

- 12 quận: Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Đống Đa, Hà Đông, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Tây Hồ, Thanh Xuân.

- 17 huyện: Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Mê Linh, Mỹ Đức, Phúc Thọ, Phú Xuyên, Quốc Oai, Sóc Sơn, Thạch Thất, Thanh Oai, Thanh Trì, Ứng Hòa, Thường Tín.

- 01 thị xã: thị xã Sơn Tây.

- 579 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 383 xã, 175 phường, 21 thị trấn.

II. ĐVHC CÁC CẤP CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Thành phố Hà Nội

1.1. Diện tích tự nhiên

Theo số liệu thống kê đất đai¹ tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, diện tích tự nhiên của thành phố Hà Nội là **3.359,84** km².

1.2. Quy mô dân số

Theo số liệu quản lý dữ liệu dân cư² tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, quy mô dân số (gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi) của thành phố Hà Nội là **8.137.830** người, trong đó dân số thường trú là 7.245.392 người và dân số tạm trú quy đổi là 892.438 người.

1.3. Các chỉ tiêu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của thành phố Hà Nội³

¹ Công văn số 2115/STNMT-ĐKTKĐĐ ngày 30/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

² Công văn số 1875/CAHN ngày 07/3/2023 của Công an thành phố Hà Nội.

³ Báo cáo số 711/BC-CTK ngày 26/12/2023 của Cục Thống kê thành phố Hà Nội.

Nhìn chung năm 2022, kinh tế - xã hội của thành phố phục hồi tích cực và đạt kết quả quan trọng, khá toàn diện. Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của thành phố năm 2022 tăng 8,89% so với năm 2021, vượt kế hoạch đề ra (7,0% - 7,5%) và là mức tăng cao trong nhiều năm gần đây, thể hiện sự quyết tâm của Đảng bộ và chính quyền Thành phố, sự nỗ lực, cố gắng của doanh nghiệp và sự đồng lòng của toàn thể Nhân dân Thủ đô trong thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt, đẩy mạnh phục hồi, phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

+ Ngành thương mại và du lịch năm 2022, tăng 10,06% so với năm 2021, đóng góp 6,44% vào mức tăng GRDP. Trong năm các hoạt động kinh doanh, du lịch, nhà hàng, khách sạn, vận tải, văn hóa, thông tin... được đẩy mạnh trong trạng thái bình thường mới, tạo đà phục hồi ngành thương mại, dịch vụ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ cả năm tăng 25,2% so với năm trước, mức tăng cao nhất trong nhiều năm gần đây; tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng 14,9%; thu hút khách du lịch gấp 2,4 lần năm 2021.

+ Ngành công nghiệp và xây dựng năm 2022 tăng 7,74% so với năm 2021, đóng góp 1,75 điểm % vào mức tăng GRDP, trong đó ngành công nghiệp tăng 8,03%, đóng góp 1,14 điểm %. Năm 2022, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò quan trọng với mức tăng 8,11%, đóng góp 1,04 điểm % nhờ các doanh nghiệp sản xuất đã nối lại chuỗi cung ứng bị gián đoạn. Ngành xây dựng năm 2022 tăng 7,26% so với năm trước, đóng góp 0,62 điểm % vào tăng GRDP (năm 2021 tăng 1,37%).

+ Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2022 tăng 2,58% so với năm trước, đóng góp 0,06 điểm % vào mức tăng GRDP. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm năm 2022 tăng 5,67% so với năm 2021, chiếm 0,64 điểm % mức tăng GRDP chung.

Quy mô GRDP năm 2022 theo giá hiện hành đạt 1.196 nghìn tỷ đồng. GRDP bình quân đầu người đạt 141,8 triệu đồng, tăng 10,6% so với năm 2021. Cơ cấu GRDP năm 2022: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 2,08% GRDP; ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 24,04%; khu vực thương mại và du lịch chiếm 63,22%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,66% (Cơ cấu GRDP năm 2021 tương ứng là: 2,27%; 24,31%; 62,46% và 10,96%).

Quốc phòng, an ninh: năm 2022, thành phố Hà Nội đã hoàn thành toàn diện nhiệm vụ, chỉ tiêu công tác quân sự, quốc phòng trên địa bàn; trong đó có nhiều nội dung hoàn thành tốt. Điển hình như tập trung xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ thành phố vững mạnh, đi vào chiều sâu; việc quy hoạch quốc phòng, quản lý nhà nước về quốc phòng được chú trọng; duy trì nghiêm nề nếp sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị, quân sự quan trọng diễn ra trên địa bàn. Cùng với đó, công tác tuyên truyền và tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm được đẩy mạnh. Song song với đó, các cấp, ngành, địa phương coi

trọng kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường đầu tư, bảo đảm về quốc phòng, góp phần nâng cao khả năng huy động nguồn lực của thành phố cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đúng với quan điểm: Mỗi bước phát triển kinh tế - xã hội là bước tăng cường củng cố về quốc phòng và an ninh.

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện

2.1. Số lượng ĐVHC cấp huyện: 30 ĐVHC cấp huyện, trong đó:

- ĐVHC quận: 12 quận (Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Đống Đa, Hà Đông, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Tây Hồ, Thanh Xuân).

- ĐVHC huyện: 17 huyện (Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Mê Linh, Mỹ Đức, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Quốc Oai, Sóc Sơn, Thạch Thất, Thanh Oai, Thanh Trì, Thường Tín, Ứng Hòa).

- ĐVHC thị xã: 01 thị xã (thị xã Sơn Tây).

2.2. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp: 01 đơn vị (quận Hoàn Kiếm)

2.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: 01 đơn vị (quận Hoàn Kiếm)

Lý do: quận Hoàn Kiếm là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế và văn hoá của thành phố Hà Nội. Quận có địa giới hành chính ổn định, hình thành trước năm 1945, có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, vị trí địa lý, gắn với truyền thống lịch sử hình thành của thành Đại La, Thăng Long, Đông Đô, của Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến. Khu phố cổ gồm 10 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bò, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, có 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX.

Quy hoạch xung quanh hồ Hoàn Kiếm là một chỉnh thể có yếu tố đặc thù, kế thừa lịch sử, văn hóa, kiến trúc được chia ra làm 3 khu vực chính: khu phố cổ, khu vực hồ Gươm và phụ cận, khu phố cũ đã giữ hình thái ổn định từ năm 1990 đến nay. Từ năm 1995, Trung ương và Thành phố đã phê duyệt 04 Đề án quy hoạch dành riêng cho khu vực này (01 quy hoạch của Bộ Xây dựng; 01 quy hoạch của Thành phố; 01 Quy chế quản lý và 01 quy hoạch phân khu) để khẳng định tầm quan trọng vị trí đặc biệt cần bảo tồn, gìn giữ đối với khu phố cổ Hà Nội thuộc quận Hoàn Kiếm.

Nếu thực hiện sắp xếp quận sẽ mất đi các giá trị lịch sử văn hóa, truyền thống và quá trình hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội, đồng thời sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong thời gian tới.

2.4. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp: không có.

2.5. Số lượng ĐVHC cấp huyện liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: không có.

Trong giai đoạn 2023 - 2025, thành phố Hà Nội có 01 quận thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp. Ngoài việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện theo Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 117/NQ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội hiện đang thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 16-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội với nhiệm vụ “*Phấn đấu đến năm 2025 có ít nhất 03 - 05 huyện và đến năm 2030 có thêm 01 - 02 huyện phát triển thành quận*”, xây dựng đồng thời các đề án, cụ thể:

- Thành lập quận Đông Anh và các phường thuộc quận Đông Anh, thành phố Hà Nội đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/07/2023.

- Thành lập quận Gia Lâm và các phường thuộc quận Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thông qua tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 22/9/2023. Tuy nhiên, việc sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn huyện Gia Lâm sẽ được thực hiện trong đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Hà Nội giai đoạn 2023 - 2025.

- Các huyện Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng đang triển khai công tác xây dựng đề án thành lập quận và các phường thuộc quận.

3. Số lượng ĐVHC cấp xã

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã: 579 xã, phường, thị trấn, trong đó

- ĐVHC xã: 383 đơn vị;
- ĐVHC phường: 175 đơn vị;
- ĐVHC thị trấn: 21 đơn vị.

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025: 173 ĐVHC trong đó:

- ĐVHC xã: 79 đơn vị;
- ĐVHC phường: 87 đơn vị;
- ĐVHC thị trấn: 07 đơn vị.

3.3. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: 73 ĐVHC, trong đó:

- ĐVHC xã: 16 đơn vị;

- ĐVHC phường: 55 đơn vị;
- ĐVHC thị trấn: 02 đơn vị.

3.4. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: 15 ĐVHC, trong đó:

- ĐVHC xã: 10 đơn vị;
- ĐVHC phường: 04 đơn vị;
- ĐVHC thị trấn: 01 thị trấn.

3.5. Số lượng ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: 44 ĐVHC, trong đó:

- ĐVHC xã: 35 đơn vị;
- ĐVHC phường: 06 đơn vị;
- ĐVHC thị trấn: 03 đơn vị.

III. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp: 01 đơn vị, cụ thể:

1.1. Quận Hoàn Kiếm

1.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Quận Hoàn Kiếm là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế và văn hoá của thành phố Hà Nội.

+ Quận có địa giới hành chính ổn định, hình thành trước năm 1945, có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, vị trí địa lý, gắn với truyền thống lịch sử hình thành của thành Đại La, Thăng Long, Đông Đô, của Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến. Khu phố cổ gồm 10 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bồ, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, có 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX.

+ Quy hoạch xung quanh hồ Hoàn Kiếm là một chỉnh thể có yếu tố đặc thù, kế thừa lịch sử, văn hóa, kiến trúc được chia ra làm 3 khu vực chính: khu phố cổ, khu vực hồ Gươm và phụ cận, khu phố cũ đã giữ hình thái ổn định từ năm 1990 đến nay. Từ năm 1995, Trung ương và Thành phố đã phê duyệt 04 Đề án quy hoạch dành riêng cho khu vực này (01 quy hoạch của Bộ Xây dựng; 01 quy hoạch của Thành phố; 01 Quy chế quản lý và 01 quy hoạch phân khu) để khẳng định tầm quan trọng vị trí đặc biệt cần bảo tồn, gìn giữ đối với khu phố cổ Hà Nội thuộc quận Hoàn Kiếm.

+ Nếu thực hiện sáp nhập quận sẽ mất đi các giá trị lịch sử văn hóa, truyền thống và quá trình hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội, đồng thời sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong thời gian tới.

1.1.2. Diện tích tự nhiên: 5,34 km².

1.1.3. Quy mô dân số: 212.921 người.

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.004 người, chiếm tỷ lệ 0,47%.

1.1.5. Số ĐVHC trực thuộc: 18 phường.

1.1.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.7. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: quận Ba Đình, quận Hai Bà Trưng, quận Đống Đa, quận Long Biên.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: 01 đơn vị, cụ thể:

2.1. Quận Hoàn Kiếm

2.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Quận Hoàn Kiếm là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế và văn hoá của thành phố Hà Nội.

+ Quận có địa giới hành chính ổn định, hình thành trước năm 1945, có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, vị trí địa lý, gắn với truyền thống lịch sử hình thành của thành Đại La, Thăng Long, Đông Đô, của Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến. Khu phố cổ gồm 10 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bồ, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, có 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX.

+ Quy hoạch xung quanh hồ Hoàn Kiếm là một chỉnh thể có yếu tố đặc thù, kế thừa lịch sử, văn hóa, kiến trúc được chia ra làm 3 khu vực chính: khu phố cổ, khu vực hồ Gươm và phụ cận, khu phố cũ đã giữ hình thái ổn định từ năm 1990 đến nay. Từ năm 1995, Trung ương và Thành phố đã phê duyệt 04 Đề án quy hoạch dành riêng cho khu vực này (01 quy hoạch của Bộ Xây dựng; 01 quy hoạch của Thành phố; 01 Quy chế quản lý và 01 quy hoạch phân khu) để khẳng định tầm quan trọng vị trí đặc biệt cần bảo tồn, gìn giữ đối với khu phố cổ Hà Nội thuộc quận Hoàn Kiếm.

+ Nếu thực hiện sáp nhập quận sẽ mất đi các giá trị lịch sử văn hóa, truyền thống và quá trình hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội,

đồng thời sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong thời gian tới.

2.1.2. Diện tích tự nhiên: 5,34 km²

2.1.3. Quy mô dân số: 212.921 người

2.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.004 người, chiếm tỷ lệ 0,47%.

2.1.5. Số ĐVHC trực thuộc: 18 phường.

2.1.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

2.1.7. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: quận Ba Đình, quận Hai Bà Trưng, quận Đống Đa, quận Long Biên.

3. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp

Không có.

4. Hiện trạng ĐVHC cấp huyện liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp

Không có.

IV. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp: 173 xã, phường, thị trấn, trong đó: 79 xã, 87 phường, 07 thị trấn.

1.1. Quận Ba Đình

1.1.1. Phường Phúc Xá

1.1.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là một đơn vị hành chính đặc thù của quận Ba Đình, nằm hoàn toàn ở khu vực ngoài đê sông Hồng (trong không gian thoát lũ); phường có vị trí biệt lập với các phường khác của quận (cửa khẩu Tân Ấp và Long Biên là lối ra vào chính của Phúc Xá).

+ Có vị trí trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Phường có đặc điểm về truyền thống lịch sử đấu tranh yêu nước và cách mạng của nhân dân Phúc Xá gắn liền với lịch sử Đảng và lịch sử dân tộc. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân Phúc Xá đã kiên cường bám trụ bảo vệ vững chắc địa phương, tích cực chiến đấu và phục vụ chiến đấu, giam chân giặc Pháp trong thành phố; nuôi dưỡng cán bộ hoạt động cách mạng, trực tiếp tham gia tổ chức phong trào công nhân, cùng nhân dân Thủ đô đứng lên làm cuộc Cách mạng tháng Tám, xây dựng trận tuyến vững chắc và cùng lực lượng tự vệ bảo vệ đường rút của Trung đoàn Thủ đô đầu năm 1947. Đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhân dân Phúc Xá lại tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước, anh dũng,

bất khuất trên cả hai mặt trận tuyến tuyến và hậu phương, vừa chi viện sức người, sức của cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước, vừa cùng quân dân Hà Nội xây dựng, bảo vệ Thủ đô, đồng thời đẩy mạnh phát triển sản xuất.

+ Phường được quy hoạch nằm trong phân khu đô thị sông Hồng đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 với các nội dung đáp ứng quy chuẩn xây dựng Việt Nam là một đơn vị tương đương đơn vị hành chính độc lập.

1.1.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,89 km².

1.1.1.3. Quy mô dân số: 18.679 người.

1.1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 25 người; chiếm tỷ lệ 0,13%.

1.1.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Trúc Bạch, Nguyễn Trung Trực (quận Ba Đình); các phường: Phúc Tân, Đồng Xuân (quận Hoàn Kiếm); phường Yên Phụ (quận Tây Hồ); các phường: Ngọc Thụy, phường Ngọc Lâm (quận Long Biên).

1.1.2. Phường Điện Biên

1.1.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường thuộc địa bàn A1, trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Phường Điện Biên thuộc trung tâm chính trị và hành chính của Thủ đô Hà Nội, là nơi đặt trụ sở của các cơ quan Trung ương của Đảng và Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và là nơi diễn ra các hoạt động đối nội, đối ngoại quan trọng nhất của đất nước.

+ Trên địa bàn phường có nhiều cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, nhà riêng các đồng chí Lãnh đạo cao cấp, địa bàn có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, cơ quan quan trọng, nhiều mục tiêu bảo vệ, như: Lăng, quảng trường lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, tượng đài các anh hùng liệt sỹ, Hội trường Quốc hội, Trung tâm Hội nghị Quốc tế 11 Lê Hồng Phong, Nhà khách của Trung ương Đảng, Chính phủ ở số 8, số 10 phố Chu Văn An, Văn phòng Quốc hội 22 Hùng Vương, Công viên Lenin, Cột cờ Hà Nội, và nhiều cơ quan như: Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp..., có 19 Đại sứ quán, nhiều văn phòng đại diện và nhà riêng của các Đại sứ quán trên địa bàn. Đáng chú ý là Đại sứ quán Trung quốc, Séc....

1.1.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,94 km².

1.1.2.3. Quy mô dân số: 8.999 người.

1.1.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 128 người; chiếm tỷ lệ 1,42%.

1.1.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Kim Mã, Đội Cấn, Quán Thánh, Ngọc Hà (quận Ba Đình); các phường: Văn Miếu, Quốc Tử Giám, Cát Linh (quận Đống Đa); các phường: Cửa Đông, Cửa Nam (quận Hoàn Kiếm).

1.1.3. Phường Quán Thánh

1.1.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Phường có yếu tố đặc thù về truyền thống, lịch sử, văn hóa riêng biệt: Quán Thánh vốn là tên một ngôi đền Quán Thánh có từ thời Lý (1102) một trong tứ trấn (trấn Bắc) của Thành Thăng Long xưa, di tích văn hóa lịch sử nổi tiếng của Thủ đô Hà Nội (đền Quán Thánh được công nhận là di tích Quốc gia đặc biệt). Quán Thánh cũng là tên một đường phố chính - phố Quán Thánh (có từ năm 1888); có một phần Hoàng thành Thăng Long được UNESCO công nhận là di sản Văn hoá thế giới, trung tâm du lịch Quốc gia.

+ Trên địa bàn phường là nơi có trụ sở các cơ quan Trung ương Đảng, Quốc hội, Bộ Quốc phòng và nhà công vụ của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Trên địa bàn thường xuyên diễn ra các Hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các kỳ họp của Quốc hội cũng như các hoạt động đối nội, đối ngoại của các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Thường xuyên có các đoàn khiếu kiện tập trung đông người từ các địa phương trên cả nước.

1.1.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,77 km².

1.1.3.3. Quy mô dân số: 7.700 người.

1.1.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 23 người; chiếm tỷ lệ 0,30%.

1.1.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường Trúc Bạch, Ngọc Hà, Nguyễn Trung Trực, Điện Biên (quận Ba Đình); phường Hàng Mã (quận Hoàn Kiếm); phường Thụy Khuê (quận Tây Hồ).

1.1.4. Phường Đội Cấn

1.1.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng. Phường có khu di tích Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; có khu di tích quốc gia đặc biệt là Khu Lưu niệm Phủ Chủ tịch; Bảo tàng Hồ Chí Minh; Bảo tàng Chiến thắng B52; di tích chùa Một Cột, Đình Vạn Phúc là Đình Hàng Tổng.

+ Phường có yếu tố đặc thù về truyền thống, lịch sử: vùng đất phường Đội Cấn ngày nay thuộc vùng đất của Thập Tam Trại cổ xưa, một vùng đất ở phía Tây kinh thành Thăng Long được lập nên từ thế kỷ X do một vị dũng sĩ họ Hoàng người làng Lê Mật khai hoang. Vùng đất của phường thuộc Đông Bắc tổng Nội là phần quan trọng nhất của Thập Tam Trại, không chỉ có cảnh sinh hoạt trù phú mà còn chứa đựng một lượng lớn vết tích về lịch sử thành lập kinh thành Thăng Long từ thế kỷ thứ IX đến thế kỷ thứ XIV. Qua các thăng trầm lịch sử, đến nay trên địa bàn phường vẫn còn nhiều di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng như: chùa Một Cột, chùa Bát Tháp và đình Vạn Phúc.

1.1.4.2. Diện tích tự nhiên: 0,40 km².

1.1.4.3. Quy mô dân số: 14.726 người.

1.1.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 17 người; chiếm tỷ lệ 0,12%.

1.1.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Liễu Giai, Ngọc Hà, Kim Mã, Điện Biên (quận Ba Đình).

1.1.5. Phường Ngọc Hà

1.1.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc Phòng. Phường có ý tố đặc thù về truyền thống, lịch sử: phường Ngọc Hà xưa kia là phần đất của Thập Tam Trại, gồm có 5 làng cổ: Ngọc Hà, Hữu Tiệp, Khán Xuân, Đại Yên, Vĩnh Phúc; Phường có Khu di tích lịch sử Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Phủ Chủ tịch, nơi tiếp đón các đoàn ngoại giao quốc tế; nhà 67, nơi Bác Hồ sống, làm việc và trút hơi thở cuối cùng. Phường có nhiều di tích lịch sử - văn hóa phi vật thể và vật thể (có 04 di tích cấp quốc gia, 04 di tích cấp thành phố), tiêu biểu là các di tích, như: Hồ Hữu Tiệp và máy bay B52 được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia; Đình Ngọc Hà được xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa quốc gia; đền Đồng Nước được xếp hạng di tích nghệ thuật quốc gia; đình Đại Yên, đình Hữu Tiệp, đền Cát Triệu, chùa Bát Mẫu, đền Núi Sưa...

+ Trên địa bàn phường có nhiều cơ quan, đơn vị như: Văn phòng Chính phủ; Bộ Nông nghiệp; Trung đoàn 600; Bộ Tư lệnh cảnh vệ. Do vậy, ngoài số dân cư trú trên địa bàn, hàng ngày còn có hàng nghìn cán bộ, công chức, chiến sỹ các cơ quan trên làm việc trên địa bàn.

1.1.5.2. Diện tích tự nhiên: 0,82 km².

1.1.5.3. Quy mô dân số: 20.462 người.

1.1.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 27 người; chiếm tỷ lệ 0,13%.

1.1.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Quán Thánh, Liễu Giai, Đội Cấn, Điện Biên (quận Ba Đình), phường Thụy Khuê (quận Tây Hồ).

1.1.6. Phường Liễu Giai

1.1.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng. Phường Liễu Giai được tách ra từ phường Cống Vị và sáp nhập một phần địa giới hành chính cũ của phường Ngọc Hà theo Nghị định số 02/2005/NĐ-CP ngày 05/01/2005 của Chính phủ. Phường thuộc một trong 13 làng trại của Thập Tam Trại có giá trị lịch sử hình thành từ thời phong kiến.

+ Phường có yếu tố đặc thù về truyền thống, lịch sử: đất Liễu Giai là nơi có giá trị lịch sử được lưu lại qua các di tích lịch sử - văn hóa, mà tiêu biểu là các ngôi đình, đền, chùa như: đình Liễu Giai thuộc trại Liễu Giai nằm trong tổng Nội, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên, Đình Liễu Giai được công nhận và quyết định xếp hạng di tích lịch sử văn hóa; Đền Liễu Giai thuộc trại Liễu Giai thờ Mẫu Ngọc Nương tôn linh Thủy tinh công chúa - Thượng đẳng Phúc Thần, cùng chung thờ với đền Đồng Nước. Đền Liễu Giai xây từ thời nhà Trần, còn giữ được cuốn thần phả do quan Hàn Lâm đông các đại học sĩ Nguyễn Bính Phụng soạn vào năm 1572 và một đạo sắc phong thời Thành Thái nguyên niên ngày 18/11. Đền Liễu Giai được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận và quyết định xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật. Đình Vĩnh Phúc thuộc trại Vĩnh Phúc, xưa có tên là Vĩnh Khánh. Đình đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận và xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia.

1.1.6.2. Diện tích tự nhiên: 0,68 km².

1.1.6.3. Quy mô dân số: 19.805 người.

1.1.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 76 người; chiếm tỷ lệ 0,38%.

1.1.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Ngọc Hà, Đội Cấn, Vĩnh Phúc, Ngọc Khánh, Kim Mã (quận Ba Đình), phường Thụy Khuê (quận Tây Hồ).

1.1.7. Phường Vĩnh Phúc

1.1.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Trên địa bàn phường có các cơ quan đơn vị lực lượng vũ trang: Bộ Tư lệnh Pháo binh, Bộ Tư lệnh Công binh, Tiểu đoàn Kiểm soát quân sự 103 và 2 bệnh viện cấp Trung ương là: Bệnh viện Phổi Trung ương và

Bệnh viện Quân y 354 (bệnh viện cấp 1 của Bộ Quốc phòng). Ngoài ra còn có khu tập thể Nhà công vụ 130 Đốc Ngữ, là nơi sinh sống của các đồng chí Ủy viên Bộ chính trị và các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Phường mới được tách ra từ phường Cống Vị theo Nghị định số 02/2005/NĐ-CP, ngày 05/01/2005 của Chính phủ hiện nay đang ổn định. Phường thuộc một trong 13 làng trại của Thập Tam Trại có giá trị lịch sử hình thành từ thời phong kiến.

1.1.7.2. Diện tích tự nhiên: 0,71 km².

1.1.7.3. Quy mô dân số: 22.967 người.

1.1.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 127 người; chiếm tỷ lệ 0,55%.

1.1.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Liễu Giai, Cống Vị (quận Ba Đình), phường Bưởi (quận Tây Hồ), phường Nghĩa Đô (quận Cầu Giấy).

1.1.8. Phường Cống Vị

1.1.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Cống Vị là một làng trại trong “Thập Tam Trại” - vùng đất phía tây kinh thành Thăng Long xưa. Qua những nghiên cứu, khảo sát của khảo cổ học, các nhà khoa học đã khẳng định đây là khu vực đã có cư dân sinh sống liên tục từ thời đại đồng thau đến nay. Thập Tam Trại đã từng nằm trọn trong phạm vi của Hoàng thành Thăng Long, khu vực được Nhà nước phong kiến rất quan tâm bảo vệ. Phường được hình thành chủ yếu bởi 4 làng cổ là: Cống Vị, Kim Mã Thượng, Vạn Phúc và một phần của làng Thủ Lệ, với những đặc điểm văn hóa xã hội đặc trưng riêng, là những làng trại trong 13 làng trại của Thập Tam Trại có giá trị lịch sử hình thành từ thời phong kiến. Hiện trên địa bàn phường còn bảo tồn 2 di tích lịch sử văn hóa cấp Thành phố là Đình Kim Mã Thượng và Đình Cống Vị. Trên địa bàn phường hiện có một số cơ quan quan trọng của Nhà nước, cơ quan ngoại giao như: Cục văn thư lưu trữ Quốc gia; Trung tâm lưu trữ Quốc gia 3; Viện Vật lý; Đại sứ quán Australia. Ngoài ra còn có trụ sở của Tổng Công ty kinh tế, kỹ thuật Quốc phòng (GAET), một phần doanh trại của Bộ Tư lệnh bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1.1.8.2. Diện tích tự nhiên: 0,53 km².

1.1.8.3. Quy mô dân số: 17.478 người.

1.1.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 24 người; chiếm tỷ lệ 0,14%.

1.1.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Liễu Giai, Ngọc Khánh, Vĩnh Phúc (quận Ba Đình), phường Quan Hoa (quận Cầu Giấy).

1.1.9. Phường Giảng Võ

1.1.9.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: phường Giảng Võ nằm ở phía tây thành phố Hà Nội, được giới hạn bởi các tuyến đường: Giảng Võ, Kim Mã, Núi Trúc, La Thành, Nguyễn Chí Thanh. Là một làng cổ ra đời đã hơn 900 năm, thời Vua Lý Thái Tổ rời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về Thăng Long. Cùng với Liễu Giai, Ngọc Hà, Kim Mã... thành “Thập tam trại” ở phía tây kinh thành. Ngày đó Vua Lý Anh Tông (1138 - 1175), đã cho lập Giảng Võ Trường, là nơi huấn luyện quân sự, võ nghệ. Sang đến thời Trần, trường Giảng Võ chuyển đi nơi khác, chỉ còn Võ trại và tên Giảng Võ gắn với Giảng Võ đường có từ ngày đó. Giảng Võ Đường là nơi tập luyện của quân sỹ triều đình. Năm 1983, khi đào hồ Giảng Võ, các nhà khảo cổ đã thu được rất nhiều binh khí thời xưa.

+ Phường Giảng Võ tiền thân là Tiểu khu Giảng Võ. Tiểu khu Giảng Võ gồm làng Giảng Võ và khu chung cư nằm trên cánh đồng làng. Trước năm 1973, Giảng Võ là một làng ven đô, cư dân sinh sống chủ yếu là nghề nông (trồng lúa, rau), nhà cửa hầu hết là cấp 4 với nếp sinh hoạt như các làng cổ ở đồng bằng Bắc bộ. Phường được phân bổ thành 2 khu vực: khu cao tầng lắp ghép và khu làng Giảng Võ. Phường có đình Giảng Võ - di tích lịch sử cấp Quốc gia được xây dựng từ Thế kỷ XV. Hiện nay, phường đang thực hiện dự án xây dựng đường Vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục. Trên địa bàn phường hiện có đơn nguyên 3 nhà C8 - nhà chung cư nguy hiểm cấp độ D đang thực hiện di dời theo Nghị quyết và Chỉ thị 15 của Thành ủy Hà Nội. Ngoài ra, phường đang thực hiện Chương trình số 03-CTr/TU của Thành ủy về “*Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị giai đoạn 2021 - 2025*”, thực hiện cải tạo xây dựng lại chung cư cũ, sau khi thực hiện xong dự kiến dân cư sẽ tăng đột biến tại địa phương.

+ Có yếu tố đặc thù về tôn giáo: Trên địa bàn phường có họ Đạo Giảng Võ thuộc Giáo xứ Hàng Bột ở 766 La Thành, vào các ngày thứ Bảy, chủ Nhật hàng tuần là nơi hành Lễ của hàng nghìn giáo dân các nơi về sinh hoạt tôn giáo, tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp về an ninh - trật tự, trật tự - an toàn, xã hội.

1.1.9.2. Diện tích tự nhiên: 0,61 km².

1.1.9.3. Quy mô dân số: 22.422 người.

1.1.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 19 người; chiếm tỷ lệ 0,08%.

1.1.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Kim Mã, Ngọc Khánh, Thành Công (quận Ba Đình); phường Cát Linh (quận Đống Đa); phường Bưởi (quận Tây Hồ); phường Nghĩa Đô (quận Cầu Giấy).

1.1.10. Phường Thành Công

1.1.10.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Xa xưa vùng đất này thuộc phường Công Bộ (1176 - 1210), thời Lê đổi thành Nhượng Công. Từ ngày Thủ đô giải phóng năm 1945, Thành Công thuộc xã Trung Thành (quận V); sau cải cách ruộng đất Thành Công thuộc xã Thống Nhất (quận VI); tháng 6/1961, Thành Công thuộc khu phố Ba Đình. Ngày 02/12/1974 - 1978 khu phố Ba Đình thành lập các tiểu khu ở nội thành, tiểu khu Giảng Võ được thành lập gồm làng Giảng Võ và Thành Công. Từ năm 1979 Thành Công tách khỏi Giảng Võ trở thành tiểu khu Thành Công. Đến tháng 6 năm 1981 các tiểu khu đổi thành phường, phường Thành Công chính thức được xác lập.

+ Được hình thành bởi 01 làng cổ và 87 nhà tập thể, chung cư, trong đó: 01 nhà 27 tầng; 01 nhà 18 tầng; 03 nhà 6 tầng; 68 nhà 5 tầng; 04 nhà 4 tầng; 05 nhà 3 tầng; 08 nhà 2 tầng. Hiện nay phường đang thực hiện Chương trình số 03-CTr/TU của Thành ủy về “*Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị giai đoạn 2021 - 2025*”, thực hiện cải tạo xây dựng lại chung cư cũ. Ngoài ra, trên địa bàn phường có nhiều cơ quan, doanh nghiệp, khách sạn: Công ty may Chiến Thắng, Trung tâm Chiếu phim quốc gia, 5 khách sạn lớn, đại sứ quán Hoa Kỳ, các cơ sở sản xuất dịch vụ, cửa hàng, cửa hiệu...dự báo dân số cơ học trong thời gian tới trên địa bàn phường sẽ tăng nhanh. Trên địa bàn phường thường xuyên có các buổi làm việc của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, cũng như cơ quan ngoại giao.

1.1.10.2. Diện tích tự nhiên: 0,64 km².

1.1.10.3. Quy mô dân số: 20.910 người.

1.1.10.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 75 người; chiếm tỷ lệ 0,36%.

1.1.10.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.10.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Ngọc Khánh, Giảng Võ (quận Ba Đình); các phường: Cát Linh, Trung Liệt, Láng Hạ, Ô Chợ Dừa (quận Đống Đa).

1.1.11. Phường Kim Mã

1.1.11.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Trước năm 1945 các làng Vạn Phúc, Kim Mã, Xuân Biều thuộc Đại lý Hoàn Long của Hà Nội. Từ năm 1954 - 1960, các làng này thuộc quận VI ngoại thành Hà Nội. Đến năm 1961, làng Vạn Phúc, Kim Mã, Xuân Biều thuộc khu phố Ba Đình nội thành Hà Nội. Cuối năm 1974 được tổ chức lại thành 3 tiểu khu: Vạn Phúc, Kim Mã và Lê Trực. Mỗi tiểu khu có một

Ban đại diện hành chính, Ban bảo vệ và chi bộ Đảng. Đầu năm 1979, thực hiện Nghị quyết số 810 ngày 09/01/1979 của Thành ủy Hà Nội, tiểu khu Kim Mã được thành lập trên cơ sở hợp nhất 2 tiểu khu Vạn Phúc, tiểu khu Kim Mã và 1 phần tiểu khu Lê Trực. Ngày 03/01/1981, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành quyết định tên gọi thống nhất các đơn vị hành chính trong nội thành là Quận và Phường. Phường có chức năng, nhiệm vụ quản lý hành chính Nhà nước, quản lý xã hội, quản lý và chăm lo phục vụ đời sống Nhân dân. UBND phường là cấp kế hoạch và ngân sách. Theo đó UBND thành phố Hà Nội Quyết định Khu phố Ba Đình đổi thành quận Ba Đình, tiểu khu Kim Mã đổi thành phường Kim Mã.

Trên địa bàn phường có nhiều cơ quan, đơn vị, xí nghiệp của Trung ương, Thành phố (22 cơ quan Nhà nước, 35 doanh nghiệp, 450 cơ sở kinh doanh dịch vụ); Có 04 trường học từ bậc mầm non đến trung học cơ sở, Trường Đại học Y tế Công cộng. Có 03 di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia: chùa Kim Sơn, Đình Kim Mã; xếp hạng cấp thành phố Hà Nội có: đình Xuân Biều. Vì vậy, trong thời gian tới, phường Kim Mã dân số cơ học sẽ tăng cao. Hiện nay đang phường xây dựng khu phố an toàn, đảm bảo phát huy giá trị văn hoá, du lịch, kinh tế, đô thị.

1.1.11.2. Diện tích tự nhiên: 0,48 km².

1.1.11.3. Quy mô dân số: 13.155 người.

1.1.11.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 16 người; chiếm tỷ lệ 0,12%.

1.1.11.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.11.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Điện Biên, Ngọc Khánh, Giảng Võ, Đội Cấn, Liễu Giai (quận Ba Đình), phường Cát Linh (quận Đống Đa).

1.1.12. Phường Ngọc Khánh

1.1.12.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: trên địa bàn phường có đền Voi Phục được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt tại Quyết định số 93/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt và thuộc thành phố Hà Nội - là Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trung tâm đầu não chính trị, hành chính của cả nước, đô thị loại đặc biệt; là trung tâm văn hóa, giáo dục đào tạo và khoa học kỹ thuật quan trọng của cả nước; là một trong những trung tâm kinh tế, du lịch, thương mại, dịch vụ của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Theo quy định tại khoản 3, Điều 9a, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì phường Ngọc Khánh được giảm 50% về quy mô

dân số. Do đó phường có quy mô dân số 22.835 người (đạt 304,47%) không thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

1.1.12.2. Diện tích tự nhiên: 1,01 km².

1.1.12.3. Quy mô dân số: 22.835 người.

1.1.12.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.1.12.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.12.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Công Vị, Liễu Giai, Kim Mã, Giảng Võ, Thành Công (quận Ba Đình), phường Quan Hoa (quận Cầu Giấy) phường Láng Thượng (quận Đống Đa).

1.1.13. Phường Trúc Bạch

1.1.13.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường nằm trên nền đất xưa vốn thuộc tổng Hữu Nghiêm (sau đổi là Yên Hòa), huyện Thọ Xương và các tổng Yên Thành, Nội, Thượng, Trung, huyện Vĩnh Thuận; có nhiều di tích lịch sử văn hoá và các đặc trưng giá trị văn hoá như đúc đồng Ngũ Xá... Hiện nay, phường đang thực hiện “*Đề án phát triển kinh tế ban đêm*” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 27/2/2020 và “*Đề án phát triển khu phố ẩm thực kết hợp đi bộ Đảo Ngọc Ngũ Xá*” đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt và xác định đây là điểm đến du lịch - ẩm thực của Thủ đô Hà Nội.

1.1.13.2. Diện tích tự nhiên: 0,50 km².

1.1.13.3. Quy mô dân số: 10.181 người.

1.1.13.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 12 người; chiếm tỷ lệ 0,12%.

1.1.13.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.13.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phúc Xá, Quán Thánh, Nguyễn Trung Trực (quận Ba Đình), phường Yên Phụ (quận Tây Hồ).

1.1.14. Phường Nguyễn Trung Trực

1.1.14.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: phường nằm trên nền đất xưa vốn thuộc tổng Hữu Nghiêm (sau đổi là Yên Hòa), huyện Thọ Xương. Khu vực này thời Pháp thuộc có nhiều người Hoa sinh sống, làm ăn; có nhiều đền, đình, chùa còn lưu giữ các kiến trúc Trung Hoa, tín ngưỡng người Trung Quốc; có nhiều di tích lịch sử văn hoá và các đặc trưng giá trị văn hoá như bánh cốm Hàng Than... Trên địa bàn phường có chùa Hoè Nhai đã được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa quốc gia...

1.1.14.2. Diện tích tự nhiên: 0,16 km².

1.1.14.3. Quy mô dân số: 6.601 người.

1.1.14.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 07 người; chiếm tỷ lệ 0,11%.

1.1.14.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.1.14.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phúc Xá, Trúc Bạch, Quán Thánh (quận Ba Đình), phường Đồng Xuân (quận Hoàn Kiếm).

1.2. Quận Cầu Giấy

1.2.1. Phường Quan Hoa

1.2.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Quy mô dân số lớn, dự báo dân số cơ học trong thời gian tới tiếp tục tăng cao; tốc độ phát triển đô thị, hạ tầng giao thông trong tương lai là rất lớn, nếu sắp xếp đơn vị hành chính sẽ gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý nhà nước và sinh hoạt của người dân.

1.2.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,89 km².

1.2.1.3. Quy mô dân số: 34.070 người.

1.2.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 435 người; chiếm tỷ lệ 1,28%.

1.2.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.2.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Yên Hòa, Dịch Vọng, Nghĩa Đô (quận Cầu Giấy), các phường: Ngọc Khánh, Cống Vị, Vĩnh Phúc (quận Ba Đình); phường Láng Thượng (quận Đống Đa).

1.2.2. Phường Nghĩa Tân

1.2.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Quy mô dân số lớn, dự báo dân số cơ học trong thời gian tới tiếp tục tăng cao; tốc độ phát triển đô thị, hạ tầng giao thông trong tương lai là rất lớn, nếu sắp xếp đơn vị hành chính sẽ gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý nhà nước và sinh hoạt của người dân.

1.2.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,68 km².

1.2.2.3. Quy mô dân số: 22.967 người.

1.2.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 122 người; chiếm tỷ lệ 0,53%.

1.2.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.2.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Dịch Vọng, Dịch Vọng Hậu, Nghĩa Đô (quận Cầu Giấy); phường Cổ Nhuế 1 (quận Bắc Từ Liêm).

1.3. Quận Đống Đa

1.3.1. Phường Văn Chương

1.3.1.1 Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có diện tích tự nhiên 0,33 km², có 14.141 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn. Số người dân ở trọ, kinh doanh trên địa bàn khoảng trên 4.150 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

+ Là một vùng đất cổ của kinh thành Thăng Long xưa; mảnh đất giàu truyền thống Cách mạng; nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc. Trải qua hàng ngàn năm biến thiên của lịch sử, Văn Chương vẫn lưu giữ được 05 quần thể di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, thành phố đó là: điện, đền, chùa Huy Văn; đình, chùa Linh Quang; chùa Bụt Mọc; đền Văn Chỉ; đình Lương Sứ. Phường đang trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa với dự án xây dựng Nhà ga S11 thuộc tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội góp phần kết nối, giảm thiểu ùn tắc giao thông.

1.3.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,33 km².

1.3.1.3. Quy mô dân số: 14.141 người.

1.3.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 21 người; chiếm tỷ lệ 0,15%.

1.3.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Quốc Tử Giám, Thổ Quan, Hàng Bột, Khâm Thiên, Văn Miếu (quận Đống Đa).

1.3.2. Phường Khâm Thiên

1.3.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.3.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,18 km².

1.3.2.3. Quy mô dân số: 8.918 người.

1.3.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.3.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Văn Chương, Văn Miếu, Trung Phụng, Thổ Quan.

1.3.3. Phường Trung Phụng

1.3.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.3.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,24 km².

1.3.3.3. Quy mô dân số: 13.283 người.

1.3.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 13 người; chiếm tỷ lệ 0,10%.

1.3.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Thổ Quan, Khâm Thiên, Phương Liên (quận Đống Đa).

1.3.4. Phường Thịnh Quang

1.3.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.3.4.2. Diện tích tự nhiên: 0,45 km².

1.3.4.3 Quy mô dân số: 15.948 người.

1.3.4.4 Số dân là người dân tộc thiểu số: 05 người; chiếm tỷ lệ 0,03%.

1.3.4.5 Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Láng Hạ, Trung Liệt, Ngã Tư Sở.

1.3.5. Phường Khương Thượng

1.3.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.3.5.2. Diện tích tự nhiên: 0,34 km².

1.3.5.3. Quy mô dân số: 13.251 người.

1.3.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 34 người; chiếm tỷ lệ 0,26%.

1.3.5.5 Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Ngã Tư Sở, Trung Liệt, Trung Tự, Phương Mai (quận Đống Đa).

1.3.6. Phường Ngã Tư Sở

1.3.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.3.6.2. Diện tích tự nhiên: 0,23 km².

1.3.6.3. Quy mô dân số: 7.121 người.

1.3.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 21 người; chiếm tỷ lệ 0,29%.

1.3.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.6.6 Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Thịnh Quang, Trung Liệt, Khương Thượng (quận Đống Đa).

1.3.7. Phường Hàng Bột

1.3.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Có yếu tố đặc thù về tôn giáo: trên địa bàn phường có Nhà thờ xứ Hàng Bột và nhà dòng tu dòng Thánh Phaolô tại địa chỉ 162 Tôn Đức Thắng. Nhà thờ giáo xứ Hàng Bột thường xuyên làm lễ phục vụ cho hàng nghìn lượt nhân dân theo đạo Thiên chúa giáo trên địa bàn phường Hàng Bột và các phường lân cận như phường Văn Chương, Quốc Tử Giám, Văn Miếu, Cát Linh... vào các ngày thứ Bảy và chủ Nhật hàng tuần. UBND phường thường xuyên phải chỉ đạo tổ chức chốt bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực cổng và trong khuôn viên nhà thờ. Ngoài việc phân luồng, hướng dẫn nhân dân lưu thông đảm bảo an toàn, thông suốt khi đến các khu vực nhà thờ trên địa bàn để đảm bảo an ninh, an toàn các hoạt động nghi lễ của các giáo dân.

+ Phường có yếu tố đặc thù về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Trên địa bàn phường có 02 di tích lịch sử là đình Thịnh Hào và đình Văn Hương. Đình Thịnh Hào được UBND thành phố Hà Nội cấp Bằng xếp hạng là di tích lịch sử nghệ thuật cấp thành phố năm 2016. Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ đã hy sinh trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của phường Hàng Bột cũng được xây dựng trong khuôn viên của Đình. Đình Văn Hương được UBND Thành phố Hà Nội công nhận là di tích lịch sử kiến trúc văn hóa nghệ thuật năm 2004.

1.3.7.2. Diện tích tự nhiên: 0,31 km².

1.3.7.3. Quy mô dân số: 19.513 người.

1.3.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 69 người; chiếm tỷ lệ 0,35%.

1.3.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Ô Chợ Dừa, Quốc Tử Giám, Văn Chương, Thổ Quan.

1.3.8. Phường Láng Hạ

1.3.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Trên địa bàn phường có 3 trường đại học (Đại học Luật Hà Nội, Học viện Hành chính quốc gia, Đại học Nghệ thuật Quân đội) với trên 9.000 sinh viên. Ngoài ra còn có các trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS, trường PTTH, trường trung cấp kỹ thuật tin học Hà Nội trên địa bàn phường. Có trên 60 cơ quan, đơn vị, nhiều công ty tư nhân, TNHH thuê văn phòng, địa điểm giao dịch, chợ Láng Hạ...

1.3.8.2. Diện tích tự nhiên: 0,96 km².

1.3.8.3. Quy mô dân số: 26.730 người.

1.3.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 148 người; chiếm tỷ lệ 0,55%.

1.3.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.8.6 Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Ô Chợ Dừa, Quốc Tử Giám, Văn Chương, Thổ Quan (quận Đống Đa).

1.3.9. Phường Nam Đồng

1.3.9.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Có yếu tố đặc thù về truyền thống, lịch sử, văn hóa: phường Nam Đồng trước đây gồm phần đất của phố Nam Đồng và phố Xã Đàn (trước đây là làng Nam Đồng và làng Xã Đàn). Làng Nam Đồng, đầu thế kỷ XIX có tên là trại Nam Đồng thuộc tổng Hạ, huyện Vĩnh Thuận. Đến đầu thế kỷ XX, Nam Đồng là một xã thuộc tổng An Hạ, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. Làng Xã Đàn ngày xưa có Xã Tắc dựng từ thời Lý Thái Tông. Xã Tắc là nơi hàng năm triệu đình tế Hậu Thổ (thần đất) và thần Nông (thần ngũ cốc).

+ Trên địa bàn phường Nam Đồng có 05 tuyến phố chính: phố Xã Đàn, phố Nguyễn Lương Bằng, phố Hồ Đắc Di, phố Trần Hữu Tước, phố Nam Đồng, 03 di tích lịch sử, 05 trường học và khu vực công viên hồ Xã Đàn.

1.3.9.2. Diện tích tự nhiên: 0,41 km².

1.3.9.3. Quy mô dân số: 12.986 người.

1.3.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 21 người; chiếm tỷ lệ 0,16%.

1.3.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Ô Chợ Dừa, Thổ Quan, Phương Liên, Trung Tự, Quang Trung (quận Đống Đa).

1.3.10. Phường Quang Trung

1.3.10.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù:

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

1.3.10.2. Diện tích tự nhiên: 0,41 km².

1.3.10.3. Quy mô dân số: 10.878 người.

1.3.10.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 58 người; chiếm tỷ lệ 0,53%.

1.3.10.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.10.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Ô Chợ Dừa, Nam Đồng, Trung Tự, Trung Liệt (quận Đống Đa).

1.3.11. Phường Phương Liên

1.3.11.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù:

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Ngày 18/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 93/QĐ-KGVX xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt của cả nước, trong đó có Di tích lịch sử .

1.3.11.2. Diện tích tự nhiên: 0,44 km².

1.3.11.3. Quy mô dân số: 14.920 người.

1.3.11.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 58 người; chiếm tỷ lệ 0,39%.

1.3.11.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: 2 người; chiếm tỷ lệ 0,01%.

1.3.11.6 Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Nam Đồng, Trung Phụng, Phương Mai, Kim Liên, Trung Tự (quận Đống Đa).

1.3.12. Phường Kim Liên

1.3.12.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Có yếu tố về văn hoá, lịch sử; nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và đặt viên gạch đầu tiên khi xây dựng những khu tập thể xã hội chủ nghĩa năm 1963.

1.3.12.2. Diện tích tự nhiên: 0,34 km².

1.3.12.3. Quy mô dân số: 14.466 người.

1.3.12.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 32 người; chiếm tỷ lệ 0,22%.

1.3.12.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.12.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Trung Tự, Phương Liên, Phương Mai (quận Đống Đa).

1.3.13. Phường Thổ Quan

1.3.13.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có diện tích tự nhiên 0,28 km², có quy mô dân số là 16.641 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn. Ngoài ra, số người dân lưu trú để kinh doanh và lao động trên địa bàn khoảng trên 4.500 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

Phường là một vùng đất cổ truyền thống lâu đời, lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống cốt lõi của dân tộc với sự tồn tại của 3 di tích được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích lịch sử văn hóa - nghệ thuật vào năm 1993. Ngoài ra, trên địa bàn phường có di tích lịch sử cách mạng kháng chiến ở địa chỉ 312 phố Khâm Thiên - nơi thành lập Đông Dương Cộng Sản Đảng. Việc đề xuất giữ nguyên phường nhằm đảm bảo ổn định tình hình dân cư và giữ vững truyền thống, văn hoá, lịch sử.

1.3.13.2. Diện tích tự nhiên: 0,28 km².

1.3.13.3. Quy mô dân số: 16.641 người.

1.3.13.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 44 người; chiếm tỷ lệ 0,26%.

1.3.13.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.13.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Hàng Bột, Văn Chương, Khâm Thiên, Trung Phụng, Phương Liên, Nam Đồng, Ô Chợ Dừa (quận Đống Đa).

1.3.14. Phường Cát Linh

1.3.14.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có diện tích tự nhiên 0,37 km², có 9.245 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn. Số người dân ở trọ, kinh doanh trên địa bàn khoảng trên 1.500 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

Trên địa bàn phường nhiều di tích lịch sử như sau: Khu di tích Lăng Phụng Hưng, Bích Câu Đạo Quán, Chùa An Quốc...; Bích Câu Đạo quán là một di tích của Đạo giáo Việt Nam nổi tiếng ở Hà Nội, thờ Chân nhân đắc đạo thành tiên. Xưa nơi đây thuộc thôn An Trạch, huyện Vĩnh Thuận, phủ Phụng Thiên. Ngoài ra, trên địa bàn phường đã và đang triển khai các dự án phát triển hạ tầng đô thị, đặc biệt là dự án đường sắt đô thị tuyến Nhổn - ga Hà Nội và tuyến đường sắt trên cao Cát Linh- Hà Đông. Tuyến Metro số 2A (Cát Linh - Hà Đông) hàng ngày vận chuyển 35.000 lượt khách, ngày cao điểm vận chuyển trên 50.000 lượt khách. Từ tuyến Metro này hành khách có thể kết nối với các tuyến Metro số 3 (Nhổn - Ga Hà Nội), BRT số 1 Kim Mã. Do vậy, phường Cát Linh là trung tâm kết nối các tuyến đường

sắt đô thị của Hà Nội, mật độ tham gia giao thông cao, đặt ra yêu cầu cao về công tác quản lý để đảm bảo tình hình an ninh, trật tự.

1.3.14.2. Diện tích tự nhiên: 0,37 km².

1.3.14.3. Quy mô dân số: 9.245 người.

1.3.14.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 55 người; chiếm tỷ lệ 0,59%.

1.3.14.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.14.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Ô Chợ Dừa, Văn Miếu, Quốc Tử Giám (quận Đống Đa).

1.3.15. Phường Phương Mai

1.3.15.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có diện tích tự nhiên 0,62 km², có 16.543 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn. Ngoài ra, số người dân lưu trú để kinh doanh, lao động trên địa bàn khoảng trên 5.200 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

Trên địa bàn phường có nhiều cơ quan, đơn vị của Nhà nước và thành phố (Liên đoàn Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam -VCCI, Kho Bạc Nhà nước thành phố Hà Nội, Tổng Công ty Hàng Hải,...); Nhiều Bệnh viện tuyến Trung ương như: Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Lão khoa Trung ương, Bệnh viện Da liễu Trung ương, Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương, Bệnh viện Huyết học - Truyền máu Trung ương, Bệnh viện Nhiệt đới Trung ương và một số bệnh viện, phòng khám tư nhân lớn trên địa bàn. Trung bình hàng ngày đón tiếp khoảng 30.000 lượt bệnh nhân đến thăm, khám tại các bệnh viện. Bên cạnh đó, trên địa bàn phường có Khách sạn Kim Liên với 450 phòng nên hàng ngày lưu lượng khách nước ngoài và các địa phương về lưu trú nhiều, vấn đề di dân cơ học cao, trung bình hàng ngày có hơn 5.000 người (bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, du khách không phải dân cư phường Phương Mai) lưu trú tạm thời trên địa bàn phường; đây cũng là một đặc điểm khiến phường Phương Mai là một trong các phường trọng điểm về an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với cơ cấu dân cư đa dạng, di dân cơ học nhiều thành phần nhưng hệ thống chính trị cơ sở rất cơ bản nên phường Phương Mai vẫn giữ vững được trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh, tốc độ đô thị hoá tương đối nhanh; đồng thời là một trong những phường thu ngân sách cao của quận Đống Đa, nhiều năm là lá cờ đầu của quận Đống Đa về phát triển kinh tế xã hội.

1.3.15.2. Diện tích tự nhiên: 0,62 km².

1.3.15.3. Quy mô dân số: 16.543 người.

1.3.15.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 36 người; chiếm tỷ lệ 0,22%.

1.3.15.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.15.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Khương Thượng, Trung Tự, Kim Liên, Phương Liên (quận Đống Đa).

1.3.16. Phường Trung Liệt

1.3.16.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù:

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có diện tích tự nhiên 0,77 km², có 19.549 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn. Số người dân lưu trú để kinh doanh, lao động trên địa bàn khoảng trên 3.150 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

Trên địa bàn phường Trung Liệt có những di tích lịch sử và các cơ quan, đơn vị quan trọng phục vụ văn hoá, chính trị, xã hội của Việt Nam như sau: Khu di tích Lăng Hoàng Cao Khải, Hoàng Trọng Phu; Tổng cục chính trị (gồm Cục an ninh mạng và cục bảo vệ chính trị), Viện y học dự phòng quân đội....Ngoài ra, trên địa bàn phường Trung Liệt còn có Dự án Công viên văn hoá Đống Đa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từ năm 1997 với diện tích 23.042 m², chưa triển khai.

1.3.16.2. Diện tích tự nhiên: 0,77 km².

1.3.16.3. Quy mô dân số: 19.549 người.

1.3.16.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 73 người; chiếm tỷ lệ 0,37%.

1.3.16.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.16.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, phường Quang Trung, phường Trung Tự, phường Khương Thượng, phường Ngã Tư Sở, phường Thịnh Quang.

1.3.17. Phường Trung Tự

1.3.17.1 Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Có yếu tố về truyền thống văn hoá, lịch sử có lăng Hoàng Cao Khải và có dự án trọng điểm về xây dựng công viên Văn hoá Đống Đa có nhiều phức tạp về yếu tố dân sinh.

1.3.17.2. Diện tích tự nhiên: 0,42 km².

1.3.17.3. Quy mô dân số: 12.165 người.

1.3.17.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 32 người; chiếm tỷ lệ 0,26%.

1.3.17.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.17.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Nam Đồng, Phương Liên, Phương Mai, Khương Thượng, Trung Liệt, Quang Trung.

1.3.18. Phường Quốc Tử Giám

1.3.18.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: phường trọng điểm về quốc phòng, an ninh theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng. Trên địa bàn phường có cụm Di tích Quốc gia đặc biệt Khu Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Có yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng liên quan đến phường Văn Miếu.

1.3.18.2. Diện tích tự nhiên: 0,19 km².

1.3.18.3. Quy mô dân số: 7.810 người.

1.3.18.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 38 người; chiếm tỷ lệ 0,49%.

1.3.18.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.18.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hàng Bột, Văn Chương, Văn Miếu (quận Đống Đa).

1.3.19. Phường Văn Miếu

1.3.19.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: phường trọng điểm về quốc phòng, an ninh theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng. Trên địa bàn phường có cụm Di tích Quốc gia đặc biệt Khu Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Có yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng liên quan đến phường Văn Miếu.

1.3.19.2. Diện tích tự nhiên: 0,29 km².

1.3.19.3. Quy mô dân số: 9.393 người.

1.3.19.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 59 người; chiếm tỷ lệ 0,63%.

1.3.19.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.3.19.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Cát Linh, Quốc Tử Giám, Văn Chương, Khâm Thiên (quận Đống Đa).

1.4. Quận Hà Đông

1.4.1. Phường Yết Kiêu

1.4.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.4.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,21 km².

1.4.1.3. Quy mô dân số: 9.672 người.

1.4.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.4.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.4.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Văn Quán, Vạn Phúc, Nguyễn Trãi, Mộ Lao (quận Đống Đa).

1.4.2. Phường Nguyễn Trãi

1.4.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.4.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,42 km².

1.4.2.3. Quy mô dân số: 13.305 người.

1.4.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.4.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.4.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Văn Quán, Phúc La, Quang Trung, Yết Kiêu, Hà Cầu (quận Hà Đông).

1.4.3. Phường Quang Trung

1.4.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.4.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,80 km².

1.4.3.3. Quy mô dân số: 20.980 người.

1.4.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.4.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.4.3.6 Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Yết Kiêu, Nguyễn Trãi, La Khê, Hà Cầu, Phú La, Vạn Phúc (quận Hà Đông).

1.4.4. Phường Biên Giang

1.4.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liên kề (có đa số đường địa giới đơn vị hành chính đi qua sông Đáy và giáp với đơn vị hành chính cấp huyện khác, khó tổ

chức giao thông thuận lợi kết nối với đơn vị hành chính liền kề thuộc quận Hà Đông). Cụ thể: phần địa giới hành chính giáp với phường Đồng Mai và Yên Nghĩa của quận Hà Đông là sông Đáy nên không thuận tiện cho nhân dân đi lại giao dịch với chính quyền phường nếu thực hiện sáp nhập, đồng thời hiện nay phường Đồng Mai và Yên Nghĩa có diện tích lớn, dân số đông nếu thực hiện sáp nhập sẽ gây khó khăn cho việc quản lý điều hành của phường; các phần địa giới hành chính còn lại của phường Biên Giang giáp với các xã: Thụy Hương, Phụng Châu và Thị trấn Chúc Sơn của huyện Chương Mỹ.

1.4.4.2. Diện tích tự nhiên: 2,76 km².

1.4.4.3 Quy mô dân số: 9.023 người.

1.4.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 17 người; chiếm tỷ lệ 0,19%.

1.4.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.4.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Đồng Mai, Yên Nghĩa (quận Hà Đông); thị trấn Chúc Sơn và các xã: Thụy Hương, Phụng Châu (huyện Chương Mỹ).

1.5. Quận Hai Bà Trưng

1.5.1. Phường Bạch Đằng

1.5.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Từ ngày thành lập phường đến nay, tuy địa giới hành chính vẫn như ban đầu, nhưng trải qua nhiều năm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, cảnh quan toàn phường đã có nhiều thay đổi. Trong quá trình đô thị hóa, kết cấu hạ tầng của phường như đường giao thông, điện, nước, hệ thống thoát nước... từng bước được xây dựng, củng cố đến từng cụm dân cư. Nhiều nhà cửa được xây dựng và cải tạo, nhất là trên các trục phố chính như Lê Quý Đôn, Nguyễn Huy Tự, Bạch Đằng, Lương Yên; nhiều khu nhà tập thể của các cơ quan, đơn vị được xây dựng, trụ sở cơ quan, bệnh viện, các cửa hàng kinh doanh, dịch vụ, trường học được cải tạo xây mới, đầm hồ ngoài bãi ven sông Hồng được san lấp, thay vào đó là những công trình công cộng và nhà cao tầng,... Trên địa bàn phường có 2 bệnh viện: Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện Hữu Nghị, có Nhà tang lễ quốc gia, 2 trung tâm cai nghiện và nhiều cơ quan nhà nước đóng trên địa bàn.

1.5.1.2. Diện tích tự nhiên: 1,09 km².

1.5.1.3. Quy mô dân số: 26.396 người.

1.5.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.5.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.5.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phạm Đình Hồ, Đồng Mác, Thanh Lương (quận Hai Bà Trưng); phường Long Biên (quận Long Biên).

1.5.2. Phường Bách Khoa

1.5.2.1 Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: không có.

1.5.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,52 km².

1.5.2.3. Quy mô dân số: 11.271 người.

1.5.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.5.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.5.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Lê Đại Hành, Cầu Dền, Bạch Mai, Đồng Tâm (quận Hai Bà Trưng); phường Phương Mai (quận Đống Đa).

1.5.3. Phường Bạch Mai

1.5.3.1 Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: không có.

1.5.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,26 km².

1.5.3.3. Quy mô dân số: 17.086 người.

1.5.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.5.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.5.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Quỳnh Mai, Thanh Nhàn, Cầu Dền, Bách Khoa, Đồng Tâm, Trương Định (quận Hai Bà Trưng).

1.5.4. Phường Cầu Dền

1.5.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: không.

1.5.4.2. Diện tích tự nhiên: 0,17 km².

1.5.4.3. Quy mô dân số: 11.538 người.

1.5.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 8 người; chiếm tỷ lệ 0,07%.

1.5.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.5.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Lê Đại Hành, Phố Huế, Bách Khoa, Bạch Mai, Thanh Nhàn (quận Hai Bà Trưng).

1.5.5. Phường Đồng Mác

1.5.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: không.

1.5.5.2. Diện tích tự nhiên: 0,15 km².

1.5.5.3. Quy mô dân số: 10.021 người.

1.5.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.5.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.5.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Phạm Đình Hổ, Đồng Nhân, Bạch Đằng, Thanh Lương (quận Hai Bà Trưng).

1.5.6. Phường Đồng Nhân

1.5.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: không.

1.5.6.2. Diện tích tự nhiên: 0,15 km².

1.5.6.3. Quy mô dân số: 8.088 người.

1.5.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 4 người; chiếm tỷ lệ 0,05%.

1.5.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.5.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Phạm Đình Hổ, Đồng Mác, Phố Huế, Ngô Thì Nhậm, Thành Nhân (quận Hai Bà Trưng).

1.5.7. Phường Đồng Tâm

1.5.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: phường Đồng Tâm giáp 03 quận Đống Đa, Thanh Xuân, Hoàng Mai, dự án đường vành đai 2 đi vào hoạt động làm gia tăng dân số do hoạt động giao thông tại các tuyến phố trở nên đông đúc và nhộn nhịp. Trên địa bàn phường có hơn 1.220 doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh gây áp lực về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội đòi hỏi sự nỗ lực lớn của hệ thống chính trị của phường. Phường Đồng Tâm được Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Quốc phòng đánh giá là phường mũi nhọn tấn công khi có tình huống phải thực hiện sẵn sàng chiến đấu, làm công tác vận động quần chúng tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Có yếu tố đặc trưng về dân cư truyền thống: phường có nhiều khu tập thể lớn như: tập thể Văn phòng Quốc hội, tập thể Đài Tiếng nói Việt Nam, tập thể Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, tập thể Điện máy, tập thể Trường Đại học

Kinh tế quốc dân. Hiện nay, trên địa bàn phường có hai trường đại học lớn là Đại học Xây dựng Hà Nội và Đại học Kinh tế quốc dân, giáp ranh với Bệnh viện Bạch Mai, hàng ngày có hàng chục ngàn học sinh, sinh viên đến học tập, hàng ngàn bệnh nhân, người nhà bệnh nhân lưu trú. Đối với công tác quản lý sinh viên, học viên, lưu học sinh đang học tập và sinh hoạt tại các trường Đại học trên địa bàn đòi hỏi chính quyền cơ sở, lực lượng công an phường luôn phải đảm bảo về công tác an ninh trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội, đặc biệt là công tác phòng cháy chữa cháy.

1.5.7.2. Diện tích tự nhiên: 0,51 km².

1.5.7.3. Quy mô dân số: 15.153 người.

1.5.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 7 người; chiếm tỷ lệ 0,05%.

1.5.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.5.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Bách Khoa, Bạch Mai, Trương Định (quận Hai Bà Trưng); các phường: Phương Liệt, Phương Đình (quận Đống Đa).

1.5.8. Phường Lê Đại Hành

1.5.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: phường trọng điểm về quốc phòng, an ninh theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng. Ngoài ra, phường Lê Đại Hành được Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đánh giá là phường trọng điểm về an ninh - quốc phòng của quận Hai Bà Trưng nên được Quận ủy-HĐND-UBND quận Hai Bà Trưng chọn là phường điểm xây dựng Tiểu đội Dân quân thường trực với mục đích nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và thực hiện các nhiệm vụ của lực lượng Dân quân khi có tình huống xảy ra, làm công tác vận động quần chúng tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Trên địa bàn phường có nhiều trụ sở cơ quan của Trung ương và địa phương, nhiều Công ty, doanh nghiệp, trung tâm thương mại lớn như: Trụ sở Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục - đào tạo, Bộ Văn hóa, Bộ Lao động - TBXH, Sở Xây dựng, BHXH thành phố Hà Nội, Cục Ngoại tuyến, đồng thời cũng tập trung hầu hết nhiều cơ quan trọng yếu của quận Hai Bà Trưng như Quận ủy - HĐND - UBND, Công an, BCH Quân sự, Viện Kiểm sát, Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng, Công ty thoát nước Hà Nội, Bệnh viện Ung bướu Hưng Việt, Phòng khám đa khoa Cộng Đồng, Trung tâm thương mại Vincom....Phường Lê Đại Hành có 06 cơ quan thuộc Bộ; 19 cơ quan thuộc Sở, quận; 21 công trình y tế, 06 công trình văn hóa; 05 cơ sở giáo dục; 04 cơ sở lưu trú; 07 công trình thương mại, dịch vụ.

1.5.8.2. Diện tích tự nhiên: 0,87 km².

1.5.8.3. Quy mô dân số: 9.167 người.

1.5.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1 người; chiếm tỷ lệ 0,01%.

1.5.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.5.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Nguyễn Du, Phố Huế, Cầu Dền, Bách Khoa (quận Hai Bà Trưng); các phường: Phương Liệt, Trung Phụng, Khâm Thiên (quận Đống Đa).

1.5.9. Phường Minh Khai

1.5.9.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường Minh Khai được mang tên của nữ chiến sỹ Cộng sản kiên cường Nguyễn Thị Minh Khai. Đây là một địa danh có lịch sử truyền thống cách mạng gắn với nhiều sự kiện, dấu tích của kinh thành Thăng Long xưa, đặc biệt là các hoạt động, chiến đấu của lực lượng kháng chiến Liên khu II trong những ngày đầu chống thực dân Pháp của quân và dân Hà Nội. Trên địa bàn phường có quần thể di tích Đình - Đền - Chùa Hưng Ký (được Bộ Văn hóa và thể thao công nhận là di tích Lịch sử văn hóa năm 1992); Đình Văn Hưng (còn gọi là Đình Quỳnh Lôi, được UBND Thành phố Hà Nội xếp hạng di tích Lịch sử năm 2020). Phường Minh Khai có tốc độ tăng trưởng dân số cơ học nhanh. Trên địa bàn phường có 05 khu chung cư cao tầng: Lilama 124 Minh Khai, Skylight 125 Minh Khai, Thăng Long Garden 250 Minh Khai, Hinode 201 Minh Khai và chung cư 310 tại 18 Tam Trinh. Có 23 khu chung cư, nhà tập thể cũ được xây dựng từ những năm 60 của thế kỷ trước đến nay cũng đã xuống cấp và cũng đang được các cơ quan chức năng xem xét lập quy hoạch, đưa vào diện phải cải tạo, nâng cấp thành những khu chung cư hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển. Vì vậy, trong khoảng 5 - 10 năm tới, phường Minh Khai sẽ là một khu vực đô thị phát triển và có mật độ dân cư khá lớn với khoảng trên 50.000 người. Dự án đường vành đai 2 đi vào hoạt động làm gia tăng dân số do hoạt động giao thông tại các tuyến phố trở nên đông đúc và nhộn nhịp, hoạt động của hơn 600 doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh. Người ra, số người dân ở trọ, kinh doanh trên địa bàn khoảng trên 4.120 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

1.5.9.2. Diện tích tự nhiên: 0,47 km².

1.5.9.3. Quy mô dân số: 19.607 người.

1.5.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5 người; chiếm tỷ lệ 0,03%.

1.5.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.5.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường Vĩnh Tuy, Quỳnh Mai, Quỳnh Lôi, Bạch Mai, Trương Định (quận Hai Bà Trưng).

1.5.10. Phường Phố Huế

1.5.10.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường Phố Huế chia thành 3 khu vực dân cư rõ rệt: Phố Huế, Thịnh Yên và khu tập thể Nguyễn Công Trứ với 13 khối nhà cao tầng, phần lớn đã được xây dựng từ những năm 1960 và một chung cư N3. Các tuyến phố chính là: Phố Thịnh Yên; Trần Cao Vân; phố Yên Bái, phố Nguyễn Công Trứ và Phố Huế Với vị trí nằm ở phía Nam thành phố Hà Nội, ngã tư Ô Cầu Dền, giữa hai con đường Phố Huế - Bạch Mai và Đại Cồ Việt - Trần Khát Chân là nơi cửa ngõ ra vào nội thành từ đó tỏa đi nhiều vùng miền của đất nước. Trên địa bàn còn có Chùa Vua (Tên gọi chung của Chùa Hưng Khánh và điện Thiên Đế thờ Vua Đế Thích - được tôn vinh là vị Vua Cờ) một trong Tứ Quán của Kinh thành, đã được Bộ văn hóa - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia năm 1992, được UBND thành phố Hà Nội gắn biển di tích lịch sử kháng chiến năm 2004. Hàng năm từ ngày mùng 6 đến ngày mùng 9 tháng Giêng âm lịch, Chùa Vua mở lễ hội, nhân dân và nhiều khách thập phương tham dự và dự hội cờ Tướng. Đặc trưng của Hội cờ chùa Vua là cờ người, Hội cờ tướng Chùa Vua được diễn ra trong 3 ngày, là nơi độ tài cao thấp của các danh thủ cờ trên cả nước, người được giải nhất 3 năm liền được lưu danh trên bia đá giữa sân chùa. Phường Phố Huế có Bệnh viện Bưu Điện, 04 trường học, 01 siêu thị và phường có đặc thù hoạt động kinh doanh buôn bán phức tạp (kinh doanh đồ điện, phụ tùng ô tô, xe máy, điện máy,...) do có chợ Hòa Bình, Chợ đồ điện Nguyễn Công Trứ nổi tiếng là nơi buôn bán sầm uất của Hà Nội và quận Hai Bà Trưng. Số người dân ở trọ, kinh doanh trên địa bàn khoảng trên 2.500 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

1.5.10.2. Diện tích tự nhiên: 0,20 km².

1.5.10.3. Quy mô dân số: 11.391 người.

1.5.10.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 16 người; chiếm tỷ lệ 0,14%.

1.5.10.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.5.10.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Lê Đại Hành, Ngô Thì Nhậm, Phạm Đình Hổ, Thanh Nhân, Cầu Dền (quận Hai Bà Trưng).

1.5.11. Phường Quỳnh Lôi

1.5.11.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: không có.

1.5.11.2. Diện tích tự nhiên: 0,25 km².

1.5.11.3. Quy mô dân số: 11.862 người.

1.5.11.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.5.11.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.5.11.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Bạch Mai, Thanh Nhàn, Quỳnh Mai, Minh Khai (quận Hai Bà Trưng).

1.5.12. Phường Quỳnh Mai

1.5.12.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường Quỳnh Mai có đặc thù là các tuyến phố nhỏ, chủ yếu là ngõ, ngách. Dân cư đại đa phần buôn bán nhỏ lẻ và cán bộ nghỉ hưu của các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp đóng trên địa bàn phường trước đây. Phường có ranh giới tiếp giáp phường Thanh Nhàn là nơi giáp ranh với các bệnh viện như bệnh viện Thanh Nhàn, bệnh viện Phổi, bệnh viện Ung bướu,...nên có lưu lượng người tham gia khám chữa bệnh đông, an ninh chính trị tiềm ẩn nhiều phức tạp. Phường có 44 dãy nhà tập thể cũ (tập thể 8/3 có lõi kiến trúc cũ thời bao cấp), đã xây dựng từ những năm 60 của thế kỷ trước, một số dãy nhà như E6 đã thuộc diện cảnh báo nguy hiểm, mật độ dân cư rất đông. Hiện nay theo quy hoạch, các dãy nhà tập thể được xây dựng chuyển đổi thành chung cư hiện đại với số lượng tầng cao hơn, sẽ thu hút số lượng lớn dân cư từ các nơi đổ về. Chính vì vậy, rất có thể số lượng dân cư sẽ tăng đột biến lên đến 30.000 người, dân số của phường lên đến 44.308 người. Việc sáp nhập phường Quỳnh Mai với đơn vị hành chính khác sẽ tạo sự quá tải trong công tác quản lý. Phường Quỳnh Mai được Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Quốc phòng đánh giá là phường mũi nhọn tấn công khi có tình huống phải thực hiện sẵn sàng chiến đấu, làm công tác vận động quần chúng tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Ngoài ra, số người dân lưu trú để kinh doanh, lao động trên địa bàn khoảng trên 5.510 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

1.5.12.2. Diện tích tự nhiên: 0,17 km².

1.5.12.3. Quy mô dân số: 14.308 người.

1.5.12.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.5.12.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.5.12.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Vĩnh Tuy, Thanh Nhàn, Quỳnh Lôi, Minh Khai.

1.5.13. Phường Thanh Nhàn

1.5.13.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: không có.

1.5.13.2. Diện tích tự nhiên: 0,73 km².

1.5.13.3. Quy mô dân số: 20.863 người.

1.5.13.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Đồng Mác, Thanh Lương, Quỳnh Mai, Quỳnh Lôi, Bạch Mai, Cầu Dền, Phố Huế, Đồng Nhân (quận Hai Bà Trưng).

1.5.14. Phường Trương Định

1.5.14.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là một vùng đất cổ của kinh thành Thăng Long xưa; mảnh đất giàu truyền thống Cách mạng; nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc. Trải qua hàng ngàn năm biến thiên của lịch sử, Văn Chương vẫn lưu giữ được 05 quần thể di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc Gia, Thành phố đó là: Điện, Đền, Chùa Huy Văn; Đình, Chùa Linh Quang; Chùa Bụt Mọc; Đền Văn Chỉ; Đình Lương Sứ. Phường đang trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa với dự án xây dựng Nhà ga S11 thuộc tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội góp phần kết nối, giảm thiểu ùn tắc giao thông. Số người dân ở trọ, kinh doanh trên địa bàn khoảng trên 4.150 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

1.5.14.2. Diện tích tự nhiên: 0,52 km².

1.5.14.3. Quy mô dân số: 18.856 người.

1.5.14.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.5.14.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.5.14.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Đồng Tâm, Bạch Mai, Minh Khai (quận Đống Đa); phường Hoàng Văn Thụ (quận Hoàng Mai).

1.6. Quận Hoàn Kiếm

1.6.1. Phường Phúc Tân

1.6.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng. Phường nằm ngoài đê sông Hồng trên hướng phòng thủ chủ yếu của quận giáp ranh với 5 phường. Trên địa bàn phường có cầu Long Biên và cầu Chương Dương và nhiều đầu mối giao thông, kinh doanh thương mại, huyết mạch của Thủ đô đi các tỉnh phía bắc.

+ Có yếu tố đặc thù về tôn giáo: Có họ đạo Vạn Thái thuộc Giáo xứ Chính tòa Hà Nội thường xuyên làm lễ phục vụ cho hàng nghìn lượt nhân dân theo đạo Thiên chúa giáo của phường Phúc Tân và các phường lân cận, vào các ngày thứ Bảy và chủ nhật hàng tuần tại nhà thờ, UBND phường thường xuyên phải chỉ đạo đã tổ chức chốt bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực cổng và bên ngoài nhà thờ. Ngoài việc phân luồng, hướng dẫn nhân dân lưu thông đảm bảo an toàn, thông suốt khi đến các khu vực nhà thờ trên địa bàn để đảm bảo an ninh, an toàn các hoạt động nghi lễ của các giáo dân.

+ Ngoài ra theo thời vụ còn có hơn 3.000 người ngoại tỉnh về Hà Nội làm ăn, sinh sống lưu trú ở trên 500 nhà trọ bình dân trên địa bàn. Tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp về tình hình an ninh trật tự trên địa bàn phường.

1.6.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,79 km².

1.6.1.3. Quy mô dân số: 17.955 người.

1.6.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Chương Dương, Lý Thái Tổ, Hàng Buồm, Đồng Xuân (quận Hoàn Kiếm); các phường: Ngọc Lâm, Bồ Đề (quận Long Biên).

1.6.2. Phường Đồng Xuân

1.6.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Có yếu tố về truyền thống lịch sử, văn hóa riêng biệt: Địa danh Đồng Xuân xuất hiện khá sớm, khoảng từ thế kỷ XV, lúc đó địa danh “Đồng Xuân phường” chỉ là tên một phường của Thăng Long - Đông Đô 36 phố phường, bao gồm đất của nhiều phường, thôn cũ thuộc huyện Thọ Xương và Quảng Đức của phủ Phụng Thiên thời Lê, của phủ Hoài Đức đầu triều Nguyễn (ô Đông Hà, ấp Huyền Thiên, Phúc Lâm, Thanh Hà ...). Trên địa bàn phường có 13 tuyến phố, 13 di tích, trong đó có 03 di tích cách mạng tại số 26 phố Đồng Xuân, chợ Đồng Xuân, 11 phố Hàng Giấy và 10 Đình, Đền, Chùa, Miếu; đặc biệt trên địa bàn ngày nay còn nguyên vẹn 01 cửa ô, đó là Ô Đông Hà (hay còn gọi Ô Quan Chưởng) là cửa ô duy nhất còn lại trong 16 cửa ô được xây dựng vào năm 1749, đã được xếp hạng Di tích Quốc gia; Tượng đài “Hà Nội mùa Đông 1946” - nơi tưởng nhớ, tôn vinh các Anh hùng liệt sỹ đã hy sinh vì Thủ đô; Quán chùa Huyền Thiên - số 54 phố Hàng Khoai được xây dựng từ thời Thiệu Bình (1434-1439) đã được xếp hạng Di tích Quốc gia, thờ Đức Huyền Thiên Trấn Vũ; Đình Thanh Hà - số 77 phố Hàng Chiếu thờ Tướng quân Trần Lựu, đã được xếp hạng

Di tích Quốc gia. Với hàng trăm năm lịch sử tồn tại và vận hành của Nhà ga và cầu Long Biên đã đồng hành với những hoạt động của nhiều thế hệ người dân Thủ đô và cả nước.

1.6.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,17 km².

1.6.2.3. Quy mô dân số: 10.516 người.

1.6.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phúc Tân, Hàng Buồm, Hàng Đào, Hàng Mã (quận Hoàn Kiếm); phường Nguyễn Trung Trực (quận Ba Đình).

1.6.3. Phường Hàng Mã

1.6.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Có yếu tố về truyền thống lịch sử, văn hóa riêng biệt: Phường có lịch sử hình thành và phát triển gắn liền với 36 phố phường xưa của Thăng Long - Đông Đô. Xưa kia, vùng đất này và khu Đông Thành là những thôn xóm ven sông Hồng, sông Tô Lịch được hình thành trên dải đất phù sa của chính hai con sông ấy. Đến thế kỷ VI, khi Lý Nam Đế xây dựng thành lũy ở cửa sông Tô Lịch. Địa bàn Hàng Mã và khu Đông Thành vẫn là nơi tiếp giáp khu vực Thành Trì. Từ Thế kỷ XIII đến giữa thế kỷ XIX, địa bàn Hàng Mã vẫn thuộc khu Đông Thành và không có thay đổi gì đáng kể. Theo “Đại Nam nhất thống chí”, đây là vùng đất giáp chân thành Thăng Long: Thời Lê thuộc huyện Vĩnh Xương, thời Nguyễn thuộc huyện Thọ Xương, phủ Trung Đô (sau đổi thành phủ Phụng Thiên). Phường có 13 tuyến ngõ, phố, có nhiều di tích lịch sử văn hóa cổ phản ánh nét kiến trúc đặc trưng của một đô thị cổ như chùa Vĩnh Trù số 59 Hàng Lược được xây dựng từ đầu thời Nguyễn, ngoài thờ Phật còn thờ Thánh, chùa đã xếp hạng là Di tích lịch sử - văn hóa năm 1994, đình Ngũ Giáp, đình Tam Phủ - số 52 Hàng Cót là Đình của thôn Tân Khai, tổng Tiền Túc. Ngoài thờ Phật và Đức thánh Trần Hưng Đạo, đình còn thờ Tam Phủ Thánh mẫu như Mẫu Thoại, Mẫu Thượng Ngàn, Vua Bát Hải...là sự phản ánh tín ngưỡng “Tam giáo đồng nguyên” của người Việt; Chùa Pháp Bảo Tạng - số 44 Hàng Cót thờ Phật Thích Ca, chùa được xây dựng vào những năm Pháp tạm chiếm Hà Nội (1948 - 1950). Trong chùa trước đây còn có kho chứa mộc bản in kinh Phật. Phường còn có các di tích cách mạng và kháng chiến: Nhà số 105 Phùng Hưng (1938 - 1939) là trụ sở báo “Tin Tức” tờ báo của Đảng xuất bản dưới danh nghĩa cơ quan Mặt trận dân chủ Đông Dương; Nhà số 4 Hàng Rươi (1930-1939) là nơi đi lại hoạt động của các đồng chí cán bộ lãnh đạo Đảng như Trần Phú, Trường Chinh, Nguyễn

Đức Cảnh... Nhiều cuộc họp bí mật của Đảng đã tổ chức tại đây để chỉ đạo phong trào cách mạng ở Hà Nội và cả nước; Nhà số 9 phố Hàng Cót là nơi khởi thủy của trường tư thục Thăng Long - trường nổi tiếng của người Việt ở Hà Nội dưới thời Pháp thuộc. Nhà số 5 phố Hàng Rươi là trụ sở của Hội Ái hữu Kim khí; Nhà số 27 Hàng Lược là trụ sở của Hội Ái hữu công nhân...là tổ chức quần chúng cách mạng do Thành uỷ Hà Nội tổ chức và lãnh đạo từ giữa những năm 30 đến thời kỳ Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

+ Có yếu tố đặc thù về tôn giáo: trên địa bàn phường còn có Thánh đường Hồi giáo Al-Noor - 12 Hàng Lược được đưa vào sử dụng từ năm 1890, xây dựng theo phong cách Hồi giáo điển hình. Hiện nay Al-Noor là thánh đường Hồi giáo duy nhất ở Hà Nội và miền Bắc. Hiện nay Thánh đường thực hiện các hoạt động về tôn giáo và là nơi giao lưu của cộng đồng đạo Hồi.

1.6.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,17 km².

1.6.3.3. Quy mô dân số: 10.622 người.

1.6.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Đồng Xuân, Hàng Bồ, Hàng Đào, Cửa Đông (quận Hoàn Kiếm); phường Quán Thánh (quận Ba Đình).

1.6.4. Phường Hàng Buồm

1.6.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bồ, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

1.6.4.2. Diện tích tự nhiên: 0,12 km².

1.6.4.3. Quy mô dân số: 11.453 người.

1.6.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phúc Tân, Đồng Xuân, Hàng Đào, Hàng Bạc, Lý Thái Tổ (quận Hoàn Kiếm).

1.6.5. Phường Hàng Đào

1.6.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bò, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

1.6.5.2. Diện tích tự nhiên: 0,07 km².

1.6.5.3. Quy mô dân số: 6.012 người.

1.6.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Đồng Xuân, Hàng Mã, Hàng Bò, Hàng Gai, Hàng Bạc, Hàng Buồm (quận Hoàn Kiếm).

1.6.6. Phường Cửa Đông

1.6.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bò, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

1.6.6.2. Diện tích tự nhiên: 0,16 km².

1.6.6.3. Quy mô dân số: 10.624 người.

1.6.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Hàng Mã, Hàng Gai, Hàng Bông, Hàng Bồ (quận Hoàn Kiếm), phường Điện Biên (quận Ba Đình).

1.6.7. Phường Lý Thái Tổ

1.6.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng và được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bồ, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

1.6.7.2. Diện tích tự nhiên: 0,25 km².

1.6.7.3. Quy mô dân số: 11.127 người.

1.6.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phúc Tân, Chương Dương, Tràng Tiền, Hàng Trống, Hàng Bạc, Hàng Buồm (quận Hoàn Kiếm).

1.6.8. Phường Hàng Bạc

1.6.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bồ, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

1.6.8.2. Diện tích tự nhiên: 0,09 km².

1.6.8.3. Quy mô dân số: 7.491 người.

1.6.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Hàng Buồm, Hàng Đào, Hàng Gai, Hàng Trống, Lý Thái Tổ (quận Hoàn Kiếm).

1.6.9. Phường Hàng Gai

1.6.9.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bồ, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

1.6.9.2. Diện tích tự nhiên: 0,09 km².

1.6.9.3. Quy mô dân số: 7.642 người.

1.6.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Hàng Buồm, Hàng Đào, Cửa Đông, Hàng Bông, Hàng Trống, Hàng Bạc (quận Hoàn Kiếm).

1.6.10. Phường Hàng Bồ

1.6.10.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bồ, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

1.6.10.2. Diện tích tự nhiên: 0,09 km².

1.6.10.3. Quy mô dân số: 9.041 người.

1.6.10.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có

1.6.10.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.10.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Cửa Đông, Hàng Mã, Hàng Gai, Hàng Đào (quận Hoàn Kiếm).

1.6.11. Phường Chương Dương

1.6.11.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Nằm ngoài đê sông Hồng trên hướng phòng thủ chủ yếu của quận, Bắc giáp phường Phúc Tân, Nam giáp phường Bạch Đằng, Đông giáp sông Hồng, Tây giáp các phường Phan Chu Trinh, Tràng Tiền, Lý Thái Tổ. Có trục đường đê 401 chạy dọc phường và 7 tuyến phố chính là Bạch Đằng, Hồng Hà, Chương Dương Độ, Hàm Tử Quan, Cầu Đất, Vạn Kiếp, Vọng Hà và hơn 200 ngõ ngách. Là một trong các phường trọng điểm về an ninh quốc phòng của quận Hoàn Kiếm, có dân số đông nhất quận với hơn 6.000 hộ gia đình với 24.229 nhân khẩu, ngoài ra có khoảng 3.000 người ngoại tỉnh đến làm ăn sinh sống, tạm trú trên 350 nhà trọ bình dân, có khoảng trên 60 cơ quan, đơn vị và gần 300 hộ kinh doanh, thương mại, dịch vụ...với mật độ dân số đông, thành phần dân cư chủ yếu là người lao động ngoại tỉnh về làm ăn buôn bán, sinh sống, trình độ dân trí không đồng đều, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị của phường chưa được quy hoạch chi tiết, đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn.

1.6.11.2. Diện tích tự nhiên: 1,00 km².

1.6.11.3. Quy mô dân số: 24.229 người.

1.6.11.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.11.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.11.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Phúc Tân, Lý Thái Tổ, Tràng Tiền, Phan Chu Trinh (quận Hoàn Kiếm), phường Bồ Đề (quận Long Biên).

1.6.12. Phường Hàng Trống

1.6.12.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Phường Hàng Trống là một trong 06 phường nằm quanh khu vực Hồ Hoàn Kiếm, nằm ở vị trí trung tâm của quận Hoàn Kiếm, thuộc ô phố cũ, gồm

12 tuyến phố chính và 05 ngõ, cơ sở hạ tầng đường xá nhỏ hẹp, mật độ dân số đông, bà con lương giáo sinh sống xen kẽ, trong sinh hoạt dễ nảy sinh mâu thuẫn do có nhiều biển số nhà đông hộ, nhà cửa xuống cấp, có di tích quốc gia đặc biệt, nơi diễn ra các hoạt động của “không gian đi bộ Hồ Hoàn Kiếm và phụ cận” vào 3 ngày cuối tuần, các hoạt động văn hóa văn nghệ, sự kiện chính trị quan trọng của Thủ đô và đất nước. Trên địa bàn tập trung nhiều cơ quan của Trung ương (báo Nhân dân), thành phố (báo Hà Nội mới), có 05 trường học trên địa bàn.

+ Phường có yếu tố đặc thù về tôn giáo: là nơi tập trung nhiều trụ sở tôn giáo lớn của cả nước như: Hội đồng Giám mục Việt Nam, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, Nhà thờ lớn, Thành hội Phật giáo Hà Nội (Chùa Bà Đá). Địa bàn phường có 14 di tích, trong đó có 03 di tích lịch sử văn hóa, 03 di tích kiến trúc nghệ thuật, 04 di tích cách mạng kháng chiến, 02 di tích chưa được xếp hạng và 02 phế tích. Là địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

1.6.12.2. Diện tích tự nhiên: 0,35 km².

1.6.12.3. Quy mô dân số: 15.141 người.

1.6.12.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.12.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.12.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bông, Trần Hưng Đạo, Tràng Tiền, Lý Thái Tổ (quận Hoàn Kiếm).

1.6.13. Phường Cửa Nam

1.6.13.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về an ninh trật tự, nằm xen kẽ giữa các phường thuộc khu vực phố cổ và các phường trọng điểm về quốc phòng. Phường có ga Hà Nội là đầu mối giao thông quan trọng của thủ đô Hà Nội, nơi trung chuyển hàng triệu lượt khách đi, đến mỗi năm. Ga Hà Nội còn là một trong những nơi khởi nguồn cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam. Trên tuyến đường bộ chạy qua địa bàn phường có 5 bến đỗ ô tô buýt, đặc biệt tuyến hành lang đường Điện Biên Phủ mà khách quốc tế và các đồng chí cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước thường qua lại. Trên địa bàn có chợ Cửa Nam, rạp chiếu bóng, bệnh viện, nhiều cơ quan trung ương và Hà Nội đặt trụ sở. Địa bàn phường Cửa Nam nằm trong khu phố cũ của quận Hoàn Kiếm, trên địa bàn có nhiều tòa nhà cao tầng, khách sạn, Ngân hàng, Đại sứ quán, các cơ quan Trung ương và Thành phố và Ga Hà Nội. Nhiều tuyến phố quan trọng, các đoàn khách trong nước và nước ngoài thường qua lại là những mục tiêu bảo vệ quan trọng về an ninh trật tự.

1.6.13.2. Diện tích tự nhiên: 0,26 km².

1.6.13.3. Quy mô dân số: 10.527 người.

1.6.13.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.13.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.13.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Hàng Bông, Trần Hưng Đạo (quận Hoàn Kiếm); phường Văn Chương (quận Đống Đa).

1.6.14. Phường Hàng Bông

1.6.14.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bò, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

1.6.14.2. Diện tích tự nhiên: 0,18 km².

1.6.14.3. Quy mô dân số: 17.937 người.

1.6.14.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.14.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.14.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Cửa Đông, Cửa Nam, Trần Hưng Đạo, Hàng Trống, Hàng Gai (quận Hoàn Kiếm); phường Điện Biên (quận Ba Đình).

1.6.15. Phường Tràng Tiền

1.6.15.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường Tràng Tiền ở trung tâm quận Hoàn Kiếm và Thủ đô Hà Nội; Tràng Tiền là tâm điểm của đất Thăng Long - Hà Nội địa linh nhân kiệt, nơi “tụ họp bốn phương”, tập trung các cơ quan quan trọng của Trung ương và Thành phố như: Nhà khách Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ lao động Thương binh xã hội, Tổng Công ty dầu khí Việt Nam, Bưu điện Hà Nội, Nhà hát Lớn thành phố, Tổng công ty phát hành sách, Trung tâm Thông tin - Triển lãm Thành phố; Khách sạn Metropole và có nhiều địa chỉ du lịch, thường

xuyên đón tiếp đông đảo du khách trong và ngoài nước đến thăm quan; nơi đón tiếp các đoàn khách quốc tế và tổ chức các sự kiện văn hóa, chính trị - kinh tế của đất nước và Thành phố.

+ Địa bàn phường có 32 mục tiêu phòng chống khủng bố, phá hoại, trong đó đáng chú ý là các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước và Thành phố, Đại sứ quán, Nhà hát lớn Hà Nội, Khách sạn Metropole, Nhà khách Chính phủ, Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba, dòng thánh Phaolô.

1.6.15.2. Diện tích tự nhiên: 0,39 km².

1.6.15.3. Quy mô dân số: 10.666 người.

1.6.15.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.15.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.15.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Chương Dương, Phan Chu Trinh, Lý Thái Tổ, Hàng Trống, Trần Hưng Đạo (quận Hoàn Kiếm).

1.6.16. Phường Phan Chu Trinh

1.6.16.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường thuộc khu phố cũ và là trục đường di chuyển thường xuyên của các đoàn đại biểu khi tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa của Thủ đô và đất nước. Trên địa bàn phường có gần 120 cơ quan đơn vị của quận, thành phố và trung ương, nhiều Đại sứ quán và nhà riêng Đại sứ quán. Có 07 mục tiêu chống khủng bố cần bảo vệ: Bộ Tài chính - 28 Trần Hưng Đạo; Đại sứ quán Angieri - 13 Phan Chu Trinh; Ngân hàng nhà nước - 25 Lý Thường Kiệt; Đại sứ quán Philippines - 27B Trần Hưng Đạo; Thông tấn xã Việt Nam - 5 Lý Thường Kiệt; Trung tâm cấp cứu 115 - 11 Phan Chu Trinh; Bảo tàng quốc gia Việt Nam - 1 Phạm Ngũ Lão; Có 04 đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn: Cục đối ngoại Bộ Quốc phòng - 33 Phạm Ngũ Lão; Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng - 4 Đinh Công Tráng; Các cục thuộc Bộ Tổng Tham mưu - 33 B Phạm Ngũ Lão; Viện 10 (Bộ tư lệnh 86) - 01 ngõ Phan Chu Trinh.

1.6.16.2. Diện tích tự nhiên: 0,43 km².

1.6.16.3. Quy mô dân số: 10.503 người.

1.6.16.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.16.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.16.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Chương Dương, Tràng Tiền, Hàng Bài (quận Hoàn Kiếm); các phường: Phạm Đình Hổ, Bạch Đằng (quận Hai Bà Trưng).

1.6.17. Phường Trần Hưng Đạo

1.6.17.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường nằm ở vị trí trung tâm thành phố, thuộc khu phố cũ của quận Hoàn Kiếm, có 17 tuyến phố, 3 ngõ. Địa bàn phường có 12 mục tiêu phòng chống khủng bố, phá hoại gồm các cơ quan trọng yếu của Đảng, Nhà nước và Thành phố như: Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải..., có 06 đại sứ quán và nhà riêng của đại sứ, nhà riêng của các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước; 07 trường học, 21 trụ sở ngân hàng, 28 cơ sở kinh doanh có điều kiện, kinh doanh dịch vụ nhạy cảm về an ninh trật tự, khách sạn Melia là nơi lưu trú của các đoàn khách quốc tế khi đến thăm và làm việc tại Việt Nam, có nhiều đồng chí là cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước đang công tác và nghỉ hưu.

+ Có yếu tố đặc thù về tôn giáo: Trung tâm tôn giáo lớn là Chùa Quán Sứ - di tích tôn giáo thờ Phật và Lý Quốc Sư tức Nguyễn Minh Không, một vị cao tăng có công giúp đỡ các vua triều Lý và xây dựng đạo Phật ở Việt Nam đồng thời là trụ sở Trung ương Hội Phật giáo Việt Nam.

1.6.17.2. Diện tích tự nhiên: 0,47 km².

1.6.17.3. Quy mô dân số: 10.901 người.

1.6.17.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.17.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.17.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Cửa Nam, Hàng Bông, Hàng Trống, Tràng Tiền, Hàng Bài (quận Hoàn Kiếm); phường Nguyễn Du (quận Hai Bà Trưng).

1.6.18. Phường Hàng Bài

1.6.18.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng. Nằm ở vị trí trung tâm thành phố, phía Nam của quận Hoàn Kiếm thuộc khu phố cũ, địa bàn phường có nhiều tuyến phố chính, quan trọng như tuyến phố Huế - Hàng Bài là trục chính đi vào, tuyến phố Bà Triệu - Ngô Quyền là trục đi ra. Phường là nơi tập trung các cơ quan đầu não của Nhà nước và Thành phố: Văn phòng Quốc Hội (35 Ngô Quyền), Ủy ban Đoàn kết những người công giáo yêu nước và hòa bình Việt Nam (34 Ngô Quyền), Đài Tiếng nói Việt Nam (42-45 Bà Triệu), Đại sứ quán Pháp (57 Trần Hưng Đạo), Đại sứ quán Indonesia (50 Ngô Quyền), Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (60 Bà Triệu). Hàng Bài cũng là nơi tập trung các cơ quan khoa học, văn hóa nghệ thuật của Thủ đô và cả nước. Phường Hàng Bài nằm ở phần lớn các tuyến phố trên địa bàn được làm từ thời

Pháp, có mặt đường lớn, vỉa hè rộng, hai bên đường có nhiều biệt thự, công trình cổ có giá trị. Nhiều cơ quan trọng yếu của Trung ương, Thành phố, Quận và cơ quan ngoại giao của các nước đặt trụ sở tại đây nên yêu cầu đảm bảo an ninh, quốc phòng được đặc biệt chú trọng.

1.6.18.2. Diện tích tự nhiên: 0,27 km².

1.6.18.3. Quy mô dân số: 10.534 người.

1.6.18.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.6.18.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6.18.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Tràng Tiền (quận Hoàn Kiếm); phường: Nguyễn Du (quận Hai Bà Trưng).

1.7. Quận Hoàng Mai

1.7.1. Phường Giáp Bát

1.7.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường Giáp Bát ngày nay nằm trong cụm làng cổ ở xung quanh kinh thành Thăng Long xưa. Theo sử sách, Giáp Thất và Giáp Bát là 2 trong 8 làng thuộc tổng Thịnh Liệt hay còn được gọi nôm na là làng Bảy, làng Tám. Đến tháng 8/1973 hai làng tách khỏi xã Thịnh Liệt, thành lập phường mới có tên gọi là Giáp Bát. Phường có diện tích tự nhiên 0,57km², có gần 14.178 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn. Số người dân lưu trú để kinh doanh, lao động trên địa bàn khoảng gần 2.550 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư, nếu sáp nhập với ĐVHC cấp xã liền kề thì dân số sẽ tăng quá lớn.

Ngoài ra, phường có yếu tố đặc thù về công tác trật tự xã hội: Địa bàn phường có bến xe Giáp Bát là một trong những địa bàn trọng điểm, phức tạp về hình sự và tệ nạn xã hội, giao thông trật tự, tại bến có gần 100 tuyến xe khách đi các tỉnh phía Nam và một số tỉnh Đông Bắc, 16 tuyến xe buýt chạy nội, ngoại thành và một số thành phố lân cận. Hàng ngày, tại bến xe Giáp Bát có khoảng 950 lượt xe xuất bến và có từ 18 đến 20 nghìn lượt hành khách qua lại, đặc biệt vào dịp lễ, tết lưu lượng khách tăng gấp đôi, yêu cầu quản lý về an ninh trật tự tại đây rất lớn.

Về yếu tố đặc thù tôn giáo: Trên địa bàn phường có Nhà thờ giáo xứ Kẻ Sét, là một trong những giáo xứ lớn ở khu vực phía Nam với 1.800 giáo dân. Hàng ngày có hàng trăm giáo dân đi hành lễ, ngày thứ Bảy, chủ Nhật lên đến 2.000 đến 3.000 người, vào dịp Noel thì rất đông bà con giáo dân thập phương về dự.

Phường Giáp Bát hiện là một trong những đơn vị hành chính có tốc độ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội nhất của quận Hoàng Mai. Phường giáp với các phường Thịnh Liệt, Đồng Tâm, Tương Mai và Phương Liệt tạo nên sự kết nối mạnh mẽ về kinh tế, giao thông của phường với các khu vực lân cận.

1.7.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,57 km².

1.7.1.3. Quy mô dân số: 14.178 người.

1.7.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có

1.7.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.7.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Tương Mai, Tân Mai, Thịnh Liệt (quận Hoàng Mai); các phường: Đồng Tâm, Phương Liệt (quận Thanh Xuân).

1.7.2. Phường Tương Mai

1.7.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường có mật độ dân cư lớn của quận Hoàng Mai. Số người dân lưu trú để kinh doanh, lao động trên địa bàn khoảng trên 3.000 người, di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư, nếu sáp nhập với ĐVHC cấp xã liền kề thì dân số sẽ tăng quá lớn.

+ Về đặc điểm cộng đồng dân cư: Dân cư phường chia thành 3 khu vực với đặc thù thói quen sinh sống đặc trưng: khu tập thể cũ từ nhiều chục năm trước, khu làng cổ Tương Mai (dân cư sinh sống lâu đời với nhiều dòng họ lớn và giữ tập tục sinh hoạt cộng đồng theo dòng họ và duy trì các lễ hội cổ truyền thống), dân cư xung quanh khu vực bến xe Giáp Bát với những thói quen, tập tục rõ nét ở từng khu vực dân cư và đã ổn định trong nhiều chục năm. Do vậy việc sáp nhập với các ĐVHC cấp xã liền kề khác sẽ tạo sự xung đột về văn hóa và các thói quen trong cuộc sống gây khó khăn cho việc hòa nhập các khu dân cư.

+ Trên địa bàn phường có công trình trọng điểm như: Nhà máy nước Tương Mai là vị trí trong danh sách được bảo vệ trọng điểm khi có các sự kiện lớn. Nhà thi đấu Hoàng Mai trên địa bàn phường là địa điểm tổ chức các hoạt động thể thao lớn của quốc gia như: Seagames... Nhà máy Điện cơ Thống Nhất với số lượng hàng nghìn công nhân thường xuyên lao động, làm việc, sinh hoạt hàng ngày.

1.7.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,74 km².

1.7.2.3. Quy mô dân số: 27.074 người.

1.7.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.7.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.7.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê: các phường: Giáp Bát, Tân Mai, Thịnh Liệt, Hoàng Văn Thụ (quận Hoàng Mai).

1.7.3. Phường Tân Mai

1.7.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có trên 8.500 học sinh, sinh viên, người lao động các nơi khác lưu trú để lao động và học tập trên địa bàn phường. Trung bình hàng năm phường tiếp nhận và giải quyết từ 9.000 - 10.000 thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

+ Có yếu tố đặc thù về hạ tầng đô thị: Phường có 03 khu dân cư truyền thống với trên 100 ngõ, ngách nhỏ hẹp; 79 khu nhà tập thể cũ, xây dựng từ những năm 70, 80 của thế kỷ trước (gồm: 07 khu nhà 5 tầng, 18 khu nhà 3 tầng và 56 khu nhà 2 tầng) đã xuống cấp, một số khu nhà đã xuống cấp nghiêm trọng, đặc biệt có khu thuộc diện cảnh báo nguy hiểm như khu nhà A7 Tân Mai. Hiện nay Thành phố và quận Hoàng Mai đã chỉ đạo các cơ quan chức năng khảo sát để xây dựng lại theo quy hoạch, dự kiến các khu nhà tập thể cũ này khi được xây dựng chuyển đổi thành chung cư cao tầng hiện đại dân cư phường dự kiến sẽ vượt trên 45.000 người. Địa hình phường thuộc vùng trũng trong quận Hoàng Mai và thành phố Hà Nội nên thường xuyên ngập sâu khi mưa lớn, tiêu thoát nước chậm so với địa bàn khác gây ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân.

+ Về công tác tôn giáo: Phường có cụm di tích lịch sử văn hóa: Chùa Sét, Đền Bích Tiêu, Đình Giáp Lục đã được Thành phố xếp hạng; các hoạt động văn hóa, lễ hội, tín ngưỡng được duy trì hàng năm, đòi hỏi công tác quản lý luôn được tăng cường thực hiện đúng quy định và phù hợp với phong tục tập quán địa phương.

+ Có yếu tố về truyền thống lịch sử, văn hóa: Các di tích lịch sử như Chùa Sét xây dựng từ thời Lý, hiện vẫn giữ được một số sắc phong thời Nguyễn, gần đó là đền Sét thờ bà Chúa Liễu Hạnh được xây từ triều đại nhà Nguyễn. Đình Giáp Lục thờ tiền sỹ Nguyễn Chính.

1.7.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,50 km².

1.7.3.3. Quy mô dân số: 22.380 người.

1.7.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.7.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.7.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê: các phường: Giáp Bát, Tương Mai, Thịnh Liệt (quận Hoàng Mai).

1.8. Quận Long Biên

1.8.1. Phường Sài Đồng

1.8.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.8.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,85 km².

1.8.1.3. Quy mô dân số: 17.992 người.

1.8.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 107 người; chiếm tỷ lệ 0,59%.

1.8.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.8.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phúc Lợi, Việt Hưng, Phúc Đồng, Long Biên, Thạch Bàn (quận Long Biên).

1.9. Quận Thanh Xuân

1.9.1. Phường Kim Giang

1.9.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.9.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,23 km².

1.9.1.3. Quy mô dân số: 14.998 người.

1.9.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 195 người; chiếm tỷ lệ 1,30%.

1.9.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.9.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Hạ Đình, Khương Đình (quận Thanh Xuân); phường Đại Kim (quận Hoàng Mai); xã Tân Triều (huyện Thanh Trì).

1.9.2. Phường Hạ Đình

1.9.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.9.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,70 km².

1.9.2.3. Quy mô dân số: 19.653 người.

1.9.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 168 người; chiếm tỷ lệ 0,85%.

1.9.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.9.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê: các phường: Kim Giang, Khương Đình, Thượng Đình, Thanh Xuân Trung (quận Thanh Xuân).

1.9.3. Phường Thanh Xuân Nam

1.9.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.9.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,31 km².

1.9.3.3. Quy mô dân số: 16.311 người.

1.9.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 163 người; chiếm tỷ lệ 1,00%.

1.9.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.9.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê: các phường: Thanh Xuân Trung, Hạ Đình, Thanh Xuân Bắc (quận Thanh Xuân); phường Văn Quán (quận Hà Đông); phường Trung Văn (quận Nam Từ Liêm); xã Tân Triều (huyện Thanh Trì).

1.9.4. Phường Thanh Xuân Bắc

1.9.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.9.4.2. Diện tích tự nhiên: 0,49 km².

1.9.4.3. Quy mô dân số: 23.642 người.

1.9.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 231 người; chiếm tỷ lệ 0,98%.

1.9.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.9.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê: các phường: Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân Nam, Nhân Chính (quận Thanh Xuân); phường Trung Văn (quận Nam Từ Liêm).

1.9.5. Phường Thanh Xuân Trung

1.9.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường Thanh Xuân Trung được đổi tên từ phường Thanh Xuân, quận Đống Đa. Có di tích lịch sử Gò Đống Tây được công nhận là di tích cấp Quốc gia, ghi dấu nơi quân và dân ta đại thắng quân Minh vào năm 1426. Trên địa bàn phường có nhiều nhà máy lớn như: Bông đèn phích nước Rạng Đông, Giấy Thượng Đình. Các nhà máy trên nằm trong diện di dời khỏi nội đô. Sau khi di dời, tại đây sẽ hình thành các khu đô thị, quy mô dân số phường Thanh Xuân Trung khoảng 48.000 người (đạt 320% so với tiêu chuẩn).

1.9.5.2. Diện tích tự nhiên: 1,18 km².

1.9.5.3. Quy mô dân số: 37.894 người.

1.9.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 357 người; chiếm tỷ lệ 0,94%.

1.9.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.9.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân Nam, Hạ Đình, Nhân Chính, Thượng Đình (quận Thanh Xuân).

1.9.6. Phường Khương Mai

1.9.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có diện tích tự nhiên 1,06 km², có gần 24.604 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn, là phường có mật độ dân cư lớn của quận Thanh Xuân. Số người dân ở trọ, kinh doanh trên địa bàn khoảng gần 3.100 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư, nếu sáp nhập với ĐVHC cấp xã liên kề thì dân số sẽ tăng quá lớn.

+ Trên địa bàn phường có sân bay Bạch Mai, trụ sở Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân và nhiều cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo Quốc phòng - An ninh.

+ Bạch Mai là một địa danh có tên tuổi từ lâu đời trên bản đồ hành chính Hà Nội, nơi này cách đây trên 200 năm ngày 05 tháng Giêng năm Kỷ Dậu, Hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ chỉ huy đội quân bách chiến bách thắng tiến vào giải phóng cung thành Thăng Long tiêu diệt 29 vạn quân Mãn Thanh. Nơi đây trong cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp quân và dân Hà Nội đã lập chiến công oanh liệt, tập kích sân bay Bạch Mai phá huỷ 25 máy bay, 60 vạn lít xăng, 30 vạn tấn vũ khí của địch. Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước, Bạch Mai là nơi đặt Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh quân chủng Phòng không - Không quân góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, điển hình là trận “Điện Biên Phủ trên không” tháng 12 năm 1972 trên bầu trời Hà Nội, tiêu diệt 81 máy bay các loại trong đó có 34 máy bay B52, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Paris về Việt Nam. Địa danh này gồm sân bay Bạch Mai và vùng đất trũng xung quanh ao hồ, đầm lầy thuộc Làng Khương Thượng - Định Công. Quá trình đô thị hoá Thủ đô Hà Nội, vành đai sân bay được quy hoạch thành các khu cơ quan, doanh trại quân đội và nhà ở tập thể, dần dần dân số ngày một tăng, hoạt động kinh tế - xã hội ngày càng phát triển.

1.9.6.2. Diện tích tự nhiên: 1,06 km².

1.9.6.3 Quy mô dân số: 24.604 người.

1.9.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 228 người; chiếm tỷ lệ 0,93%.

1.9.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.9.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phường Liệt, Khương Trung, Khương Đình (quận Thanh Xuân); phường Định Công (quận Hoàng Mai); phường Khương Thượng (quận Đống Đa).

1.9.7. Phường Phương Liệt

1.9.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Thực hiện Hiến pháp 1980, năm 1981 Tiểu khu Phương Liệt chuyển thành phường Phương Liệt thuộc quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (tháng 12 năm 1996 chuyển về quận Thanh Xuân). Phường có diện tích tự nhiên 0,94 km², có gần 26.017 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn, là phường có mật độ dân cư lớn của quận Thanh Xuân. Ngoài ra, số người dân lưu trú, hàng ngày đến kinh doanh, lao động trên địa bàn khoảng gần 3.100 người, di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư, nếu sáp nhập với ĐVHC cấp xã liên kề thì dân số sẽ tăng quá lớn.

+ Về yếu tố truyền thống, lịch sử: phường Phương Liệt trong lịch sử xa xưa nơi đây có tên là làng Giáp Cừ. Các bậc tiền bối đã không chịu để con cháu mai sau phải xếp Giáp thứ 9, đã đổi tên là Phương Liệt, Phương ở đây có nghĩa là thơm; Liệt với nghĩa là oanh liệt. Đất linh ất phải có hào kiệt. Nơi đây quá khứ đã sản sinh ra nhiều người tài giỏi. Danh nhân văn hóa, hiện tại nhiều người con Phương Liệt thành danh đã cống hiến lớn lao cho sự phát triển của phường và đất nước. Phường Phương Liệt là vùng đất ở cửa ngõ phía Nam của Thủ đô, phía Bắc giáp quận Đống Đa, phía Nam giáp quận Hoàng Mai, phía Đông giáp quận Hai Bà Trưng, phía Tây giáp phường Khương Mai và sân bay Bạch Mai. Đường xe lửa Bắc - Nam và đường Giải Phóng cùng với cầu vượt Ngã Tư Vọng đi qua, cắt phường Phương Liệt làm hai về phía Đông Bắc. Trên địa bàn phường có các tuyến phố: đường Giải Phóng, đường Trường Chinh, phố Vọng, phố Phương Liệt, phố Phan Đình Giót, phố Nguyễn Văn Trỗi, phố Định Công; nhiều cơ quan Trung ương và Thành phố đặt trụ sở làm việc.

+ Trên địa bàn phường có cụm di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật: đình Phương Liệt, chùa Linh Quang, miếu ông Trạng được xây dựng trên mảnh đất thiêng. Tại bia đình Phương Liệt có ghi lời của Trạng nguyên Lưu Danh Công: “Ngắm nhìn về địa lý, Phương Liệt có địa hình rất đẹp. Đất có truyền thống về thuần phong, mỹ tục. Đất linh ất phải có người kiệt”. Cụm di tích lịch sử này được Bộ Văn hóa thông tin công nhận ngày 18/01/1993 là những di tích bảo tàng cấp quốc gia.

1.9.7.2. Diện tích tự nhiên: 0,94 km².

1.9.7.3. Quy mô dân số: 26.017 người.

1.9.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 196 người; chiếm tỷ lệ 0,75%.

1.9.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.9.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Khương Mai (quận Thanh Xuân); các phường: Định Công, Giáp Bát (quận Hoàng Mai); phường Đồng Tâm (quận Hai Bà Trưng); phường Phương Mai (quận Đống Đa).

1.9.8. Phường Khương Trung

1.9.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường Khương Trung được tách từ quận Đống Đa. Trên địa bàn phường có nhiều di tích lịch sử, văn hóa được công nhận. Phường có diện tích tự nhiên 0,74 km², có gần 30.824 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn, là phường có mật độ dân cư lớn của quận Thanh Xuân. Ngoài dân số thường trú và tạm trú, số người dân lưu trú để kinh doanh, lao động trên địa bàn khoảng gần 3.750 người, di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư, nếu sáp nhập với ĐVHC cấp xã liền kề thì dân số sẽ tăng quá lớn.

+ Phường có đặc điểm cộng đồng dân cư riêng biệt: Dân cư trên địa bàn phường cơ bản đã sinh sống lâu đời, có nhiều dòng họ lớn và giữ tập tục sinh hoạt cộng đồng theo dòng họ và duy trì các lễ hội cổ truyền thống, với những thói quen, tập tục rõ nét ở từng khu vực dân cư và đã ổn định trong nhiều chục năm. Do vậy việc sáp nhập với các ĐVHC cấp xã liền kề khác sẽ tạo sự xung đột về văn hóa và các thói quen trong cuộc sống gây khó khăn cho việc hòa nhập các khu dân cư.

1.9.8.2. Diện tích tự nhiên: 0,74 km².

1.9.8.3. Quy mô dân số: 30.824 người.

1.9.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 290 người; chiếm tỷ lệ 0,94%.

1.9.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.9.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Khương Đình, Thượng Đình, Khương Mai (quận Thanh Xuân); phường Định Công (quận Hoàng Mai); phường Nguyễn Trãi (quận Đống Đa).

1.9.9. Phường Thượng Đình

1.9.9.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có diện tích tự nhiên 0,67 km², có gần 25.770 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn, là phường có mật độ dân cư lớn của quận Thanh Xuân. Ngoài dân số thường trú và tạm trú, số người dân lưu trú để kinh doanh và lao động trên địa bàn khoảng gần 2.750 người, di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư, nếu sáp nhập với ĐVHC cấp xã liền kề thì dân số sẽ tăng quá lớn.

+ Phường Thượng Đình là nơi tập trung nhiều nhà máy lớn như: Cao su Sao Vàng, Thuốc lá Thăng Long, Xà phòng Hà Nội... Các nhà máy trên nằm trong diện di dời khỏi nội đô. Theo quy hoạch phân khu đô thị đã được phê duyệt, sau khi di dời, tại đây sẽ hình thành các khu đô thị, quy mô dân số phường Thượng Đình trong thời gian tới, dự kiến dự báo sẽ tăng lên khoảng 46.000 người (đạt 306,7% so với tiêu chuẩn).

+ Về đặc điểm cộng đồng dân cư: Dân cư sinh sống lâu đời với nhiều dòng họ lớn và giữ tập tục sinh hoạt cộng đồng theo dòng họ và duy trì các lễ hội cổ truyền thống, với những thói quen, tập tục rõ nét ở từng khu vực dân cư và đã ổn định trong nhiều chục năm. Do vậy việc sáp nhập với các ĐVHC cấp xã liên kề khác sẽ tạo sự xung đột về văn hóa và các thói quen trong cuộc sống gây khó khăn cho việc hòa nhập các khu dân cư.

1.9.9.2. Diện tích tự nhiên: 0,67 km².

1.9.9.3. Quy mô dân số: 25.770 người.

1.9.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.9.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.9.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Hạ Đình, Nhân Chính, Khương Trung, Thanh Xuân Trung (quận Thanh Xuân); các phường: Ngã Tư Sở, Thịnh Quang (quận Đống Đa).

1.10. Thị xã Sơn Tây

1.10.1. Phường Lê Lợi

1.10.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.10.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,90 km².

1.10.1.3. Quy mô dân số: 8.617 người.

1.10.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 93 người; chiếm tỷ lệ 1,08%.

1.10.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.10.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Quang Trung, Viên Sơn, Ngô Quyền, Phú Thịnh (thị xã Sơn Tây).

1.10.2. Phường Ngô Quyền

1.10.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.10.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,42 km².

1.10.2.3. Quy mô dân số: 8.418 người.

1.10.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 44 người; chiếm tỷ lệ 0,52%.

1.10.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.10.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Lê Lợi, Phú Thịnh, Trung Hưng, Quang Trung (thị xã Sơn Tây).

1.10.3. Phường Quang Trung

1.10.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.10.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,76 km².

1.10.3.3. Quy mô dân số: 8.714 người.

1.10.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 154 người; chiếm tỷ lệ 1,77%.

1.10.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.10.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Viên Sơn, Lê Lợi, Ngô Quyền, Trung Hưng, Sơn Lộc (thị xã Sơn Tây).

1.11. Huyện Ba Vì

1.11.1. Xã Châu Sơn

1.11.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.11.1.2. Diện tích tự nhiên: 3,55 km².

1.11.1.3. Quy mô dân số: 4.937 người.

1.11.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.11.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.11.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Vạn Thắng; Phú Phương; Tân Hồng (huyện Ba Vì); xã Cao Đại (huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc).

1.11.2. Xã Phú Đông

1.11.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Được hình thành và ổn định từ năm 1945 đến nay, chưa điều chỉnh địa giới hành chính.

1.11.2.2. Diện tích tự nhiên: 3,63 km².

1.11.2.3. Quy mô dân số: 6.401 người.

1.11.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.11.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.11.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Vạn Thắng, xã Phong Vân, xã Thái Hòa, xã Cổ Đô.

1.11.3. Xã Đông Quang

1.11.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Được hình thành và ổn định từ năm 1945 đến nay, chưa điều chỉnh địa giới hành chính.

1.11.3.2. Diện tích tự nhiên: 3,88 km²

1.11.3.3. Quy mô dân số: 5.748 người

1.11.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.11.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.11.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Minh Châu, Tiên Phong, Cam Thượng, Chu Minh.

1.12. Huyện Chương Mỹ

1.12.1. Xã Đồng Phú

1.12.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.12.1.2. Diện tích tự nhiên: 3,98 km².

1.12.1.3. Quy mô dân số: 7.223 người.

1.12.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.12.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.12.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Quảng Bị, Thượng Vực, Văn Võ, Chính Hòa (huyện Chương Mỹ); các xã: Hồng Phong, Phúc Lâm (huyện Mỹ Đức).

1.12.2. Xã Hồng Phong

1.12.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.12.2.2. Diện tích tự nhiên: 3,19 km².

1.12.2.3. Quy mô dân số: 5.519 người.

1.12.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.12.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.12.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã Quảng Bị; Đồng Lạc; Trần Phú; Mỹ Lương (huyện Chương Mỹ); xã Phúc Lâm (huyện Mỹ Đức).

1.12.3. Xã Phú Nam An

1.12.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.12.3.2. Diện tích tự nhiên: 3,38 km²

1.12.3.3. Quy mô dân số: 4.786 người

1.12.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 19 người; chiếm tỷ lệ 0,39%

1.12.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.12.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Văn Võ; xã Hòa Chính; các xã: Phương Trung, Cao Dương thuộc huyện Thanh Oai; xã Văn Ngoại thuộc huyện Ứng Hòa.

1.13. Huyện Mê Linh

1.13.1. Xã Vạn Yên

1.13.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.13.1.2. Diện tích tự nhiên: 3,12 km².

1.13.1.3. Quy mô dân số: 6.357 người.

1.13.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 05 người; chiếm tỷ lệ 0,08%.

1.13.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.13.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Tiến Thịnh, Tự Lập, Liên Mạc.

1.14. Huyện Mỹ Đức

1.14.1. Xã Mỹ Thành

1.14.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.14.1.2. Diện tích tự nhiên: 3,91 km².

1.14.1.3. Quy mô dân số: 3.967 người.

1.14.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 18 người; chiếm tỷ lệ 0,45%.

1.14.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.14.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Bọt Xuyên, Phúc Lâm, Tuy Lai, An Mỹ.

1.14.2. Xã Đốc Tín

1.14.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.14.2.2. Diện tích tự nhiên: 3,45 km².

1.14.2.3. Quy mô dân số: 5.247 người.

1.14.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 19 người; chiếm tỷ lệ 0,36%.

1.14.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.14.2.6 Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Hùng Tiến, Hương Sơn, Vạn Kim.

1.15. Huyện Phú Xuyên

1.15.1. Xã Tri Trung

1.15.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.15.1.2. Diện tích tự nhiên: 3,80 km².

1.15.1.3. Quy mô dân số: 4.666 người.

1.15.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.15.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.15.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Văn Hoàng, Phú Túc, Hoàng Long, Hồng Minh.

1.15.2. Xã Đại Thắng

1.15.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.15.2.2. Diện tích tự nhiên: 4,18 km².

1.15.2.3. Quy mô dân số: 7.202 người.

1.15.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.15.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.15.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Phụng Dục, Văn Hoàng, Tân Dân, Quang Trung (huyện Phú Xuyên); xã Văn Tự (huyện Thường Tín).

1.15.3. Xã Sơn Hà

1.15.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.15.3.2. Diện tích tự nhiên: 3,50 km².

1.15.3.3. Quy mô dân số: 6.304 người.

1.15.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.15.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.15.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị trấn Phú Xuyên và các xã: Quang trung, Tân Dân (huyện Phú Xuyên); các xã: Văn Từ, Minh Cường (huyện Thường Tín).

1.15.4. Xã Quang Trung

1.15.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.15.4.2. Diện tích tự nhiên: 4,15 km².

1.15.4.3. Quy mô dân số: 5.126 người.

1.15.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.15.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.15.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Tân Dân, Sơn Hà, Đại Thắng (huyện Phú Xuyên); các xã: Văn Từ, Minh Cường (huyện Thường Tín).

1.15.5. Xã Nam Phong

1.15.5.1 Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.15.5.2. Diện tích tự nhiên: 3,75 km².

1.15.5.3. Quy mô dân số: 5.280 người.

1.15.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.15.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.15.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: thị trấn Phú Minh và các xã: Nam Triều, Nam Tiến (huyện Phú Xuyên); xã Minh Cường (huyện Thường Tín).

1.15.6. Thị trấn Phú Minh

1.15.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liền kề. Và đang nằm trong quy hoạch phát triển đô thị vệ tinh Phú Xuyên - Thường Tín.

1.15.6.2. Diện tích tự nhiên: 1,10 km².

1.15.6.3. Quy mô dân số: 5.656 người.

1.15.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.15.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.15.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Nam Tiến (huyện Phú Xuyên); các xã: Vạn Điểm, Minh Cường (huyện Thường Tín); xã Đông Ninh (huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên).

1.16. Huyện Phúc Thọ

1.16.1. Xã Thọ Lộc

1.16.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.16.1.2. Diện tích tự nhiên: 3,79 km².

1.16.1.3. Quy mô dân số: 8.618 người.

1.16.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.16.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.16.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: thị trấn Phúc Thọ và các xã: Sen Phương, Võng Xuyên, Trạch Mỹ Lộc, Tích Giang (huyện Phúc Thọ); phường Viên Sơn (thị xã Sơn Tây).

1.16.2. Xã Thượng Cốc

1.16.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.16.2.2. Diện tích tự nhiên: 3,26 km².

1.16.2.3. Quy mô dân số: 6.111 người.

1.16.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.16.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.16.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Hát Môn, Long Xuyên, Ngọc Tảo, Vân Nam, Xuân Đình.

1.16.3. Xã Vân Hà

1.16.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.16.3.2. Diện tích tự nhiên: 5,08 km².

1.16.3.3. Quy mô dân số: 2.372 người.

1.16.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.16.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.16.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Vân Phúc, Vân Nam, Trung Châu (huyện Phúc Thọ); các xã: Hồng Châu, Trung Hà (huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc).

1.16.4. Xã Phúc Hòa

1.16.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.16.4.2. Diện tích tự nhiên: 4,13 km².

1.16.4.3. Quy mô dân số: 7.465 người.

1.16.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.16.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.16.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: thị trấn Phúc Thọ và các xã: Phụng Thượng, Long Xuyên (huyện Phúc Thọ); xã Đại Đồng (huyện Thạch Thất).

1.17. Huyện Quốc Oai

1.17.1. Xã Phụng Cách

1.17.1.1 Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.17.1.2. Diện tích tự nhiên: 2,65 km².

1.17.1.3. Quy mô dân số: 6.915 người.

1.17.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 29 người; chiếm tỷ lệ 0,42%.

1.17.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.17.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Sài Sơn, Yên Sơn (huyện Quốc Oai); xã Yên Sở (huyện Hoài Đức); xã Phùng Xá (huyện Thạch Thất).

1.17.2. Xã Thạch Thán

1.17.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.17.2.2. Diện tích tự nhiên: 2,08 km².

1.17.2.3. Quy mô dân số: 7.041 người.

1.17.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 36 người; chiếm tỷ lệ 0,51%.

1.17.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.17.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị trấn Quốc Oai và các xã: Đồng Quang, Mỹ Ngọc (huyện Quốc Oai).

1.17.3. Xã Tân Hòa

1.17.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.17.3.2. Diện tích tự nhiên: 3,85 km².

1.17.3.3. Quy mô dân số: 8.136 người.

1.17.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 46 người; chiếm tỷ lệ 0,57%.

1.17.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.17.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Tân Phú, Cộng Hòa (huyện Quốc Oai); xã Vân Côn (huyện Hoài Đức); các xã: Tiên Phương, Phụng Châu (huyện Chương Mỹ).

1.17.4. Xã Đại Thành

1.17.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.17.4.2. Diện tích tự nhiên: 2,69 km².

1.17.4.3. Quy mô dân số: 6.988 người.

1.17.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 06 người; chiếm tỷ lệ 0,09%.

1.17.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.17.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Tân Phú (huyện Quốc Oai); phường Yên Nghĩa (quận Hà Đông); xã Phụng Châu (huyện Chương Mỹ); các xã: An Thượng, Đông La (huyện Hoài Đức).

1.17.5. Xã Tân Phú

1.17.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.17.5.2. Diện tích tự nhiên: 2,91 km².

1.17.5.3. Quy mô dân số: 6.270 người.

1.17.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 09 người; chiếm tỷ lệ 0,14%.

1.17.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.17.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Tân Hòa, Đại Thành (huyện Quốc Oai); xã Phụng Châu (huyện Chương Mỹ); các xã: Vân Côn, An Thượng (huyện Hoài Đức).

1.17.6. Xã Nghĩa Hương

1.17.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.17.6.2. Diện tích tự nhiên: 3,67 km².

1.17.6.3. Quy mô dân số: 7.736 người.

1.17.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 26 người; chiếm tỷ lệ 0,34%.

1.17.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.17.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Ngọc Mỹ, Cấn Hữu, Đồng Quang, Liệp Tuyết.

1.17.7. Xã Liệp Tuyết

1.17.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.17.7.2. Diện tích tự nhiên: 3,93 km².

1.17.7.3. Quy mô dân số: 6.159 người.

1.17.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 15 người; chiếm tỷ lệ 0,24%.

1.17.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.17.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Ngọc Liệp, Nghĩa Hương, Ngọc Mỹ, Tuyết Nghĩa.

1.17.8. Xã Phú Mãn

1.17.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Xã miền núi có 90,78% dân số là dân tộc thiểu số nên có những phong tục, tập quán riêng.

1.17.8.2. Diện tích tự nhiên: 8,99 km².

1.17.8.3. Quy mô dân số: 2.559 người.

1.17.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 2.323 người; chiếm tỷ lệ 90,78%.

1.17.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.17.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Đông Xuân, Hòa Thạch, Phú Cát (huyện Quốc Oai); xã Lâm Sơn (huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình).

1.18. Huyện Sóc Sơn

1.18.1. Thị trấn Sóc Sơn

1.18.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Theo Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó định hướng “ Xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô tại phía Bắc (vùng Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn). Đồng thời, UBND thành phố đã chỉ đạo UBND huyện Sóc Sơn tổ chức lập đề án Quy hoạch phân khu đô thị Sóc Sơn (trong đó, thị trấn Sóc Sơn thuộc các Quy hoạch phân khu 1, khu 3, khu 5) làm cơ sở cập nhật vào đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đảm bảo theo định hướng tại Nghị quyết số 15/NQ-TW ngày 05/5/2022.

1.18.1.2. Diện tích tự nhiên: 1,07 km².

1.18.1.3. Quy mô dân số: 6.006 người.

1.18.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 27 người; chiếm tỷ lệ 0,45%.

1.18.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.18.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Phù Linh, Tiên Dược, Tân Minh.

1.19. Huyện Thạch Thất

1.19.1. Xã Dị Nậu

1.19.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.19.1.2. Diện tích tự nhiên: 3,20 km².

1.19.1.3. Quy mô dân số: 8.246 người.

1.19.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.19.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.19.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Canh Nậu, Hữu Bằng (huyện Thạch Thất); xã Liên Hiệp (huyện Phúc Thọ); xã Sơn Sài (huyện Quốc Oai).

1.19.2. Xã Chàng Sơn

1.19.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.19.2.2. Diện tích tự nhiên: 2,74 km².

1.19.2.3. Quy mô dân số: 11.458 người.

1.19.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.19.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.19.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Hương Ngải, Canh Nậu, Thạch Xá, Cần Kiệm, Kim Quan và thị trấn Liên Quan (huyện Thạch Thất).

1.19.3. Xã Thạch Xá

1.19.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.19.3.2. Diện tích tự nhiên: 3,40 km².

1.19.3.3. Quy mô dân số: 8.068 người.

1.19.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.19.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.19.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Chàng Sơn, Cần Kiệm, Bình Phú, Hữu Bằng, Canh Nậu (huyện Thạch Thất).

1.19.4. Xã Hữu Bằng

1.19.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.19.4.2. Diện tích tự nhiên: 1,89 km².

1.19.4.3. Quy mô dân số: 19.378 người.

1.19.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.19.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.19.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Dị Nậu, Phùng Xá, Bình Phú, Thạch Xá, Canh Nậu (huyện Thạch Thất).

1.19.5. Xã Cẩm Yên

1.19.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: được hình thành và ổn định từ năm 1945 đến nay, chưa điều chỉnh địa giới hành chính.

1.19.5.2. Diện tích tự nhiên: 4,03 km².

1.19.5.3. Quy mô dân số: 8.728 người.

1.19.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

1.19.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.19.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Đại Đồng, Lại Thượng (huyện Thạch Thất); xã Trạch Mỹ Lộc và thị trấn Phúc Thọ (huyện Phúc Thọ); xã Cổ Đông (thị xã Sơn Tây).

1.20. Huyện Thanh Oai

1.20.1. Xã Kim An

1.20.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.20.1.2. Diện tích tự nhiên: 2,93 km².

1.20.1.3. Quy mô dân số: 4.087 người.

1.20.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 11 người; chiếm tỷ lệ 0,27%.

1.20.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.20.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Kim Thư và thị trấn Kim Bài (huyện Thanh Oai); các xã Văn Võ, Hoàng Diệu (huyện Chương Mỹ).

1.20.2. Xã Kim Thư

1.20.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.20.2.2. Diện tích tự nhiên: 2,92 km².

1.20.2.3. Quy mô dân số: 6.554 người.

1.20.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 50 người; chiếm tỷ lệ 0,76%.

1.20.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.20.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Phương Trung, Kim An, Đỗ Động và thị trấn Kim Bài (huyện Thanh Oai); xã Văn Võ (huyện Chương Mỹ).

1.20.3. Xã Xuân Dương

1.20.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.20.3.2. Diện tích tự nhiên: 3,59 km².

1.20.3.3. Quy mô dân số: 6.929 người.

1.20.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 18 người; chiếm tỷ lệ 0,26%.

1.20.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.20.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Cao Dương (huyện Thanh Oai); các xã: Phú An Nam, Hòa Chính (huyện Chương Mỹ); các xã: Viên An, Hoa Sơn (huyện Ứng Hòa).

1.21. Huyện Thường Tín

1.21.1. Xã Chương Dương

1.21.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.21.1.2. Diện tích tự nhiên: 4,10 km².

1.21.1.3. Quy mô dân số: 6.128 người.

1.21.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 28 người; chiếm tỷ lệ 0,46%.

1.21.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.21.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Tự Nhiên, Thư Phú, Quất Động, Lê Lợi, Vân Tảo, Hà Hồi (huyện Thường Tín); xã Tứ Dân (huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên).

1.21.2. Xã Hà Hồi

1.21.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.21.2.2. Diện tích tự nhiên: 3,92 km².

1.21.2.3. Quy mô dân số: 11.423 người.

1.21.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 16 người; chiếm tỷ lệ 0,14%.

1.21.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.21.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: thị trấn Thường Tín và các xã: Văn Bình, Liên Phương, Vân Tảo, Quất Động, Chương Dương, Nguyễn Trãi, Vân Phú.

1.21.3. Xã Nhị Khê

1.21.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: xã Nhị Khê thuộc huyện Thường Tín được Thành ủy Hà Nội nhất trí chủ trương, định hướng đưa vào là một trong những huyện xây dựng thành Quận của Thủ đô giai đoạn 2026 - 2030 theo Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 về “Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025” và Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021 - 2025” của Thành ủy Hà Nội khóa XVII.

Mặt khác, huyện Thường Tín là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, là đất danh hương, khoa bảng với 68 nhà khoa bảng được ghi danh trong Văn miếu Quốc Tử Giám, là quê hương của danh nhân văn hóa thế giới, anh hùng giải phóng dân tộc Nguyễn Trãi ở xã Nhị Khê; cũng là huyện đặc sắc, đa dạng về tín ngưỡng dân gian và tôn giáo với 11/29 xã, thị trấn có đạo Công giáo, 04 xã có đạo Tin lành, có chùa Đậu xã Nguyễn Trãi là di tích cấp Quốc gia với 02 vị thiền sư tu thân đắc đạo để lại toàn thân xá lợi là Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường, có xã Tự Nhiên là quê hương nơi diễn ra mối thiên duyên Chữ Đồng Tử - Tiên Dung (một trong Tứ Bất Tử của văn hóa dân gian Việt Nam), là huyện có di sản văn hóa phi vật thể Hát Trống Quân xã Khánh Hà và quần thể Đền Lộ xã Ninh Sở nơi tổ chức thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ (hình thức đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại). Đồng thời, huyện Thường Tín còn được mệnh danh là đất trăm nghề với 82/162 làng có nghề, trong đó có 49 làng được công nhận làng nghề truyền thống, tiêu biểu như: Thêu tay xã Quất Động, xã Thắng Lợi; Sơn mài Hạ Thái

xã Duyên Thái; Lược sừng mỹ nghệ Thụy Ứng xã Hòa Bình; Điều khắc mỹ nghệ Định Quán xã Tiền Phong, Nhân Hiền xã Hiền Giang; Chăn ga gối đệm Trát Cầu xã Tiền Phong; Mộc cao cấp Vạn Điểm xã Vạn Điểm; Hoa cây cảnh Hồng Vân; Mây tre đan xã Ninh Sở; Tiện xã Nhị Khê....

1.21.3.2. Diện tích tự nhiên: 2,79 km².

1.21.3.3. Quy mô dân số: 8.066 người.

1.21.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 21 người; chiếm tỷ lệ 0,26%.

1.21.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.21.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Duyên Thái, Khánh Hà, Hòa Bình, Văn Bình (huyện Thường Tín); các xã: Liên Ninh, Đại Áng (huyện Thanh Trì).

1.21.4. Xã Hòa Bình

1.21.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.21.4.2. Diện tích tự nhiên: 3,89 km².

1.21.4.3. Quy mô dân số: 7.444 người.

1.21.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 41 người; chiếm tỷ lệ 0,55%.

1.21.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.21.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Nhị Khê, Khánh Hà, Hiền Giang, Tiền Phong, Văn Phú, Văn Bình (huyện Thường Tín).

1.21.5. Xã Liên Phương

1.21.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.21.5.2. Diện tích tự nhiên: 2,70 km².

1.21.5.3. Quy mô dân số: 9.079 người.

1.21.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 07 người; chiếm tỷ lệ 0,08%.

1.21.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.21.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Văn Bình, Duyên Thái, Ninh Sở, Vân Tảo, Hà Hồi (huyện Thường Tín).

1.21.6. Xã Thư Phú

1.21.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.21.6.2. Diện tích tự nhiên: 2,50 km².

1.21.6.3. Quy mô dân số: 7.069 người.

1.21.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 13 người; chiếm tỷ lệ 0,18%.

1.21.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.21.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Vân Tảo, Hồng Vân, Tự Nhiên, Chương Dương (huyện Thường Tín).

1.21.7. Xã Văn Phú

1.21.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.21.7.2. Diện tích tự nhiên: 3,18 km².

1.21.7.3. Quy mô dân số: 8.659 người.

1.21.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 9 người; chiếm tỷ lệ 0,10%.

1.21.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.21.7.6 Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị trấn Thường Tín và các xã: Hòa Bình, Tiền Phong, Nguyễn Trãi, Hà Hồi, Văn Bình (huyện Thường Tín).

1.21.8. Xã Duyên Thái

1.21.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: xã Duyên Thái thuộc huyện Thường Tín được Thành ủy Hà Nội nhất trí chủ trương, định hướng đưa vào là một trong những huyện xây dựng thành Quận của Thủ đô giai đoạn 2026 - 2030 theo Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 về “Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025” và Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021 - 2025” của Thành ủy Hà Nội khóa XVII.

Mặt khác, huyện Thường Tín là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, là đất danh hương, khoa bảng với 68 nhà khoa bảng được ghi danh trong Văn miếu Quốc Tử Giám, là quê hương của danh nhân văn hóa thế giới, anh hùng giải phóng dân tộc Nguyễn Trãi ở xã Nhị Khê; cũng là huyện đặc sắc, đa dạng về tín ngưỡng dân gian và tôn giáo với 11/29 xã, thị trấn có đạo Công

giáo, 04 xã có đạo Tin lành, có Chùa Đậu xã Nguyễn Trãi là di tích cấp Quốc gia với 02 vị thiền sư tu thân đắc đạo để lại toàn thân xá lợi là Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường, có xã Tự Nhiên là quê hương nơi diễn ra mối duyên Chữ Đồng Tử - Tiên Dung (một trong Tứ Bất Tử của văn hóa dân gian Việt Nam), là huyện có di sản văn hóa phi vật thể Hát Trống Quân xã Khánh Hà và quần thể Đền Lộ xã Ninh Sở nơi tổ chức thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ (hình thức đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại). Đồng thời, huyện Thường Tín còn được mệnh danh là đất trăm nghề với 82/162 làng có nghề, trong đó có 49 làng được công nhận làng nghề truyền thống, tiêu biểu như: Thêu tay xã Quất Động, xã Thắng Lợi; Sơn mài Hạ Thái xã Duyên Thái; Lược sừng mỹ nghệ Thụy Ứng xã Hòa Bình; Điêu khắc mỹ nghệ Định Quán xã Tiền Phong, Nhân Hiền xã Hiền Giang; Chăn ga gối đệm Trát Cầu xã Tiền Phong; Mộc cao cấp Vạn Điểm xã Vạn Điểm; Hoa cây cảnh Hồng Vân; Mây tre đan xã Ninh Sở; Tiện xã Nhị Khê....

1.21.8.2. Diện tích tự nhiên: 4,02 km².

1.21.8.3. Quy mô dân số: 12.688 người.

1.21.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 35 người; chiếm tỷ lệ 0,28%.

1.21.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.21.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Nhị Khê, Văn Bình, Ninh Sở (huyện Thường Tín); các xã: Liên Ninh, Đông Mỹ (huyện Thanh Trì).

1.21.9. Xã Vạn Điểm

1.21.9.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: không có.

1.21.9.2. Diện tích tự nhiên: 3,06 km².

1.21.9.3. Quy mô dân số: 8.579 người.

1.21.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 48 người; chiếm tỷ lệ 0,56%.

1.21.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.21.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Văn Tự, Thống Nhất, Minh Cường (huyện Thường Tín); thị trấn Phú Minh (huyện Phú Xuyên).

1.21.10. Xã Hiền Giang

1.21.10.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: không có.

1.21.10.2. Diện tích tự nhiên: 3,24 km².

1.21.10.3. Quy mô dân số: 5.152 người.

1.21.10.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 11 người; chiếm tỷ lệ 0,21%.

1.21.10.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.21.10.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Khánh Hà, Hòa Bình, Tiên Phong (huyện Thường Tín); xã Thanh Thùy (huyện Thanh Oai).

1.21.11. Thị trấn Thường Tín

1.21.11.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.21.11.2. Diện tích tự nhiên: 0,90 km².

1.21.11.3. Quy mô dân số: 6.507 người.

1.21.11.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 50 người; chiếm tỷ lệ 0,77%.

1.21.11.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.21.11.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Văn Bình, Văn Phú, Hà Hồi (huyện Thường Tín).

1.22. Huyện Ứng Hòa

1.22.1. Xã Viên Nội

1.22.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.22.1.2. Diện tích tự nhiên: 4,50 km².

1.22.1.3. Quy mô dân số: 5.426 người.

1.22.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 05 người; chiếm tỷ lệ 0,09%.

1.22.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.22.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Viên An, Cao Thành, Hoa Sơn (huyện Ứng Hòa); xã Bột Xuyên (huyện Mỹ Đức).

1.22.2. Xã Cao Thành

1.22.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.22.2.2. Diện tích tự nhiên: 3,85 km².

1.22.2.3. Quy mô dân số: 5.433 người.

1.22.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 39 người; chiếm tỷ lệ 0,72%.

1.22.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.22.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Viên Nội, Hoa Sơn, Trường Thịnh, Đồng Tiến, Sơn Công (huyện Ứng Hòa); xã Bọt Xuyên (huyện Mỹ Đức).

1.22.3. Xã Trầm Lộng

1.22.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.22.3.2. Diện tích tự nhiên: 7,17 km².

1.22.3.3. Quy mô dân số: 5.586 người.

1.22.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 45 người; chiếm tỷ lệ 0,81%.

1.22.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.22.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Đại Hùng, Minh Đức, Đồng Tân, Hòa Lâm, Kim Đường, Đại Cường (huyện Thường Tín).

1.22.4. Xã Hòa Xá

1.22.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.22.4.2. Diện tích tự nhiên: 2,20 km².

1.22.4.3. Quy mô dân số: 5.769 người.

1.22.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 31 người; chiếm tỷ lệ 0,54%.

1.22.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.22.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Vạn Thái, Hòa Nam (huyện Ứng Hòa); thị trấn Đại Nghĩa, xã Phù Lưu Tế (huyện Mỹ Đức).

1.22.5. Xã Lưu Hoàng

1.22.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.22.5.2. Diện tích tự nhiên: 3,84 km².

1.22.5.3. Quy mô dân số: 6.463 người.

1.22.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.22.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.22.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê: các xã: Phù Lưu, Đội Bình, Hồng Quang (huyện Ứng Hòa); xã Vạn Kim (huyện Mỹ Đức).

1.23. Huyện Đan Phượng

1.23.1. Thị trấn Phùng

1.23.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Đan Phượng là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.23.1.2. Diện tích tự nhiên: 2,63 km².

1.23.1.3. Quy mô dân số: 11.138 người.

1.23.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.23.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.23.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê: các xã: Tân Hội, Đồng Tháp, Song Phượng, Đan Phượng (huyện Đan Phượng); xã Đức Giang (huyện Hoài Đức).

1.23.2. Xã Đan Phượng

1.23.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Đan Phượng là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.23.2.2. Diện tích tự nhiên: 3,81 km².

1.23.2.3. Quy mô dân số: 9.744 người.

1.23.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.23.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.23.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Tân Hội, Song Phượng, Phương Đình và thị trấn Phùng.

1.23.3. Xã Song Phượng

1.23.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Đan Phượng là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.23.3.2. Diện tích tự nhiên: 2,54 km².

1.23.3.3. Quy mô dân số: 5.072 người.

1.23.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.23.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.23.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: thị trấn Phùng và các xã: Đan Phượng, Đồng Tháp (huyện Đan Phượng); xã Hiệp Thuận (huyện Phúc Thọ); các xã: Minh Khai, Đức Thượng (huyện Hoài Đức).

1.23.4. Xã Đồng Tháp

1.23.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Đan Phượng là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.23.4.2. Diện tích tự nhiên: 2,78 km².

1.23.4.3. Quy mô dân số: 8.924 người.

1.23.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.23.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.23.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: thị trấn Phùng và các xã: Song Phượng, Phương Đình (huyện Đan Phượng); các xã: Liên Hiệp, Hiệp Thuận (huyện Phúc Thọ), xã Minh Khai (huyện Hoài Đức).

1.23.5. Xã Liên Hà

1.23.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Đan Phượng là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.23.5.2. Diện tích tự nhiên: 3,48 km².

1.23.5.3. Quy mô dân số: 9.427 người.

1.23.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.23.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.23.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Liên Trung, Liên Hồng, Hạ Mỗ, Tân Hội (huyện Đan Phượng); xã Tráng Việt (huyện Mê Linh).

1.23.6. Xã Thượng Mỗ

1.23.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Đan Phượng là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.23.6.2. Diện tích tự nhiên: 3,54 km².

1.23.6.3. Quy mô dân số: 9.925 người.

1.23.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.23.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.23.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Hạ Mỗ, Đan Phượng, Phương Đình, Tân Hội, Trung Châu.

1.23.7. Xã Hạ Mỗ

1.23.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Đan Phượng là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.23.7.2. Diện tích tự nhiên: 3,77 km².

1.23.7.3. Quy mô dân số: 9.404 người.

1.23.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.23.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.23.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Liên Hà, Tân Hội, Thượng Mỗ, Trung Châu, Tân Hội, Hồng Hà, Liên Hồng.

1.24. Huyện Gia Lâm

1.24.1. Thị trấn Yên Viên

1.24.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

1.24.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,97 km².

1.24.1.3. Quy mô dân số: 13.162 người.

1.24.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.24.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.24.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Yên Viên; xã Mai Lâm (huyện Đông Anh); các phường: Đức Giang, Thượng Thanh (quận Long Biên).

1.24.2. Xã Đình Xuyên

1.24.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội

đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

1.24.2.2. Diện tích tự nhiên: 3,08 km².

1.24.2.3. Quy mô dân số: 11.396 người.

1.24.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 104 người; chiếm tỷ lệ 0,91%.

1.24.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.24.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Ninh Hiệp, Dương Hà, Phù Đồng, Yên Thường.

1.24.3. Xã Dương Hà

1.24.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

1.24.3.2. Diện tích tự nhiên: 2,70 km².

1.24.3.3. Quy mô dân số: 7.452 người.

1.24.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 54 người; chiếm tỷ lệ 0,72%.

1.24.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.24.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Phù Đồng, Yên Yên, Đình Xuyên (huyện Gia Lâm); các phường: Giang Biên, Phúc Lợi (quận Long Biên).

1.24.4. Xã Yên Viên

1.24.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù-

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

1.24.4.2. Diện tích tự nhiên: 3,73 km².

1.24.4.3. Quy mô dân số: 14.484 người.

1.24.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 06 người; chiếm tỷ lệ 0,04%.

1.24.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.24.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Yên Thường, Ninh Hiệp (huyện Gia Lâm); xã Mai Lâm (huyện Đông Anh); các phường: Đức Giang, Giang Biên (quận Long Biên).

1.24.5. Xã Bát Tràng

1.24.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

1.24.5.2. Diện tích tự nhiên: 1,65 km².

1.24.5.3. Quy mô dân số: 8.836 người.

1.24.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 15 người; chiếm tỷ lệ 0,17%.

1.24.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.24.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Đa Tốn, Đông Dư, Kim Lan (huyện Gia Lâm); phường Lĩnh Nam (quận Hoàng Mai); xã Xuân Quan (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

1.24.6. Xã Kim Lan

1.24.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo

quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

1.24.6.2. Diện tích tự nhiên: 2,74 km².

1.24.6.3. Quy mô dân số: 6.733 người.

1.24.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.24.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.24.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Bát Tràng, Văn Đức (huyện Gia Lâm); các phường: Lĩnh Nam, Trần Phú (quận Hoàng Mai); xã Xuân Quan (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

1.24.7. Xã Đông Dư

1.24.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

1.24.7.2. Diện tích tự nhiên: 3,77 km².

1.24.7.3. Quy mô dân số: 6.730 người.

1.24.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

1.24.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.24.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: thị trấn Trâu Quỳ và các xã; Đa Tốn, Bát Tràng (huyện Gia Lâm); phường Cự Khối (quận Long Biên); phường Thanh Trì (quận Hoàng Mai).

1.25. Huyện Hoài Đức

1.25.1. Xã Đắc Sở

1.25.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.25.1.2. Diện tích tự nhiên: 2,05 km².

1.25.1.3. Quy mô dân số: 5.278 người.

1.25.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 25 người; chiếm tỷ lệ 0,47%.

1.25.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.25.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Tiền Yên, Yên Sở, Sơn Đồng (huyện Hoài Đức); các xã: Yên Sơn, Phương Cách, Sài Sơn (huyện Quốc Oai).

1.25.2. Xã Tiền Yên

1.25.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo

quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.25.2.2. Diện tích tự nhiên: 3,08 km².

1.25.2.3. Quy mô dân số: 7.536 người.

1.25.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 25 người; chiếm tỷ lệ 0,32%.

1.25.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.25.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Song Phương, Đắc Sở (huyện Hoài Đức); xã Yên Sơn (huyện Quốc Oai).

1.25.3. Xã Đức Giang

1.25.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03

quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.25.3.2. Diện tích tự nhiên: 3,36 km².

1.25.3.3. Quy mô dân số: 14.540 người.

1.25.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 66 người; chiếm tỷ lệ 0,45%.

1.25.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.25.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: thị trấn Tràm Trôi và các xã: Kim Chung, Sơn Đồng, Yên Sở, Cát Quế, Dương Liễu, Đức Thượng.

1.25.4. Xã Minh Khai

1.25.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.25.4.2. Diện tích tự nhiên: 1,95 km².

1.25.4.3. Quy mô dân số: 6.680 người.

1.25.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 17 người; chiếm tỷ lệ 0,25%.

1.25.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.25.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Đức Thượng, Dương Liễu (huyện Hoài Đức), xã Hiệp Thuận thuộc huyện Phúc Thọ và xã Song Phượng thuộc huyện Đan Phượng.

1.25.5. Xã Lại Yên

1.25.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.25.5.2. Diện tích tự nhiên: 3,28 km².

1.25.5.3. Quy mô dân số: 8.659 người.

1.25.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 44 người; chiếm tỷ lệ 0,51%.

1.25.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.25.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Di Trạch, Kim Chung, Vân Canh, An Khánh, Song Phương, Sơn Đồng.

1.25.6. Xã Di Trạch

1.25.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn

thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.25.6.2. Diện tích tự nhiên: 2,83 km².

1.25.6.3. Quy mô dân số: 10.567 người.

1.25.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 62 người; chiếm tỷ lệ 0,59%.

1.25.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.25.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Kim Chung, Lại Yên, Vân Canh (huyện Hoài Đức); phường Xuân Phương (quận Nam Từ Liêm).

1.25.7. Xã Cát Quế

1.25.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.25.7.2. Diện tích tự nhiên: 4,20 km².

1.25.7.3. Quy mô dân số: 18.929 người.

1.25.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 45 người; chiếm tỷ lệ 0,24%.

1.25.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.25.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Yên Sở, Dương Liễu, Đức Giang (huyện Hoài Đức); xã Sài Sơn (huyện Quốc Oai).

1.25.8. Xã Kim Chung

1.25.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.25.8.2. Diện tích tự nhiên: 3,90 km².

1.25.8.3. Quy mô dân số: 17.066 người.

1.25.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 152 người; chiếm tỷ lệ 0,89%.

1.25.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.25.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Di Trạch, Lại Yên, Sơn Đồng, Đức Giang và thị trấn Trạm Trôi (huyện Hoài Đức); phường Phương Canh (quận Nam Từ Liêm); phường Tây Tựu (quận Bắc Từ Liêm).

1.25.9. Xã Sơn Đồng

1.25.9.1 Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô

thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.25.9.2. Diện tích tự nhiên: 3,33 km².

1.25.9.3. Quy mô dân số: 10.987 người.

1.25.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 35 người; chiếm tỷ lệ 0,32%

1.25.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.25.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Kim Chung, Lại Yên, Song Phương, Tiền Yên, Đắc Sở, Yên Sở, Đức Giang.

1.25.10. Xã La Phù

1.25.10.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.25.10.2. Diện tích tự nhiên: 3,52 km².

1.25.10.3. Quy mô dân số: 13.701 người

1.25.10.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 84 người; chiếm tỷ lệ 0,61%.

1.25.10.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.25.10.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Đông La, An Khánh (huyện Hoài Đức), phường Dương Nội (quận Hà Đông).

1.25.11. Thị trấn Trạm Trôi

1.25.11.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.25.11.2. Diện tích tự nhiên: 1,28 km².

1.25.11.3. Quy mô dân số: 8.016 người.

1.25.11.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 46 người; chiếm tỷ lệ 0,57%.

1.25.11.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.25.11.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Đức Giang, Kim Chung (huyện Hoài Đức); xã Tân Lập (huyện Đan Phượng).

1.26. Huyện Thanh Trì

1.26.1. Xã Đông Mỹ

1.26.1.1 Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến

năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.26.1.2. Diện tích tự nhiên: 2,77 km².

1.26.1.3. Quy mô dân số: 9.943 người.

1.26.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 41 người; chiếm tỷ lệ 0,41%.

1.26.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.26.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Vạn Phúc, Ngũ Hiệp, Liên Ninh, Duyên Hà (huyện Thanh Trì) và các xã: Ninh Sở, Duyên Thái (huyện Thường Tín).

1.26.2. Xã Duyên Hà

1.26.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03

quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.26.2.2. Diện tích tự nhiên: 2,76 km².

1.26.2.3. Quy mô dân số: 6.600 người.

1.26.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 27 người; chiếm tỷ lệ 0,41%.

1.26.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.26.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Vạn Phúc, Ngũ Hiệp, Đông Mỹ, Yên Mỹ (huyện Thanh Trì); xã Văn Đức (huyện Gia Lâm).

1.26.3. Xã Yên Mỹ

1.26.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.26.3.2. Diện tích tự nhiên: 3,84 km².

1.26.3.3. Quy mô dân số: 6.254 người.

1.26.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 19 người; chiếm tỷ lệ 0,30%.

1.26.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.26.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Tứ Hiệp, Ngũ Hiệp, Duyên Hà (huyện Thanh Trì); phường Yên Sở (quận Hoàng Mai); xã Văn Đức (huyện Gia Lâm).

1.26.4. Xã Tam Hiệp

1.26.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.26.4.2. Diện tích tự nhiên: 3,20 km².

1.26.4.3. Quy mô dân số: 16.359 người.

1.26.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 81 người; chiếm tỷ lệ 0,50%.

1.26.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.26.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Tả Thanh Oai, Thanh Liệt, Vĩnh Quỳnh, thị trấn Văn Điển (quận Thanh Trì); phường Hoàng Liệt (quận Hoàng Mai).

1.26.5. Xã Ngọc Hồi

1.26.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội

đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.26.5.2. Diện tích tự nhiên: 3,80 km².

1.26.5.3. Quy mô dân số: 13.725 người.

1.26.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 71 người; chiếm tỷ lệ 0,52%.

1.26.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.26.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Liên Ninh, Đại Áng, Vĩnh Quỳnh, Ngũ Hiệp (huyện Thanh Trì); xã Nhị Khê (huyện Thường Tín).

1.26.6. Xã Hữu Hòa

1.26.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.26.6.2. Diện tích tự nhiên: 2,96 km².

1.26.6.3. Quy mô dân số: 13.062 người.

1.26.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 43 người; chiếm tỷ lệ 0,33%.

1.26.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.26.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Tả Thanh Oai (huyện Thanh Trì), phường Kiến Hưng (quận Hà Đông), xã Cự Khê (huyện Thanh Oai).

1.26.7. Xã Thanh Liệt

1.26.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.26.7.2. Diện tích tự nhiên: 3,49 km².

1.26.7.3. Quy mô dân số: 19.081 người.

1.26.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 115 người; chiếm tỷ lệ 0,60%.

1.26.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.26.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Tả Thanh Oai, Tân Triều, Tam Hiệp (huyện Thanh Trì); các phường: Hoàng Liệt, Đại Kim (quận Hoàng Mai).

1.26.8. Xã Ngũ Hiệp

1.26.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội

đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.26.8.2. Diện tích tự nhiên: 3,24 km².

1.26.8.3. Quy mô dân số: 19.284 người.

1.26.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 107 người; chiếm tỷ lệ 0,55%.

1.26.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.26.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Yên Mỹ, Duyên Hà, Đông Mỹ, Vĩnh Quỳnh, Ngọc Hồi, Liên Ninh, Tứ Hiệp.

1.26.9. Thị trấn Văn Điển

1.26.9.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

1.26.9.2. Diện tích tự nhiên: 0,90 km².

1.26.9.3. Quy mô dân số: 18.984 người.

1.26.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 115 người; chiếm tỷ lệ 0,61%.

1.26.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.26.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Tứ Hiệp, Tam Hiệp, Vĩnh Quỳnh (huyện Thanh Trì); phường Hoàng Liệt (quận Hoàng Mai).

2. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp

2.1. Quận Ba Đình

2.1.1. Phường Phúc Xá

2.1.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là một đơn vị hành chính đặc thù của quận Ba Đình, nằm hoàn toàn ở khu vực ngoài đê sông Hồng (trong không gian thoát lũ); phường có vị trí biệt lập với các phường khác của quận (cửa khẩu Tân Ấp và Long Biên là lối ra vào chính của Phúc Xá).

+ Có vị trí trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Phường có đặc điểm về truyền thống lịch sử đấu tranh yêu nước và cách mạng của nhân dân Phúc Xá gắn liền với lịch sử Đảng và lịch sử dân tộc. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân Phúc Xá đã kiên cường bám trụ bảo vệ vững chắc địa phương, tích cực chiến đấu và phục vụ chiến đấu, giam chân giặc Pháp trong thành phố; nuôi dưỡng cán bộ hoạt động cách mạng, trực tiếp tham gia tổ chức phong trào công nhân, cùng nhân dân Thủ đô đứng lên làm cuộc Cách mạng Tháng Tám, xây dựng trận tuyến vững chắc và cùng lực lượng tự vệ bảo vệ đường rút của Trung đoàn Thủ đô đầu năm 1947. Đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhân dân Phúc Xá lại tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước, anh dũng, bất khuất trên cả hai mặt trận tuyến tiền và hậu phương, vừa chi viện sức người, sức của cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước, vừa cùng quân dân Hà Nội xây dựng, bảo vệ Thủ đô, đồng thời đẩy mạnh phát triển sản xuất.

+ Phường được quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 với các nội dung đáp ứng quy chuẩn xây dựng Việt Nam là một đơn vị tương đương đơn vị hành chính độc lập.

2.1.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,89 km².

2.1.1.3. Quy mô dân số: 18.679 người.

2.1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 25 người; chiếm tỷ lệ 0,13%.

2.1.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.1.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Trúc Bạch, Nguyễn Trung Trực (quận Ba Đình); các phường: Phúc Tân, Đồng Xuân (quận Hoàn Kiếm); phường Yên Phụ (quận Tây Hồ); các phường: Ngọc Thụy, phường Ngọc Lâm (quận Long Biên).

2.1.2. Phường Điện Biên

2.1.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường thuộc địa bàn A1, trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Phường Điện Biên thuộc trung tâm chính trị và hành chính của Thủ đô Hà Nội, là nơi đặt trụ sở của các cơ quan Trung ương của Đảng và Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và là nơi diễn ra các hoạt động đối nội, đối ngoại quan trọng nhất của đất nước.

+ Trên địa bàn phường có nhiều cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, nhà riêng các đồng chí Lãnh đạo cao cấp, địa bàn có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, cơ quan quan trọng, nhiều mục tiêu bảo vệ, như: Lăng, quảng trường lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, tượng đài các anh hùng liệt sỹ, Hội trường Quốc hội, Trung tâm Hội nghị Quốc tế 11 Lê Hồng Phong, Nhà khách của Trung ương Đảng, Chính phủ ở số 8, số 10 phố Chu Văn An, Văn phòng Quốc hội 22 Hùng Vương, Công viên Lenin, Cột cờ Hà Nội, và nhiều cơ quan như: Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp..., có 19 Đại sứ quán, nhiều văn phòng đại diện và nhà riêng của các Đại sứ quán trên địa bàn. Đáng chú ý là Đại sứ quán Trung quốc, Séc....

2.1.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,94 km².

2.1.2.3. Quy mô dân số: 8.999 người.

2.1.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 128 người; chiếm tỷ lệ 1,42%.

2.1.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.1.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Kim Mã, Đội Cấn, Quán Thánh, Ngọc Hà (quận Ba Đình); các phường: Văn Miếu, Quốc Tử Giám, Cát Linh (quận Đống Đa); các phường: Cửa Đông, Cửa Nam (quận Hoàn Kiếm).

2.1.3. Phường Quán Thánh

2.1.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Phường có ý tố đặc thù về truyền thống, lịch sử, văn hóa riêng biệt: Quán Thánh vốn là tên một ngôi đền Quán Thánh có từ thời Lý (1102) một trong tứ

trần (trần bắc) của Thành Thăng Long xưa, di tích văn hóa lịch sử nổi tiếng của Thủ đô Hà Nội (đền Quán Thánh được công nhận là di tích Quốc gia đặc biệt). Quán Thánh cũng là tên một đường phố chính - phố Quán Thánh (có từ năm 1888); Có một phần Hoàng thành Thăng Long được UNESCO công nhận là di sản Văn hoá thế giới, trung tâm du lịch Quốc gia.

+ Trên địa bàn phường là nơi có trụ sở các cơ quan Trung ương Đảng, Quốc hội, Bộ Quốc phòng và nhà công vụ của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Trên địa bàn thường xuyên diễn ra các Hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các kỳ họp của Quốc hội cũng như các hoạt động đối nội, đối ngoại của các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Thường xuyên có các đoàn khiếu kiện tập trung đông người từ các địa phương trên cả nước.

2.1.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,77 km².

2.1.3.3. Quy mô dân số: 7.700 người.

2.1.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 23 người; chiếm tỷ lệ 0,30%.

2.1.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.1.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Trúc Bạch, Ngọc Hà, Nguyễn Trung Trực, Điện Biên (quận Ba Đình); phường Hàng Mã (quận Hoàn Kiếm); phường Thụy Khuê (quận Tây Hồ).

2.1.4. Phường Đội Cấn

2.1.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng. Phường có khu di tích Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; có khu di tích quốc gia đặc biệt là Khu Lưu niệm Phủ Chủ tịch; Bảo tàng Hồ Chí Minh; Bảo tàng Chiến thắng B52; di tích chùa Một Cột, Đình Vạn Phúc là Đình Hàng Tổng.

+ Phường có yếu tố đặc thù về truyền thống, lịch sử: Vùng đất phường Đội Cấn ngày nay thuộc vùng đất của Thập Tam Trại cổ xưa, một vùng đất ở phía Tây kinh thành Thăng Long được lập nên từ thế kỷ X do một vị dũng sĩ họ Hoàng người làng Lệ Mật khai hoang. Vùng đất của phường thuộc đông bắc tổng Nội là phần quan trọng nhất của Thập Tam Trại, không chỉ có cảnh sinh hoạt trù phú mà còn chứa đựng một lượng lớn vết tích về lịch sử thành lập kinh thành Thăng Long từ thế kỷ thứ IX đến thế kỷ thứ XIV. Qua các thăng trầm lịch sử, đến nay trên địa bàn phường vẫn còn nhiều di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng như: chùa Một Cột, chùa Bát Tháp và đình Vạn Phúc.

2.1.4.2. Diện tích tự nhiên: 0,40 km².

2.1.4.3. Quy mô dân số: 14.726 người.

2.1.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 17 người; chiếm tỷ lệ 0,12%.

2.1.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.1.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Liễu Giai, Ngọc Hà, Kim Mã, Điện Biên (quận Ba Đình).

2.1.5. Phường Ngọc Hà

2.1.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc Phòng. Phường có ý tố đặc thù về truyền thống, lịch sử: phường Ngọc Hà xưa kia là phần đất của Thập Tam Trại, gồm có 5 làng cổ: Ngọc Hà, Hữu Tiệp, Khán Xuân, Đại Yên, Vĩnh Phúc; Phường có Khu di tích lịch sử Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Phủ Chủ tịch, nơi tiếp đón các đoàn ngoại giao quốc tế; nhà 67, nơi Bác Hồ sống, làm việc và trút hơi thở cuối cùng. Phường có nhiều di tích lịch sử - văn hóa phi vật thể và vật thể (có 04 di tích cấp quốc gia, 04 di tích cấp thành phố), tiêu biểu là các di tích, như: Hồ Hữu Tiệp và máy bay B52 được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia; Đình Ngọc Hà được xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa quốc gia; Đền Đồng Nước được xếp hạng di tích nghệ thuật quốc gia; Đình Đại Yên, Đình Hữu Tiệp, Đền Cát Triệu, chùa Bát Mẫu, đền Núi Sưa...

+ Trên địa bàn phường có nhiều cơ quan, đơn vị như: Văn phòng Chính phủ; Bộ Nông nghiệp; Trung đoàn 600; Bộ Tư lệnh cảnh vệ. Do vậy, ngoài số dân cư trú trên địa bàn, hàng ngày còn có hàng nghìn cán bộ, công chức, chiến sỹ các cơ quan trên làm việc trên địa bàn.

2.1.5.2. Diện tích tự nhiên: 0,82 km².

2.1.5.3. Quy mô dân số: 20.462 người.

2.1.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 27 người; chiếm tỷ lệ 0,13%.

2.1.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.1.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Quán Thánh, Liễu Giai, Đội Cấn, Điện Biên (quận Ba Đình); phường Thụy Khuê (quận Tây Hồ).

2.1.6. Phường Liễu Giai

2.1.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng. Phường Liễu Giai được tách ra từ phường Cống Vị và sáp nhập một phần địa giới hành chính cũ của phường Ngọc Hà theo Nghị định số 02/2005/NĐ-CP ngày 05/01/2005 của

Chính phủ. Phường thuộc một trong 13 làng trại của Thập Tam Trại có giá trị lịch sử hình thành từ thời phong kiến.

+ Phường có yếu tố đặc thù về truyền thống, lịch sử: đất Liễu Giai là nơi có giá trị lịch sử được lưu lại qua các di tích lịch sử - văn hóa, mà tiêu biểu là các ngôi đình, đền, chùa như: Đình Liễu Giai thuộc trại Liễu Giai nằm trong tổng Nội, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên, Đình Liễu Giai được công nhận và quyết định xếp hạng di tích lịch sử văn hóa; Đền Liễu Giai thuộc trại Liễu Giai thờ Mẫu Ngọc Nương tôn linh Thủy tinh công chúa - Thượng đẳng Phúc Thần, cùng chung thờ với đền Đống Nước. Đền Liễu Giai xây từ thời nhà Trần, còn giữ được cuốn thần phả do quan Hàn Lâm đông các đại học sĩ Nguyễn Bính Phụng soạn vào năm 1572 và một đạo sắc phong thời Thành Thái nguyên niên ngày 18/11. Đền Liễu Giai được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận và quyết định xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật. Đình Vĩnh Phúc thuộc trại Vĩnh Phúc, xưa có tên là Vĩnh Khánh. Đình đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận và xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia.

2.1.6.2. Diện tích tự nhiên: 0,68 km².

2.1.6.3. Quy mô dân số: 19.805 người.

2.1.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 76 người; chiếm tỷ lệ 0,38%.

2.1.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.1.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Ngọc Hà, Đội Cấn, Vĩnh Phúc, Ngọc Khánh, Kim Mã (quận Ba Đình); phường Thụy Khuê (quận Tây Hồ).

2.1.7. Phường Vĩnh Phúc

2.1.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Trên địa bàn phường có các cơ quan đơn vị lực lượng vũ trang: Bộ Tư lệnh Pháo binh, Bộ Tư lệnh Công binh, Tiểu đoàn Kiểm soát quân sự 103 và 2 bệnh viện cấp Trung ương là: Bệnh viện Phổi Trung ương và Bệnh viện Quân y 354 (bệnh viện cấp 1 của Bộ Quốc phòng). Ngoài ra còn có khu tập thể Nhà công vụ 130 Đốc Ngừ, là nơi sinh sống của các đồng chí Ủy viên Bộ chính trị và các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Phường mới được tách ra từ phường Cống Vị theo Nghị định số 02/2005/NĐ-CP, ngày 05/01/2005 của Chính phủ hiện nay đang ổn định. Phường thuộc một trong 13 làng trại của Thập Tam Trại có giá trị lịch sử hình thành từ thời phong kiến.

2.1.7.2. Diện tích tự nhiên: 0,71 km².

2.1.7.3. Quy mô dân số: 22.967 người.

2.1.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 127 người; chiếm tỷ lệ 0,55%.

2.1.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.1.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Liễu Giai, Cống Vị (quận Ba Đình); phường Bưởi (quận Tây Hồ); phường Nghĩa Đô (quận Cầu Giấy).

2.1.8. Phường Cống Vị

2.1.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Cống Vị là một làng trại trong “Thập Tam Trại” - vùng đất phía tây kinh thành Thăng Long xưa. Qua những nghiên cứu, khảo sát của khảo cổ học, các nhà khoa học đã khẳng định đây là khu vực đã có cư dân sinh sống liên tục từ thời đại đồng thau đến nay. Thập Tam Trại đã từng nằm trọn trong phạm vi của Hoàng thành Thăng Long, khu vực được Nhà nước phong kiến rất quan tâm bảo vệ. Phường được hình thành chủ yếu bởi 4 làng cổ là: Cống Vị, Kim Mã Thượng, Vạn Phúc và một phần của làng Thủ Lệ, với những đặc điểm văn hóa xã hội đặc trưng riêng, là những làng trại trong 13 làng trại của Thập Tam Trại có giá trị lịch sử hình thành từ thời phong kiến. Hiện trên địa bàn phường còn bảo tồn 2 di tích lịch sử văn hóa cấp Thành phố là Đình Kim Mã Thượng và Đình Cống Vị. Trên địa bàn phường hiện có một số cơ quan quan trọng của Nhà nước, cơ quan ngoại giao như: Cục văn thư lưu trữ Quốc gia; Trung tâm lưu trữ Quốc gia 3; Viện Vật lý; Đại sứ quán Australia. Ngoài ra còn có trụ sở của Tổng Công ty kinh tế, kỹ thuật Quốc phòng (GAET), một phần doanh trại của Bộ Tư lệnh bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2.1.8.2. Diện tích tự nhiên: 0,53 km².

2.1.8.3. Quy mô dân số: 17.478 người.

2.1.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 24 người; chiếm tỷ lệ 0,14%.

2.1.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.1.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Liễu Giai, Ngọc Khánh, Vĩnh Phúc (quận Ba Đình); phường Quan Hoa (quận Cầu Giấy).

2.1.9. Phường Giảng Võ

2.1.9.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: phường Giảng Võ nằm ở phía Tây thành phố Hà Nội, được giới hạn bởi các tuyến đường: Giảng Võ, Kim Mã, Núi Trúc, La Thành, Nguyễn Chí Thanh. Là một làng cổ ra đời đã hơn 900 năm, thời Vua Lý Thái Tổ rời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về Thăng Long. Cùng với Liễu Giai, Ngọc Hà, Kim Mã... thành “Thập tam trại” ở phía tây kinh thành. Ngày đó Vua Lý Anh Tông (1138 - 1175), đã cho lập Giảng Võ Trường, là nơi huấn luyện quân sự, võ nghệ. Sang đến thời Trần, trường Giảng Võ chuyển đi nơi khác, chỉ còn Võ trại và tên

Giảng Võ gắn với Giảng Võ đường có từ ngày đó. Giảng Võ Đường là nơi tập luyện của quân sỹ triều đình. Năm 1983, khi đào hồ Giảng Võ, các nhà khảo cổ đã thu được rất nhiều binh khí thời xưa.

+ Phường Giảng Võ tiền thân là Tiểu khu Giảng Võ. Tiểu khu Giảng Võ gồm làng Giảng Võ và khu chung cư nằm trên cánh đồng làng. Trước năm 1973, Giảng Võ là một làng ven đô, cư dân sinh sống chủ yếu là nghề nông (trồng lúa, rau), nhà cửa hầu hết là cấp 4 với nếp sinh hoạt như các làng cổ ở đồng bằng Bắc bộ. Phường được phân bổ thành 2 khu vực: khu cao tầng lắp ghép và khu làng Giảng Võ. Phường có đình Giảng Võ - di tích lịch sử cấp Quốc gia được xây dựng từ Thế kỷ XV. Hiện nay, phường đang thực hiện dự án xây dựng đường Vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục. Trên địa bàn phường hiện có đơn nguyên 3 nhà C8 - nhà chung cư nguy hiểm cấp độ D đang thực hiện di dời theo Nghị quyết và Chỉ thị 15 của Thành ủy Hà Nội. Ngoài ra, phường đang thực hiện Chương trình số 03-CTr/TU của Thành ủy về “*Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị giai đoạn 2021 - 2025*”, thực hiện cải tạo xây dựng lại chung cư cũ, sau khi thực hiện xong dự kiến dân cư sẽ tăng đột biến tại địa phương.

+ Có yếu tố đặc thù về tôn giáo: Trên địa bàn phường có họ Đạo Giảng Võ thuộc Giáo xứ Hàng Bột ở 766 La Thành, vào các ngày thứ Bảy, chủ Nhật hàng tuần là nơi hành Lễ của hàng nghìn giáo dân các nơi về sinh hoạt tôn giáo, tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp về an ninh - trật tự, trật tự - an toàn, xã hội.

2.1.9.2. Diện tích tự nhiên: 0,61 km².

2.1.9.3. Quy mô dân số: 22.422 người.

2.1.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 19 người; chiếm tỷ lệ 0,08%.

2.1.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.1.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Kim Mã, phường Ngọc Khánh, Thành Công (quận Ba Đình); phường Cát Linh (quận Đống Đa); phường Bưởi (quận Tây Hồ); phường Nghĩa Đô (quận Cầu Giấy).

2.1.10. Phường Thành Công

2.1.10.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Xa xưa vùng đất này thuộc phường Công Bộ (1176 - 1210), thời Lê đổi thành Nhượng Công. Từ ngày Thủ đô giải phóng năm 1945, Thành Công thuộc xã Trung Thành (quận V); sau cải cách ruộng đất Thành Công thuộc xã Thống Nhất (quận VI); tháng 6/1961, Thành Công thuộc khu phố Ba Đình. Ngày 02/12/1974 - 1978 khu phố Ba Đình thành lập các tiểu khu ở nội thành, tiểu khu Giảng Võ được thành lập gồm làng Giảng Võ và Thành Công. Từ năm 1979 Thành Công tách khỏi Giảng Võ trở thành tiểu khu Thành Công. Đến

tháng 6 năm 1981 các tiểu khu đổi thành phường, phường Thành Công chính thức được xác lập.

+ Được hình thành bởi 01 làng cổ và 87 nhà tập thể, chung cư, trong đó: 01 nhà 27 tầng; 01 nhà 18 tầng; 03 nhà 6 tầng; 68 nhà 5 tầng; 04 nhà 4 tầng; 05 nhà 3 tầng; 08 nhà 2 tầng. Hiện nay phường đang thực hiện Chương trình số 03-CTr/TU của Thành uỷ về “*Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị giai đoạn 2021 - 2025*”, thực hiện cải tạo xây dựng lại chung cư cũ. Ngoài ra, trên địa bàn phường có nhiều cơ quan, doanh nghiệp, khách sạn: Công ty may Chiến Thắng, Trung tâm Chiếu phim quốc gia, 5 khách sạn lớn, đại sứ quán Hoa Kỳ, các cơ sở sản xuất dịch vụ, cửa hàng, cửa hiệu...dự báo dân số cơ học trong thời gian tới trên địa bàn phường sẽ tăng nhanh. Trên địa bàn phường thường xuyên có các buổi làm việc của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, cũng như cơ quan ngoại giao.

2.1.10.2. Diện tích tự nhiên: 0,64 km².

2.1.10.3. Quy mô dân số: 20.910 người.

2.1.10.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 75 người; chiếm tỷ lệ 0,36%.

2.1.10.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.1.10.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Ngọc Khánh, Giảng Võ (quận Ba Đình); các phường: Cát Linh, Trung Liệt, Láng Hạ, Ô Chợ Dừa (quận Đống Đa).

2.1.11. Phường Kim Mã

2.1.11.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Trước năm 1945 các làng Vạn Phúc, Kim Mã, Xuân Biều thuộc Đại lý Hoàn Long của Hà Nội. Từ năm 1954 - 1960, các làng này thuộc quận VI ngoại thành Hà Nội. Đến năm 1961, làng Vạn Phúc, Kim Mã, Xuân Biều thuộc khu phố Ba Đình nội thành Hà Nội. Cuối năm 1974 được tổ chức lại thành 3 tiểu khu: Vạn Phúc, Kim Mã và Lê Trực. Mỗi tiểu khu có một Ban đại diện hành chính, Ban bảo vệ và chi bộ Đảng. Đầu năm 1979, thực hiện Nghị quyết số 810 ngày 09/01/1979 của Thành uỷ Hà Nội, tiểu khu Kim Mã được thành lập trên cơ sở hợp nhất 2 tiểu khu Vạn Phúc, tiểu khu Kim Mã và 1 phần tiểu khu Lê Trực. Ngày 03/01/1981, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành quyết định tên gọi thống nhất các đơn vị hành chính trong nội thành là Quận và Phường. Phường có chức năng, nhiệm vụ quản lý hành chính Nhà nước, quản lý xã hội, quản lý và chăm lo phục vụ đời sống Nhân dân. UBND phường là cấp kế hoạch và ngân sách. Theo đó UBND thành phố Hà Nội Quyết định Khu phố Ba Đình đổi thành quận Ba Đình, tiểu khu Kim Mã đổi thành phường Kim Mã.

+ Trên địa bàn phường có nhiều cơ quan, đơn vị, xí nghiệp của Trung ương, Thành phố (22 cơ quan Nhà nước, 35 doanh nghiệp, 450 cơ sở kinh doanh dịch vụ); Có 04 trường học từ bậc mầm non đến trung học cơ sở, Trường Đại học Y tế Công cộng. Có 3 di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia: chùa Kim Sơn, Đình Kim Mã; xếp hạng cấp thành phố Hà Nội có: đình Xuân Biều. Vì vậy, trong thời gian tới, phường Kim Mã dân số cơ học sẽ tăng cao. Hiện nay đang phường xây dựng khu phố an toàn, đảm bảo phát huy giá trị văn hoá, du lịch, kinh tế, đô thị.

2.1.11.2. Diện tích tự nhiên: 0,48 km².

2.1.11.3. Quy mô dân số: 13.155 người.

2.1.11.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 16 người; chiếm tỷ lệ 0,12%.

2.1.11.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.1.11.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Điện Biên, Ngọc Khánh, Giảng Võ, Đội Cấn, Liễu Giai (quận Ba Đình); phường Cát Linh (quận Đống Đa).

2.1.12. Phường Ngọc Khánh

2.1.12.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Có diện tích tự nhiên 1,01 km² (18,36%), quy mô dân số 22.835 người (152,23%). Tuy nhiên, trên địa bàn phường có đền Voi Phục được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt tại Quyết định số 93/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt và thuộc thành phố Hà Nội - là Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trung tâm đầu não chính trị, hành chính của cả nước, đô thị loại đặc biệt; là trung tâm văn hóa, giáo dục đào tạo và khoa học kỹ thuật quan trọng của cả nước; là một trong những trung tâm kinh tế, du lịch, thương mại, dịch vụ của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Theo quy định tại khoản 3, Điều 9a, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì phường Ngọc Khánh được giảm 50% về quy mô dân số. Do đó phường có quy mô dân số 22.835 người (đạt 304,47%) không thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

2.1.12.2. Diện tích tự nhiên: 1,01 km².

2.1.12.3. Quy mô dân số: 22.835 người.

2.1.12.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.1.12.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.1.12.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê: các phường: Công Vị, Liễu Giai, Kim Mã, Giảng Võ, Thành Công (quận Ba Đình), phường Quan Hoa (quận Cầu Giấy) phường Láng Thượng (quận Đống Đa).

2.2. Quận Đống Đa

2.2.1. Phường Văn Chương

2.2.1.1 Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có diện tích tự nhiên 0,33 km², có 14.141 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn. Số người dân ở trọ, kinh doanh trên địa bàn khoảng trên 4.150 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

+ Là một vùng đất cổ của kinh thành Thăng Long xưa; mảnh đất giàu truyền thống Cách mạng; nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc. Trải qua hàng ngàn năm biến thiên của lịch sử, Văn Chương vẫn lưu giữ được 05 quần thể di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, thành phố đó là: điện, đền, chùa Huy Văn; đình, chùa Linh Quang; chùa Bụt Mọc; đền Văn Chỉ; đình Lương Sử. Phường đang trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa với dự án xây dựng Nhà ga S11 thuộc tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội góp phần kết nối, giảm thiểu ùn tắc giao thông.

2.2.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,33 km².

2.2.1.3. Quy mô dân số: 14.141 người.

2.2.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 21 người; chiếm tỷ lệ 0,15%.

2.2.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.2.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê: các phường Quốc Tử Giám, Thổ Quan, Hàng Bột, Khâm Thiên, Văn Miếu (quận Đống Đa).

2.2.2. Phường Hàng Bột

2.2.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Có yếu tố đặc thù về tôn giáo: trên địa bàn phường có Nhà thờ xứ Hàng Bột và nhà dòng tu dòng Thánh Phaolô tại địa chỉ 162 Tôn Đức Thắng. Nhà thờ giáo xứ Hàng Bột thường xuyên làm lễ phục vụ cho hàng nghìn lượt nhân danh theo đạo Thiên chúa giáo trên địa bàn phường Hàng Bột và các phường lân cận như phường Văn Chương, Quốc Tử Giám, Văn Miếu, Cát Linh... vào các ngày thứ Bảy và chủ Nhật hàng tuần. UBND phường thường xuyên phải chỉ đạo tổ chức chốt bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực cổng và trong khuôn viên nhà thờ. Ngoài việc phân luồng,

hướng dẫn nhân dân lưu thông đảm bảo an toàn, thông suốt khi đến các khu vực nhà thờ trên địa bàn để đảm bảo an ninh, an toàn các hoạt động nghi lễ của các giáo dân.

+ Phường có yếu tố đặc thù về truyền thống, lịch sử, văn hóa: Trên địa bàn phường có 02 di tích lịch sử là đình Thịnh Hào và đình Văn Hương. Đình Thịnh Hào được UBND thành phố Hà Nội cấp Bằng xếp hạng là di tích lịch sử nghệ thuật cấp thành phố năm 2016. Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ đã hy sinh trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của phường Hàng Bột cũng được xây dựng trong khuôn viên của Đình. Đình Văn Hương được UBND Thành phố Hà Nội công nhận là di tích lịch sử kiến trúc văn hóa nghệ thuật năm 2004.

2.2.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,31 km².

2.2.2.3. Quy mô dân số: 19.513 người.

2.2.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 69 người; chiếm tỷ lệ 0,35%.

2.2.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.2.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Ô Chợ Dừa, Quốc Tử Giám, Văn Chương, Thổ Quan (quận Đống Đa).

2.2.3. Phường Láng Hạ

2.2.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Trên địa bàn phường có 3 trường đại học (Đại học Luật Hà Nội, Học viện Hành chính quốc gia, Đại học Nghệ thuật Quân đội) với trên 9.000 sinh viên. Ngoài ra còn có các trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS, trường PTTH, trường trung cấp kỹ thuật tin học Hà Nội trên địa bàn phường. Có trên 60 cơ quan, đơn vị, nhiều công ty tư nhân, TNHH thuê văn phòng, địa điểm giao dịch, chợ Láng Hạ...

2.2.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,96 km².

2.2.3.3. Quy mô dân số: 26.730 người.

2.2.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 148 người; chiếm tỷ lệ 0,55%.

2.2.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.2.3.6 Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Ô Chợ Dừa, Quốc Tử Giám, Văn Chương, Thổ Quan (quận Đống Đa).

2.2.4. Phường Nam Đồng

2.2.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Có yếu tố đặc thù về truyền thống, lịch sử, văn hóa: phường Nam Đồng trước đây gồm phần đất của phố Nam Đồng và phố Xã Đàn (trước đây là làng Nam Đồng và làng Xã Đàn). Làng Nam Đồng, đầu thế kỷ XIX có tên là trại Nam Đồng thuộc tổng Hạ, huyện Vĩnh Thuận. Đến đầu thế kỷ XX, Nam Đồng là một xã thuộc tổng An Hạ, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. Làng Xã Đàn ngày xưa có Đàn Xã Tắc dựng từ thời Lý Thái Tông. Đàn Xã Tắc là nơi hàng năm triều đình tế Hậu Thổ (thần đất) và thần Nông (thần ngũ cốc).

+ Trên địa bàn phường Nam Đồng có 05 tuyến phố chính: phố Xã Đàn, phố Nguyễn Lương Bằng, phố Hồ Đắc Di, phố Trần Hữu Tước, phố Nam Đồng, 03 di tích lịch sử, 05 trường học và khu vực công viên hồ Xã Đàn.

2.2.4.2. Diện tích tự nhiên: 0,41 km².

2.2.4.3. Quy mô dân số: 12.986 người.

2.2.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 21 người; chiếm tỷ lệ 0,16%.

2.2.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.2.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Ô Chợ Dừa, Thổ Quan, Phương Liên, Trung Tự, Quang Trung (quận Đống Đa).

2.2.5. Phường Quang Trung

2.2.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù:

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

2.2.5.2. Diện tích tự nhiên: 0,41 km².

2.2.5.3. Quy mô dân số: 10.878 người.

2.2.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 58 người; chiếm tỷ lệ 0,53%.

2.2.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.2.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Ô Chợ Dừa, phường Nam Đồng, phường Trung Tự, phường Trung Liệt (quận Đống Đa).

2.2.6. Phường Thổ Quan

2.2.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có diện tích tự nhiên 0,28 km², có quy mô dân số là 16.641 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn. Ngoài ra, số người dân lưu

trú để kinh doanh và lao động trên địa bàn khoảng trên 4.500 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

Phường là một vùng đất cổ truyền thống lâu đời, lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống cốt lõi của dân tộc với sự tồn tại của 3 di tích được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích lịch sử văn hóa - nghệ thuật vào năm 1993. Ngoài ra, trên địa bàn phường có di tích lịch sử cách mạng kháng chiến ở địa chỉ 312 phố Khâm Thiên - nơi thành lập Đông Dương Cộng Sản Đảng. Việc đề xuất giữ nguyên phường nhằm đảm bảo ổn định tình hình dân cư và giữ vững truyền thống, văn hoá, lịch sử.

2.2.6.2. Diện tích tự nhiên: 0,28 km².

2.2.6.3. Quy mô dân số: 16.641 người.

2.2.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 44 người; chiếm tỷ lệ 0,26%.

2.2.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.2.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Hàng Bột, Văn Chương, Khâm Thiên, Trung Phụng, Phương Liên, Nam Đồng, Ô Chợ Dừa (quận Đống Đa).

2.2.7. Phường Cát Linh

2.2.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có diện tích tự nhiên 0,37 km², có 9.245 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn. Số người dân ở trọ, kinh doanh trên địa bàn khoảng trên 1.500 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

Trên địa bàn phường nhiều di tích lịch sử như sau: Khu di tích Lăng Phụng Hưng, Bích Câu Đạo Quán, Chùa An Quốc...; Bích Câu Đạo quán là một di tích của Đạo giáo Việt Nam nổi tiếng ở Hà Nội, thờ Chân nhân đắc đạo thành tiên. Xưa nơi đây thuộc thôn An Trạch, huyện Vĩnh Thuận, phủ Phụng Thiên. Ngoài ra, trên địa bàn phường đã và đang triển khai các dự án phát triển hạ tầng đô thị, đặc biệt là dự án đường sắt đô thị tuyến Nhôn - ga Hà nội và tuyến đường sắt trên cao Cát Linh- Hà Đông. Tuyến Metro số 2A (Cát Linh - Hà Đông) hàng ngày vận chuyển 35.000 lượt khách, ngày cao điểm vận chuyển trên 50.000 lượt khách. Từ tuyến Metro này hành khách có thể kết nối với các tuyến Metro số 3 (Nhôn - Ga Hà Nội), BRT số 1 Kim Mã. Do vậy, phường Cát Linh là trung tâm kết nối các tuyến đường sắt đô thị của Hà Nội, mật độ tham gia giao thông cao, đặt ra yêu cầu cao về công tác quản lý để đảm bảo tình hình an ninh, trật tự.

2.2.7.2. Diện tích tự nhiên: 0,37 km².

2.2.7.3. Quy mô dân số: 9.245 người.

2.2.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 55 người; chiếm tỷ lệ 0,59%.

2.2.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.2.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Ô Chợ Dừa, Văn Miếu, Quốc Tử Giám (quận Đống Đa).

2.2.8. Phường Phương Mai

2.2.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có diện tích tự nhiên 0,62 km², có 16.543 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn. Ngoài ra, số người dân lưu trú để kinh doanh, lao động trên địa bàn khoảng trên 5.200 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

Trên địa bàn phường có nhiều cơ quan, đơn vị của Nhà nước và thành phố (Liên đoàn Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam -VCCI, Kho Bạc Nhà nước thành phố Hà Nội, Tổng Công ty Hàng Hải,...); Nhiều Bệnh viện tuyến Trung ương như: Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Lão khoa Trung ương, Bệnh viện Da liễu Trung ương, Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương, Bệnh viện Huyết học - Truyền máu Trung ương, Bệnh viện Nhiệt đới Trung ương và một số bệnh viện, phòng khám tư nhân lớn trên địa bàn. Trung bình hàng ngày đón tiếp khoảng 30.000 lượt bệnh nhân đến thăm, khám tại các bệnh viện. Bên cạnh đó, trên địa bàn phường có Khách sạn Kim Liên với 450 phòng nên hàng ngày lưu lượng khách nước ngoài và các địa phương về lưu trú nhiều, vấn đề di dân cơ học cao, trung bình hàng ngày có hơn 5.000 người (bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, du khách không phải dân cư phường Phương Mai) lưu trú tạm thời trên địa bàn phường; đây cũng là một đặc điểm khiến phường Phương Mai là một trong các phường trọng điểm về an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với cơ cấu dân cư đa dạng, di dân cơ học nhiều thành phần nhưng hệ thống chính trị cơ sở rất cơ bản nên phường Phương Mai vẫn giữ vững được trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh, tốc độ đô thị hoá tương đối nhanh; đồng thời là một trong những phường thu ngân sách cao của quận Đống Đa, nhiều năm là lá cờ đầu của quận Đống Đa về phát triển kinh tế xã hội.

2.2.8.2. Diện tích tự nhiên: 0,62 km².

2.2.8.3. Quy mô dân số: 16.543 người.

2.2.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 36 người; chiếm tỷ lệ 0,22%.

2.2.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.2.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Khương Thượng, Trung Tự, Kim Liên, Phương Liên (quận Đống Đa).

2.2.9. Phường Trung Liệt

2.2.9.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù:

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có diện tích tự nhiên 0,77 km², có 19.549 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn. Số người dân lưu trú để kinh doanh, lao động trên địa bàn khoảng trên 3.150 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

Trên địa bàn phường Trung Liet có những di tích lịch sử và các cơ quan, đơn vị quan trọng phục vụ văn hoá, chính trị, xã hội của Việt Nam như sau: Khu di tích Lăng Hoàng Cao Khải, Hoàng Trọng Phu; Tổng cục chính trị (gồm Cục an ninh mạng và cục bảo vệ chính trị), Viện y học dự phòng quân đội....Ngoài ra, trên địa bàn phường Trung Liet còn có Dự án Công viên văn hoá Đồng Đa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từ năm 1997 với diện tích 23.042 m², chưa triển khai.

2.2.9.2. Diện tích tự nhiên: 0,77 km².

2.2.9.3. Quy mô dân số: 19.549 người.

2.2.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 73 người; chiếm tỷ lệ 0,37%.

2.2.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.2.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Láng Hạ, Ô Chợ Dừa, Quang Trung, Trung Tự, Khuong Thượng, Ngã Tư Sở, Thịnh Quang (quận Đống Đa).

2.3. Quận Hà Đông

2.3.1. Phường Biên Giang

2.3.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liên kề (có đa số đường địa giới đơn vị hành chính đi qua sông Đáy và giáp với đơn vị hành chính cấp huyện khác, khó tổ chức giao thông thuận lợi kết nối với đơn vị hành chính liên kề thuộc quận Hà Đông). Cụ thể: phần địa giới hành chính giáp với phường Đồng Mai và Yên Nghĩa của quận Hà Đông là sông Đáy nên không thuận tiện cho nhân dân đi lại giao dịch với chính quyền phường nếu thực hiện sáp nhập, đồng thời hiện nay phường Đồng Mai và Yên Nghĩa có diện tích lớn, dân số đông nếu thực hiện sáp nhập sẽ gây khó khăn cho việc quản lý điều hành của phường; các phần địa giới hành chính còn lại của phường Biên Giang giáp với các xã: Thụy Hương, Phụng Châu và Thị trấn Chúc Sơn của huyện Chương Mỹ.

2.3.1.2. Diện tích tự nhiên: 2,76 km².

2.3.1.3 Quy mô dân số: 9.023 người.

2.3.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 17 người; chiếm tỷ lệ 0,18%.

2.3.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.3.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Đồng Mai, Yên Nghĩa (quận Hà Đông); thị trấn Chúc Sơn và các xã: Thụy Hương, Phụng Châu (huyện Chương Mỹ).

2.4. Quận Hai Bà Trưng

2.4.1. Phường Bạch Đằng

2.4.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Từ ngày thành lập phường đến nay, tuy địa giới hành chính vẫn như ban đầu, nhưng trải qua nhiều năm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, cảnh quan toàn phường đã có nhiều thay đổi. Trong quá trình đô thị hóa, kết cấu hạ tầng của phường như đường giao thông, điện, nước, hệ thống thoát nước... từng bước được xây dựng, củng cố đến từng cụm dân cư. Nhiều nhà cửa được xây dựng và cải tạo, nhất là trên các trục phố chính như Lê Quý Đôn, Nguyễn Huy Tự, Bạch Đằng, Lương Yên; nhiều khu nhà tập thể của các cơ quan, đơn vị được xây dựng, trụ sở cơ quan, bệnh viện, các cửa hàng kinh doanh, dịch vụ, trường học được cải tạo xây mới, đầm hồ ngoài bãi ven sông Hồng được san lấp, thay vào đó là những công trình công cộng và nhà cao tầng,... Trên địa bàn phường có 2 bệnh viện: Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện Hữu Nghị, có Nhà tang lễ quốc gia, 2 trung tâm cai nghiện và nhiều cơ quan nhà nước đóng trên địa bàn.

2.4.1.2. Diện tích tự nhiên: 1,09 km².

2.4.1.3. Quy mô dân số: 26.393 người.

2.4.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5 người; chiếm tỷ lệ 0,02%.

2.4.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.4.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phạm Đình Hổ, Đồng Mác, Thanh Lương (quận Hai Bà Trưng); phường Long Biên (quận Long Biên).

2.4.2. Phường Đồng Tâm

2.4.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: phường Đồng Tâm giáp 03 quận Đống Đa, Thanh Xuân, Hoàng Mai, dự án đường vành đai 2 đi vào hoạt động làm gia tăng dân số do hoạt động giao thông tại các tuyến phố trở nên đông đúc và nhộn nhịp. Trên địa bàn phường có hơn 1.220 doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh gây áp lực về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội đòi hỏi sự nỗ lực lớn của hệ thống chính trị của phường. Phường Đồng Tâm được Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Quốc phòng đánh giá là phường mũi nhọn tấn công khi có tình huống phải thực hiện

sẵn sàng chiến đấu, làm công tác vận động quần chúng tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Có yếu tố đặc trưng về dân cư truyền thống: phường có nhiều khu tập thể lớn như: tập thể Văn phòng Quốc hội, tập thể Đài Tiếng nói Việt Nam, tập thể Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, tập thể Điện máy, tập thể Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Hiện nay, trên địa bàn phường có hai trường đại học lớn là Đại học Xây dựng Hà Nội và Đại học Kinh tế quốc dân, giáp ranh với Bệnh viện Bạch Mai, hàng ngày có hàng chục ngàn học sinh, sinh viên đến học tập, hàng ngàn bệnh nhân, người nhà bệnh nhân lưu trú. Đối với công tác quản lý sinh viên, học viên, lưu học sinh đang học tập và sinh hoạt tại các trường Đại học trên địa bàn đòi hỏi chính quyền cơ sở, lực lượng công an phường luôn phải đảm bảo về công tác an ninh trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội, đặc biệt là công tác phòng cháy chữa cháy.

2.4.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,51 km².

2.4.2.3. Quy mô dân số: 15.153 người.

2.4.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 7 người; chiếm tỷ lệ 0,05%.

2.4.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.4.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Bách Khoa, Bạch Mai, Trương Định (quận Hai Bà Trưng); các phường: Phương Liệt, Phương Đình (quận Đống Đa).

2.4.3. Phường Lê Đại Hành

2.4.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: phường trọng điểm về quốc phòng, an ninh theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng. Ngoài ra, phường Lê Đại Hành được Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đánh giá là phường trọng điểm về an ninh - quốc phòng của quận Hai Bà Trưng nên được Quận ủy-HĐND-UBND quận Hai Bà Trưng chọn là phường điểm xây dựng Tiểu đội Dân quân thường trực với mục đích nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và thực hiện các nhiệm vụ của lực lượng Dân quân khi có tình huống xảy ra, làm công tác vận động quần chúng tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Trên địa bàn phường có nhiều trụ sở cơ quan của Trung ương và địa phương, nhiều Công ty, doanh nghiệp, trung tâm thương mại lớn như: Trụ sở Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục- đào tạo, Bộ Văn hóa, Bộ Lao động - TBXH, Sở Xây dựng, BHXH thành phố Hà Nội, Cục Ngoại tuyến, đồng thời cũng tập trung hầu hết nhiều cơ quan trọng yếu của quận Hai Bà Trưng như Quận ủy- HĐND-UBND, Công an, BCH Quân sự, Viện Kiểm sát, Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng, Công ty thoát nước Hà Nội, Bệnh viện Ung bướu Hưng Việt, Phòng khám đa khoa Cộng Đồng, Trung tâm thương mại

Vincom....Phường Lê Đại Hành có 06 cơ quan thuộc Bộ; 19 cơ quan thuộc Sở, quận; 21 công trình y tế, 06 công trình văn hóa; 05 cơ sở giáo dục; 04 cơ sở lưu trú; 07 công trình thương mại, dịch vụ.

2.4.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,87 km².

2.4.3.3. Quy mô dân số: 9.167 người.

2.4.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1 người; chiếm tỷ lệ 0,01%.

2.4.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.4.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Nguyễn Du, Phố Huế, Cầu Dền, Bách Khoa (quận Hai Bà Trưng); các phường: Phương Liệt, Trung Phụng, Khâm Thiên (quận Đống Đa).

2.4.4. Phường Minh Khai

2.4.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường Minh Khai được mang tên của nữ chiến sỹ Cộng sản kiên cường Nguyễn Thị Minh Khai. Đây là một địa danh có lịch sử truyền thống cách mạng gắn với nhiều sự kiện, dấu tích của kinh thành Thăng Long xưa, đặc biệt là các hoạt động, chiến đấu của lực lượng kháng chiến Liên khu II trong những ngày đầu chống thực dân Pháp của quân và dân Hà Nội. Trên địa bàn phường có quần thể di tích Đình - Đền - Chùa Hưng Ký (được Bộ Văn hóa và thể thao công nhận là di tích Lịch sử văn hóa năm 1992); Đình Văn Hưng (còn gọi là Đình Quỳnh Lôi, được UBND Thành phố Hà Nội xếp hạng di tích Lịch sử năm 2020). Phường Minh Khai có tốc độ tăng trưởng dân số cơ học nhanh. Trên địa bàn phường có 05 khu chung cư cao tầng: Lilama 124 Minh Khai, Skylight 125 Minh Khai, Thăng Long Garden 250 Minh Khai, Hinode 201 Minh Khai và chung cư 310 tại 18 Tam Trinh. Có 23 khu chung cư, nhà tập thể cũ được xây dựng từ những năm 60 của thế kỷ trước đến nay cũng đã xuống cấp và cũng đang được các cơ quan chức năng xem xét lập quy hoạch, đưa vào diện phải cải tạo, nâng cấp thành những khu chung cư hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển. Vì vậy, trong khoảng 5 - 10 năm tới, phường Minh Khai sẽ là một khu vực đô thị phát triển và có mật độ dân cư khá lớn với khoảng trên 50.000 người. Dự án đường vành đai 2 đi vào hoạt động làm gia tăng dân số do hoạt động giao thông tại các tuyến phố trở nên đông đúc và nhộn nhịp, hoạt động của hơn 600 doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh. Người ra, số người dân ở trọ, kinh doanh trên địa bàn khoảng trên 4.120 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

2.4.4.2. Diện tích tự nhiên: 0,47 km².

2.4.4.3. Quy mô dân số: 19.607 người.

2.4.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5 người; chiếm tỷ lệ 0,03%.

2.4.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.4.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Vĩnh Tuy, Quỳnh Mai, Quỳnh Lôi, Bạch Mai, Trương Định (quận Hai Bà Trưng).

2.4.5. Phường Phố Huế

2.4.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường Phố Huế chia thành 3 khu vực dân cư rõ rệt: Phố Huế, Thịnh Yên và khu tập thể Nguyễn Công Trứ với 13 khối nhà cao tầng, phần lớn đã được xây dựng từ những năm 1960 và một chung cư N3. Các tuyến phố chính là: Phố Thịnh Yên; Trần Cao Vân; phố Yên Bái, phố Nguyễn Công Trứ và Phố Huế Với vị trí nằm ở phía Nam thành phố Hà Nội, ngã tư Ô Cầu Dền, giữa hai con đường Phố Huế - Bạch Mai và Đại Cồ Việt - Trần Khát Chân là nơi cửa ngõ ra vào nội thành từ đó tỏa đi nhiều vùng miền của đất nước. Trên địa bàn còn có Chùa Vua (Tên gọi chung của Chùa Hưng Khánh và điện Thiên Đế thờ Vua Đế Thích - được tôn vinh là vị Vua Cờ) một trong Tứ Quán của Kinh thành, đã được Bộ văn hóa - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia năm 1992, được UBND thành phố Hà Nội gắn biển di tích lịch sử kháng chiến năm 2004. Hàng năm từ ngày mùng 6 đến ngày mùng 9 tháng Giêng âm lịch, Chùa Vua mở lễ hội, nhân dân và nhiều khách thập phương tham dự và dự hội cờ Tướng. Đặc trưng của Hội cờ chùa Vua là cờ người, Hội cờ tướng Chùa Vua được diễn ra trong 3 ngày, là nơi độ tài cao thấp của các danh thủ cờ trên cả nước, người được giải nhất 3 năm liền được lưu danh trên bia đá giữa sân chùa. Phường Phố Huế có Bệnh viện Bưu Điện, 04 trường học, 01 siêu thị và phường có đặc thù hoạt động kinh doanh buôn bán phức tạp (kinh doanh đồ điện, phụ tùng ô tô, xe máy, điện máy,...) do có chợ Hòa Bình, Chợ đồ điện Nguyễn Công Trứ nổi tiếng là nơi buôn bán sầm uất của Hà Nội và quận Hai Bà Trưng. Số người dân ở trọ, kinh doanh trên địa bàn khoảng trên 2.500 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

2.4.5.2. Diện tích tự nhiên: 0,20 km².

2.4.5.3. Quy mô dân số: 11.391 người.

2.4.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 16 người; chiếm tỷ lệ 0,14%.

2.4.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.4.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Lê Đại Hành, Ngô Thị Nhậm, Phạm Đình Hổ, Thanh Nhàn, Cầu Dền (quận Hai Bà Trưng).

2.4.6. Phường Quỳnh Mai

2.4.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường Quỳnh Mai có đặc thù là các tuyến phố nhỏ, chủ yếu là ngõ, ngách. Dân cư đại đa phần buôn bán nhỏ lẻ và cán bộ nghỉ hưu của các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp đóng trên địa bàn phường trước đây. Phường có ranh giới tiếp giáp phường Thanh Nhàn là nơi giáp ranh với các bệnh viện như bệnh viện Thanh Nhàn, bệnh viện Phổi, bệnh viện Ung bướu,...nên có lưu lượng người tham gia khám chữa bệnh đông, an ninh chính trị tiềm ẩn nhiều phức tạp. Phường có 44 dãy nhà tập thể cũ (tập thể 8/3 có lõi kiến trúc cũ thời bao cấp), đã xây dựng từ những năm 60 của thế kỷ trước, một số dãy nhà như E6 đã thuộc diện cảnh báo nguy hiểm, mật độ dân cư rất đông. Hiện nay theo quy hoạch, các dãy nhà tập thể được xây dựng chuyển đổi thành chung cư hiện đại với số lượng tầng cao hơn, sẽ thu hút số lượng lớn dân cư từ các nơi đổ về. Chính vì vậy, rất có thể số lượng dân cư sẽ tăng đột biến lên đến 30.000 người, dân số của phường lên đến 44.308 người. Việc sáp nhập phường Quỳnh Mai với đơn vị hành chính khác sẽ tạo sự quá tải trong công tác quản lý. Phường Quỳnh Mai được Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Quốc phòng đánh giá là phường mũi nhọn tấn công khi có tình huống phải thực hiện sẵn sàng chiến đấu, làm công tác vận động quần chúng tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Ngoài ra, số người dân lưu trú để kinh doanh, lao động trên địa bàn khoảng trên 5.510 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

2.4.6.2. Diện tích tự nhiên: 0,17 km².

2.4.6.3. Quy mô dân số: 14.308 người.

2.4.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.4.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.4.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Vĩnh Tuy, Thanh Nhàn, Quỳnh Lôi, Minh Khai (quận Hai Bà Trưng).

2.4.7. Phường Trương Định

2.4.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là một vùng đất cổ của kinh thành Thăng Long xưa; mảnh đất giàu truyền thống Cách mạng; nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc. Trải qua hàng ngàn năm biến thiên của lịch sử, Văn Chương vẫn lưu giữ được 05 quần thể di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc Gia, Thành phố đó là: Điện, Đền, Chùa Huy Văn; Đình, Chùa Linh Quang; Chùa Bụt Mọc; Đền Văn Chỉ; Đình Lương Sử. Phường đang trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa với dự án xây dựng Nhà ga S11 thuộc tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội góp phần kết nối, giảm thiểu ùn tắc giao thông. Số người dân ở trọ, kinh doanh trên địa bàn khoảng trên 4.150 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư.

2.4.7.2. Diện tích tự nhiên: 0,52 km².

2.4.7.3. Quy mô dân số: 18.856 người.

2.4.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.4.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.4.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Đồng Tâm, Bạch Mai, Minh Khai (quận Đống Đa); phường Hoàng Văn Thụ (quận Hoàng Mai).

2.5. Quận Hoàn Kiếm

2.5.1. Phường Phúc Tân

2.5.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng. Phường nằm ngoài đê sông Hồng trên hướng phòng thủ chủ yếu của quận giáp ranh với 5 phường. Trên địa bàn phường có cầu Long Biên và cầu Chương Dương và nhiều đầu mối giao thông, kinh doanh thương mại, huyết mạch của Thủ đô đi các tỉnh phía bắc.

+ Có yếu tố đặc thù về tôn giáo: Có họ đạo Vạn Thái thuộc Giáo xứ Chính tòa Hà Nội thường xuyên làm lễ phục vụ cho hàng nghìn lượt nhân danh theo đạo Thiên chúa giáo của phường Phúc Tân và các phường lân cận, vào các ngày thứ Bảy và chủ nhật hàng tuần tại nhà thờ, UBND phường thường xuyên phải chỉ đạo đã tổ chức chốt bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực cổng và bên ngoài nhà thờ. Ngoài việc phân luồng, hướng dẫn nhân dân lưu thông đảm bảo an toàn, thông suốt khi đến các khu vực nhà thờ trên địa bàn để đảm bảo an ninh, an toàn các hoạt động nghi lễ của các giáo dân.

+ Ngoài ra theo thời vụ còn có hơn 3.000 người ngoại tỉnh về Hà Nội làm ăn, sinh sống lưu trú ở trên 500 nhà trọ bình dân trên địa bàn. Tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp về tình hình an ninh trật tự trên địa bàn phường.

2.5.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,79 km².

2.5.1.3. Quy mô dân số: 17.955 người.

2.5.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Chương Dương, Lý Thái Tổ, Hàng Buồm, Đồng Xuân (quận Hoàn Kiếm); các phường: Ngọc Lâm, Bồ Đề (quận Long Biên).

2.5.2. Phường Đồng Xuân

2.5.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Có yếu tố về truyền thống lịch sử, văn hóa riêng biệt: Địa danh Đồng Xuân xuất hiện khá sớm, khoảng từ thế kỷ XV, lúc đó địa danh “Đồng Xuân phường” chỉ là tên một phường của Thăng Long - Đông Đô 36 phố phường, bao gồm đất của nhiều phường, thôn cũ thuộc huyện Thọ Xương và Quảng Đức của phủ Phụng Thiên thời Lê, của phủ Hoài Đức đầu triều Nguyễn (ô Đông Hà, ấp Huyền Thiên, Phúc Lâm, Thanh Hà ...). Trên địa bàn phường có 13 tuyến phố, 13 di tích, trong đó có 03 di tích cách mạng tại số 26 phố Đồng Xuân, chợ Đồng Xuân, 11 phố Hàng Giấy và 10 Đình, Đền, Chùa, Miếu; đặc biệt trên địa bàn ngày nay còn nguyên vẹn 01 cửa ô, đó là Ô Đông Hà (hay còn gọi Ô Quan Chưởng) là cửa ô duy nhất còn lại trong 16 cửa ô được xây dựng vào năm 1749, đã được xếp hạng Di tích Quốc gia; Tượng đài “Hà Nội mùa Đông 1946” - nơi tưởng nhớ, tôn vinh các Anh hùng liệt sỹ đã hy sinh vì Thủ đô; Quán chùa Huyền Thiên - số 54 phố Hàng Khoai được xây dựng từ thời Thiệu Bình (1434-1439) đã được xếp hạng Di tích Quốc gia, thờ Đức Huyền Thiên Trấn Vũ; Đình Thanh Hà - số 77 phố Hàng Chiếu thờ Tướng quân Trần Lưu, đã được xếp hạng Di tích Quốc gia. Với hàng trăm năm lịch sử tồn tại và vận hành của Nhà ga và cầu Long Biên đã đồng hành với những hoạt động của nhiều thế hệ người dân Thủ đô và cả nước.

2.5.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,17 km².

2.5.2.3. Quy mô dân số: 10.516 người.

2.5.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phúc Tân, Hàng Buồm, Hàng Đào, Hàng Mã (quận Hoàn Kiếm); phường Nguyễn Trung Trực (quận Ba Đình).

2.5.3. Phường Hàng Mã

2.5.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Có yếu tố về truyền thống lịch sử, văn hóa riêng biệt: Phường có lịch sử hình thành và phát triển gắn liền với 36 phố phường xưa của Thăng Long - Đông Đô. Xưa kia, vùng đất này và khu Đông Thành là những thôn xóm ven sông Hồng, sông Tô Lịch được hình thành trên dải đất phù sa của chính hai con sông ấy. Đến thế kỷ VI, khi Lý Nam Đế xây dựng thành lũy ở cửa sông Tô Lịch. Địa bàn Hàng Mã và khu Đông Thành vẫn là nơi tiếp giáp khu vực Thành Trì.

Từ Thế kỷ XIII đến giữa thế kỷ XIX, địa bàn Hàng Mã vẫn thuộc khu Đông Thành và không có thay đổi gì đáng kể. Theo “Đại Nam nhất thống chí”, đây là vùng đất giáp chân thành Thăng Long: Thời Lê thuộc huyện Vĩnh Xương, thời Nguyễn thuộc huyện Thọ Xương, phủ Trung Đô (sau đổi thành phủ Phụng Thiên). Phường có 13 tuyến ngõ, phố, có nhiều di tích lịch sử văn hóa cổ phản ánh nét kiến trúc đặc trưng của một đô thị cổ như chùa Vĩnh Trù số 59 Hàng Lược được xây dựng từ đầu thời Nguyễn, ngoài thờ Phật còn thờ Thánh, chùa đã xếp hạng là Di tích lịch sử - văn hóa năm 1994, đình Ngũ Giáp, đình Tam Phủ - số 52 Hàng Cót là Đình của thôn Tân Khai, tổng Tiền Túc. Ngoài thờ Phật và Đức thánh Trần Hưng Đạo, đình còn thờ Tam Phủ Thánh mẫu như Mẫu Thoại, Mẫu Thượng Ngàn, Vua Bát Hải...là sự phản ánh tín ngưỡng “Tam giáo đồng nguyên” của người Việt; Chùa Pháp Bảo Tạng - số 44 Hàng Cót thờ Phật Thích Ca, chùa được xây dựng vào những năm Pháp tạm chiếm Hà Nội (1948 - 1950). Trong chùa trước đây còn có kho chứa mộc bản in kinh Phật. Phường còn có các di tích cách mạng và kháng chiến: Nhà số 105 Phùng Hưng (1938 - 1939) là trụ sở báo “Tin Tức” tờ báo của Đảng xuất bản dưới danh nghĩa cơ quan Mặt trận dân chủ Đông Dương; Nhà số 4 Hàng Rươi (1930-1939) là nơi đi lại hoạt động của các đồng chí cán bộ lãnh đạo Đảng như Trần Phú, Trường Chinh, Nguyễn Đức Cảnh... Nhiều cuộc họp bí mật của Đảng đã tổ chức tại đây để chỉ đạo phong trào cách mạng ở Hà Nội và cả nước; Nhà số 9 phố Hàng Cót là nơi khởi thủy của trường tư thục Thăng Long - trường nổi tiếng của người Việt ở Hà Nội dưới thời Pháp thuộc. Nhà số 5 phố Hàng Rươi là trụ sở của Hội Ái hữu Kim khí; Nhà số 27 Hàng Lược là trụ sở của Hội Ái hữu công nhân...là tổ chức quần chúng cách mạng do Thành uỷ Hà Nội tổ chức và lãnh đạo từ giữa những năm 30 đến thời kỳ Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

+ Có yếu tố đặc thù về tôn giáo: trên địa bàn phường còn có Thánh đường Hồi giáo Al-Noor - 12 Hàng Lược được đưa vào sử dụng từ năm 1890, xây dựng theo phong cách Hồi giáo điển hình. Hiện nay Al-Noor là thánh đường Hồi giáo duy nhất ở Hà Nội và miền Bắc. Hiện nay Thánh đường thực hiện các hoạt động về tôn giáo và là nơi giao lưu của cộng đồng đạo Hồi.

2.5.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,17 km².

2.5.3.3. Quy mô dân số: 10.622 người.

2.5.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Đồng Xuân, Hàng Bò, Hàng Đào, Cửa Đông (quận Hoàn Kiếm); phường Quán Thánh (quận Ba Đình).

2.5.4. Phường Hàng Buồm

2.5.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bò, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

2.5.4.2. Diện tích tự nhiên: 0,12 km².

2.5.4.3. Quy mô dân số: 11.453 người.

2.5.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phúc Tân, Đồng Xuân, Hàng Đào, Hàng Bạc, Lý Thái Tổ (quận Hoàn Kiếm).

2.5.5. Phường Hàng Đào

2.5.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bò, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

2.5.5.2. Diện tích tự nhiên: 0,07 km².

2.5.5.3. Quy mô dân số: 6.012 người.

2.5.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Đồng Xuân, Hàng Mã, Hàng Bò, Hàng Gai, Hàng Bạc, Hàng Buồm (quận Hoàn Kiếm).

2.5.6. Phường Cửa Đông

2.5.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bò, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

2.5.6.2. Diện tích tự nhiên: 0,16 km².

2.5.6.3. Quy mô dân số: 10.624 người.

2.5.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Hàng Mã, Hàng Gai, Hàng Bông, Hàng Bò (quận Hoàn Kiếm); phường Điện Biên (quận Ba Đình).

2.5.7. Phường Lý Thái Tổ

2.5.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng và được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bò, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

2.5.7.2. Diện tích tự nhiên: 0,25 km².

2.5.7.3. Quy mô dân số: 11.127 người.

2.5.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phúc Tân, Chương Dương, Tràng Tiền, Hàng Trống, Hàng Bạc, Hàng Buồm (quận Hoàn Kiếm).

2.5.8. Phường Hàng Bạc

2.5.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bồ, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

2.5.8.2. Diện tích tự nhiên: 0,09 km².

2.5.8.3. Quy mô dân số: 7.491 người.

2.5.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Hàng Buồm, Hàng Đào, Hàng Gai, Hàng Trống, Lý Thái Tổ (quận Hoàn Kiếm).

2.5.9. Phường Hàng Gai

2.5.9.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bồ, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

2.5.9.2. Diện tích tự nhiên: 0,09 km².

2.5.9.3. Quy mô dân số: 7.642 người.

2.5.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Hàng Buồm, Hàng Đào, Cửa Đông, Hàng Bông, Hàng Trống, Hàng Bạc (quận Hoàn Kiếm).

2.5.10. Phường Hàng Bồ

2.5.10.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bồ, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

2.5.10.2. Diện tích tự nhiên: 0,09 km².

2.5.10.3. Quy mô dân số: 9.041 người.

2.5.10.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.10.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.10.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Cửa Đông, Hàng Mã, Hàng Gai, Hàng Đào.

2.5.11. Phường Chương Dương

2.5.11.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Nằm ngoài đê sông Hồng trên hướng phòng thủ chủ yếu của quận, Bắc giáp phường Phúc Tân, Nam giáp phường Bạch Đằng, Đông giáp sông Hồng, Tây giáp các phường Phan Chu Trinh, Tràng Tiền, Lý Thái Tổ. Có trục đường đê 401 chạy dọc phường và 7 tuyến phố chính là Bạch Đằng, Hồng Hà, Chương Dương Độ, Hàm Tử Quan, Cầu Đất, Vạn Kiếp, Vọng Hà và hơn 200 ngõ ngách. Là một trong các phường trọng điểm về an ninh quốc phòng của quận Hoàn Kiếm, có dân số đông nhất quận với hơn 6.000 hộ gia đình với 24.229 nhân khẩu, ngoài ra có khoảng 3.000 người ngoại tỉnh đến làm ăn sinh sống, tạm trú trên 350 nhà trọ bình dân, có khoảng trên 60 cơ quan, đơn vị và gần 300 hộ kinh doanh, thương mại, dịch vụ...với mật độ dân số đông, thành phần dân cư chủ yếu là người lao động ngoại tỉnh về làm ăn buôn bán, sinh sống, trình độ dân trí

không đồng đều, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị của phường chưa được quy hoạch chi tiết, đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn.

2.5.11.2. Diện tích tự nhiên: 1,00 km².

2.5.11.3. Quy mô dân số: 24.229 người.

2.5.11.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.11.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.11.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phúc Tân, Lý Thái Tổ, Tràng Tiền, Phan Chu Trinh (quận Hoàn Kiếm); phường Bồ Đề (quận Long Biên).

2.5.12. Phường Hàng Trống

2.5.12.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng.

+ Phường Hàng Trống là một trong 06 phường nằm quanh khu vực Hồ Hoàn Kiếm, nằm ở vị trí trung tâm của quận Hoàn Kiếm, thuộc ô phố cũ, gồm 12 tuyến phố chính và 05 ngõ, cơ sở hạ tầng đường xá nhỏ hẹp, mật độ dân số đông, bà con lương giáo sinh sống xen kẽ, trong sinh hoạt dễ nảy sinh mâu thuẫn do có nhiều biển số nhà đông hộ, nhà cửa xuống cấp, có di tích quốc gia đặc biệt, nơi diễn ra các hoạt động của “không gian đi bộ Hồ Hoàn Kiếm và phụ cận” vào 3 ngày cuối tuần, các hoạt động văn hóa văn nghệ, sự kiện chính trị quan trọng của Thủ đô và đất nước. Trên địa bàn tập trung nhiều cơ quan của Trung ương (báo Nhân dân), thành phố (báo Hà Nội mới), có 05 trường học trên địa bàn.

+ Phường có yếu tố đặc thù về tôn giáo: là nơi tập trung nhiều trụ sở tôn giáo lớn của cả nước như: Hội đồng Giám mục Việt Nam, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, Nhà thờ lớn, Thành hội Phật giáo Hà Nội (Chùa Bà Đá). Địa bàn phường có 14 di tích, trong đó có 03 di tích lịch sử văn hóa, 03 di tích kiến trúc nghệ thuật, 04 di tích cách mạng kháng chiến, 02 di tích chưa được xếp hạng và 02 phế tích. Là địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2.5.12.2. Diện tích tự nhiên: 0,35 km².

2.5.12.3. Quy mô dân số: 15.141 người.

2.5.12.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.12.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.12.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bông, Trần Hưng Đạo, Tràng Tiền, Lý Thái Tổ (quận Hoàn Kiếm).

2.5.13. Phường Cửa Nam

2.5.13.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường trọng điểm về an ninh trật tự, nằm xen kẽ giữa các phường thuộc khu vực phố cổ và các phường trọng điểm về quốc phòng. Phường có ga Hà Nội là đầu mối giao thông quan trọng của thủ đô Hà Nội, nơi trung chuyển hàng triệu lượt khách đi, đến mỗi năm. Ga Hà Nội còn là một trong những nơi khởi nguồn cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam. Trên tuyến đường bộ chạy qua địa bàn phường có 5 bến đỗ ô tô buýt, đặc biệt tuyến hành lang đường Điện Biên Phủ mà khách quốc tế và các đồng chí cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước thường qua lại. Trên địa bàn có chợ Cửa Nam, rạp chiếu bóng, bệnh viện, nhiều cơ quan trung ương và Hà Nội đặt trụ sở. Địa bàn phường Cửa Nam nằm trong khu phố cũ của quận Hoàn Kiếm, trên địa bàn có nhiều tòa nhà cao tầng, khách sạn, Ngân hàng, Đại sứ quán, các cơ quan Trung ương và Thành phố và Ga Hà Nội. Nhiều tuyến phố quan trọng, các đoàn khách trong nước và nước ngoài thường qua lại là những mục tiêu bảo vệ quan trọng về an ninh trật tự.

2.5.13.2. Diện tích tự nhiên: 0,26 km².

2.5.13.3. Quy mô dân số: 10.527 người.

2.5.13.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.13.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.13.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Hàng Bông, Trần Hưng Đạo (quận Hoàn Kiếm); phường Văn Chương (quận Đống Đa).

2.5.14. Phường Hàng Bông

2.5.14.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004. Khu phố cổ gồm 11 phường có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời cần được bảo tồn, gìn giữ, bao gồm: Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bò, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Mã, Cửa Đông, Đồng Xuân, Lý Thái Tổ, Phan Chu Trinh gắn với lịch sử hình thành lâu đời của khu 36 phố phường, và 5 cửa Ô từ đầu thế kỷ XX, tồn tại địa dư, tên gọi đến nay, nếu thực hiện sáp nhập sẽ mất đi dấu vết lịch sử, hình thành đô thị văn hóa lâu đời của Thăng Long - Hà Nội. Phố cổ Hà Nội còn gọi là khu 36 phố phường là một di sản đô thị minh chứng cho lịch sử hình thành và phát triển của khu vực quần cư tại Thăng Long - Hà Nội.

2.5.14.2. Diện tích tự nhiên: 0,18 km².

2.5.14.3. Quy mô dân số: 17.937 người.

2.5.14.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.14.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.14.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Cửa Đông, Cửa Nam, Trần Hưng Đạo, Hàng Trống, Hàng Gai (quận Hoàn Kiếm); phường Điện Biên (quận Ba Đình).

2.5.15. Phường Tràng Tiền

2.5.15.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường Tràng Tiền ở trung tâm quận Hoàn Kiếm và Thủ đô Hà Nội; Tràng Tiền là tâm điểm của đất Thăng Long - Hà Nội địa linh nhân kiệt, nơi “tụ họp bốn phương”, tập trung các cơ quan quan trọng của Trung ương và Thành phố như: Nhà khách Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ lao động Thương binh xã hội, Tổng Công ty dầu khí Việt Nam, Bưu điện Hà Nội, Nhà hát Lớn thành phố, Tổng công ty phát hành sách, Trung tâm Thông tin - Triển lãm Thành phố; Khách sạn Metropole và có nhiều địa chỉ du lịch, thường xuyên đón tiếp đông đảo du khách trong và ngoài nước đến thăm quan; nơi đón tiếp các đoàn khách quốc tế và tổ chức các sự kiện văn hóa, chính trị - kinh tế của đất nước và Thành phố.

+ Địa bàn phường có 32 mục tiêu phòng chống khủng bố, phá hoại, trong đó đáng chú ý là các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước và Thành phố, Đại sứ quán, Nhà hát lớn Hà Nội, Khách sạn Metropole, Nhà khách Chính phủ, Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba, dòng thánh Phaolô.

2.5.15.2. Diện tích tự nhiên: 0,39 km².

2.5.15.3. Quy mô dân số: 10.666 người.

2.5.15.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.15.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.15.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Chương Dương, Phan Chu Trinh, Lý Thái Tổ, Hàng Trống, Trần Hưng Đạo.

2.5.16. Phường Phan Chu Trinh

2.5.16.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường thuộc khu phố cũ và là trục đường di chuyển thường xuyên của các đoàn đại biểu khi tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa của Thủ đô và đất nước. Trên địa bàn phường có gần 120 cơ quan đơn vị của quận, thành phố và trung ương, nhiều Đại sứ quán và nhà riêng Đại sứ quán.

Có 07 mục tiêu chống khủng bố cần bảo vệ: Bộ Tài chính - 28 Trần Hưng Đạo; Đại sứ quán Angieri - 13 Phan Chu Trinh; Ngân hàng nhà nước - 25 Lý Thường Kiệt; Đại sứ quán Philippines - 27B Trần Hưng Đạo; Thông tấn xã Việt Nam - 5 Lý Thường Kiệt; Trung tâm cấp cứu 115 - 11 Phan Chu Trinh; Bảo tàng quốc gia Việt Nam - 1 Phạm Ngũ Lão; Có 04 đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn: Cục đối ngoại Bộ Quốc phòng - 33 Phạm Ngũ Lão; Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng - 4 Đinh Công Tráng; Các cục thuộc Bộ Tổng Tham mưu - 33 B Phạm Ngũ Lão; Viện 10 (Bộ tư lệnh 86) - 01 ngõ Phan Chu Trinh.

2.5.16.2. Diện tích tự nhiên: 0,43 km².

2.5.16.3. Quy mô dân số: 10.503 người.

2.5.16.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.16.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.16.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Chương Dương, Tràng Tiền, Hàng Bài (quận Hoàn Kiếm); các phường: Phạm Đình Hổ, Bạch Đằng (quận Hai Bà Trưng).

2.5.17. Phường Trần Hưng Đạo

2.5.17.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường nằm ở vị trí trung tâm thành phố, thuộc khu phố cũ của quận Hoàn Kiếm, có 17 tuyến phố, 3 ngõ. Địa bàn phường có 12 mục tiêu phòng chống khủng bố, phá hoại gồm các cơ quan trọng yếu của Đảng, Nhà nước và Thành phố như: Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải..., có 06 đại sứ quán và nhà riêng của đại sứ, nhà riêng của các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước; 07 trường học, 21 trụ sở ngân hàng, 28 cơ sở kinh doanh có điều kiện, kinh doanh dịch vụ nhạy cảm về an ninh trật tự, khách sạn Melia là nơi lưu trú của các đoàn khách quốc tế khi đến thăm và làm việc tại Việt Nam, có nhiều đồng chí là cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước đang công tác và nghỉ hưu.

+ Có yếu tố đặc thù về tôn giáo: Trung tâm tôn giáo lớn là Chùa Quán Sứ - di tích tôn giáo thờ Phật và Lý Quốc Sư tức Nguyễn Minh Không, một vị cao tăng có công giúp đỡ các vua triều Lý và xây dựng đạo Phật ở Việt Nam đồng thời là trụ sở Trung ương Hội Phật giáo Việt Nam.

2.5.17.2. Diện tích tự nhiên: 0,47 km².

2.5.17.3. Quy mô dân số: 10.901 người.

2.5.17.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.17.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.17.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Cửa Nam, Hàng Bông, Hàng Trống, Tràng Tiền, Hàng Bài (quận Hoàn Kiếm); phường Nguyễn Du (quận Hai Bà Trưng).

2.5.18. Phường Hàng Bài

2.5.18.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Là phường trọng điểm về quốc phòng theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng. Nằm ở vị trí trung tâm thành phố, phía Nam của quận Hoàn Kiếm thuộc khu phố cũ, địa bàn phường có nhiều tuyến phố chính, quan trọng như tuyến phố Huế - Hàng Bài là trục chính đi vào, tuyến phố Bà Triệu - Ngô Quyền là trục đi ra. Phường là nơi tập trung các cơ quan đầu não của Nhà nước và Thành phố: Văn phòng Quốc Hội (35 Ngô Quyền), Ủy ban Đoàn kết những người công giáo yêu nước và hòa bình Việt Nam (34 Ngô Quyền), Đài Tiếng nói Việt Nam (42-45 Bà Triệu), Đại sứ quán Pháp (57 Trần Hưng Đạo), Đại sứ quán Indonesia (50 Ngô Quyền), Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (60 Bà Triệu). Hàng Bài cũng là nơi tập trung các cơ quan khoa học, văn hóa nghệ thuật của Thủ đô và cả nước. Phường Hàng Bài nằm ở phần lớn các tuyến phố trên địa bàn được làm từ thời Pháp, có mặt đường lớn, vỉa hè rộng, hai bên đường có nhiều biệt thự, công trình cổ có giá trị. Nhiều cơ quan trọng yếu của Trung ương, Thành phố, Quận và cơ quan ngoại giao của các nước đặt trụ sở tại đây nên yêu cầu đảm bảo an ninh, quốc phòng được đặc biệt chú trọng.

2.5.18.2. Diện tích tự nhiên: 0,27 km².

2.5.18.3. Quy mô dân số: 10.534 người.

2.5.18.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.5.18.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.5.18.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Tràng Tiền (quận Hoàn Kiếm); phường Nguyễn Du (quận Hai Bà Trưng).

2.6. Quận Hoàng Mai

2.6.1. Phường Giáp Bát

2.6.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường Giáp Bát ngày nay nằm trong cụm làng cổ ở xung quanh kinh thành Thăng Long xưa. Theo sử sách, Giáp Thất và Giáp Bát là 2 trong 8 làng thuộc tổng Thịnh Liệt hay còn được gọi nôm na là làng Bảy, làng Tám. Đến tháng 8/1973 hai làng tách khỏi xã Thịnh Liệt, thành lập phường mới

có tên gọi là Giáp Bát. Phường có diện tích tự nhiên 0,57km², có gần 14.178 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn. Số người dân lưu trú để kinh doanh, lao động trên địa bàn khoảng gần 2.550 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư, nếu sáp nhập với ĐVHC cấp xã liền kề thì dân số sẽ tăng quá lớn.

Ngoài ra, phường có yếu tố đặc thù về công tác trật tự xã hội: Địa bàn phường có bến xe Giáp Bát là một trong những địa bàn trọng điểm, phức tạp về hình sự và tệ nạn xã hội, giao thông trật tự, tại bến có gần 100 tuyến xe khách đi các tỉnh phía Nam và một số tỉnh Đông Bắc, 16 tuyến xe buýt chạy nội, ngoại thành và một số thành phố lân cận. Hàng ngày, tại bến xe Giáp Bát có khoảng 950 lượt xe xuất bến và có từ 18 đến 20 nghìn lượt hành khách qua lại, đặc biệt vào dịp lễ, tết lưu lượng khách tăng gấp đôi, yêu cầu quản lý về an ninh trật tự tại đây rất lớn.

Về yếu tố đặc thù tôn giáo: Trên địa bàn phường có Nhà thờ giáo xứ Kẻ Sét, là một trong những giáo xứ lớn ở khu vực phía Nam với 1.800 giáo dân. Hàng ngày có hàng trăm giáo dân đi hành lễ, ngày thứ Bảy, chủ Nhật lên đến 2.000 đến 3.000 người, vào dịp Noel thì rất đông bà con giáo dân thập phương về dự.

Phường Giáp Bát hiện là một trong những đơn vị hành chính có tốc độ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội nhất của quận Hoàng Mai. Phường giáp với các phường Thịnh Liệt, Đồng Tâm, Tương Mai và Phương Liệt tạo nên sự kết nối mạnh mẽ về kinh tế, giao thông của phường với các khu vực lân cận.

2.6.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,57 km².

2.6.1.3. Quy mô dân số: 14.178 người.

2.6.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.6.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.6.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Tương Mai, Tân Mai, Thịnh Liệt (quận Hoàng Mai); các phường: Đồng Tâm, Phương Liệt (quận Thanh Xuân).

2.6.2. Phường Tương Mai

2.6.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: là phường có mật độ dân cư lớn của quận Hoàng Mai. Số người dân lưu trú để kinh doanh, lao động trên địa bàn khoảng trên 3.000 người, di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư, nếu sáp nhập với ĐVHC cấp xã liền kề thì dân số sẽ tăng quá lớn.

+ Về đặc điểm cộng đồng dân cư: Dân cư phường chia thành 3 khu vực với đặc thù thói quen sinh sống đặc trưng: khu tập thể cũ từ nhiều chục năm trước,

khu làng cổ Tương Mai (dân cư sinh sống lâu đời với nhiều dòng họ lớn và giữ tập tục sinh hoạt cộng đồng theo dòng họ và duy trì các lễ hội cổ truyền thống), dân cư xung quanh khu vực bến xe Giáp Bát với những thói quen, tập tục rõ nét ở từng khu vực dân cư và đã ổn định trong nhiều chục năm. Do vậy việc sáp nhập với các ĐVHC cấp xã liên kề khác sẽ tạo sự xung đột về văn hóa và các thói quen trong cuộc sống gây khó khăn cho việc hòa nhập các khu dân cư.

+ Trên địa bàn phường có công trình trọng điểm như: Nhà máy nước Tương Mai là vị trí trong danh sách được bảo vệ trọng điểm khi có các sự kiện lớn. Nhà thi đấu Hoàng Mai trên địa bàn phường là địa điểm tổ chức các hoạt động thể thao lớn của quốc gia như: Seagames... Nhà máy Điện cơ Thống Nhất với số lượng hàng nghìn công nhân thường xuyên lao động, làm việc, sinh hoạt hàng ngày.

2.6.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,74 km².

2.6.2.3. Quy mô dân số: 27.074 người.

2.6.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.6.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.6.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Giáp Bát, Tân Mai, Thịnh Liệt, Hoàng Văn Thụ (quận Hoàng Mai).

2.6.3. Phường Tân Mai

2.6.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có trên 8.500 học sinh, sinh viên, người lao động các nơi khác lưu trú để lao động và học tập trên địa bàn phường. Trung bình hàng năm phường tiếp nhận và giải quyết từ 9.000 - 10.000 thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

+ Có yếu tố đặc thù về hạ tầng đô thị: Phường có 03 khu dân cư truyền thống với trên 100 ngõ, ngách nhỏ hẹp; 79 khu nhà tập thể cũ, xây dựng từ những năm 70, 80 của thế kỷ trước (gồm: 07 khu nhà 5 tầng, 18 khu nhà 3 tầng và 56 khu nhà 2 tầng) đã xuống cấp, một số khu nhà đã xuống cấp nghiêm trọng, đặc biệt có khu thuộc diện cảnh báo nguy hiểm như khu nhà A7 Tân Mai. Hiện nay Thành phố và quận Hoàng Mai đã chỉ đạo các cơ quan chức năng khảo sát để xây dựng lại theo quy hoạch, dự kiến các khu nhà tập thể cũ này khi được xây dựng chuyển đổi thành chung cư cao tầng hiện đại dân cư phường dự kiến sẽ vượt trên 45.000 người. Địa hình phường thuộc vùng trũng trong quận Hoàng Mai và thành phố Hà Nội nên thường xuyên ngập sâu khi mưa lớn, tiêu thoát nước chậm so với địa bàn khác gây ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân.

+ Về công tác tôn giáo: Phường có cụm di tích lịch sử văn hóa: Chùa Sét, Đền Bích Tiêu, Đình Giáp Lục đã được Thành phố xếp hạng; các hoạt động văn

hóa, lễ hội, tín ngưỡng được duy trì hàng năm, đòi hỏi công tác quản lý luôn được tăng cường thực hiện đúng quy định và phù hợp với phong tục tập quán địa phương.

+ Có yếu tố về truyền thống lịch sử, văn hóa: Các di tích lịch sử như Chùa Sét xây dựng từ thời Lý, hiện vẫn giữ được một số sắc phong thời Nguyễn, gần đó là đền Sét thời bà Chúa Liễu Hạnh được xây từ triều đại nhà Nguyễn. Đình Giáp Lục thờ tiền sỹ Nguyễn Chính.

2.6.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,50 km².

2.6.3.3. Quy mô dân số: 22.380 người.

2.6.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.6.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.6.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Giáp Bát, Tương Mai, Thịnh Liệt (quận Hoàng Mai).

2.7. Quận Thanh Xuân

2.7.1. Phường Thanh Xuân Trung

2.7.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường Thanh Xuân Trung được đổi tên từ phường Thanh Xuân, quận Đống Đa. Có di tích lịch sử Gò Đống Tây được công nhận là di tích cấp Quốc gia, ghi dấu nơi quân và dân ta đại thắng quân Minh vào năm 1426. Trên địa bàn phường có nhiều nhà máy lớn như: Bông đèn phích nước Rạng Đông, Giấy Thượng Đình. Các nhà máy trên nằm trong diện di dời khỏi nội đô. Sau khi di dời, tại đây sẽ hình thành các khu đô thị, quy mô dân số phường Thanh Xuân Trung khoảng 48.000 người (đạt 320% so với tiêu chuẩn).

2.7.1.2. Diện tích tự nhiên: 1,18 km².

2.7.1.3. Quy mô dân số: 37.894 người.

2.7.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 357 người; chiếm tỷ lệ 0,94%.

2.7.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.7.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân Nam, Hạ Đình, Nhân Chính, Thượng Đình (quận Thanh Xuân).

2.7.2. Phường Khương Mai

2.7.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có diện tích tự nhiên 1,06 km², có gần 24.604 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn, là phường có mật độ dân cư lớn của quận

Thanh Xuân. Số người dân ở trọ, kinh doanh trên địa bàn khoảng gần 3.100 người di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư, nếu sáp nhập với ĐVHC cấp xã liền kề thì dân số sẽ tăng quá lớn.

+ Trên địa bàn phường có sân bay Bạch Mai, trụ sở Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân và nhiều cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo Quốc phòng - An ninh.

+ Bạch Mai là một địa danh có tên tuổi từ lâu đời trên bản đồ hành chính Hà Nội, nơi này cách đây trên 200 năm ngày 05 tháng Giêng năm Kỷ Dậu, Hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ chỉ huy đội quân bách chiến bách thắng tiến vào giải phóng cung thành Thăng Long tiêu diệt 29 vạn quân Mãn Thanh. Nơi đây trong cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp quân và dân Hà Nội đã lập chiến công oanh liệt, tập kích sân bay Bạch Mai phá huỷ 25 máy bay, 60 vạn lít xăng, 30 vạn tấn vũ khí của địch. Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước, Bạch Mai là nơi đặt Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh quân chủng Phòng không - Không quân góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, điển hình là trận “Điện Biên Phủ trên không” tháng 12 năm 1972 trên bầu trời Hà Nội, tiêu diệt 81 máy bay các loại trong đó có 34 máy bay B52, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Paris về Việt Nam. Địa danh này gồm sân bay Bạch Mai và vùng đất trắng xung quanh ao hồ, đầm lầy thuộc Làng Khương Thượng - Định Công. Quá trình đô thị hoá Thủ đô Hà Nội, vành đai sân bay được quy hoạch thành các khu cơ quan, doanh trại quân đội và nhà ở tập thể, dần dần dân số ngày một tăng, hoạt động kinh tế - xã hội ngày càng phát triển.

2.7.2.2. Diện tích tự nhiên: 1,06 km².

2.7.2.3 Quy mô dân số: 24.604 người.

2.7.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 228 người; chiếm tỷ lệ 0,93%.

2.7.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.7.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Phương Liệt, Khương Trung, Khương Đình (quận Thanh Xuân); phường Định Công (quận Hoàng Mai); phường Khương Thượng (quận Đống Đa).

2.7.3. Phường Phương Liệt

2.7.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Thực hiện Hiến pháp 1980, năm 1981 Tiểu khu Phương Liệt chuyển thành phường Phương Liệt thuộc quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (tháng 12 năm 1996 chuyển về quận Thanh Xuân). Phường có diện tích tự nhiên 0,94 km², có gần 26.017 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn, là phường có mật độ dân cư lớn của quận Thanh Xuân. Ngoài ra, số người dân lưu trú, hàng ngày đến kinh doanh, lao động trên địa bàn khoảng gần 3.100 người, di

biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư, nếu sáp nhập với ĐVHC cấp xã liền kề thì dân số sẽ tăng quá lớn.

+ Về yếu tố truyền thống, lịch sử: phường Phương Liệt trong lịch sử xa xưa nơi đây có tên là làng Giáp Cừ. Các bậc tiền bối đã không chịu để con cháu mai sau phải xếp Giáp thứ 9, đã đổi tên là Phương Liệt, Phương ở đây có nghĩa là thơm; Liệt với nghĩa là oanh liệt. Đất linh ất phải có hào kiệt. Nơi đây quá khứ đã sản sinh ra nhiều người tài giỏi. Danh nhân văn hóa, hiện tại nhiều người con Phương Liệt thành danh đã cống hiến lớn lao cho sự phát triển của phường và đất nước. Phường Phương Liệt là vùng đất ở cửa ngõ phía Nam của Thủ đô, phía Bắc giáp quận Đống Đa, phía Nam giáp quận Hoàng Mai, phía Đông giáp quận Hai Bà Trưng, phía Tây giáp phường Khương Mai và sân bay Bạch Mai. Đường xe lửa Bắc - Nam và đường Giải Phóng cùng với cầu vượt Ngã Tư Vọng đi qua, cắt phường Phương Liệt làm hai về phía Đông Bắc. Trên địa bàn phường có các tuyến phố: đường Giải Phóng, đường Trường Chinh, phố Vọng, phố Phương Liệt, phố Phan Đình Giót, phố Nguyễn Văn Trỗi, phố Định Công; nhiều cơ quan Trung ương và Thành phố đặt trụ sở làm việc.

+ Trên địa bàn phường có cụm di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật: đình Phương Liệt, chùa Linh Quang, miếu ông Trạng được xây dựng trên mảnh đất thiêng. Tại bia đình Phương Liệt có ghi lời của Trạng nguyên Lưu Danh Công: “Ngắm nhìn về địa lý, Phương Liệt có địa hình rất đẹp. Đất có truyền thống về thuần phong, mỹ tục. Đất linh ất phải có người kiệt”. Cụm di tích lịch sử này được Bộ Văn hóa thông tin công nhận ngày 18/01/1993 là những di tích bảo tàng cấp quốc gia.

2.7.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,94 km².

2.7.3.3. Quy mô dân số: 26.017 người.

2.7.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 196 người; chiếm tỷ lệ 0,75%.

2.7.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.7.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Khương Mai (quận Thanh Xuân); các phường: Định Công, Giáp Bát (quận Hoàng Mai); phường Đồng Tâm (quận Hai Bà Trưng); các phường: Phương Mai (quận Đống Đa).

2.7.4. Phường Khương Trung

2.7.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường Khương Trung được tách từ quận Đống Đa. Trên địa bàn phường có nhiều di tích lịch sử, văn hóa được công nhận. Phường có diện tích tự nhiên 0,74 km², có gần 30.824 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn, là phường có mật độ dân cư lớn của quận Thanh Xuân. Ngoài dân số thường trú và tạm trú, số người dân lưu trú để kinh doanh, lao động trên địa bàn

khoảng gần 3.750 người, di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư, nếu sáp nhập với ĐVHC cấp xã liền kề thì dân số sẽ tăng quá lớn.

+ Phường có đặc điểm cộng đồng dân cư riêng biệt: Dân cư trên địa bàn phường cơ bản đã sinh sống lâu đời, có nhiều dòng họ lớn và giữ tập tục sinh hoạt cộng đồng theo dòng họ và duy trì các lễ hội cổ truyền thống, với những thói quen, tập tục rõ nét ở từng khu vực dân cư và đã ổn định trong nhiều chục năm. Do vậy việc sáp nhập với các ĐVHC cấp xã liền kề khác sẽ tạo sự xung đột về văn hóa và các thói quen trong cuộc sống gây khó khăn cho việc hòa nhập các khu dân cư.

2.7.4.2. Diện tích tự nhiên: 0,74 km².

2.7.4.3. Quy mô dân số: 30.824 người.

2.7.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 290 người; chiếm tỷ lệ 0,94%.

2.7.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.7.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Khương Đình, Thượng Đình, Khương Mai (quận Thanh Xuân); phường Định Công (quận Hoàng Mai); phường Nguyễn Trãi (quận Đống Đa).

2.7.5. Phường Thượng Đình

2.7.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường có diện tích tự nhiên 0,67 km², có gần 25.770 người hiện cư trú ổn định trên địa bàn, là phường có mật độ dân cư lớn của quận Thanh Xuân. Ngoài dân số thường trú và tạm trú, số người dân lưu trú để kinh doanh và lao động trên địa bàn khoảng gần 2.750 người, di biến động thường xuyên nên rất phức tạp trong công tác quản lý dân cư, nếu sáp nhập với ĐVHC cấp xã liền kề thì dân số sẽ tăng quá lớn.

+ Phường Thượng Đình là nơi tập trung nhiều nhà máy lớn như: Cao su Sao Vàng, Thuốc lá Thăng Long, Xà phòng Hà Nội... Các nhà máy trên nằm trong diện di dời khỏi nội đô. Theo quy hoạch phân khu đô thị đã được phê duyệt, sau khi di dời, tại đây sẽ hình thành các khu đô thị, quy mô dân số phường Thượng Đình trong thời gian tới, dự kiến dự báo sẽ tăng lên khoảng 46.000 người (đạt 306,7% so với tiêu chuẩn).

+ Về đặc điểm cộng đồng dân cư: Dân cư sinh sống lâu đời với nhiều dòng họ lớn và giữ tập tục sinh hoạt cộng đồng theo dòng họ và duy trì các lễ hội cổ truyền thống, với những thói quen, tập tục rõ nét ở từng khu vực dân cư và đã ổn định trong nhiều chục năm. Do vậy việc sáp nhập với các ĐVHC cấp xã liền kề khác sẽ tạo sự xung đột về văn hóa và các thói quen trong cuộc sống gây khó khăn cho việc hòa nhập các khu dân cư.

2.7.5.2. Diện tích tự nhiên: 0,67 km².

2.7.5.3. Quy mô dân số: 25.770 người.

2.7.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.7.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.7.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Hạ Đình, Nhân Chính, Khương Trung, Thanh Xuân Trung (quận Thanh Xuân); các phường: Ngã Tư Sở, Thịnh Quang (quận Đống Đa).

2.8. Huyện Ba Vì

2.8.1. Xã Phú Đông

2.8.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Được hình thành và ổn định từ năm 1945 đến nay, chưa điều chỉnh địa giới hành chính.

2.8.1.2. Diện tích tự nhiên: 3,63 km².

2.8.1.3. Quy mô dân số: 6.401 người.

2.8.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.8.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.8.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Vạn Thắng, xã Phong Vân, xã Thái Hòa, xã Cổ Đô.

2.8.2. Xã Đông Quang

2.8.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Được hình thành và ổn định từ năm 1945 đến nay, chưa điều chỉnh địa giới hành chính.

2.8.2.2. Diện tích tự nhiên: 3,88 km²

2.8.2.3. Quy mô dân số: 5.748 người

2.8.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

2.8.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.8.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Minh Châu, Tiên Phong, Cam Thượng, Chu Minh.

2.9. Huyện Phú Xuyên

2.9.1. Thị trấn Phú Minh

2.9.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liền kề. Và đang nằm trong quy hoạch phát triển đô thị vệ tinh Phú Xuyên - Thường Tín.

2.9.1.2. Diện tích tự nhiên: 1,10 km².

2.9.1.3. Quy mô dân số: 5.656 người.

2.9.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

2.9.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.9.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Nam Tiến (huyện Phú Xuyên); các xã: Vạn Điểm, Minh Cường (huyện Thường Tín); xã Đông Ninh (huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên).

2.10. Huyện Quốc Oai

2.10.1. Xã Phú Mãn

2.10.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Xã miền núi có 90,78% dân số là dân tộc thiểu số nên có những phong tục, tập quán riêng.

2.10.1.2. Diện tích tự nhiên: 8,99 km².

2.10.1.3. Quy mô dân số: 2.559 người.

2.10.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 2.323 người; chiếm tỷ lệ 90,78%.

2.10.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.10.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Đông Xuân, Hòa Thạch, Phú Cát (huyện Quốc Oai); xã Lâm Sơn (huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình).

2.11. Huyện Thạch Thất

2.11.1. Xã Cẩm Yên

2.11.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Được hình thành và ổn định từ năm 1945 đến nay, chưa điều chỉnh địa giới hành chính.

2.11.1.2. Diện tích tự nhiên: 4,03 km².

2.11.1.3. Quy mô dân số: 8.728 người.

2.11.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

2.11.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.11.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Đại Đồng, Lại Thượng.

2.12. Huyện Sóc Sơn

2.12.1. Thị trấn Sóc Sơn

2.12.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Theo Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó định hướng “ Xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô tại phía Bắc (vùng Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn). Đồng thời, UBND thành phố đã chỉ đạo UBND huyện Sóc Sơn tổ chức lập đồ án Quy hoạch phân khu đô thị Sóc Sơn (trong đó, thị trấn Sóc Sơn thuộc các Quy hoạch phân khu 1, khu 3, khu 5) làm cơ sở cập nhật vào đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đảm bảo theo định hướng tại Nghị quyết số 15/NQ-TW ngày 05/5/2022.

2.12.1.2. Diện tích tự nhiên: 1,07 km².

2.12.1.3. Quy mô dân số: 6.006 người.

2.12.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 27 người; chiếm tỷ lệ 0,45%.

2.12.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.12.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Phù Linh, Tiên Dược, Tân Minh..

2.13. Huyện Thường Tín

2.13.1. Xã Nhị Khê

2.13.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: xã Nhị Khê thuộc huyện Thường Tín được Thành ủy Hà Nội nhất trí chủ trương, định hướng đưa vào là một trong những huyện xây dựng thành Quận của Thủ đô giai đoạn 2026 - 2030 theo Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 về “Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025” và Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021 - 2025” của Thành ủy Hà Nội khóa XVII.

Mặt khác, huyện Thường Tín là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, là đất danh hương, khoa bảng với 68 nhà khoa bảng được ghi danh trong Văn miếu Quốc Tử Giám, là quê hương của danh nhân văn hóa thế giới, anh hùng giải phóng dân tộc Nguyễn Trãi ở xã Nhị Khê; cũng là huyện đặc sắc,

đa dạng về tín ngưỡng dân gian và tôn giáo với 11/29 xã, thị trấn có đạo Công giáo, 04 xã có đạo Tin lành, có Chùa Đậu xã Nguyễn Trãi là di tích cấp Quốc gia với 02 vị thiền sư tu thân đắc đạo để lại toàn thân xá lợi là Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường, có xã Tự Nhiên là quê hương nơi diễn ra mối thiên duyên Chủ Đồng Tử - Tiên Dung (một trong Tứ Bất Tử của văn hóa dân gian Việt Nam), là huyện có di sản văn hóa phi vật thể Hát Trống Quân xã Khánh Hà và quần thể Đền Lộ xã Ninh Sở nơi tổ chức thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ (hình thức đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại). Đồng thời, huyện Thường Tín còn được mệnh danh là đất trăm nghề với 82/162 làng có nghề, trong đó có 49 làng được công nhận làng nghề truyền thống, tiêu biểu như: Thêu tay xã Quất Động, xã Thắng Lợi; Sơn mài Hạ Thái xã Duyên Thái; Lược sừng mỹ nghệ Thụy Ứng xã Hòa Bình; Điêu khắc mỹ nghệ Định Quán xã Tiền Phong, Nhân Hiên xã Hiên Giang; Chăn ga gô đệm Trát Cầu xã Tiền Phong; Mộc cao cấp Vạn Điểm xã Vạn Điểm; Hoa cây cảnh Hồng Vân; Mây tre đan xã Ninh Sở; Tiện xã Nhị Khê....

2.13.1.2. Diện tích tự nhiên: 2,79 km².

2.13.1.3. Quy mô dân số: 8.066 người.

2.13.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 21 người; chiếm tỷ lệ 0,26%.

2.13.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.13.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Duyên Thái, Khánh Hà, Hòa Bình, Văn Bình (huyện Thường Tín);); các xã Liên Ninh, Đại Áng (huyện Thanh Trì).

2.13.2. Xã Duyên Thái

2.13.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: xã Duyên Thái thuộc huyện Thường Tín được Thành ủy Hà Nội nhất trí chủ trương, định hướng đưa vào là một trong những huyện xây dựng thành Quận của Thủ đô giai đoạn 2026 - 2030 theo Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 về “Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025” và Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021 - 2025” của Thành ủy Hà Nội khóa XVII.

Mặt khác, huyện Thường Tín là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, là đất danh hương, khoa bảng với 68 nhà khoa bảng được ghi danh trong Văn miếu Quốc Tử Giám, là quê hương của danh nhân văn hóa thế giới, anh hùng giải phóng dân tộc Nguyễn Trãi ở xã Nhị Khê; cũng là huyện đặc sắc, đa dạng về tín ngưỡng dân gian và tôn giáo với 11/29 xã, thị trấn có đạo Công

giáo, 04 xã có đạo Tin lành, có Chùa Đậu xã Nguyễn Trãi là di tích cấp Quốc gia với 02 vị thiền sư tu thân đắc đạo để lại toàn thân xá lợi là Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường, có xã Tự Nhiên là quê hương nơi diễn ra mối duyên Chữ Đồng Tử - Tiên Dung (một trong Tứ Bất Tử của văn hóa dân gian Việt Nam), là huyện có di sản văn hóa phi vật thể Hát Trống Quân xã Khánh Hà và quần thể Đền Lộ xã Ninh Sở nơi tổ chức thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ (hình thức đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại). Đồng thời, huyện Thường Tín còn được mệnh danh là đất trăm nghề với 82/162 làng có nghề, trong đó có 49 làng được công nhận làng nghề truyền thống, tiêu biểu như: Thêu tay xã Quất Động, xã Thắng Lợi; Sơn mài Hạ Thái xã Duyên Thái; Lược sừng mỹ nghệ Thụy Ứng xã Hòa Bình; Điêu khắc mỹ nghệ Định Quán xã Tiền Phong, Nhân Hiền xã Hiền Giang; Chăn ga gối đệm Trát Cầu xã Tiền Phong; Mộc cao cấp Vạn Điểm xã Vạn Điểm; Hoa cây cảnh Hồng Vân; Mây tre đan xã Ninh Sở; Tiện xã Nhị Khê....

2.13.2.2. Diện tích tự nhiên: 4,02 km².

2.13.2.3. Quy mô dân số: 12.688 người.

2.13.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 35 người; chiếm tỷ lệ 0,28%.

2.13.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.13.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Nhị Khê, Văn Bình, Ninh Sở (huyện Thường Tín); các xã: Liên Ninh, Đông Mỹ (huyện Thanh Trì).

2.14. Huyện Hoài Đức

2.14.1. Xã Di Trạch

2.14.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03

quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

2.14.1.2. Diện tích tự nhiên: 2,83 km².

2.14.1.3. Quy mô dân số: 10.567 người.

2.14.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 62 người; chiếm tỷ lệ 0,59%.

2.14.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.14.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Kim Chung, Lại Yên, Vân Canh (huyện Hoài Đức); phường Xuân Phương (quận Nam Từ Liêm).

2.14.2. Xã Cát Quế

2.14.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

2.14.2.2. Diện tích tự nhiên: 4,20 km².

2.14.2.3. Quy mô dân số: 18.929 người.

2.14.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 45 người; chiếm tỷ lệ 0,24%.

2.14.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.14.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Yên Sở, Dương Liễu, Đức Giang (huyện Hoài Đức); xã Sài Sơn (huyện Quốc Oai).

2.14.3. Xã Kim Chung

2.14.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

2.14.3.2. Diện tích tự nhiên: 3,90 km².

2.14.3.3. Quy mô dân số: 17.066 người.

2.14.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 152 người; chiếm tỷ lệ 0,89%.

2.14.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.14.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Di Trạch, Lại Yên, Sơn Đồng, Đức Giang và thị trấn Trạm Trôi (huyện Hoài Đức); phường Phương Canh (quận Nam Từ Liêm); phường Tây Tựu (quận Bắc Từ Liêm).

2.14.4. Xã Sơn Đồng

2.14.4.1 Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội

đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

2.14.4.2. Diện tích tự nhiên: 3,33 km².

2.14.4.3. Quy mô dân số: 10.987 người.

2.14.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 35 người; chiếm tỷ lệ 0,32%

2.14.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.14.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Kim Chung, Lại Yên, Song Phương, Tiền Yên, Đắc Sở, Yên Sở, Đức Giang.

2.14.5. Xã La Phù

2.14.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

2.14.5.2. Diện tích tự nhiên: 3,52 km².

2.14.5.3. Quy mô dân số: 13.701 người

2.14.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 84 người; chiếm tỷ lệ 0,61%.

2.14.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.14.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Đông La, An Khánh (huyện Hoài Đức), phường Dương Nội (quận Hà Đông).

2.15. Huyện Thanh Trì

2.15.1. Xã Tam Hiệp

2.15.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

2.15.1.2. Diện tích tự nhiên: 3,20 km².

2.15.1.3. Quy mô dân số: 16.359 người.

2.15.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 81 người; chiếm tỷ lệ 0,50%.

2.15.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.15.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Tả Thanh Oai, Thanh Liệt, Vĩnh Quỳnh, thị trấn Văn Điển (quận Thanh Trì); phường Hoàng Liệt (quận Hoàng Mai).

2.15.2. Xã Ngọc Hồi

2.15.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến

năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

2.15.2.2. Diện tích tự nhiên: 3,80 km².

2.15.2.3. Quy mô dân số: 13.725 người.

2.15.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 71 người; chiếm tỷ lệ 0,52%.

2.15.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.15.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Liên Ninh, Đại Áng, Vĩnh Quỳnh, Ngũ Hiệp (huyện Thanh Trì); xã Nhị Khê (huyện Thường Tín).

2.15.3. Xã Hữu Hòa

2.15.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

2.15.3.2. Diện tích tự nhiên: 2,96 km².

2.15.3.3. Quy mô dân số: 13.062 người.

2.15.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 43 người; chiếm tỷ lệ 0,33%.

2.15.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.15.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Tả Thanh Oai (huyện Thanh Trì), phường Kiến Hưng (quận Hà Đông), xã Cự Khê (huyện Thanh Oai).

2.15.4. Xã Thanh Liệt

2.15.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

2.15.4.2. Diện tích tự nhiên: 3,49 km².

2.15.4.3. Quy mô dân số: 19.081 người.

2.15.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 115 người; chiếm tỷ lệ 0,60%.

2.15.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.15.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Tả Thanh Oai, Tân Triều, Tam Hiệp (huyện Thanh Trì); các phường: Hoàng Liệt, Đại Kim (quận Hoàng Mai).

2.15.5. Xã Ngũ Hiệp

2.15.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

2.15.5.2. Diện tích tự nhiên: 3,24 km².

2.15.5.3. Quy mô dân số: 19.284 người.

2.15.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 107 người; chiếm tỷ lệ 0,55%.

2.15.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.15.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Yên Mỹ, Duyên Hà, Đông Mỹ, Vĩnh Quỳnh, Ngọc Hồi, Liên Ninh, Tứ Hiệp.

3. Hiện trạng các ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp

3.1. Quận Ba Đình

3.1.1. Phường Trúc Bạch

3.1.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Phường nằm trên nền đất xưa vốn thuộc tổng Hữu Nghiêm (sau đổi là Yên Hòa), huyện Thọ Xương và các tổng Yên Thành, Nội, Thượng, Trung, huyện Vĩnh Thuận; có nhiều di tích lịch sử văn hoá và các đặc trưng giá trị văn hoá như đúc đồng Ngũ Xá... Hiện nay, phường đang thực hiện “*Đề án phát triển kinh tế ban đêm*” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 27/2/2020 và “*Đề án phát triển khu phố ẩm thực kết hợp đi bộ Đảo Ngọc Ngũ Xá*” đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt và xác định đây là điểm đến du lịch – ẩm thực của Thủ đô Hà Nội.

3.1.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,50 km².

3.1.1.3. Quy mô dân số: 10.181 người.

3.1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 12 người; chiếm tỷ lệ 0,12%.

3.1.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

3.1.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Phúc Xá, Quán Thánh, Nguyễn Trung Trực (quận Ba Đình); phường Yên Phụ (quận Tây Hồ).

3.1.2. Phường Nguyễn Trung Trực

3.1.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: phường nằm trên nền đất xưa vốn thuộc tổng Hữu Nghiêm (sau đổi là Yên Hòa), huyện Thọ Xương. Khu vực này thời Pháp thuộc có nhiều người Hoa sinh sống, làm ăn; có nhiều đền, đình, chùa còn lưu giữ các kiến trúc Trung Hoa, tín ngưỡng người Trung Quốc; có nhiều di tích lịch sử văn hoá và các đặc trưng giá trị văn hoá như bánh cốm Hàng Than... Trên địa bàn phường có chùa Hoè Nhai đã được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa quốc gia...

3.1.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,16 km².

3.1.2.3. Quy mô dân số: 6.601 người.

3.1.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 07 người; chiếm tỷ lệ 0,11%.

3.1.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

3.1.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Phúc Xá, Trúc Bạch, Quán Thánh (quận Ba Đình); phường Đồng Xuân (quận Hoàn Kiếm).

3.2. Quận Đống Đa

3.2.1. Phường Quốc Tử Giám

3.2.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: phường trọng điểm về quốc phòng, an ninh theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng. Trên địa bàn phường có cụm Di tích Quốc gia đặc biệt Khu Văn Miếu – Quốc Tử Giám. Có yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng liên quan đến phường Văn Miếu.

3.2.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,19 km².

3.2.1.3. Quy mô dân số: 7.810 người.

3.2.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 38 người; chiếm tỷ lệ 0,49%.

3.2.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

3.2.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hàng Bột, Văn Chương, Văn Miếu (quận Đống Đa).

3.2.2. Phường Văn Miếu

3.2.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: phường trọng điểm về quốc phòng, an ninh theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11/7/2022 của Bộ Quốc phòng. Trên địa bàn phường có cụm Di tích Quốc gia đặc biệt Khu Văn Miếu – Quốc Tử Giám. Có yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng liên quan đến phường Văn Miếu.

3.2.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,29 km².

3.2.1.3. Quy mô dân số: 9.393 người.

3.2.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 59 người; chiếm tỷ lệ 0,63%.

3.2.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

3.2.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Cát Linh, Quốc Tử Giám, Văn Chương, Khâm Thiên (quận Đống Đa).

3.3. Huyện Đan Phượng

3.3.1. Xã Thọ Xuân

3.3.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Đan Phượng là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

3.3.1.2. Diện tích tự nhiên: 4,53 km².

3.3.1.3. Quy mô dân số: 11.053 người.

3.3.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

3.3.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

3.3.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Hồng Hà, Hạ Mỗ, Thọ An, Phương Đình (huyện Đan Phượng); xã Thạch Đà (huyện Mê Linh).

3.3.2. Xã Trung Châu

3.3.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Đan Phượng là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Bên cạnh đó, theo Kế hoạch 68/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì đối với hồ sơ thành lập 03 quận Đan Phượng, Thanh Trì, Hoài Đức sẽ hoàn thành thông qua HĐND thành phố trong quý III/2024.

3.3.2.2. Diện tích tự nhiên: 8,01 km².

3.3.2.3. Quy mô dân số: 9.121 người.

3.3.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

3.3.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

3.3.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Hồng Hà, Thọ An, Phương Đình, Hạ Mỗ (huyện Đan Phượng);

3.3. Huyện Gia Lâm

3.3.1. Xã Trung Mậu

3.3.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê

duyet Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

3.3.1.2. Diện tích tự nhiên: 4,30 km².

3.3.1.3. Quy mô dân số: 6.246 người.

3.3.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

3.3.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

3.3.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Lệ Chi, Phù Đồng (huyện Gia Lâm); các xã: Đại Đồng, Tri Phương (huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh).

3.3.2. Xã Phù Đồng

3.3.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

3.3.2.2. Diện tích tự nhiên: 11,82 km².

3.3.2.3. Quy mô dân số: 15.768 người.

3.3.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

3.3.2.5 Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

3.3.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Đặng Xá, Cổ Bi, Đình Xuyên, Dương Hà, Trung Mầu (huyện Gia Lâm); phường Phúc Lợi (quận Long Biên); phường Phù Chẩn (thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh); các xã: Đại Đồng, Tri Phương (huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh).

3.3.3. Xã Kim Sơn

3.3.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù:

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

3.3.3.2. Diện tích tự nhiên: 6,31 km².

3.3.3.3. Quy mô dân số: 15.252 người.

3.3.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

3.3.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

3.3.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Phú Thị, Dương Quang, Trung Mầu (huyện Gia Lâm); phường Xuân Lâm (thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh); các xã: Liễu Khê, Liễu Ngạn (huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh).

3.3.4. Xã Phú Thị

3.3.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày

24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

3.3.4.2. Diện tích tự nhiên: 5,08 km².

3.3.4.3. Quy mô dân số: 9.780 người.

3.3.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

3.3.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

3.3.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Kim Sơn, Đặng Xá, Dương Xá, Dương Quang, Phù Đồng.

3.3.5. Thị trấn Trâu Quỳ

3.3.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

3.3.5.2. Diện tích tự nhiên: 7,19 km².

3.3.5.3. Quy mô dân số: 21.667 người.

3.3.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 178 người; chiếm tỷ lệ 0,82%.

3.3.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

3.3.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Đa Tốn, Cổ Bi, Đặng Xá, Phú Thị, Dương Xá, Đông Dư (huyện Gia Lâm); các phường: Thạch Bàn, Cự Khối (quận Long Biên).

3.3.6. Xã Đa Tốn

3.3.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

3.3.6.2. Diện tích tự nhiên: 7,40 km².

3.3.6.3. Quy mô dân số: 19.884 người.

3.3.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

3.3.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

3.3.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Kiều Ky, Đông Dư, Bát Tràng, và thị trấn Trâu Quỳ (huyện Gia Lâm); các xã: Cửu Cao, Phụng Công (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

3.3.7. Xã Kiều Ky

3.3.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội

đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

3.3.7.2. Diện tích tự nhiên: 5,88 km².

3.3.7.3. Quy mô dân số: 13.856 người.

3.3.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 24 người; chiếm tỷ lệ 0,17%.

3.3.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

3.3.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Đa Tốn, Dương Xá (huyện Gia Lâm); xã Tân Quang (huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên); xã Cửu Cao (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

3.3.8. Xã Dương Xá

3.3.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

3.3.8.2. Diện tích tự nhiên: 4,95 km².

3.3.8.3. Quy mô dân số: 14.787 người.

3.3.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

3.3.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

3.3.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Dương Quang, Đa Tốn, Kiều Ky, Phú Thị và thị trấn Trâu Quỳ (huyện Gia Lâm); thị trấn Như Quỳnh và xã Tân Quang (huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên).

3.4. Huyện Thanh Trì

3.4.1. Xã Vạn Phúc

3.4.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

3.4.1.2. Diện tích tự nhiên: 5,29 km².

3.4.1.3. Quy mô dân số: 13.863 người.

3.4.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 59 người; chiếm tỷ lệ 0,004%.

3.4.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

3.4.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Đông Mỹ, Duyên Hà (huyện Thanh Trì); xã Văn Đức (huyện Gia Lâm); xã Ninh Sở (huyện Thường Tín); thị trấn Văn Giang và các xã: Liên Nghĩa, Thắng Lợi (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

4. Hiện trạng các ĐVHC cấp xã liên kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp

4.1. Quận Cầu Giấy

4.1.1. Phường Yên Hòa

4.1.1.1. Thuộc khu vực, có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.1.1.2. Diện tích tự nhiên: 2,06 km².

4.1.1.3. Quy mô dân số: 49.502 người.

4.1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 215 người; chiếm tỷ lệ 0,43%.

4.1.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

4.1.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Dịch Vọng, Dịch Vọng Hậu, Quan Hoa, Trung Hòa (quận Cầu Giấy); phường Láng Thượng (quận Đống Đa); phường Mỹ Đình 1 (quận Nam Từ Liêm).

4.1.2. Phường Nghĩa Đô

4.1.2.1. Thuộc khu vực, có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.1.2.2. Diện tích tự nhiên: 1,34 km².

4.1.2.3. Quy mô dân số: 35.442 người.

4.1.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 112 người; chiếm tỷ lệ 0,32%;

4.1.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

4.1.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Dịch Vọng, Nghĩa Tân, Quan Hoa (quận Cầu Giấy); phường Cổ Nhuế 1 (quận Bắc Từ Liêm); các phường: Xuân La, Bưởi (quận Tây Hồ); phường Vĩnh Phúc (quận Ba Đình).

4.1.3. Phường Dịch Vọng

4.1.3.1. Thuộc khu vực, có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.1.3.2. Diện tích tự nhiên: 1,35 km².

4.1.3.3. Quy mô dân số: 28.531 người.

4.1.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 98 người; chiếm tỷ lệ 0,34%;

4.1.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

4.1.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Dịch Vọng Hậu, Nghĩa Tân, Quan Hoa, Nghĩa Đô, Yên Hòa (quận Cầu Giấy).

4.1.4. Phường Dịch Vọng Hậu

4.1.4.1. Thuộc khu vực, có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không

4.1.4.2. Diện tích tự nhiên: 1,61 km².

4.1.4.3. Quy mô dân số: 32.076 người.

4.1.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 64 người; chiếm tỷ lệ 0,20%.

4.1.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.1.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Dịch Vọng, Nghĩa Tân, Mai Dịch (quận Cầu Giấy); phường Cổ Nhuế 1 (quận Bắc Từ Liêm); phường Mỹ Đình 2 (quận Nam Từ Liêm).

4.2. Quận Long Biên

4.2.1. Phường Phúc Đồng

4.2.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

4.2.1.2. Diện tích tự nhiên: 4,53 km².

4.2.1.3. Quy mô dân số: 16.872 người.

4.2.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 01 người; chiếm tỷ lệ 0,01%.

4.2.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

4.2.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phúc Lợi, Sài Đồng, Long Biên, Thạch Bàn, Việt Hưng, Gia Thụy, Bồ Đề (quận Long Biên).

4.2.2. Phường Phúc Lợi

4.2.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù:

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

4.2.2.2. Diện tích tự nhiên: 6,26 km².

4.2.2.3. Quy mô dân số: 20.953 người.

4.2.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 105 người; chiếm tỷ lệ 0,50 %.

4.2.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

4.2.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Việt Hưng, Sài Đồng, Giang Biên, Phúc Lợi (quận Long Biên); xã Cổ Bi (huyện Gia Lâm).

4.3. Huyện Ba Vì

4.3.1. Xã Phú Phương

4.3.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không có.

4.3.1.2. Diện tích tự nhiên: 4,32 km².

4.1.3.3. Quy mô dân số: 6.590 người.

4.1.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có

4.1.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.1.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Châu Sơn, Phú Châu, Vạn Thắng.

4.3.2. Xã Tản Hồng

4.3.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không có.

4.3.2.2. Diện tích tự nhiên: 8,80 km².

4.3.2.3. Quy mô dân số: 17.626 người.

4.3.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có

4.3.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.3.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Châu Sơn, Phú Cường, Vạn Thắng.

4.4. Huyện Chương Mỹ

4.4.1. Xã Hòa Chính

4.4.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.4.1.2. Diện tích tự nhiên: 4,63 km².

4.4.1.3. Quy mô dân số: 7.649 người.

4.4.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.4.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.4.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Đồng Phú, Thượng Vực, Phú Nam (huyện Chương Mỹ); xã Xuân Dương (huyện Thanh Oai); xã An Viên (huyện Ứng Hòa); xã Phúc Lâm (huyện Mỹ Đức).

4.5. Huyện Gia Lâm

4.5.1. Xã Văn Đức

4.5.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

4.5.1.2. Diện tích tự nhiên: 6,66 km².

4.5.1.3. Quy mô dân số: 8.396 người.

4.5.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 34 người; chiếm tỷ lệ 0,42%.

4.5.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.5.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Kim Lan (huyện Gia Lâm); xã Xuân Quan và thị trấn Văn Giang (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

4.6. Huyện Hoài Đức

4.6.1. Xã An Khánh

4.6.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

4.6.1.2. Diện tích tự nhiên: 8,50 km².

4.6.1.3. Quy mô dân số: 47.414 người.

4.6.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 304 người; chiếm tỷ lệ 0,64%

4.6.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.6.1.6 Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Song Phương, An Thượng, La Phù, Đông La, Vân Canh, Lại Yên (huyện Hoài Đức); phường Dương Nội (quận Hà Đông).

4.6.2. Xã Song Phương

4.6.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

4.6.2.2. Diện tích tự nhiên: 5,77 km²

4.6.2.3. Quy mô dân số: 14.880 người

4.6.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 68 người; chiếm tỷ lệ 0,46%.

4.6.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.6.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Lại Yên, An Khánh, Vân Côn, Tiền Yên, An Thượng.

4.6.3. Xã Dương Liễu

4.6.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Hoài Đức là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND

thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

4.6.3.2. Diện tích tự nhiên: 4,35 km².

4.6.3.3. Quy mô dân số: 15.108 người

4.6.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 23 người; chiếm tỷ lệ 0,15%.

4.6.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.6.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Đức Thượng, Đức Giang, Cát Quế, Minh Khai (huyện Hoài Đức); các xã: Liên Hiệp, Hiệp Thuận (huyện Phúc Thọ).

4.7. Huyện Mê Linh

4.7.1. Xã Liên Mạc

4.7.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.7.1.2. Diện tích tự nhiên: 8,13 km².

4.7.1.3. Quy mô dân số: 16.863 người.

4.7.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.7.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.7.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Vạn Yên, Tự Lập, Tam Đồng, Thạch Đà, Chu Phan, Tiến Thịnh.

4.8. Huyện Mỹ Đức

4.8.1. Xã Bột Xuyên

4.8.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.8.1.2. Diện tích tự nhiên: 5,81 km².

4.8.1.3. Quy mô dân số: 9.169 người.

4.8.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 46 người; chiếm tỷ lệ 0,50%.

4.8.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.8.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Mỹ Thành, Bột Xuyên, Hồng Sơn, Tuy Lai.

4.8.2. Xã Vạn Kim

4.8.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.8.2.2. Diện tích tự nhiên: 6,17 km².

4.8.2.3. Quy mô dân số: 7.978 người.

4.8.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 35 người; chiếm tỷ lệ 0,44%.

4.8.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.8.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Đại Hưng, Hùng Tiến, Hương Sơn, Đốc Tín.

4.9. Huyện Phú Xuyên

4.9.1. Xã Nam Triều

4.9.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.9.1.2. Diện tích tự nhiên: 5,88 km².

4.9.1.3. Quy mô dân số: 7.200 người.

4.9.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.9.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.9.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Nam Phong, Thụy Phú, Hồng Thái, Khai Thái, Phúc Tiên và thị trấn Phú Xuyên.

4.9.2. Xã Văn Hoàng

4.9.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.9.2.2. Diện tích tự nhiên: 6,03 km².

4.9.2.3. Quy mô dân số: 7.526 người.

4.9.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.9.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.9.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Tri Trung, Hồng Minh, Phượng Dực, Đại Thắng, Tân Dân, Hoàng Long.

4.9.3. Xã Hồng Minh

4.9.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.9.3.2. Diện tích tự nhiên: 5,65 km².

4.9.3.3. Quy mô dân số: 9.279 người.

4.9.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.9.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.9.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Phượng Dực, Tri Trung, Phú Túc (huyện Phú Xuyên); xã Liên Châu (huyện Thanh Oai).

4.10. Huyện Phúc Thọ

4.10.1. Xã Vân Nam

4.10.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.10.1.2. Diện tích tự nhiên: 6,31 km².

4.10.1.3. Quy mô dân số: 7.652 người.

4.10.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.10.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.10.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Vân Phúc, Xuân Đình, Thượng Cốc, Hát Môn, Vân Hà (huyện Phúc Thọ).

4.10.2. Xã Long Xuyên

4.10.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.10.2.2. Diện tích tự nhiên: 6,78 km².

4.10.2.3. Quy mô dân số: 9.518 người.

4.10.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.10.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.10.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Xuân Đình, Vồng Xuyên, Phúc Hòa, Ngọc Tảo, Thượng Cốc, Phụng Thượng (huyện Phúc Thọ).

4.10.3. Xã Tích Giang

4.10.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: có di tích Quốc gia đặc biệt (Đình Tường Phiêu).

4.10.3.2. Diện tích tự nhiên: 6,21 km².

4.10.3.3. Quy mô dân số: 9.936 người.

4.10.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.10.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.10.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Lộc Thọ, Trạch Mỹ Lộc (huyện Phúc Thọ); phường Trung Sơn Trầm, Trung Hưng (thị xã Sơn Tây).

4.10.4. Thị trấn Phúc Thọ

4.10.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.10.4.2. Diện tích tự nhiên: 3,73 km².

4.10.4.3. Quy mô dân số: 9.725 người.

4.10.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.10.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.10.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Phúc Hòa, Trạch Mỹ Lộc, Vĩng Xuyên, Thọ Lộc (huyện Phúc Thọ); xã Cẩm Yên (huyện Thạch Thất).

4.11. Huyện Quốc Oai

4.11.1. Xã Yên Sơn

4.11.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.11.1.2. Diện tích tự nhiên: 4,32 km².

4.11.1.3. Quy mô dân số: 8.451 người.

4.11.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 36 người; chiếm tỷ lệ 0,43%.

4.11.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.11.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Sài Sơn, Phượng Cách, Đồng Quang và thị trấn Quốc Oai (huyện Quốc Oai); xã Phùng Xá (huyện Thạch Thất); các xã: Vân Côn, Tiền Yên, Song Phương (huyện Hoài Đức).

4.11.2. Xã Cộng Hòa

4.11.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.11.2.2. Diện tích tự nhiên: 4,46 km².

4.11.2.3. Quy mô dân số: 7.348 người.

4.11.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 18 người; chiếm tỷ lệ 0,24%.

4.11.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.11.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã Đồng Quang, Tân Hòa (huyện Quốc Oai); xã Phú Nghĩa (huyện Chương Mỹ); xã Vân Côn (huyện Hoài Đức).

4.11.3. Thị trấn Quốc Oai

4.11.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.11.3.2. Diện tích tự nhiên: 5,10 km².

4.11.3.3. Quy mô dân số: 15.809 người.

4.11.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 20 người; chiếm tỷ lệ 0,13%.

4.11.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.11.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Đồng Quang, Yên Sơn, Ngọc Mỹ, Thạch Thán (huyện Quốc Oai); xã Phùng Xá (huyện Thạch Thất); xã Vân Côn (huyện Hoài Đức).

4.12. Huyện Thạch Thất

4.12.1. Xã Canh Nậu

4.12.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.12.1.2. Diện tích tự nhiên: 5,06 km².

4.12.1.3. Quy mô dân số: 16.424 người.

4.12.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.12.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.12.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Dị Nậu, Hương Ngải, Chàng Sơn, Thạch Xá, Hữu Bằng (huyện Thạch Thất); xã Hiệp Thuận (huyện Phúc Thọ).

4.12.2. Xã Bình Phú

4.12.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.12.2.2. Diện tích tự nhiên: 4,95 km².

4.12.2.3. Quy mô dân số: 11.893 người.

4.12.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.12.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.12.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Hữu Bằng, Phùng Xá, Thạch Xá, Cần Kiệm (huyện Thạch Thất); xã Ngọc Liệp (huyện Quốc Oai).

4.13. Huyện Thanh Oai

4.13.1. Xã Cao Dương

4.13.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.13.1.2. Diện tích tự nhiên: 4,58 km².

4.13.1.3. Quy mô dân số: 12.444 người.

4.13.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 22 người; chiếm tỷ lệ 0,18%.

4.13.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.13.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Phương Trung, Dân Hòa, Hồng Dương, Xuân Dương (huyện Thanh Oai); xã Phú Nam An (huyện Chương Mỹ).

4.13.2. Thị trấn Kim Bài

4.13.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.13.2.2. Diện tích tự nhiên: 4,50 km².

4.13.2.3. Quy mô dân số: 7.753 người.

4.13.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 29 người; chiếm tỷ lệ 0,37%.

4.13.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.13.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Thanh Mai, Tam Hưng, Đỗ Động, Kim Thư, Kim An (huyện Thanh Oai); xã Hoàng Diệu (huyện Chương Mỹ).

4.14. Huyện Thanh Trì

4.14.1. Xã Vĩnh Quỳnh

4.14.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

4.14.1.2. Diện tích tự nhiên: 6,42 km².

4.14.1.3. Quy mô dân số: 29.782 người.

4.14.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 59 người; chiếm tỷ lệ 0,21%.

4.14.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.14.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: thị trấn Văn Điển và các xã: Tứ Hiệp, Ngũ Hiệp, Ngọc Hồi, Đại Áng, Tả Thanh Oai, Tam Hiệp.

4.14.2. Xã Tứ Hiệp

4.14.2.1 Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Huyện Thanh Trì là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày

24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

4.14.2.2. Diện tích tự nhiên: 4,21 km².

4.14.2.3. Quy mô dân số: 24.779 người.

4.14.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 157 người; chiếm tỷ lệ 0,62%.

4.14.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.14.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị trấn Văn Điển và các xã: Yên Mỹ, Ngũ Hiệp, Vĩnh Quỳnh (huyện Thanh Trì); phường Hoàng Liệt (quận Hoàng Mai).

4.15. Huyện Thường Tín

4.15.1. Xã Văn Bình

4.15.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.15.1.2. Diện tích tự nhiên: 5,18 km².

4.15.1.3. Quy mô dân số: 12.347 người.

4.15.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 26 người; chiếm tỷ lệ 0,21%.

4.15.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.15.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị trấn Thường Tín và các xã: Duyên Thái, Nhị Khê, Hòa Bình, Hà Hồi, Văn Phú, Liên Phương (huyện Thường Tín).

4.15.2. Xã Nguyễn Trãi

4.15.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.

- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.15.2.2. Diện tích tự nhiên: 6,01 km².

4.15.2.3. Quy mô dân số: 10.479 người.

4.15.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 16 người; chiếm tỷ lệ 0,15%.

4.15.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.15.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Văn Phú, Hà Hồi, Quất Động, Dũng Tiến, Tân Minh, Tiền Phong.

4.15.3. Xã Thống Nhất

4.15.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.15.3.2. Diện tích tự nhiên: 4,92 km².

4.15.3.3. Quy mô dân số: 8.237 người.

4.15.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 17 người; chiếm tỷ lệ 0,21%.

4.15.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.15.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Lê Lợi, Tô Hiệu, Văn Tự, Vạn Diêm (huyện Thường Tín); các xã Đông Ninh, Tân Châu (huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên).

4.16. Huyện Ứng Hòa

4.16.1. Xã Viên An

4.16.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.16.1.2. Diện tích tự nhiên: 4,70 km².

4.16.1.3. Quy mô dân số: 8.092 người.

4.16.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 19 người; chiếm tỷ lệ 0,24%.

4.16.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.16.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Viên Nội, Hoa Sơn (huyện Ứng Hòa); xã Hòa Chính (huyện Chương Mỹ); các xã: Phúc Lâm, Mỹ Thành, Bột Xuyên (huyện Mỹ Đức).

4.16.2. Xã Hoa Sơn

4.16.2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.16.2.2. Diện tích tự nhiên: 6,70 km².

4.16.2.3. Quy mô dân số: 8.631 người.

4.16.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 39 người; chiếm tỷ lệ 0,45%.

4.16.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.16.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Trường Thịnh, Cao Thành, Viên Nội, Viên An (huyện Ứng Hòa); các xã: Xuân Dương, Cao Dương, Hồng Dương (huyện Thanh Oai).

4.16.3. Xã Sơn Công

4.16.3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.16.3.2. Diện tích tự nhiên: 6,51 km².

4.16.3.3. Quy mô dân số: 8.103 người.

4.16.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.16.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.16.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Cao Thành, Đồng Tiến (huyện Ứng Hòa); các xã Bột Xuyên, An Mỹ, Lê Thanh (huyện Mỹ Đức).

4.16.4. Xã Đồng Tiến

4.16.4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.16.4.2. Diện tích tự nhiên: 6,20 km².

4.16.4.3. Quy mô dân số: 9.258 người.

4.16.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.16.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.16.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị trấn Vân Đình và các xã: Cao Thành, Sơn Công, Trường Thịnh (huyện Ứng Hòa); các xã: Xuy Xá, Phùng Xá, Lê Thanh (huyện Mỹ Đức).

4.16.5. Xã Vạn Thái

4.16.5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.16.5.2. Diện tích tự nhiên: 5,96 km².

4.16.5.3. Quy mô dân số: 11.678 người.

4.16.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 46 người; chiếm tỷ lệ 0,4%.

4.16.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.16.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị trấn Vân Đình và các xã: Hòa Xá, Tảo Dương Văn, Hòa Nam, Hòa Lâm (huyện Ứng Hòa); xã Phụng Xá (huyện Mỹ Đức).

4.16.6. Xã Hòa Nam

4.16.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.16.6.2. Diện tích tự nhiên: 4,25 km².

4.16.6.3. Quy mô dân số: 13.730 người.

4.16.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.16.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.16.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Vạn Thái, Hòa Lâm, Hòa Phú (huyện Ứng Hòa); xã Đại Hưng, thị trấn Đại Nghĩa (huyện Mỹ Đức).

4.16.7. Xã Hòa Lâm

4.16.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.16.7.2. Diện tích tự nhiên: 9,49 km².

4.16.7.3. Quy mô dân số: 7.736 người.

4.16.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 25 người; chiếm tỷ lệ 0,32%.

4.16.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.16.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Trầm Lộng, Đồng Tân, Trung Tú, Phương Tú, Tảo Dương Văn, Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú, Phù Lưu, Đội Bình, Đại Hùng (huyện Ứng Hòa).

4.16.8. Xã Hồng Quang

4.16.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.16.8.2. Diện tích tự nhiên: 5,24 km².

4.16.8.3. Quy mô dân số: 8.610 người.

4.16.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số Không có.

4.16.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.16.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Lưu Hoàng, Đội Bình (huyện Ứng Hòa); các xã: Vạn Kim, Đốc Tín, Hùng Tiến, Hương Sơn (huyện Mỹ Đức); xã Tượng Lĩnh (huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

4.16.9. Xã Đội Bình

4.16.9.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù

- Thuộc khu vực: đồng bằng sông Hồng.
- Có yếu tố đặc thù: Không.

4.16.9.2. Diện tích tự nhiên: 7,90 km².

4.16.9.3. Quy mô dân số: 9.366 người.

4.16.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 33 người; chiếm tỷ lệ 0,35%.

4.16.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không.

4.16.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Lưu Hoàng, Hồng Quang, Phù Lưu, Hòa Lâm, Đại Hùng (huyện Ứng Hòa); các xã Tượng Lĩnh, Nguyễn Úy (huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

(Chi tiết nêu tại các Phụ lục 2-1A, 2-1B, 2-1C, 2-2A, 2-2B, 2-2C kèm theo)

Phần III
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN: KHÔNG CÓ

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp

1.1. Sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp xã thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

1.1.1. Huyện Ba Vì

1.1.1.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Châu Sơn (có diện tích tự nhiên là 3,55 km², đạt 16,90% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.937 người, đạt 61,71% so với tiêu chuẩn) vào xã Phú Phương (có diện tích tự nhiên là 4,32 km², đạt 20,57% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.590 người, đạt 82,38% so với tiêu chuẩn) và xã Tân Hồng (có diện tích tự nhiên là 8,8 km², đạt 41,90% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 17.626 người, đạt 220,33% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 03 xã Châu Sơn, Phú Phương, Tân Hồng là các xã giáp ranh nhau, có vị trí địa lý tương đồng, cùng là xã vùng bãi ven sông; có điều kiện tự nhiên và văn hóa tương đồng. Việc thực hiện sắp xếp sẽ có nhiều thuận lợi do yếu tố tự nhiên, lịch sử, văn hóa.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 16,67 km² (đạt 79,38 % so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 29.153 người (đạt 364,41 % so với tiêu chuẩn).
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Phú Châu, Vạn Thắng.
- Số dân là người dân tộc thiểu số: không.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Tại trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Phú Phương (cũ).
- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Phú Hồng.**

1.1.2. Huyện Chương Mỹ

1.1.2.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đồng Phú (có diện tích tự nhiên là 3,98 km², đạt 18,95% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.223 người, đạt 90,29% so với tiêu chuẩn) vào xã Hồng Phong (có diện tích tự nhiên là 3,19 km², đạt 15,19% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.519 người, đạt 68,99% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Đồng Phú là xã có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã, xã Hồng Phong là xã có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 nên thuộc diện phải sắp xếp.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 7,17 km² (đạt 34,14% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 12.742 người (đạt 159,27 % so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: không.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Quảng Bị, Mỹ Lương, Trần Phú, Đồng Lạc, Phúc Lâm (huyện Mỹ Đức), Phú Nam An - Hòa Chính (sau sắp xếp), Thượng Vực.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Đồng Phú (cũ).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Hồng Phú.**

1.1.2.2. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phú An Nam (có diện tích tự nhiên là 3,38 km², đạt 16,09% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.786 người, đạt 59,83% so với tiêu chuẩn) vào xã Hòa Chính (có diện tích tự nhiên là 4,63 km², đạt 22,03% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.649 người, đạt 95,61% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phú Nam An là xã có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 nên thuộc diện phải sắp xếp.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 8,01 km² (đạt 38,14% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 12.435 người (đạt 155,44% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 19 người (chiếm 0,15% dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Đồng Phú - Hồng Phong (sau sắp xếp), Thượng Vực, Văn Võ, Phương Trung, Cao Dương và Xuân Dương (huyện Thanh Oai), Viên An và Văn Ngoại (huyện Ứng Hòa), Phúc Lâm (huyện Mỹ

Đức).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Hòa Chính (cũ).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Hòa Phú.**

1.1.3. Huyện Mê Linh

1.1.3.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vạn Yên (có diện tích tự nhiên là 3,12 km², đạt 14,86% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.357 người, đạt 79,46% so với tiêu chuẩn) vào xã Liên Mạc (có diện tích tự nhiên là 8,13 km², đạt 38,71% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 16.863 người, đạt 210,79% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Vạn Yên và xã Liên Mạc có vị trí địa lý giáp nhau và tập tục nhân dân tương đồng, đặc biệt địa giới hành chính của xã Vạn Yên và xã Liên Mạc trước đây là một xã được tách ra, thời điểm đó được đặt tên là xã Quyết Tiến.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 11,25 km² (đạt 53,57% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 23.220 người (đạt 290,25% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 05 người (chiếm 0,02% dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Tự Lập, Tiến Thịnh, Tiến Thắng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Liên Mạc.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Liên Mạc.**

1.1.4. Huyện Mỹ Đức

1.1.4.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Mỹ Thành (có diện tích tự nhiên là 3,91 km², đạt 13,03% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 3.967 người, đạt 49,59% so với tiêu chuẩn) vào xã Bột Xuyên (có diện tích tự nhiên là 5,81 km², đạt 27,67% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.169 người, đạt 114,61% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Mỹ Thành là xã có đồng thời diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022

nên thuộc diện phải sắp xếp.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 9,72 km² (đạt 46,29% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 13.136 người (đạt 164,20% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 64 người (chiếm 0,49% dân số).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Phúc Lâm, An Mỹ, Tuy Lai.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Bọt Xuyên.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Mỹ Xuyên**.

1.1.4.2. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đốc Tín (có diện tích tự nhiên là 3,45 km², đạt 16,43% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.247 người, đạt 65,59% so với tiêu chuẩn) vào xã Vạn Kim (có diện tích tự nhiên là 6,17 km², đạt 29,38% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.978 người, đạt 99,72% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Đốc Tín là xã có đồng thời diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 nên thuộc diện phải sắp xếp.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 9,62 km² (đạt 45,81% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 13.225 người (đạt 165,31% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 50 người (chiếm 0,38% dân số).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Đại Hưng, Hùng Tiến, Hương Sơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Vạn Kim.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Vạn Tín**.

1.1.5. Huyện Phú Xuyên

1.1.5.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tri Trung (có diện tích tự nhiên là 3,80 km², đạt 18,13% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.666 người, đạt 58,33% so với tiêu chuẩn) vào xã Hồng Minh (có diện tích tự nhiên là 5,65 km², đạt 26,90% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.279

người, đạt 115,99% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Tri Trung là xã có đồng thời diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 nên thuộc diện phải sắp xếp.

- 02 xã phù hợp về vị trí địa lý, tương đồng về truyền thống văn hóa, điều kiện phát triển kinh tế- xã hội, thuận lợi công tác quản lý.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 9,45 km² (đạt 45,00% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 13.945 người (đạt 174,31% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 45 người (chiếm 0,32% dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Văn Hoàng, Phú Túc, Hoàng Long, Liên Châu (huyện Thanh Oai), Nghiêm Xuyên (huyện Thường Tín).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công an xã: đặt tại trụ sở xã Hồng Minh (cũ).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Hồng Minh.**

1.1.5.2. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đại Thắng (có diện tích tự nhiên là 4,18 km², đạt 19,93% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.202 người, đạt 90,03% so với tiêu chuẩn) vào xã Văn Hoàng (có diện tích tự nhiên là 6,03 km², đạt 28,71% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.526 người, đạt 94,08% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Đại Thắng là xã có đồng thời diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đạt theo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 nên thuộc diện phải sắp xếp.

- 02 xã phù hợp về vị trí địa lý, tương đồng về truyền thống văn hóa, điều kiện phát triển kinh tế- xã hội, thuận lợi công tác quản lý.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 10,21 km² (đạt 48,62% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 14.728 người (*đạt 184,10% so với tiêu chuẩn*).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 46 người (*chiếm 0,31% dân số*).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Tân Dân, Hoàng Long, Phượng Dực (huyện Phú Xuyên); xã Văn Tự (huyện Thường Tín).
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Đại Thắng (cũ).
- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Văn Hoàng**.

1.1.5.3. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Sơn Hà (có diện tích tự nhiên là 3,78 km², đạt 18,02% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.304 người, đạt 78,80% so với tiêu chuẩn) vào xã Quang Trung (có diện tích tự nhiên là 4,15 km², đạt 19,77% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.126 người, đạt 64,08% so với tiêu chuẩn)

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Sơn Hà và Quang Trung đều là xã có đồng thời diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đạt theo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 nên thuộc diện phải sắp xếp.

- 02 xã phù hợp về vị trí địa lý, có sự tương đồng về truyền thống lịch sử, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và tôn giáo 02 xã đều có đạo Phật và đạo Công giáo.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 7,93 km² (*đạt 37,76% so với tiêu chuẩn*).
- Quy mô dân số: 11.430 người (*đạt 142,88% so với tiêu chuẩn*).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 48 người (*chiếm 0,42% dân số*).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Tân Dân, Văn Từ, Văn Tự (huyện Phú Xuyên), Minh Cường (huyện Thường Tín).
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Sơn Hà (cũ).
- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Quang Trung**.

1.1.5.4. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nam Phong (có diện tích tự nhiên là 3,75 km², đạt 17,87% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.280 người, đạt 66,00% so với tiêu chuẩn) vào xã Nam Triều (có diện tích tự nhiên là 5,88 km², đạt 28,00% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.200

người, đạt 90,00% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Nam Phong là xã có đồng thời diện tích tự nhiên và quy mô dân số <70% theo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 nên thuộc diện phải sắp xếp.

- 02 xã phù hợp về vị trí địa lý, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, truyền thống lịch sử, thuận lợi trong quản lý. Theo cuốn Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Nam Phong 1930 - 2015, tháng 02/1948 xã Nam Phong được thành lập trên cơ sở sáp nhập xã Nam Phú và 2 xã Phong Triều, Nam Quất; Đến tháng 6/1956 xã Nam Phong tách ra thành hai xã Nam Phong và xã Nam Triều như hiện nay.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 9,63 km² (đạt 45,86% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 12.480 người (đạt 156,00% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 09 người (chiếm 0,07% dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Hồng Thái và thị trấn Phú Xuyên (huyện Phú Xuyên); Nam Tiến, Minh Cường (huyện Thường Tín).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Nam Triều.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Nam Phong**.

1.1.6. Huyện Phúc Thọ

1.1.6.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thọ Lộc (có diện tích tự nhiên là 3,79 km², đạt 18,05% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.618 người, đạt 107,73% so với tiêu chuẩn) vào xã Tích Giang (có diện tích tự nhiên là 6,21 km², đạt 29,57% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.936 người, đạt 124,20% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở: Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp

xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 23/8/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Lý do: Hai xã có địa giới hành chính giáp nhau, diện tích, quy mô dân số hợp lý sau sáp nhập, thuận tiện cho công tác quản lý.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 10,00 km² (đạt 47,62% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 18.554 người (đạt 231,93% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 59 người (chiếm 0,32% dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Võng Xuyên, Trạch Mỹ Lộc, Sen Phương và thị trấn Phúc Thọ (huyện Phúc Thọ); các phường Viên Sơn, Trung Sơn Trầm, Trung Hưng(thị xã Sơn Tây).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Thọ Lộc (cũ).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Tích Lộc.**

1.1.6.2. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thượng Cốc (có diện tích tự nhiên là 3,26 km², đạt 15,52% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.111 người, đạt 76,39% so với tiêu chuẩn) vào xã Long Xuyên (có diện tích tự nhiên là 6,78 km², đạt 32,29% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.518 người, đạt 118,98% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở: Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 23/8/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Lý do: Phù hợp về vị trí địa lý và quy hoạch vùng đô thị sinh thái, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tiếp theo.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 10,04 km² (đạt 47,81% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 15.629 người (đạt 195,36% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 81 người (*chiếm 0,52% dân số*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Ngọc Tảo, Hát Môn, Vồng Xuyên, Phúc Hòa, Phụng Thượng, Nam Hà (mới), Xuân Đình.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Long Xuyên (cũ).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Long Thượng.**

1.1.6.3. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vân Hà (có diện tích tự nhiên là 5,08 km², đạt 24,19% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 2.372 người, đạt 29,65% so với tiêu chuẩn) vào xã Vân Nam (có diện tích tự nhiên là 6,31 km², đạt 30,05% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.652 người, đạt 95,65% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở: Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 23/8/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Lý do: Phù hợp về vị trí địa lý; tương đồng về phong tục tập quán, truyền thống văn hóa, lịch sử.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 11,39 km² (*đạt 54,24% so với tiêu chuẩn*).

- Quy mô dân số: 10.024 người (*đạt 125,30% so với tiêu chuẩn*).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 51 người (*chiếm 0,51% dân số*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã Vân Phúc, Hát Môn, Xuân Đình, Thượng Cốc (huyện Phúc Thọ); xã Trung Châu (huyện Đan Phượng), các xã: Hồng Châu, Trung Hà (huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Vân Nam (cũ).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Nam Hà.**

1.1.7. Huyện Quốc Oai

1.1.7.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phụng Cách (có diện tích tự nhiên là 2,65 km², đạt 12,62% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.915 người, đạt 86,44% so với tiêu chuẩn) vào xã Yên Sơn (có diện tích tự nhiên là 4,32 km², đạt 20,57% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.451 người, đạt 105,64% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Trước năm 1955, 02 xã Phụng Cách và Yên Sơn là 01 xã nên có yếu tố tương đồng về văn hóa và lịch sử hình thành.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 6,97 km² (đạt 33,19% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 15.366 người (đạt 192,08% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 65 người (chiếm 0,42% dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Sài Sơn, Đông Quang và thị trấn Quốc Oai (huyện Quốc Oai); các xã: Vân Côn, Tiên Yên, Song Phương, Yên Sở (huyện Hoài Đức); xã Phùng Xá (Thạch Thất).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Yên Sơn (cũ).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Phụng Sơn.**

1.1.7.2. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Hòa (có diện tích tự nhiên là 3,85 km², đạt 18,33% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.136 người, đạt 101,70% so với tiêu chuẩn) vào xã Cộng Hòa (có diện tích tự nhiên là 4,46 km², đạt 21,24% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.348 người, đạt 91,85% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Trước đây 02 xã Tân Hòa và Cộng Hòa là 01 xã nên có yếu tố tương đồng về văn hóa và lịch sử hình thành.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có

- Diện tích tự nhiên: 8,31 km² (đạt 39,57% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 15.484 người (đạt 193,55% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 64 người (chiếm 0,41% dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Hưng Đạo (mới), Đông Quang (huyện Quốc Oai); xã Vân Côn, (huyện Hoài Đức); các xã: Tiên Phương, Phùng Châu, Phú Nghĩa (huyện Chương Mỹ).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã

Cộng Hòa.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Cộng Hòa.**

1.1.7.3. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đại Thành (có diện tích tự nhiên là 2,69 km², đạt 12,81% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.988 người, đạt 87,35% so với tiêu chuẩn) vào xã Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 2,91 km², đạt 13,86% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.270 người, đạt 78,38% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Trước đây 02 xã Đại Thành và Tân Phú là 01 xã nên có yếu tố tương đồng về văn hóa và lịch sử hình thành.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có

- Diện tích tự nhiên: 5,60 km² (đạt 26,67% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 13.258 người (đạt 165,73% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 15 người (chiếm 0,11% dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Cộng Hòa (mới) (huyện Quốc Oai); các xã: An Thượng, Đông La (huyện Hoài Đức); xã Phụng Châu (huyện Chương Mỹ); phường Yên Nghĩa (quận Hà Đông).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Tân Phú.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Hưng Đạo.**

1.1.7.4. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nghĩa Hương (có diện tích tự nhiên là 3,67 km², đạt 17,48% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.736 người, đạt 96,70% so với tiêu chuẩn) vào xã Liệp Tuyết (có diện tích tự nhiên là 3,93 km², đạt 18,71% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.159 người, đạt 76,99% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 02 xã Nghĩa Hương và Liệp Tuyết có vị trí tiếp giáp và tương đồng về văn hóa và lịch sử hình thành.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có

- Diện tích tự nhiên: 7,60 km² (đạt 36,19% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 13.895 người (đạt 173,69% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 41 người (chiếm 0,30% dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Cấn Hữu, Ngọc Liệp, Ngọc Mỹ, Tuyết Nghĩa, Hòa Thạch (huyện Quốc Oai).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Nghĩa Hương.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Liệp Nghĩa.**

1.1.8. Huyện Thạch Thất

1.1.8.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Dị Nậu (có diện tích tự nhiên là 3,20 km², đạt 15,24% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.246 người, đạt 103,08% so với tiêu chuẩn) vào xã Canh Nậu (có diện tích tự nhiên là 5,06 km², đạt 24,10% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 16.424 người, đạt 205,30% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Theo dự địa chí huyện Thạch Thất năm 1945, Cách mạng tháng 8 thành công xã Canh Nậu, xã Dị Nậu chung 01 xã gọi là xã Lam Sơn.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có

- Diện tích tự nhiên 8,26 km² (đạt 39,33% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 24.670 người (đạt 308,38% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: không.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Hương Ngải, Hữu Bằng, Chàng Sơn, Thạch Xá (huyện Thạch Thất); các xã Hiệp Thuận, Liên Hiệp (huyện Phúc Thọ); xã Sơn Sài (huyện Quốc Oai).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Canh Nậu.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Lam Sơn.**

1.1.8.2. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Chàng Sơn (có diện tích tự nhiên là 2,74 km², đạt 13,05% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.458 người, đạt 143,23% so với tiêu chuẩn) vào xã Thạch Xá (có diện tích tự nhiên là 3,40 km², đạt 16,19% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.068 người, đạt 100,85% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Theo dự địa chí huyện Thạch Thất năm 1945, Cách mạng tháng 8 thành công xã Chàng Sơn, xã Thạch là 01 xã gọi là Thạch Xá.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có

- Diện tích tự nhiên 6,14 km² (đạt 29,24% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 19.526 người (đạt 244,08% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: không.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Quang Trung (mới), Lam Sơn (mới), Cần Kiệm, Kim Quan và thị trấn Liên Quan.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Thạch Xá.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Thạch Xá.**

1.1.8.3. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hữu Bằng (có diện tích tự nhiên là 1,89 km², đạt 9,00% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 19.378 người, đạt 242,23% so với tiêu chuẩn) vào xã Bình Phú (có diện tích tự nhiên là 4,95 km², đạt 23,57% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.893 người, đạt 148,66% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Theo dư địa chí huyện Thạch Thất và lịch sử Đảng bộ 2 xã năm 1945, Cách mạng tháng 8 thành công xã Hữu Bằng và xã Bình Phú là 01 xã gọi là Quang Trung.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên 6,84 km² (đạt 32,57% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 31.271 người (đạt 390,89% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: không.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã Lam Sơn (mới), Phùng Xá, Cần Kiệm, Thạch Xá (mới) (huyện Thạch Thất); xã Ngọc Liệp (huyện Quốc Oai).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Bình Phú.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Quang Trung.**

1.1.9. Huyện Thanh Oai

1.1.9.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Xuân Dương (có diện tích tự nhiên là 3,59 km², đạt 17,08% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.929 người, đạt 86,61% so với tiêu chuẩn) vào xã Cao Dương (có diện tích tự nhiên là 4,58 km², đạt 21,82% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 12.444 người, đạt 155,55% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Xuân Dương: là đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng theo quy định; có 03 phía giáp các huyện Chương Mỹ, huyện Ứng Hòa và giáp xã Cao Dương, huyện Thanh Oai; tương đồng về văn hóa và lịch sử, phong tục tập quán.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có

- Diện tích tự nhiên 8,17 km² (đạt 38,90% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 19.373 người (đạt 242,16% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: không.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã Phương Trung, Dân Hòa, Hồng Dương (huyện Thanh Oai); các xã Phú Nam An, Hòa Chính (huyện Chương Mỹ); các xã Viên An, Hoa Sơn (huyện Ứng Hòa).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Cao Dương hiện nay.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: xã **Cao Xuân Dương**.

1.1.10. Huyện Thường Tín

1.1.10.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thụ Phú (có diện tích tự nhiên là 2,50 km², đạt 11,90% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.069 người, đạt 88,36% so với tiêu chuẩn) vào xã Chương Dương (có diện tích tự nhiên là 4,10 km², đạt 19,54% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.128 người, đạt 76,60% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xét về yếu tố lịch sử, văn hóa được ghi trong lịch sử Đảng bộ xã, thì trước đây xã Chương Dương và xã Thụ Phú là một xã Quang Khải, có đường địa giới hành chính liền kề nhau. Sau này, thực hiện điều chỉnh địa giới hành chính thì mới tách ra thành 2 xã như hiện nay.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên 6,60 km² (đạt 31,43 % so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 13.197 người (đạt 164,96 % so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 23 người (chiếm tỷ lệ 0,11 % dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Vân Tảo, Hồng Vân, Quất Động, Tự Nhiên, Lê Lợi, Hà Hồi (huyện Thường Tín); xã Tứ Dân (huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Chương Dương (cũ).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: xã **Chương Dương**.

1.1.10.2. Nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số còn lại của xã Hòa Bình (có diện tích tự nhiên là 3,79 km², đạt 18,05% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.378 người, đạt 92,23% so với tiêu chuẩn) vào xã Hiền Giang (có

diện tích tự nhiên là 3,24 km², đạt 15,43% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.152 người, đạt 64,40% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Có đường địa giới hành chính liền kề, có đường giao thông kết nối giữa các thôn, xóm thuận lợi cho việc giải quyết các công việc cho tổ chức, công dân.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên 7,03 km² (đạt 33,48% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 12.530 người (đạt 156,63% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 62 người (chiếm tỷ lệ 0,42%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Khánh Hà, Tiền Phong, Nhị Khê, Văn Bình và thị trấn Thượng Phúc (mới) (huyện Thường Tín); xã Thanh Thùy (huyện Thanh Oai).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Hòa Bình.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Bình Giang.**

1.1.10.3. Nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số còn lại của xã Liên Phương (có diện tích tự nhiên là 2,69 km², đạt 12,85% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.955 người, đạt 111,94% so với tiêu chuẩn) vào một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số còn lại của xã Hà Hồi (có diện tích tự nhiên là 3,75 km², đạt 17,88% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.423 người, đạt 142,79% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Có đường địa giới hành chính liền kề nhau, có Cụm công nghiệp trung tâm (Hà Bình Phương) nằm trên địa bàn trung tâm của 2 xã, có đường giao thông kết nối giữa các thôn, xóm (thuận lợi cho việc quản lý và giải quyết các công việc cho tổ chức, công dân).

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên 6,44 km² (đạt 30,67% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 20.378 người (đạt 254,73% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 23 người (chiếm tỷ lệ 0,11% dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Văn Bình, Văn Tảo, Quạt Động, Chương Dương (mới) và thị trấn Thượng Phúc (mới) (huyện Thường Tín).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Hà Hồi.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Hà Liên.**

1.1.10.4. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vạn Điểm (có diện tích tự nhiên là 3,06 km², đạt 14,57% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.579 người, đạt 107,24% so với tiêu chuẩn) vào xã Thống Nhất (có diện tích tự nhiên là 4,92 km², đạt 23,43% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.237 người, đạt 102,96% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Có đường địa giới hành chính liền kề nhau, có đường giao thông kết nối giữa các thôn, xóm (*thuận lợi cho việc quản lý và giải quyết các công việc cho tổ chức, công dân*).

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên 7,98 km² (*đạt 38,00% so với tiêu chuẩn*).

- Quy mô dân số 16.816 người (*đạt 210,20% so với tiêu chuẩn*).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 23 người (*chiếm tỷ lệ 0,13% dân số*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: **các** xã: Lê Lợi, Tô Hiệu, Văn Tự, Minh Cường (huyện Thường Tín); thị trấn Phú Minh (huyện Phú Xuyên); các xã Đông Ninh, Tân Châu (huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Vạn Điểm.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Vạn Nhất**.

1.1.10.5. Nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số (*Cụm dân cư Đoàn xe 20 và toàn bộ Trại tạm giam số 2*) của xã Hòa Bình (có diện tích tự nhiên là 0,10 km², đạt 0,48% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 66 người, đạt 0,83% so với tiêu chuẩn) về xã Văn Bình quản lý và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số (*Cụm dân cư Khu trại Giồng Rau*) của xã Liên Phương (có diện tích tự nhiên là 0,01 km², đạt 0,52% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 124 người, đạt 1,55% so với tiêu chuẩn) vào xã Văn Bình (có diện tích tự nhiên là 5,18 km², đạt 24,67% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 12.347 người, đạt 154,33% so với tiêu chuẩn) và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Văn Bình về thị trấn Thường Tín (có diện tích tự nhiên là 0,20 km², đạt 0,97% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số khoảng 15 người, đạt 0,18% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Đây là những khu vực chồng lấn, xen canh giữa các xã, thị trấn.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên 5,09 km² (*đạt 24,24% so với tiêu chuẩn*).

- Quy mô dân số 12.522 người (*đạt 156,52% so với tiêu chuẩn*).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 26 người (*chiếm tỷ lệ 0,20% dân số*).
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị trấn Thượng Phúc (mới) và các xã: Duyên Thái, Nhị Khê, Bình Giang (mới), Hà Liên (mới) (huyện Thường Tín).
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Văn Bình.
- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Văn Bình**.

1.1.11. Huyện Ứng Hòa

1.1.11.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Viên Nội (có diện tích tự nhiên là 4,50 km², đạt 21,43% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.426 người, đạt 67,83% so với tiêu chuẩn) vào xã Viên An (có diện tích tự nhiên là 4,70 km², đạt 22,38% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.092 người, đạt 101,15% so với tiêu chuẩn) và xã Hoa Sơn (có diện tích tự nhiên là 6,70 km², đạt 31,90% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.631 người, đạt 107,89% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 03 xã: Viên Nội, Viên An và Hoa Sơn là các xã giáp ranh nhau, có vị trí địa lý tương đồng, giao thông thuận lợi, tương đồng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 15,90 km² (*đạt 75,71% so với tiêu chuẩn*).
- Quy mô dân số: 22.149 người (*đạt 276,86% so với tiêu chuẩn*).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 63 người (*chiếm tỷ lệ 0,11 % dân số*).
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Cao Thành, Đồng Tiến, Trường Thịnh (huyện Ứng Hòa); xã Hòa Chính (huyện Chương Mỹ); các xã: Phúc Lâm, Mỹ Thành, Bội Xuyên (huyện Mỹ Đức); các xã: Cao Xuân Dương (mới), Hồng Dương (huyện Thanh Oai).
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Hoa Sơn hiện nay.
- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Hoa Viên**.

1.1.11.2. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Cao Thành (có diện tích tự nhiên là 3,85 km², đạt 18,33% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.433 người, đạt 67,91% so với tiêu chuẩn) vào xã Sơn Công (có diện tích tự nhiên là 6,51 km², đạt 31,00% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.103 người, đạt 101,29% so với tiêu chuẩn) và xã Đồng Tiến (có diện tích tự nhiên

là 6,20 km², đạt 29,52% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.258 người, đạt 115,73% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 03 xã Cao Thành, Sơn Công và Đồng Tiến là các xã giáp ranh nhau, có vị trí địa lý tương đồng, giao thông thuận lợi, tương đồng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 16,56 km² (đạt 78,86% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 22.794 người (đạt 284,93% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 0 người.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị trấn Vân Đình và các xã: Hoa Viên (mới), Trường Thịnh, (huyện Ứng Hòa); các xã: Xuy Xá, Phùng Xá, Bội Xuyên, An Mỹ, Lê Thanh (huyện Mỹ Đức).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Sơn Công.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Cao Sơn Tiến.**

1.1.11.3. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hòa Xá (có diện tích tự nhiên là 2,20 km², đạt 10,48% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.769 người, đạt 72,11% so với tiêu chuẩn) vào xã Vạn Thái (có diện tích tự nhiên là 5,96 km², đạt 28,38% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.678 người, đạt 145,98% so với tiêu chuẩn) và xã Hòa Nam (có diện tích tự nhiên là 4,25 km², đạt 20,24% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 13.730 người, đạt 171,63% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 03 xã Hòa Xá, Vạn Thái, Hòa Nam là các xã giáp ranh nhau, có vị trí địa lý tương đồng, giao thông thuận tiện đi lại.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 12,41 km² (đạt 59,10% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 31.177 người (đạt 389,71% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 77 người (chiếm tỷ lệ 0,25% dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị trấn Vân Đình và các xã: Tảo Dương Văn, Hòa Phú, Trầm Lộng, Hòa Lâm (huyện Ứng Hòa); thị trấn Đại Nghĩa và các xã: Phù Lưu Tế, Phùng Xá, Đại Hưng (huyện Mỹ Đức).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Vạn

Thái.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Thái Hòa**.

1.1.11.4. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lưu Hoàng (có diện tích tự nhiên là 3,84 km², đạt 18,29% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.463 người, đạt 80,79% so với tiêu chuẩn) vào xã Hồng Quang (có diện tích tự nhiên là 5,24 km², đạt 24,95% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.610 người, đạt 107,63% so với tiêu chuẩn) và xã Đội Bình (có diện tích tự nhiên là 7,90 km², đạt 37,62% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.366 người, đạt 117,08% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 03 xã Lưu Hoàng, Hồng Quang và Đội Bình là các xã giáp ranh nhau, có vị trí địa lý tương đồng, giao thông thuận lợi, tương đồng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 16,98 km² (đạt 80,86% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 24.439 người (đạt 305,49% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 33 người (chiếm tỷ lệ 0,14% dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Phù Lưu, Đại Hùng, Trầm Lộng, Hòa Lâm (huyện Ứng Hòa); các xã: Vạn Kim, Đốc Tín, Hùng Tiến, Hương Sơn (huyện Mỹ Đức); các xã Tượng Lĩnh, Nguyễn Úy (huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Lưu Hoàng hiện nay.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Bình Lưu Quang**.

1.1.11.5. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trầm Lộng (có diện tích tự nhiên là 7,17 km², đạt 34,14% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.586 người, đạt 69,83% so với tiêu chuẩn) vào xã Hòa Lâm (có diện tích tự nhiên là 9,49 km², đạt 45,19% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.736 người, đạt 96,70% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 02 xã Trầm Lộng và xã Hòa Lâm là các xã giáp ranh nhau, có vị trí địa lý tương đồng, giao thông thuận lợi, tương đồng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán.

b) Kết quả sau sắp xếp thì xã mới có:

- Diện tích tự nhiên: 16,66 km² (đạt 79,33% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 13.322 người (*đạt 166,53% so với tiêu chuẩn*).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 70 người (*chiếm tỷ lệ 0,53% dân số*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Đại Hùng, Minh Đức, Đồng Tân, Kim Đường, Đại Cường, Trung Tú, Phương Tú, Tảo Dương Văn, Thái Hòa (mới), Hòa Phú, Phù Lưu, Bình Lưu Quang (mới), Đại Hùng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở xã Hòa Lâm hiện nay.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Trầm Lộng**.

1.1.12. Huyện Gia Lâm

1.1.12.1 Nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đình Xuyên (có diện tích tự nhiên là 3,08 km², đạt 14,68% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.396 người, đạt 142,45% so với tiêu chuẩn) và nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Dương Hà (có diện tích tự nhiên là 2,70 km², đạt 12,89% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.452 người, đạt 93,15% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Cả 02 đơn vị hành chính xã Đình Xuyên và xã Dương Hà đều không đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định; có đường địa giới hành chính liền kề nhau, thuận lợi về giao thông, đồng bộ về hạ tầng, khoảng cách phù hợp với các khu vực dân cư trên địa bàn 02 xã. Do vậy, phù hợp để thực hiện thành lập 01 ĐVHC mới cùng cấp.

b) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC mới có:

- Diện tích tự nhiên: 5,78 km² (*đạt 27,52% so với tiêu chuẩn*).
- Quy mô dân số: 18.848 người (*đạt 235,60% so với tiêu chuẩn*).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 158 người (*chiếm 0,83% dân số*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Ninh Hiệp, Yên Thường, thị trấn Yên Viên (mới), Phù Đồng (mới) (huyện Gia Lâm); các phường: Giang Biên, Phúc Lợi (quận Long Biên).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở HĐND - UBND xã, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Dương Hà hiện nay. Trụ sở Đảng ủy, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội và các Hội, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đình Xuyên hiện nay.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Thiên Đức**.

1.1.12.2. Nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bát Tràng (có diện tích tự nhiên là 1,65 km², đạt 7,89% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.836 người, đạt 110,45% so với tiêu chuẩn) và nguyên trạng diện

tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đông Dư (có diện tích tự nhiên là 3,77 km², đạt 17,95% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.730 người, đạt 84,12% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Cả 02 đơn vị hành chính xã Bát Tràng và xã Đông Dư đều không đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định; có đường địa giới hành chính liền nhau, thuận lợi về giao thông, đồng bộ về hạ tầng, khoảng cách phù hợp với các khu vực dân cư trên địa bàn 02 xã. Do vậy, phù hợp để thực hiện thành lập 01 ĐVHC mới cùng cấp.

b) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC mới có:

- Diện tích tự nhiên: 5,42 km² (đạt 25,81% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 15.566 người (đạt 194,58% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 15 người (chiếm 0,09% dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Đa Tồn, Kim Đức (mới), thị trấn Trâu Quỳ (mới); phường Lĩnh Nam (quận Hoàng Mai); xã Xuân Quan (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên); phường Cự Khối (quận Long Biên).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: HĐND - UBND xã, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Bát Tràng hiện nay. Trụ sở Đảng ủy, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội và các Hội, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đông Dư hiện nay.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Bát Tràng**.

1.1.12.3. Nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kim Lan (có diện tích tự nhiên là 2,74 km², đạt 13,05% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.733 người, đạt 84,16% so với tiêu chuẩn) và nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Văn Đức (có diện tích tự nhiên là 6,66 km², đạt 31,72% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.396 người, đạt 104,95% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Kim Lan và xã Văn Đức có đường địa giới hành chính liền kề nhau, thuận lợi về giao thông, đồng bộ về hạ tầng, khoảng cách phù hợp với các khu vực dân cư trên địa bàn 02 xã. Do đó, phù hợp để thực hiện thành lập 01 ĐVHC mới cùng cấp.

b) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC mới có:

- Diện tích tự nhiên: 9,40 km² (đạt 44,76% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 15.129 người (đạt 189,11% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 34 người (chiếm 0,22% dân số).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Bát Tràng (mới) (huyện Xuân Quan); xã Xuân Quan và thị trấn Văn Giang (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên); phường Lĩnh Nam (quận Hoàng Mai); xã Yên Mỹ (huyện Thanh Trì).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: HĐND - UBND xã, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Văn Đức hiện nay. Trụ sở Đảng ủy, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội và các Hội, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Kim Lan hiện nay.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Kim Đức.**

1.2. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp hoặc sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị cấp xã

1.2.1. Quận Cầu Giấy

1.2.1.1. Điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Yên Hòa (có diện tích tự nhiên 0,14 km², đạt 2,55% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.188 người, đạt 47,92% so với tiêu chuẩn) và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số phường Dịch Vọng (có diện tích tự nhiên 0,05 km², đạt 0,91% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 120 người, đạt 0,80% so với tiêu chuẩn) vào phường Quan Hoa (có diện tích tự nhiên 0,89 km², đạt 16,18% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 34.070 người, đạt 227,13% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Quan Hoa, phường Yên Hòa và phường Dịch Vọng là các phường liên kề, có mức độ đô thị hóa và đặc điểm thành phần dân cư, văn hóa tương đồng. Diện tích tự nhiên và dân số giữa 02 phường Yên Hòa và Quan Hoa có sự chênh lệch lớn. Vì vậy, việc điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và dân cư từ phường Yên Hòa và phường Dịch Vọng sang phường Quan Hoa là phù hợp.

Khu vực điều chỉnh địa giới hành chính được xác định từ điểm giao địa giới hành chính phường Quan Hoa - Yên Hòa - Láng Thượng tại giữa dòng sông Tô Lịch, đi theo đường địa giới hành chính giữa phường Yên Hòa - Láng Thượng tới cầu Yên Hòa, rẽ phải đi theo tim ngõ 381 Nguyễn Khang tới tim đường Nguyễn Văn Huyền theo phương án giải phóng mặt bằng đã được phê duyệt, rẽ phải đi theo tim đường Nguyễn Văn Huyền tới điểm giao với địa giới hành chính phường Quan Hoa - Dịch Vọng, rẽ phải đi theo đường địa giới hành chính hiện nay giữa phường Quan Hoa - Yên Hòa.

b) Kết quả sau sắp xếp (điều chỉnh địa giới ĐVHC) thì phường Quan Hoa có:

- Diện tích tự nhiên 1,08 km² (đạt 19,64% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 41.378 người (đạt 275,85% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Yên Hòa, Dịch Vọng, Nghĩa Đô (quận Cầu Giấy); các phường: Vĩnh Phúc, Công Vĩ, Ngọc Khánh (quận Ba Đình); phường Láng Thượng (quận Đống Đa).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC không thay đổi: số 68 Dương Quảng Hàm, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Quan Hoa.**

- Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đạt 3/3 tiêu chuẩn

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Quan Hoa	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Mô hình chính quyền đô thị	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc Trung ương (0,12%)	0	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	85	100	Đạt

- Đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đạt 10/13 tiêu chuẩn

Stt	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Quan Hoa	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	4	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	1,83	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu	m ² /người	≥ 1,0	0,05	Chưa đạt

	người				
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/ người/năm	≥ 1.100	1.901	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	1,80	Chưa đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	0,02	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	4,14	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

c) Kết quả sau sắp xếp thì phường Yên Hòa còn lại có:

- Diện tích tự nhiên 1,92 km² (đạt 34,91% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 42.314 người (đạt 282,09% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Dịch Vọng, Dịch Vọng Hậu, Quan Hoa (quận Cầu Giấy); các phường: Trung Hòa, Láng Thượng (quận Đống Đa); phường Mỹ Đình 1 (quận Nam Từ Liêm).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC không thay đổi: số 255 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Yên Hòa**.

- Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đạt 3/3 tiêu chuẩn

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Yên Hòa	Đánh giá
----	---------------------	--------	--------------	----------------	----------

1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Mô hình chính quyền đô thị	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,12%)	0	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	85	100	Đạt

- Đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đạt 10/13 tiêu chuẩn

Stt	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Yên Hòa	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	2,11	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	0,38	Chưa đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/ người/năm	≥ 1.100	3.683	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội	m ² /người	≥ 11	3,52	Chưa đạt

	bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người				
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	0,05	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	5,61	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

d) Phường Dịch Vọng sau khi thực hiện sắp xếp ĐVHC: được trình bày cụ thể tại tiểu mục 1.2.1.2 sau đây.

1.2.1.2. Điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Nghĩa Đô (diện tích tự nhiên là 0,12 km² đạt 2,18% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 2.439 người, đạt 16,26% so với tiêu chuẩn) và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Dịch Vọng (diện tích tự nhiên là 0,16 km², đạt 2,91% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 2.750 người, đạt 18,33% so với tiêu chuẩn) và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Dịch Vọng Hậu (diện tích tự nhiên là 0,16 km², đạt 2,91% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 3.380 người, đạt 22,53% so với tiêu chuẩn) vào phường Nghĩa Tân (diện tích tự nhiên là 0,68 km², đạt 12,36% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 22.967 người, đạt 153,11% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Nghĩa Tân (thuộc diện sắp xếp ĐVHC) có tiền thân là thị trấn Nghĩa Tân thuộc huyện Từ Liêm, được thành lập ngày 17/4/1992 trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của thị trấn Nghĩa Đô, huyện Từ Liêm. Từ ngày 01/9/1997, thị trấn Nghĩa Tân được chuyển về quận Cầu Giấy mới thành lập và phường Nghĩa Tân được thành lập trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân cư của thị trấn Nghĩa Tân. Trong quá trình hoạt động, phường Nghĩa Tân được

tạm giao quản lý khu vực Bắc Nghĩa Tân gồm 10 tổ dân phố (nay là 08 tổ dân phố) và một số cơ quan, đơn vị thuộc địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm.

Từ ngày 27/4/2021, thực hiện Nghị quyết số 1263/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính giữa các quận Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm thuộc thành phố Hà Nội, quận Cầu Giấy tiếp nhận và quản lý toàn diện đối với 10,32 ha (0,1 km²) diện tích tự nhiên của 08 tổ dân phố Bắc Nghĩa Tân (do phường Nghĩa Tân quản lý về dân cư) từ phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm về phường Nghĩa Tân quản lý.

Như vậy, kể từ khi được thành lập đến nay, phường Nghĩa Tân đã có hơn 31 năm hoạt động và phát triển. Phương án điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các phường liền kề vào phường Nghĩa Tân vừa giúp tăng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường Nghĩa Tân để đáp ứng tiêu chuẩn của ĐVHC phường thuộc quận, vừa hạn chế được xáo trộn trong đời sống của Nhân dân phường Nghĩa Tân. Các khu vực điều chỉnh địa giới hành chính đã được đầu tư cơ sở hạ tầng đầy đủ, đồng bộ, giao thông được thông suốt đảm bảo góp phần nâng cao chất lượng sống cho nhân dân cũng như tăng cường hiệu quả quản lý tại địa phương.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường Nghĩa Tân có:

- Diện tích tự nhiên: 1,12 km² (đạt 20,36% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 31.536 người (đạt 210,24% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Dịch Vọng, Dịch Vọng Hậu, Quan Hoa, Nghĩa Đô, Mai Dịch (quận Cầu Giấy); phường Cổ Nhuế 1 (quận Bắc Từ Liêm); phường Xuân La (quận Tây Hồ).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC không thay đổi: số 45 Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Nghĩa Tân**.

- Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đạt 3/3 tiêu chuẩn

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Nghĩa Tân	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Mô hình chính quyền đô thị	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,12%)	0	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông	%	85	100	Đạt

	nghiệp				
- Đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đạt 11/13 tiêu chuẩn					
Stt	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Nghĩa Tân	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	1,87	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	2,91	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 1.100	1.690	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	3,15	Chưa đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	0,08	Chưa đạt

10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	6,81	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

c) Kết quả sau sắp xếp thì phường Nghĩa Đô còn lại có:

- Diện tích tự nhiên 1,22 km² (đạt 22,18% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 33.003 người (đạt 220,02% so với tiêu chuẩn).
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường Nghĩa Tân, Quan Hoa (quận Cầu Giấy); các phường Xuân La, Bưởi (quận Tây Hồ); phường Vĩnh Phúc (quận Ba Đình).
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC không thay đổi: số 77 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy.
- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Nghĩa Đô**.
- Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đạt 3/3 tiêu chuẩn

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Nghĩa Đô	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Mô hình chính quyền đô thị	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,12%)	0	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	85	100	Đạt

- Đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đạt 11/13 tiêu chuẩn

Stt	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Nghĩa Đô	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,8$	1,84	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,0$	0,15	Chưa đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/ người/năm	≥ 1.100	2.291	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	2,13	Chưa đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	0,02	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt

11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	4,12	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

d) Kết quả sau sắp xếp thị phường Dịch Vọng còn lại (sau khi điều chỉnh địa giới ĐVHC về phường Quan Hoa):

- Diện tích tự nhiên 1,14 km² (đạt 20,73% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 25.661 người (đạt 171,07% so với tiêu chuẩn).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Dịch Vọng Hậu, Nghĩa Tân, Quan Hoa, Yên Hòa (quận Cầu Giấy).
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC không thay đổi: số 68 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy.
- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Dịch Vọng**.
- Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đạt 3/3 tiêu chuẩn

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Dịch Vọng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Mô hình chính quyền đô thị	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,12%)	0	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	85	100	Đạt

- Đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đạt 10/13 tiêu chuẩn

Stt	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Dịch Vọng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt

2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,8$	2,73	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,0$	0,60	Chưa đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/ người/năm	≥ 1.100	3.514	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	6,38	Chưa đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	0,17	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng	100	Đạt

			sông Hồng là ≥ 50		
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	9,45	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

e) Kết quả sau sắp xếp thì phường Dịch Vọng Hậu còn lại:

- Diện tích tự nhiên 1,45 km² (đạt 26,36% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 28.696 người (đạt 191,31% so với tiêu chuẩn)

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Dịch Vọng, Nghĩa Tân, Mai Dịch, Yên Hòa (quận Cầu Giấy); phường Cổ Nhuế 1 (quận Bắc Từ Liêm); phường Mỹ Đình 2 (quận Nam Từ Liêm).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC không thay đổi: số 36 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Dịch Vọng Hậu**.

- Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đạt 3/3 tiêu chuẩn

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Dịch Vọng Hậu	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Mô hình chính quyền đô thị	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,12%)	0	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	85	100	Đạt

- Đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đạt 10/13 tiêu chuẩn

Stt	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Dịch Vọng Hậu	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy	3	Đạt

	hàng hóa)		hoạch xây dựng		
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,8$	1,94	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,0$	0,36	Chưa đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/ người/năm	≥ 1.100	3.529	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	4,84	Chưa đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	0,05	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	5,46	Đạt

13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt
----	--	---	-----------	-----	-----

1.2.2. Quận Đống Đa

1.2.2.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Khâm Thiên (có diện tích tự nhiên là 0,18 km², đạt 3,27% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.918 người, đạt 59,45% so với tiêu chuẩn) vào phường Trung Phụng (có diện tích tự nhiên là 0,24 km², đạt 4,36% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 13.283 người, đạt 88,55% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Tuân thủ theo quy định của Kết luận số 48/KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

- Nhằm đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức; Cân đối, hài hòa hơn trong phân bố dân cư, địa giới hành chính; tạo tâm lý đồng nhất, không tạo sự phân tán tư tưởng trong nhân dân, phù hợp với địa giới hiện tại và trong công tác quản lý sau này.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 0,42 km² (đạt 7,64% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 22.201 người (đạt 148,01% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 13 người, chiếm tỷ lệ 0,06%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Thổ Quan, Văn Chương, Phương Liên (quận Đống Đa).
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại phường Khâm Thiên (Số 32 ngõ Sân Quần, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Khâm Thiên.**

1.2.2.2. Nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Ngã Tư Sở (có diện tích tự nhiên là 0,09 km², đạt 1,64% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 2.476 người, đạt 16,51% so với tiêu chuẩn) vào phường Khương Thượng (có diện tích tự nhiên là 0,34 km², đạt 6,18% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 13.251 người, đạt 88,34% so với tiêu chuẩn). Lấy tim đường Tây Sơn làm điểm phân chia.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Tuân thủ theo quy định của Kết luận số 48/KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

- Nhằm đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức; Cân đối, hài hòa hơn trong phân bố dân cư, địa giới hành chính; tạo tâm lý đồng nhất, không tạo sự phân tán tư tưởng trong nhân dân, phù hợp với địa giới hiện tại và trong công tác quản lý sau này.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 0,43 km² (đạt 7,82% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 15.727 người (đạt 104,85% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Trung Liệt, Trung Tự, Phương Mai (quận Đống Đa).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại phường Khương Thượng (Số 388 Đường Chương Trinh, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Khương Thượng**.

- Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đạt 3/3 tiêu chuẩn

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Khương Thượng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Mô hình chính quyền đô thị	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,12%)	0	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	85	100	Đạt

- Đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đạt 10/13 tiêu chuẩn

Stt	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Khương Thượng	Đánh giá
-----	---------------------	--------	--------------	----------------------	----------

1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,8$	1,98	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,0$	0,09	Chưa đạt
	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 1.100	1.428	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	8,26	Chưa đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	0,02	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới	100	Đạt

			nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50		
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	10,36	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

1.2.2.3. Nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Ngã Tư Sở (có diện tích tự nhiên là 0,14 km², đạt 2,55% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.645 người, đạt 30,97% so với tiêu chuẩn) vào phường Thịnh Quang (có diện tích tự nhiên là 0,45 km², đạt 8,18% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 15.948 người, đạt 106,32% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Tuân thủ theo quy định của Kết luận số 48/KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

- Nhằm đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức; Cân đối, hài hòa hơn trong phân bố dân cư, địa giới hành chính; tạo tâm lý đồng nhất, không tạo sự phân tán tư tưởng trong nhân dân, phù hợp với địa giới hiện tại và trong công tác quản lý sau này.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 0,59 km² (đạt 10,73% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 20.593 người (đạt 135,29% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Khương Thượng, Trung Liệt, Láng Hạ (quận Đống Đa).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại phường Thịnh Quang (số 151 ngõ Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Thịnh Quang**.

- Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đạt 3/3 tiêu chuẩn

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Thịnh Quang	Đánh giá
----	---------------------	--------	--------------	--------------------	----------

1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Mô hình chính quyền đô thị	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,12%)	0	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	85	100	Đạt

- Đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đạt 10/13 tiêu chuẩn

Stt	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Thịnh Quang	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	2	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	3	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	2,26	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	0,42	Chưa đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/ người/năm	≥ 1.100	1.365	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội	m ² /người	≥ 11	5,63	Chưa đạt

	bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người				
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	0,22	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	24,69	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

1.2.2.4. Nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Trung Tự (có diện tích tự nhiên là 0,17 km², đạt 3,09% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.924 người, đạt 32,83% so với tiêu chuẩn) vào phường Phương Liên (có diện tích tự nhiên là 0,44 km², đạt 8,00% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 14.920 người, đạt 99,47% so với tiêu chuẩn). Lấy điểm giao cắt giữa sông Lừ và phố Phạm Ngọc Thạch làm điểm phân chia.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Tuân thủ theo quy định của Kết luận số 48/KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

- Nhằm đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức; Cân đối, hài hòa hơn trong phân bố dân cư, địa giới hành chính; tạo tâm lý đồng nhất, không tạo sự phân tán tư tưởng trong nhân dân, phù hợp với địa giới hiện tại và trong công tác quản lý sau này.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 0,61 km² (đạt 11,09% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 19.844 người (đạt 132,29% so với tiêu chuẩn).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Quang Trung, Kim Liên, Nam Đồng, Thổ Quan, Khâm Thiên, Phương Mai (quận Đống Đa).
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại phường Trung Tự (Số 02, ngõ 4B, phố Đặng Văn Ngữ, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).
- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **Phường Phương Liên - Trung Tự**.
- Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đạt 3/3 tiêu chuẩn

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Phương Liên - Trung Tự	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Mô hình chính quyền đô thị	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,12%)	0	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	85	100	Đạt

- Đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đạt 10/13 tiêu chuẩn

Stt	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Phương Liên - Trung Tự	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu	100	Đạt

			học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo		
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,8$	2,31	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,0$	0,70	Chưa đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/ người/năm	≥ 1.100	1.239	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	1,15	Chưa đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	1,21	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã NTM NC trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	5,69	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

1.2.2.5. Nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Trung Tự (có diện tích tự nhiên là 0,25 km², đạt 4,55% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.241 người, đạt 48,27% so với tiêu chuẩn) vào phường Kim Liên (có diện tích tự nhiên là 0,34 km², đạt 6,18% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 14.466 người, đạt 96,44% so với tiêu chuẩn). Lấy điểm giao cắt giữa sông Lừ và phố Phạm Ngọc Thạch làm điểm phân chia.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Tuân thủ theo quy định của Kết luận số 48/KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

- Nhằm đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức; Cân đối, hài hòa hơn trong phân bố dân cư, địa giới hành chính; tạo tâm lý đồng nhất, không tạo sự phân tán tư tưởng trong nhân dân, phù hợp với địa giới hiện tại và trong công tác quản lý sau này.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 0,59 km² (đạt 10,73% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 21.707 người (đạt 144,71% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Phương Liên, Phương Mai, Khương Thượng, Trung Liệt, Quang Trung (quận Đống Đa); phường Lê Đại Hành (quận Hai Bà Trưng).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại phường Kim Liên (số 23 phố Lương Đình Của, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Kim Liên**.

- Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đạt 3/3 tiêu chuẩn

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Kim Liên	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Mô hình chính quyền đô thị	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,12%)	0	Đạt

3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	85	100	Đạt
---	--------------------------------	---	----	-----	-----

- Đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đạt 10/13 tiêu chuẩn

Stt	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Kim Liên	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	2	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	3	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	1,95	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	0,70	Chưa đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/ người/năm	≥ 1.100	1,196	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	1,15	Chưa đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu	m ² /người	≥ 2	1,21	Chưa đạt

	người				
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	12,59	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

1.2.3. Quận Hà Đông

1.2.3.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Yết Kiêu (có diện tích tự nhiên là 0,21 km², đạt 3,83% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.672 người, đạt 64,48 so với tiêu chuẩn) và phường Nguyễn Trãi (có diện tích tự nhiên là 0,42 km², đạt 7,64% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 13.305 người, đạt 88,70% so với tiêu chuẩn) vào phường Quang Trung (có diện tích tự nhiên là 0,80 km², đạt 14,55% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 20.980 người, đạt 139,87% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 03 phường Yết Kiêu, Nguyễn Trãi, Quang Trung có đường địa giới hành chính liền nhau, có các khu dân cư xen kẽ, thuận lợi về giao thông, đồng bộ về hạ tầng, khoảng cách phù hợp với các khu vực dân cư trên địa bàn 03 phường nên phù hợp để thực hiện nhập thành 01 phường mới.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 1,43 km² (đạt 26,00% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 43.957 người (đạt 293,05% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường Văn Quán, Phúc La, La Khê, Hà Cầu, Phú La, Vạn Phúc, Mộ Lao (quận Hà Đông).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại UBND phường Quang Trung và phường Nguyễn Trãi hiện tại.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Quang Trung**.

1.2.4. Quận Hai Bà Trưng

1.2.4.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Đồng Nhân (có diện tích tự nhiên là 0,15 km², đạt 2,71% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.088 người, đạt 53,92% so với tiêu chuẩn) vào phường Đồng Mác (có diện tích tự nhiên là 0,15 km², đạt 2,78% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 10.021 người, đạt 66,81% so với tiêu chuẩn) thành 01 phường mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 02 phường thuộc diện phải sắp xếp có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn; 02 phường có vị trí liền kề, thuận tiện cho việc sáp nhập đơn vị hành chính.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 0,30 km² (đạt 5,45% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 18.109 người (đạt 120,73% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 04 người; chiếm tỷ lệ 0,02%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Phạm Đình Hổ, Thanh Nhàn, Bạch Đằng, Phố Huế (quận Hai Bà Trưng).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: dự kiến đặt tại trụ sở cũ phường Đồng Nhân (số 14 phố Đỗ Ngọc Du).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Đồng Nhân**.

1.2.4.2. Nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Cầu Dền (có diện tích tự nhiên là 0,14 km², đạt 2,55% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.502 người, đạt 63,35% so với tiêu chuẩn) vào phường Bách Khoa (có diện tích tự nhiên là 0,52 km², đạt 9,48% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.271 người, đạt 75,14% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 02 phường thuộc diện phải sắp xếp có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn; 02 phường có vị trí liền kề, thuận tiện cho việc sáp nhập đơn vị hành chính.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 0,66 km² (đạt 12,00% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 20.773 người (đạt 138,49% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Lê Đại Hành, Đồng Nhân (mới), Bạch Mai (mới), Thanh Nhàn; các phường: Phương Mai, Kim Liên (mới) (quận Đống Đa).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: dự kiến đặt tại trụ sở cũ phường Bách Khoa (số 39 Lê Thanh Nghị).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Bách Khoa.**

- Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đạt 3/3 tiêu chuẩn

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Bách Khoa	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Mô hình chính quyền đô thị	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,12%)	0	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	85	100	Đạt

- Đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đạt 8/13 tiêu chuẩn

Stt	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Bách Khoa	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	2	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	1	Chưa đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	0,52	Chưa đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu	m ² /người	≥ 1,0	0,11	Chưa đạt

	người				
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 1.100	1.212	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	1,86	Chưa đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	0	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	10,10	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

1.2.4.3. Nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Cầu Dền (có diện tích tự nhiên là 0,03 km², đạt 0,55% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 2.036 người, đạt 13,57% so với tiêu chuẩn) vào phường Thanh Nhân (có diện tích tự nhiên là 0,73 km², đạt 13,38% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 20.863 người, đạt 139,09% so với tiêu chuẩn) thành 01 phường mới.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 02 phường thuộc diện phải sắp xếp có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn; 02 phường có vị trí liền kề, thuận tiện cho việc sáp nhập đơn vị hành chính.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 0,77 km² (đạt 14,00% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 22.899 người (đạt 152,66% so với tiêu chuẩn).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Phố Huế, Đồng Nhân (mới),

Quỳnh Mai, Bạch Mai (mới), Thanh Lương, Bách Khoa (mới) (quận Hai Bà Trưng).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: dự kiến đặt tại trụ sở cũ phường Thanh Nhàn (số 35 ngõ 54 phố Kim Ngưu).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Thanh Nhàn**.

- Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đạt 3/3 tiêu chuẩn

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Thanh Nhàn	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Mô hình chính quyền đô thị	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,12%)	0	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	85	100	Đạt

- Đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đạt 8/13 tiêu chuẩn

Stt	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Thanh Nhàn	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	1	Chưa đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt

4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,8$	0,64	Chưa đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,0$	0,10	Chưa đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/ người/năm	≥ 1.100	1110	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	1,38	Chưa đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	0,001	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	6,88	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

1.2.4.4. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Quỳnh Lôi (có diện tích tự nhiên là 0,25 km², đạt 4,60% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.862 người, đạt 79,08% so với tiêu chuẩn) vào phường Bạch Mai (có diện tích tự nhiên là 0,26 km², đạt 4,66% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 17.086 người, đạt 113,91% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 02 phường thuộc diện phải sắp xếp có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn; 02 phường có vị trí liền kề, thuận tiện cho việc sáp nhập đơn vị hành chính.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 0,51 km² (đạt 9,27% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 28.948 người (đạt 192,99% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Thanh Nhân (mới), Trương Định, Minh Khai, Quỳnh Mai, Bách Khoa (mới), Đồng Nhân (mới) (quận Hai Bà Trưng).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: dự kiến đặt tại trụ sở cũ phường Quỳnh Lôi (số 197 phố Hồng Mai).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **Phường Bạch Mai.**

1.2.5. Quận Long Biên

1.2.5.1. Nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Sài Đồng (có diện tích tự nhiên là 0,12 km², đạt 2,18% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.817 người, đạt 32,11% so với tiêu chuẩn) vào phường Phúc Đồng (có diện tích tự nhiên là 4,53 km², đạt 82,36% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 16.872 người, đạt 112,48% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Tuân thủ theo quy định của Kết luận số 48/KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

- Nhằm đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức; Cân đối, hài hòa hơn trong phân bố dân cư, địa giới hành chính; tạo tâm lý đồng nhất, không tạo sự phân tán tư tưởng trong nhân dân, phù hợp với địa giới hiện tại và trong công tác quản lý sau này.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 4,65 km² (đạt 84,55% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 21.689 người (đạt 144,59% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Phúc Lợi, Long Biên, Thạch Bàn, Việt Hưng, Gia Thụy, Bồ Đề (quận Long Biên).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại UBND phường Phúc Đồng hiện tại.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Phúc Đồng**.

- Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đạt 3/3 tiêu chuẩn

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Phúc Đồng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Mô hình chính quyền đô thị	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,12%)	0	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	85	100	Đạt

- Đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đạt 10/13 tiêu chuẩn

Stt	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Phúc Đồng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	6	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	3,07	Đạt

5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,0$	1,52	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/ người/năm	≥ 1.100	1,544	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	5,2	Chưa đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	1,9	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	3,7	Chưa đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

1.2.5.2. Nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Sài Đồng (có diện tích tự nhiên là 0,73 km², đạt 13,27% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 13.175 người, đạt 87,83% so với tiêu chuẩn) vào phường Phúc Lợi (có diện tích tự nhiên là 6,26 km², đạt 113,82% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 20.953 người, đạt 139,69% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Tuân thủ theo quy định của Kết luận số 48/KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

- Nhằm đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức; Cân đối, hài hòa hơn trong phân bổ dân cư, địa giới hành chính; tạo tâm lý đồng nhất, không tạo sự phân tán tư tưởng trong nhân dân, phù hợp với địa giới hiện tại và trong công tác quản lý sau này.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 6,99 km² (đạt 127,09% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 34.128 người (đạt 227,52% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Phúc Đồng (mới), Việt Hưng, Giang Biên, Thạch Bàn (quận Long Biên); xã Cổ Bi (huyện Gia Lâm).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại UBND phường Phúc Lợi hiện tại.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Phúc Lợi**.

- Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 đạt 3/3 tiêu chuẩn

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Phúc Lợi	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Mô hình chính quyền đô thị	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố trực thuộc trung ương (0,12%)	0	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	85	100	Đạt

- Đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đạt 11/13 tiêu chuẩn

Stt	Tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Phường Phúc Lợi	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	2	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	8	Đạt

3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,8$	2,32	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,0$	2,4	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/ người/năm	≥ 1.100	1.574	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 11	4,5	Chưa đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	1,2	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	3,5	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được	%	≥ 90	100	Đạt

	thu gom				
--	---------	--	--	--	--

1.2.6. Quận Thanh Xuân

1.2.6.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Thanh Xuân Bắc (có diện tích tự nhiên là 0,49 km², đạt 8,91% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 23.642 người, đạt 157,61% so với tiêu chuẩn) vào phường Thanh Xuân Nam (có diện tích tự nhiên là 0,31 km², đạt 5,64% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 16.311 người, đạt 108,74% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Phường Thanh Xuân Bắc trước năm 1997 trực thuộc quận Đống Đa. Từ năm 1997 trực thuộc quận Thanh Xuân và được tách thành 02 phường: Thanh Xuân Bắc và Thanh Xuân Nam.

- Phường Thanh Xuân Bắc có đặc thù là các khu chung cư cũ. Hiện nay, UBND quận đang triển khai thực hiện Đề án xây dựng, cải tạo lại chung cư cũ. Dự kiến dân số phường Thanh Xuân Bắc sau khi cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ khoảng 48.000 người (đạt 320% so với tiêu chuẩn).

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 0,80 km² (đạt 14,55% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 39.953 người (đạt 266,35% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Thanh Xuân Trung, Hạ Đình, Nhân Chính (quận Thanh Xuân); phường Trung Văn (quận Nam Từ Liêm); xã Tân Triều (huyện Thanh Trì); phường Văn Quán (quận Hà Đông).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại UBND phường Thanh Xuân Bắc hiện tại.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **Phường Thanh Xuân Bắc**.

1.2.6.2. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Hạ Đình (có diện tích tự nhiên là 0,70 km², đạt 12,73% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 19.653 người, đạt 131,02% so với tiêu chuẩn) vào phường Kim Giang (có diện tích tự nhiên là 0,23 km², đạt 4,18% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 14.998 người, đạt 99,99% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Do phường Kim Giang và Phường Hạ Đình có đường địa giới hành chính liền kề giáp nhau.

- Phường Kim Giang có đặc thù là các chung cư cũ. Hiện nay, UBND quận đang triển khai thực hiện Đề án xây dựng, cải tạo lại chung cư cũ. Dự kiến dân số phường Kim Giang sau cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ khoảng 46.000 người (đạt 306,7% so với tiêu chuẩn).

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 0,93 km² (đạt 16,91% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 34.651 người (đạt 231,01% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 394 người, chiếm tỷ lệ 0,98%.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Thanh Xuân Bắc (mới), Thanh Xuân Trung, Thượng Đình, Khương Đình (quận Thanh Xuân); phường Đại Kim (quận Hoàng Mai), xã Tân Triều (huyện Thanh Trì).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại UBND phường Kim Giang hiện tại.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Hạ Đình.**

1.2.7. Thị xã Sơn Tây

1.2.7.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Lê Lợi (có diện tích tự nhiên là 0,90 km², đạt 16,36% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.617 người, đạt 172,34% so với tiêu chuẩn) vào phường Ngô Quyền (có diện tích tự nhiên là 0,42 km², đạt 7,64% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.418 người, đạt 168,36% so với tiêu chuẩn) và phường Quang Trung (có diện tích tự nhiên là 0,76 km², đạt 13,82% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.714 người, đạt 174,28% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về lịch sử hình thành: Các phường Lê Lợi, Ngô Quyền, Quang Trung cùng được thành lập vào ngày 03/01/1981 theo Quyết định số 03/CP của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập UBND phường.

- Về vị trí địa lý: Lấy Thành cổ Sơn Tây làm trung tâm, cả 03 phường nội thị có diện tích liền kề, tiếp giáp, xoay quanh Thành cổ Sơn Tây.

- Về văn hóa, xã hội: Cả 03 phường có đặc điểm xã hội, văn hóa tương đồng; đời sống sinh hoạt của Nhân dân cơ bản đồng nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Cả 03 phường đều đang thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị (không tổ chức HĐND phường).

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 2,08 km² (đạt 37,82% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 25.749 người (đạt 514,98% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Phú Thịnh, Viên Sơn, Trung Hưng, Sơn Lộc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại UBND phường Quang Trung hiện nay.

- Tên gọi ĐVHC sau sắp xếp: **phường Ngô Quyền.**

1.2.8. Huyện Phúc Thọ

1.2.8.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phúc Hòa (có diện tích tự nhiên là 4,13 km², đạt 16,69% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.465 người, đạt 93,31% so với tiêu chuẩn) vào thị trấn Phúc Thọ (có diện tích tự nhiên là 3,73 km², đạt 26,66% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.725 người, đạt 121,56% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 23/8/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

b) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC thị trấn có:

- Diện tích tự nhiên 7,86 km² (đạt 56,19% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 17.190 người (đạt 214,88% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã Phụng Thượng, Trạch Mỹ Lộc, Vĩng Xuyên, Thọ Lộc, Long Xuyên; các xã Đại Đồng, Cẩm Yên, huyện Thạch Thất.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại UBND thị trấn Phúc Thọ.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **Thị trấn Phúc Thọ.**

- Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 1 Quyết định số 5335/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Phúc Thọ đến năm 2030 quy định “*thị trấn sinh thái Phúc Thọ được định hướng phát triển mở rộng về phía Đông*” (phía Đông thị trấn giáp xã Phúc Hòa). Theo quy định điểm 2.2, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 7071/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chung thị trấn sinh thái Phúc Thọ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/5000 với phạm vi nghiên cứu

lập quy hoạch chung thị trấn sinh thái Phúc Thọ, bao gồm: một phần ranh giới hành chính thị trấn Phúc Thọ hiện hữu và một phần các xã Phúc Hòa, Trạch Mỹ Lộc, Phụng Thượng (huyện Phúc Thọ); xã Đại Đồng (huyện Thạch Thất).

- Đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 9, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Thị trấn Phúc Thọ	Ghi chú
1	Dân số	Người	8.000	17.190	Đạt
2	Diện tích	Km ²	14	7,86	Đạt
3	Đã được công nhận đô thị		đô thị IV hoặc V		Chưa đạt
4	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội				
4.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Đủ	Đạt
4.2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của huyện (1,01%)	1,01	Đạt
4.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	65	65	Đạt

1.2.9. Huyện Quốc Oai

1.2.9.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC xã Thạch Thán (có diện tích tự nhiên là 2,08 km², đạt 9,90% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.041 người, đạt 88,01% so với tiêu chuẩn) vào thị trấn Quốc Oai (có diện tích tự nhiên là 5,10 km², đạt 36,43% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 15.809 người, đạt 197,61% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Thạch Thán không đảm bảo được điều kiện tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% theo quy định, nên sáp nhập xã Thạch Thán vào thị trấn Quốc Oai. Lý do phù hợp với không gian quy hoạch thị trấn sinh thái của thị trấn Quốc Oai.

b) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC thị trấn có

- Diện tích tự nhiên 7,18 km² (đạt 51,29% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 22.850 người (đạt 285,63% so với tiêu chuẩn).
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Sài Sơn, Ngọc Mỹ, Yên Sơn, Đồng Quang (huyện Quốc Oai), Phùng Xá (huyện Thạch Thất), Vân Côn (huyện Hoài Đức).
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân

dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, đặt trụ sở tại thị trấn Quốc Oai.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **Thị trấn Quốc Oai.**

- Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch: Theo quy định tại điểm a, khoản 4.1.1, Điều 1 Quyết định số 6660/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Quốc Oai đến năm 2030 quy định “*phát triển thị trấn sinh thái Quốc Oai về phía Tây và phía Bắc*” (phía Tây, Bắc thị trấn giáp xã Thạch Thán). Theo quy định điểm 2.2, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 6498/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chung thị trấn sinh thái Quốc Oai, huyện Quốc Oai, huyện Thạch Thán, thành phố Hà Nội, đến năm 2030, tỷ lệ 1/5.000 với phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch chung thị trấn sinh thái Quốc Oai, bao gồm: một phần thị trấn Quốc Oai và các xã: Ngọc Liệp, Ngọc Mỹ, Thạch Thán, Yên Sơn, Phượng Cách, Sài Sơn (huyện Quốc Oai); các xã: Phùng Xá, Bình Phú (huyện Thạch Thán).

- Đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 9, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Thị trấn Quốc Oai	Ghi chú
1	Dân số	Người	8.000	22.850	Đạt
2	Diện tích	Km ²	14	7,18	Chưa đạt
3	Đã được công nhận đô thị		đô thị IV hoặc V		Chưa đạt
4	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội				
4.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Đủ	Đạt
4.2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của huyện (...%)	1,12	Đạt
4.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	65	70	Đạt

1.2.10. Huyện Thanh Oai

1.2.10.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kim An (có diện tích tự nhiên là 2,93 km², đạt 13,94% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.087 người, đạt 51,09% so với tiêu chuẩn) và xã Kim Thư (có diện tích tự nhiên là 2,92 km², đạt 13,90% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.554 người, đạt 81,93 % so với tiêu chuẩn) vào thị trấn Kim Bài (có diện tích tự nhiên là 4,50

km², đạt 32,16% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.753 người, đạt 96,91 % so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016.

- Lý do: Vì xã Kim An, xã Kim Thư là đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025.

b) Kết quả sau khi sắp xếp thì ĐVHC của thị trấn có

- Diện tích tự nhiên 10,35 km² (đạt 73,93% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 18.394 người (đạt 229,93% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các xã: Thanh Mai, Tam Hưng, Đỗ Động, Phương Trung (huyện Thanh Oai); các xã: Văn Võ, Hoàng Diệu (huyện Chương Mỹ).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại UBND thị trấn Kim Bài.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **thị trấn Kim Bài.**

- Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch: Theo quy định tại Quyết định số 4464/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000 chưa có định hướng mở rộng thị trấn.

- Đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 9, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Thị trấn Kim Bài	Ghi chú
1	Dân số	Người	8.000	18.394	Đạt
2	Diện tích	Km ²	14	10,35	Đạt
3	Đã được công nhận đô thị		đô thị IV hoặc V		Chưa đạt
4	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội				

4.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
4.2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của huyện (...%)	1,13	Đạt
4.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	65	85,54	Đạt

1.2.11. Huyện Thường Tín

1.2.11.1. Nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số (*Vị trí Văn Bình 1 khu dịch vụ Văn Bình gồm đất ở, đất nghĩa trang, nghĩa địa: Phía Bắc giáp đường 427, Phía Nam giáp xã Hà Hồi, Phía Đông giáp xã Hà Hồi, Phía Tây giáp thị trấn Thường Tín; Và Vị trí Văn Bình 2 gồm Đất giao thông, Đất tôn giáo, Đất nông nghiệp, Đất trụ sở các cơ quan: Phía Bắc, Phía Tây giáp xã Văn Phú, Phía Đông và Phía Nam giáp thị trấn Thường Tín*) của xã Văn Bình (diện tích tự nhiên là 0,20 km², đạt 0,97% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số khoảng 15 người, đạt 0,18 % so với tiêu chuẩn) về thị trấn Thường Tín quản lý;

Nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số (*Khu vực Đồng đường, Cầu Gỗ, Cửa Miếu: bao gồm đất giao thông, đất giáo dục là một phần trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây nay là Đại học Thủ đô, đất nông nghiệp: Phía Bắc giáp thị trấn Thường Tín, Phía Nam giáp xã Hà Hồi và xã Nguyễn Trãi, Phía Đông giáp đường Quốc lộ 1A, phía Tây giáp xã Văn Phú; Và Vị trí Hà Hồi 1 có khoảng 13 hộ là khuôn viên Đất ở: Phía Bắc giáp thị trấn Thường Tín, Phía Nam và Phía Đông giáp xã Hà Hồi, Phía Tây giáp đường Quốc Lộ 1A*) của xã Hà Hồi (diện tích tự nhiên là 0,16 km², đạt 0,78% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là khoảng 50 người, đạt 0,62% so với tiêu chuẩn) về thị trấn Thường Tín quản lý;

Nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số (*Khu đất trồng lúa, đất trồng trọt khác: giáp Phía Bắc khu dân cư thôn Mễ Sơn xã Nguyễn Trãi, và gianh giới Phía Tây thị trấn Thường Tín, Phía Nam xã Văn Phú*) của xã Nguyễn Trãi (diện tích tự nhiên là 0,22 km², đạt 1,06% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 0 người, đạt 0% so với tiêu chuẩn) về thị trấn Thường Tín quản lý;

Và nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Văn Phú (diện tích tự nhiên là 3,18 km², đạt 15,14% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.659 người, đạt 108,24% so với tiêu chuẩn) vào thị trấn Thường Tín (có diện tích tự nhiên là 0,90 km², đạt 6,42% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.507 người, đạt 81,34 % so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xét về yếu tố lịch sử, văn hóa được ghi trong lịch sử Đảng bộ, thì khi thành lập thị trấn Thường Tín năm 1988, thì cơ bản lấy diện tích và dân số của xã Văn Phú để thành lập thị trấn Thường Tín.

- Có đường địa giới hành chính liền kề nhau, có hệ thống đường giao thông kết nối giữa các tổ dân phố của thị trấn với các thôn, xóm của xã Văn Phú (thuận lợi cho việc quản lý và giải quyết các công việc cho tổ chức, công dân).

- Nhập một phần diện tích và dân số của các xã giáp ranh vì đây là khu vực chông lán, xen kẹt, và để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước và tập trung phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn mới.

b) Kết quả sau khi sáp nhập thì ĐVHC của thị trấn mới có

- Diện tích tự nhiên 4,67 km² (đạt 33,38% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 15.231 người (đạt 190,38% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Văn Bình, xã Hà Liên (mới), xã Bình Giang (mới), xã Tiền Phong, xã Nguyễn Trãi.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại thị trấn Thường Tín (cũ).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **Thị trấn Thượng Phúc.**

- Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch: Theo quy định tại Quyết định số 5516/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000 chưa có định hướng mở rộng thị trấn.

- Đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 9, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Thị trấn Thượng Phúc	Ghi chú
1	Dân số	Người	8.000	15.231	Đạt
2	Diện tích	Km ²	14	4,67	Đạt
3	Đã được công nhận đô thị		đô thị IV hoặc V		Chưa đạt
4	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội				
4.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Đủ	Đạt

4.2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của huyện (...%)	1,15	Đạt
4.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	65	75	Đạt

1.2.12. Huyện Gia Lâm

1.2.12.1. Nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Yên Viên (có diện tích tự nhiên là 3,73 km², đạt 17,79% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 14.484 người, đạt 181,05% so với tiêu chuẩn) và nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Yên Viên (có diện tích tự nhiên là 0,97 km², đạt 4,65% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 13.162 người, đạt 164,52% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cả 02 ĐVHC xã Yên Viên và thị trấn Yên Viên đều không đạt về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định. Từ năm 1959, trở về trước, hai đơn vị đều thuộc xã Tiền Phong. Phù hợp về vị trí địa lý; có đường địa giới liền kề nhau, có các khu dân cư xen kẽ, thuận lợi giao thông, đồng bộ về hạ tầng, khoảng cách phù hợp với các khu vực dân cư trên địa bàn 02 xã.

b) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC mới có:

- Diện tích tự nhiên: 4,70 km² (đạt 33,57% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 27.646 người (đạt 345,57% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Yên Thường, Đình Xuyên + Dương Hà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: HEND - UBND thị trấn, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HEND - UBND thị trấn Yên Viên hiện nay (Địa chỉ 582 Hà Huy Tập, TT Yên Viên). Trụ sở Đảng ủy, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội và các Hội, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HEND - UBND xã Yên Viên hiện nay.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **thị trấn Yên Viên.**

- Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch: Chưa có Quy hoạch chung của huyện Gia Lâm.

- Đánh giá sơ bộ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 9, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Thị trấn Yên Viên	Ghi chú
1	Dân số	Người	8.000	27.646	Đạt
2	Diện tích	Km ²	14	4,70	Đạt
3	Đã được công nhận đô		đô thị IV		Chưa đạt

	thị		hoặc V		
4	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội				
4.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
4.2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của huyện (0%)	0	Đạt
4.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	65	95,44	Đạt

2. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp

2.1. Sắp xếp ĐVHC nông thôn cấp xã thành ĐVHC nông thôn cùng cấp

2.1.1. Huyện Gia Lâm

2.1.1.1 Nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phú Thị (có diện tích tự nhiên là 5,08 km², đạt 24,23% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.780 người, đạt 122,25% so với tiêu chuẩn) và nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kim Sơn (có diện tích tự nhiên là 6,31 km², đạt 30,08% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 15.252 người, đạt 190,65% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Hiện nay, huyện Gia Lâm đang xây dựng Đề án thành lập quận Gia Lâm và các phường thuộc quận Gia Lâm. Tuy nhiên, xã Phú Thị chưa đảm bảo quy mô dân số theo quy định để thành lập phường. Vì vậy, cử tri trên địa bàn, HĐND xã Phú Thị, xã Kim Sơn và HĐND huyện Gia Lâm đã thống nhất phương án nhập xã Phú Thị và xã Kim Sơn để thành lập phường Phú Sơn. Xã Phú Thị và xã Kim Sơn có đường địa giới hành chính liền kề nhau, thuận lợi về giao thông, đồng bộ về hạ tầng, khoảng cách phù hợp với các khu vực dân cư trên địa bàn 02 xã. Do đó, phù hợp để thực hiện thành lập 01 ĐVHC mới cùng cấp.

b) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC mới có:

- Diện tích tự nhiên: 11,39 km² (đạt 54,24% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 25.032 người (đạt 312,90% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: không.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Lệ Chi, xã Song Liễu và phường Xuân Lâm (thị xã Thuận Thành), Đặng Xá, thị trấn Trâu Quỳ, Dương Quang, Dương Xá, Phù Đồng - Trung Mầu, Lệ Chi.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: HĐND - UBND xã, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Kim Sơn hiện nay. Trụ sở Đảng ủy, MTTQ, tổ

chức chính trị - xã hội và các Hội, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Phú Thị hiện nay.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Phú Sơn.**

2.1.1.2. Nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trung Mậu (có toàn bộ diện tích tự nhiên 4,30 km², đạt 20,49% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.246 người, đạt 78,08% so với tiêu chuẩn) và nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phù Đồng (có toàn bộ diện tích tự nhiên 11,82 km², đạt 56,29% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 15.768 người, đạt 197,1% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Hiện nay, huyện Gia Lâm đang xây dựng Đề án thành lập quận Gia Lâm và các phường thuộc quận Gia Lâm. Tuy nhiên, xã Trung Mậu chưa đảm bảo quy mô dân số theo quy định để thành lập phường. Vì vậy, cử tri trên địa bàn, HĐND xã Trung Mậu, xã Phù Đồng và HĐND huyện Gia Lâm đã thống nhất phương án nhập xã Trung Mậu và xã Phù Đồng để thành lập xã Phù Đồng. Bên cạnh đó, hai xã có đường địa giới hành chính liền nhau, thuận lợi về giao thông, đồng bộ về hạ tầng, khoảng cách phù hợp với các khu vực dân cư trên địa bàn 02 xã. Do vậy, phù hợp để thực hiện thành lập 01 ĐVHC mới cùng cấp.

b) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC mới có:

- Diện tích tự nhiên: 16,12 km² (đạt 76,76% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 22.014 người (đạt 275,18% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: không.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Lệ Chi, Dương Hà - Đình Xuyên, Phúc Lợi (Long Biên), Phú Thị - Kim Sơn, Đặng Xá, Cổ Bi, Ninh Hiệp, Đại Đồng, Tri Phương (Tiên Du, Bắc Ninh).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới: Trụ sở HĐND - UBND xã, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Phù Đồng hiện nay. Trụ sở Đảng ủy, MTTQ và các Hội, tổ chức chính trị - xã hội, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Trung Mậu hiện nay.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Phù Đồng.**

2.2. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp hoặc sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị cấp xã

2.2.1. Quận Ba Đình

2.2.1.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Nguyễn Trung Trực (có diện tích tự nhiên là 0,16 km², đạt 2,93% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.601 người, đạt 44,01% so với tiêu chuẩn) vào phường Trúc Bạch (có

diện tích tự nhiên là 0,50 km², đạt 9,09 % so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 10.181 người, đạt 67,87% so với tiêu chuẩn)

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- 02 phường có diện tích tự nhiên nhỏ và quy mô dân số ít, 02 phường có địa giới hành chính liền kề, không thể sáp nhập vào đơn vị hành chính khác. Không phải là phường trọng điểm về an ninh quốc phòng, không có di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận hoặc có di sản văn hóa vật thể được xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt. Đơn vị hành chính cùng cấp liền kề 2 phường Nguyễn Trung Trực, Trúc Bạch thuộc quận là phường Quán Thánh, Phúc Xá đều là phường trọng điểm về an ninh quốc phòng không thuộc trường hợp sắp xếp.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường Trúc Bạch có:

- Diện tích tự nhiên: 0,66 km² (đạt 12,00% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 16.782 người (đạt 111,88% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 19 người, chiếm tỷ lệ 0,11%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: các phường: Phúc Xá, Quán Thánh (quận Ba Đình), phường Đồng Xuân (quận Hoàn Kiếm), phường Yên Phụ (quận Tây Hồ).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở phường Trúc Bạch (số 77, Nguyễn Trường Tộ, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội).

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **phường Trúc Bạch.**

2.2.2. Quận Đống Đa

2.2.2.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Quốc Tử Giám (có diện tích tự nhiên là 0,19 km², đạt 3,45% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.810 người, đạt 52,07% so với tiêu chuẩn) vào phường Văn Miếu (có diện tích tự nhiên là 0,29 km², đạt 5,27% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.393 người, đạt 62,62% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Nhằm thực hiện đúng chủ trương của Bộ Chính trị, Chính phủ, Quốc hội và Thành ủy, UBND thành phố Hà Nội về việc sáp nhập địa giới hành chính cấp xã.

- Nhằm đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức; Cân đối, hài hòa hơn trong phân bố dân cư, địa giới hành chính.

- Việc sáp nhập toàn bộ phường Quốc Tử Giám với phường Văn Miếu, tuy chưa đảm bảo đúng quy định về diện tích tự nhiên nhưng tạo tâm lý đồng nhất, không tạo sự phân tán tư tưởng trong nhân dân, phù hợp với địa giới hiện tại và trong công tác quản lý sau này. Đảm bảo yếu tố là phường trọng điểm về quốc phòng, an ninh.

b) Kết quả sau sắp xếp thì phường mới có:

- Diện tích tự nhiên 0,48 km² (đạt 8,73% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 17.203 người (đạt 114,69% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 97 người, chiếm tỷ lệ 0,56%.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các phường: Ô Chợ Dừa, Cát Linh, Văn Chương, Hàng Bột, Khâm Thiên (quận Đống Đa); phường Điện Biên (quận Ba Đình); phường Cửa Nam (quận Hoàn Kiếm).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: đặt tại trụ sở UBND phường Quốc Tử Giám.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: phường **Văn Miếu - Quốc Tử Giám**.

2.2.3. Huyện Gia Lâm

2.2.3.1. Điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính giữa thị trấn Trâu Quỳ, xã Đa Tốn, xã Kiêu Kỵ, xã Dương Xá:

- + Điều chỉnh 0,11 km² diện tích tự nhiên của thị trấn Trâu Quỳ vào xã Đa Tốn;
- + Điều chỉnh 0,06 km² diện tích tự nhiên của xã Đa Tốn vào thị trấn Trâu Quỳ;
- + Điều chỉnh 0,12 km² diện tích tự nhiên của xã Đa Tốn vào xã Kiêu Kỵ;
- + Điều chỉnh 0,09 km² diện tích tự nhiên xã Kiêu Kỵ vào xã Dương Xá;
- + Điều chỉnh 0,06 km² diện tích tự nhiên xã Kiêu Kỵ vào xã Đa Tốn;
- + Điều chỉnh 0,02 km² diện tích tự nhiên xã Dương Xá vào thị trấn Trâu Quỳ;
- + Điều chỉnh 0,04 km² diện tích tự nhiên xã Dương Xá vào xã Đa Tốn;
- + Điều chỉnh 0,03 km² diện tích tự nhiên xã Dương Xá vào xã Kiêu Kỵ.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Ranh giới địa giới hành chính các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Gia Lâm được xác lập theo Chỉ thị 364 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng nay là Chính phủ. Từ hơn 20 năm trở lại đây huyện Gia Lâm có tốc độ đô thị hóa nhanh, nhiều khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị mới hình thành; các tuyến đường được mở rộng, xây dựng mới làm thay đổi cơ bản diện mạo của huyện. Ranh giới của các xã đã có thay đổi làm nảy sinh khó khăn trong công tác quản lý

hành chính và sử dụng đất đai. Có những khu đô thị, khu phố đồng thời thuộc địa giới hành chính của nhiều xã, đơn cử như khu đô thị Vinhomes Ocean Park nằm trên ranh giới của 4 xã, thị trấn gồm Trâu Quỳ, Kiêu Kỵ, Dương Xá, Đa Tốn, đường địa giới hành chính của đơn vị có đoạn chia cắt hồ nước H02, các đơn vị nhà ở, tòa nhà, cắt chéo các tuyến đường, cắt trường đại học....

Trên cơ sở ranh giới tại bản đồ địa giới hành chính 364, huyện Gia Lâm đã nghiên cứu điều chỉnh địa giới của 4 xã, thị trấn với mục đích tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân sau này khi thực hiện các thủ tục hành chính, quản lý hộ khẩu, đảm bảo an ninh trật tự. Việc điều chỉnh địa giới hành chính được thực hiện đảm bảo phù hợp với quy hoạch xây dựng, các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa của địa phương, tạo sự thuận lợi trong sinh hoạt sản xuất, kinh doanh, phục vụ nhân dân, doanh nghiệp một cách tốt nhất. Phương án điều chỉnh địa giới theo đề án lần này sẽ giải quyết các bất cập của quá trình phát triển đô thị và nhận được sự đồng thuận cao của nhân dân.

b) Kết quả sau sắp xếp, xã Đa Tốn có

- Diện tích tự nhiên: 7,43 km² (đạt 35,38% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 19.884 người (đạt 248,55% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: không.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Kiêu Kỵ, Bát Tràng (mới), Trâu Quỳ (mới) (huyện Gia Lâm); các xã: Cửu Cao, Phụng Công (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC sau sắp xếp: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Đa Tốn hiện nay.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Đa Tốn**.

c) Kết quả sau sắp xếp, xã Kiêu Kỵ có:

- Diện tích tự nhiên: 5,88 km² (đạt 27,90% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 13.856 người (đạt 173,20% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: không.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Đa Tốn (mới), Dương Xá (mới) (huyện Gia Lâm); xã Tân Quang (huyện Văn Lâm); xã Cửu Cao (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC sau sắp xếp: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Kiêu Kỵ hiện nay.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Kiêu Kỵ**.

d) Kết quả sau sắp xếp, xã Dương Xá có:

- Diện tích tự nhiên: 4,94 km² (đạt 23,76% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 14.787 người (đạt 184,83% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: không.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: các xã: Dương Quang, Đa Tốn (mới), Kiều Ky (mới), Phú Sơn (mới), thị trấn Trâu Quỳ (mới) (huyện Gia Lâm); thị trấn Như Quỳnh và xã Tân Quang (huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC sau sắp xếp: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Dương Xá hiện nay.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **xã Dương Xá**.

d) Kết quả sau sắp xếp, thị trấn Trâu Quỳ có:

- Diện tích tự nhiên: 7,16 km² (đạt 51,14% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 21.667 người (đạt 270,84% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: không.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phú Sơn (mới), Dương Xá (mới), Đa Tốn (mới), Bát Tràng (mới), Cổ Bi, Đặng Xá (huyện Gia Lâm); các phường: Thạch Bàn, Cự Khối (quận Long Biên).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC sau sắp xếp: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị trấn Trâu Quỳ hiện nay.

- Tên gọi ĐVHC sau khi sắp xếp: **thị trấn Trâu Quỳ**.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC ĐÔ THỊ CẤP HUYỆN (không có)

IV. LÝ DO ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THUỘC DIỆN PHẢI SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ KHÔNG (HOẶC CHƯA) THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Huyện Ba Vì

1.1. Xã Phú Đông

Theo điểm b khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 quy định “Đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có một trong các yếu tố đặc thù sau đây thì không bắt buộc thực hiện sắp xếp: Có địa giới hành chính đã hình thành ổn định và từ năm 1945 đến nay chưa có thay đổi, điều chỉnh lần nào”. Theo lịch sử hình thành, xã Phú Đông được thành lập từ 01/04/1946 và hoạt động ổn định từ đó đến nay.

1.2. Xã Đông Quang

Theo điểm b khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 quy định “*Đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có một trong các yếu tố đặc thù sau đây thì không bắt buộc thực hiện sắp xếp: Có địa giới hành chính đã hình thành ổn định và từ năm 1945 đến nay chưa có thay đổi, điều chỉnh lần nào*”. Theo lịch sử hình thành, xã Đông Quang được thành lập từ 04/3/1946 và hoạt động ổn định từ đó đến nay.

2. Huyện Phú Xuyên

2.1. Thị trấn Phú Minh

Thị trấn Phú Minh có diện tích 1,10 km² (đạt 7,86 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 5.656 người (đạt 70,73% so với tiêu chuẩn). Căn cứ vào quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đơn vị hành chính thì thị trấn Phú Minh chưa đạt tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng, do đó thuộc diện thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

Tuy nhiên, thị trấn Phú Minh là khu vực có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liền kề. Thị trấn chỉ tiếp giáp duy nhất với xã Nam Tiến. Tuy nhiên, xã Nam Tiến đã tiến hành sắp xếp giai đoạn 2019 - 2021 và đã hoạt động ổn định đến nay, do đó không tiến hành sắp xếp thị trấn Phú Minh với xã Nam Tiến. Trong trường hợp nếu tiến hành sắp xếp thị trấn Phú Minh với các xã khác thì không có sự liền kề về mặt địa giới hành chính, dẫn tới khó khăn trong công tác quản lý cũng như trong việc thực hiện các kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, trái với nguyên tắc và mục đích của việc sắp xếp các đơn vị hành chính, không khắc phục được tình trạng phân tán nguồn lực và khai thác tối đa tiềm năng, không gian phát triển bị chia cắt, manh mún. Bên cạnh đó, khi tiến hành thực hiện sắp xếp thị trấn với đơn vị hành chính khác sẽ gây khó khăn trong công tác tổ chức chính quyền, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, phân bổ tài sản công cũng như gây khó khăn trong việc thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Đời sống của Nhân dân bị ảnh hưởng do gặp khó khăn trong việc xử lý và giải quyết các thủ tục hành chính, trong liên kết, giao thương với các khu vực trong cùng một đơn vị hành chính. Từ đó, dễ gây xáo trộn, bất ổn trong tư tưởng của Nhân dân, không tạo được sự đồng thuận, gây khó khăn trong quá trình thực hiện sắp xếp và dễ gây bất ổn tình hình an ninh chính trị địa phương.

Do đó, mặc dù thị trấn Phú Minh là đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng địa phương đề nghị không thực hiện sắp xếp trong giai đoạn này.

3. Huyện Quốc Oai

3.1. Xã Phú Mãn

Xã miền núi có 90,78% dân số là dân tộc thiểu số nên có những phong tục, tập quán riêng. Sau khi cân nhắc kỹ các yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử,

văn hóa, phong tục, tập quán, cộng đồng dân cư, yêu cầu về an ninh, trật tự, an toàn - xã hội, phát triển kinh tế - xã hội, đề xuất không sắp xếp xã Phú Mãn.

4. Huyện Thạch Thất

Xã Cẩm Yên có địa giới đơn vị hành chính đã hình thành ổn định và từ năm 1945 đến nay chưa có thay đổi, điều chỉnh lần nào. (Theo dư địa chí huyện Thạch Thất xuất bản năm 2005 và 2020); theo Điều 3, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

5. Quận Hà Đông

Theo điểm a khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 quy định “*Đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có một trong các yếu tố đặc thù sau đây thì không bắt buộc thực hiện sắp xếp: Có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liền kề*”. Phường Biên Giang có đa số đường địa giới đơn vị hành chính đi qua sông Đáy và giáp với đơn vị hành chính cấp huyện khác, khó tổ chức giao thông thuận lợi kết nối với đơn vị hành chính liền kề thuộc quận Hà Đông. Cụ thể: phần địa giới hành chính giáp với phường Đồng Mai và phường Yên Nghĩa của quận Hà Đông là sông Đáy nên không thuận tiện cho Nhân dân đi lại giao dịch; hiện nay phường Đồng Mai và phường Yên Nghĩa có diện tích lớn, dân số đông nếu thực hiện sáp nhập sẽ gây khó khăn cho việc quản lý điều hành của phường; các phần địa giới hành chính còn lại của phường Biên Giang giáp với các xã: Thụy Hương, Phụng Châu và thị trấn Chúc Sơn của huyện Chương Mỹ. Do đó, phường Biên Giang không bắt buộc thực hiện sắp xếp.

V. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH

1. Huyện Ba Vì

Sau khi thực hiện sắp xếp, đơn vị hành chính mới có diện tích tự nhiên là 16,67 km², đạt 79,38% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 29.153 người, đạt 364,41% so với tiêu chuẩn. Như vậy, đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 quy định: “*Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thì đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên*”. Đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp

trên cơ sở nhập 03 đơn vị hành chính cấp xã (xã Châu Sơn, Phú Phương và Tân Hồng), thuộc trường hợp không xét đến tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số sau sắp xếp theo quy định trên. Do đó, việc sắp xếp 03 xã Châu Sơn, Phú Phương và Tân Hồng thành đơn vị hành chính cấp xã mới vẫn đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

2. Huyện Chương Mỹ

2.1. Nhập xã Đồng Phú và xã Hồng Phong

Sau khi sắp xếp xã Đồng Phú và xã Hồng Phong, đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp mới đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên (7,17 km² đạt 34,14% so với tiêu chuẩn).

Xã Đồng Phú và xã Hồng Phong là 02 trong số 03 xã thuộc diện thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 và có vị trí địa lý liền kề nhau. Nếu như xã Hồng Phong có toàn bộ phần diện tích khá vuông vắn thì lãnh thổ xã Đồng Phú lại kéo dài với phần phía Tây gần như ôm trọn toàn bộ ranh giới phía Đông của xã Hồng Phong tạo nên một khối lãnh thổ nối liền, hợp nhất. Do đó, xét về vị trí địa lý, xã Đồng Phú và xã Hồng Phong thực hiện sắp xếp với nhau là hợp lý, tạo sự phù hợp, nối liền về mặt địa giới mà khi sắp xếp với các xã khác không có được. Việc sắp xếp hai xã với nhau cũng giúp địa phương khai thác được nguồn lợi về giao thông, đặc biệt là các tuyến đường quan trọng như tỉnh lộ 419, đường mới Yên Cốc. Ngoài ra, xã Đồng Phú và Hồng Phong là các xã có nhiều đặc điểm tương đồng về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, phong tục tập quán, do đó khi tiến hành sắp xếp không gây khó khăn do sự khác biệt về văn hóa, lối sống của Nhân dân 02 xã, từ đó tạo được sự đồng thuận và ủng hộ cao của nhân dân, là cơ sở để ổn định tâm lý, tư tưởng cho người dân trên địa bàn.

2.2. Nhập xã Phú Nam An và xã Hòa Chính

Sau khi sắp xếp xã Phú Nam An và xã Hòa Chính, đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp mới đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên (8,01 km², đạt 38,14% so với tiêu chuẩn).

Xã Phú Nam An là xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025, liền kề với xã Hòa Chính và xã Văn Võ. Xã Hòa Chính và xã Phú Nam An là hai xã có địa giới hành chính liền kề với toàn bộ phần diện tích phía Đông của xã Hòa Chính tiếp giáp với xã Phú An Nam tạo thành một khối liền mạch và thuộc phần diện tích cuối cùng ở phía Đông Nam của toàn huyện. Không bị tách biệt bởi sông Đáy, 02 xã Hòa Chính và Phú Nam An đều cùng nằm trên một bên bờ sông Đáy và cùng có đường tỉnh 419 là tuyến đường quan trọng đi qua. Do đó, khi tiến hành sắp xếp xã Hòa Chính và xã Phú An Nam vừa phù hợp với vị trí địa lý của các xã, vừa tập trung được nguồn lực để khai thác và phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, 02 xã có trình độ phát triển kinh tế - văn hóa và xã hội khá tương đồng, là điều kiện thuận lợi để thực hiện sắp xếp cũng như tạo sự ủng hộ, đồng thuận của nhân dân trên địa bàn.

3. Huyện Mê Linh

Sau khi nhập xã Vạn Yên vào xã Liên Mạc, đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp mới đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số và chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên (11,25 km², đạt 53,57% so với tiêu chuẩn) theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đơn vị hành chính tương ứng. Xã Vạn Yên là xã cực Tây của huyện Mê Linh, địa giới hành chính chỉ giáp hai xã Liên Mạc và Tiến Thịnh. Do những bất lợi và khó khăn khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã đối với những khu vực không giáp ranh, liền kề nên chỉ có thể sắp xếp xã Vạn Yên với một trong hai xã liền kề là xã Liên Mạc hoặc xã Tiến Thịnh.

Xét về vị trí địa lý, khi tiến hành sắp xếp xã Vạn Yên và xã Tiến Thịnh sẽ tạo một đơn vị hành chính mới thuộc khu vực phía Tây của huyện Mê Linh, địa giới của đơn vị hành chính mới chỉ tiếp giáp với xã Liên Mạc và xã Chu Phan, do đó không tạo được lợi thế để liên kết với các xã lân cận nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc tập trung nguồn lực, phát triển, giao thương kinh tế, văn hóa xã hội. Việc phát triển của xã dễ mang tính cục bộ, không có ý nghĩa trong việc tập trung nguồn lực, tạo hiệu ứng phát triển lan tỏa đối với các khu vực xung quanh. Trong khi tiến hành sắp xếp xã Vạn Yên với xã Liên Mạc sẽ hình thành một đơn vị hành chính mới có địa giới hành chính giáp với hầu hết các khu vực lân cận, tạo thành một khu vực trung tâm thu hút sự chú ý đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao thương, trao đổi, giao lưu kinh tế văn hóa với các khu vực lân cận, tập trung khai thác được nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, đơn vị hành chính mới có phần diện tích lãnh thổ khá vuông vắn và cân đối, là điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng quy hoạch phát triển vùng cũng như hình thành hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng hiện đại, góp phần thay đổi diện mạo toàn đô thị.

Xét về lịch sử hình thành, xã Liên Mạc là đơn vị có đặc điểm tương đồng về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán do xã Liên Mạc và xã Vạn Yên trước đây đều thuộc một xã Quyết Thắng, sau được chia tách ra như ngày nay. Do đó, việc sắp xếp xã Vạn Yên với xã Liên Mạc là phù hợp với lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán của hai địa phương cũng như phù hợp với vị trí địa lý của các xã. Đồng thời, cũng đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân trên địa bàn, tạo sự đồng thuận, ủng hộ lớn, không gây xáo trộn trong tư tưởng của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành thực hiện sắp xếp các xã sau này.

Từ những lý do đó, có thể khẳng định việc tiến hành sắp xếp xã Vạn Yên và xã Liên Mạc là hợp lý, mặc dù đơn vị hành chính mới chưa đáp ứng được tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định nhưng xét tới các yếu tố lịch sử, phù hợp, khách quan và trên cơ sở chọn lựa, loại trừ những phương án khó thực thi, không đem lại hiệu quả thì phương án sắp xếp này vẫn đảm bảo được nguyên tắc cũng như ý nghĩa của việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã.

4. Xã Mỹ Đức

4.1. Nhập xã Mỹ Thành vào xã Bột Xuyên

Sau khi sắp xếp xã Mỹ Thành và xã Bột Xuyên, đơn vị hành chính sau sắp xếp mới đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên (9,72 km², đạt 46,29% so với tiêu chuẩn) theo quy định của đơn vị hành chính tương ứng. Xã Mỹ Thành là xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 và có vị trí liền kề với các xã Phúc Lâm, Đồng Tâm, Tuy Lai, An Mỹ và Bột Xuyên.

Đối với các xã Đồng Tâm, Phúc Lâm, An Mỹ sẽ không phù hợp để thực hiện sắp xếp do vị trí địa lý chưa thuận lợi, khi tiến hành sắp xếp dẫn đến đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp bị chia cắt, manh mún kéo dài, dân cư phân tán không tập chung, gây bất lợi cho việc xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cũng như không tập trung được nguồn lực để phát triển, dẫn đến việc đầu tư dàn trải, kém hiệu quả. Xã Tuy Lai mặc dù có phần địa giới phía Đông tiếp giáp khá lớn với xã Mỹ Thành nhưng xã lại có diện tích khá lớn và thuộc xã loại I. Do đó, khi sắp xếp với xã Mỹ Thành sẽ làm gia tăng, mở rộng địa giới, gây bất cân đối về diện tích đối với các xã liền kề. Trường hợp chỉ sáp nhập một phần xã Tuy Lai vào xã Mỹ Thành mặc dù đảm bảo được việc cân đối diện tích giữa các xã trong khu vực nhưng quá trình thực hiện dự kiến gặp nhiều khó khăn do phải chia tách đơn vị hành chính, dẫn tới nhiều vấn đề cần xử lý như đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng, xử lý xây dựng trụ sở, tài sản công... Do vậy, không tiến hành sắp xếp xã Mỹ Thành vào các xã Phúc Lâm, Tuy Lai và An Mỹ.

Nằm liền kề ở phía Đông của xã Mỹ Thành là xã Bột Xuyên có phần lớn diện tích giáp ranh với xã Mỹ Thành. 02 xã có vị trí địa lý liền kề, khi sáp nhập cạnh nhau tạo thành một khối lãnh thổ đồng nhất, liền mạch, diện tích tự nhiên của 02 đơn vị không bị chênh lệch quá lớn, điều kiện phù hợp để thực hiện nhập 02 xã thành một đơn vị hành chính mới. Hiện tại trên địa bàn xã Mỹ Thành có tuyến đường tỉnh lộ 419 đi qua thì toàn bộ phần phía Đông của xã Bột Xuyên có con sông Đáy trải dài từ đầu xã đến cuối xã gần như bao bọc. Do đó, khi tiến hành sáp nhập xã Mỹ Thành vào xã Bột Xuyên sẽ giúp đơn vị hành chính mới tận dụng được tiềm năng, lợi thế, thế mạnh của mỗi xã để tập trung nguồn lực, điều kiện, tạo động lực thúc đẩy phát triển Kinh tế, Văn hóa- xã hội toàn diện. Qua nắm bắt dư luận xã hội, việc nhập xã Mỹ Thành vào xã Bột Xuyên nhận được sự ủng hộ, đồng tình của Nhân dân trên địa bàn 02 xã, cấp ủy, chính quyền và nhân dân hai xã sẽ thông suốt về tư tưởng, tâm lý ổn định, phấn khởi, tạo được sự đồng thuận cao trong cộng đồng dân cư. Do đó, việc tiến hành nhập xã Mỹ Thành và xã Bột Xuyên thành một đơn vị hành chính mới, mặc dù chưa đáp ứng được tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên nhưng đảm bảo phù hợp với đặc điểm, tình hình khách quan của tự nhiên và Nhân dân, trên cơ sở chọn lọc các phương án hợp lý nhất, đảm bảo phù hợp với tinh thần, mục đích của chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính trên cả nước.

4.2. Nhập xã Đốc Tín vào xã Vạn Kim

Sau khi sắp xếp xã Đốc Tín và xã Vạn Kim, đơn vị hành chính sau sắp xếp mới đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên là 9,62 km² (đạt 45,81% so với tiêu chuẩn) theo quy định của đơn vị hành chính tương ứng.

Xã Đốc Tín là xã thuộc diện thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025, liền kề với xã Hùng Tiến và xã Vạn Kim. Do những khó khăn, bất lợi khi tiến hành sắp xếp các xã không giáp ranh, liền kề với nhau nên chỉ sắp xếp xã Đốc Tín với một trong hai xã là xã Hùng Tiến hoặc xã Vạn Kim.

Tiến hành sắp xếp xã Đốc Tín vào xã Vạn Kim là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm về vị trí địa lý, giao thông cũng như về phù hợp phát triển kinh tế, văn hóa- xã hội của 02 xã. Trên địa bàn 02 xã đều có tuyến đường tỉnh lộ 419 đi qua, sau khi tiến hành sáp nhập, toàn bộ ranh giới phía Đông và phía Nam của đơn vị hành chính mới được con sông Đáy bao bọc, từ đó, tập trung được những nguồn lực về giao thông và tự nhiên để phát triển giao thông, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế đồng bộ và đa dạng.

Đối với xã Hùng Tiến mặc dù là xã liền kề với xã Đốc Tín nhưng xã Hùng Tiến lại không mang những đặc điểm lợi thế như xã Vạn Kim. Địa giới hành chính của đơn vị hành chính mới sau sắp xếp không tạo được các khối liền kề, thống nhất mà bị chẻ ra nhiều hướng khác nhau, do đó, gây khó khăn trong việc tập trung nguồn lực phát triển cũng như trong việc xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của toàn vùng, phát huy sức mạnh vốn có của mỗi địa phương.

Ngoài ra, việc xã Đốc Tín sáp nhập vào xã Vạn Kim thành đơn vị hành chính mới nhận được sự ủng hộ, đồng thuận cao của Nhân dân, là điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính sau này.

Trên cơ sở đánh giá, cân nhắc và lựa chọn phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện, nhận thấy việc sắp xếp xã Đốc Tín và xã Vạn Kim là phù hợp với đặc điểm về vị trí địa lý, tự nhiên và con người, phát huy được những lợi thế, tập trung nguồn lực để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội. Do đó, mặc dù đơn vị hành chính sau sắp xếp chưa đảm bảo yêu cầu về diện tích tự nhiên nhưng vẫn đáp ứng tinh thần, mục đích của việc thực hiện sắp xếp.

5. Huyện Phú Xuyên

5.1. Nhập xã Tri Trung và xã Hồng Minh

Sau khi nhập xã Tri Trung và xã Hồng Minh thì đơn vị hành chính sau sắp xếp mới đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên (9,45 km², đạt 45,00% so với tiêu chuẩn) theo quy định của pháp luật.

Xã Tri Trung có phần lớn diện tích giáp với xã Hồng Minh, Phú Túc và Hoàng Long. Trong số các xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025, xã Tri

Trung không liền kề với bất kỳ xã nào nên không tiến hành thực hiện sắp xếp với các xã này. Với gần như toàn bộ ranh giới phía Bắc và phía Đông của xã Tri Trung tiếp giáp với xã Hồng Minh, việc nhập xã Hồng Minh vào xã Tri Trung tạo thành một khu vực liền mạch, không bị chia cắt. So với các xã Phú Túc và xã Hoàng Long, xã Hồng Minh có địa hình khá đặc biệt khi một phần diện tích phía Đông Nam bị kéo dài và xen kẹt giữa xã Tri Trung và xã Phụng Dực, do đó, khi tiến hành sắp xếp xã Tri Trung vào xã Hồng Minh sẽ tạo thành một vùng địa hình khá vuông vắn, đồng thời đơn vị hành chính mới thành lập sẽ tiếp giáp với hầu hết các xã khu vực phía Tây Bắc của huyện Phú Xuyên, từ đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc giao lưu, trao đổi kinh tế, văn hóa, xã hội. Đây chính là lợi thế là khi xã Tri Trung sắp xếp với xã Hồng Minh mà khi tiến hành sắp xếp với các xã liền kề khác không có được. Một mặt vừa giúp đơn vị hành chính mới đáp ứng được tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, tập trung nguồn lực, lợi thế để phát triển, một mặt vừa khắc phục được nhược điểm bị ngăn cách bởi địa hình của xã Hồng Minh, giúp xã tăng cường liên kết, trao đổi kinh tế - văn hóa với các xã khác, từ đó tạo động lực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của toàn vùng.

5.2. Nhập xã Đại Thắng và xã Văn Hoàng

Sau khi nhập xã Đại Thắng và xã Văn Hoàng thì đơn vị hành chính sau sắp xếp mới đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên (10,21 km², đạt 48,62% so với tiêu chuẩn) theo quy định của pháp luật.

Xã Đại Thắng liền kề với các xã Phụng Dực, Văn Hoàng, Tân Dân và Quang Trung. Trong số các xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025, xã Đại Thắng liền kề với xã Quang Trung nhưng xã Quang Trung đã tiến hành sắp xếp với xã Sơn Hà thành đơn vị hành chính mới. So với 03 xã còn lại có thể tiến hành sắp xếp với xã Đại Thắng gồm: Phụng Dực, Tân Dân và Văn Hoàng thì việc sắp xếp với xã Văn Hoàng là hợp lý nhất do xã Văn Hoàng có vị trí trung tâm khu vực phía Tây Bắc của huyện Phú Xuyên, trong khi xã Đại Thắng lại thuộc phía Đông của khu vực này. Do đó, khi sắp xếp xã Đại Thắng và xã Văn Hoàng sẽ tạo thành khu vực kết nối với trung tâm phía Tây Bắc của huyện với các xã còn lại trong cùng khu vực. Ngoài ra, xét về địa hình của các xã Phụng Dực và Tân Dân, nếu tiến hành sắp xếp với xã Đại Thắng sẽ dẫn đến đơn vị hành chính mới bị chia cắt, kéo dài, gây khó khăn trong việc tập trung nguồn lực phát triển cũng như trong công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn. Việc sắp xếp xã Đại Thắng và xã Văn Hoàng được Nhân dân trên địa bàn ủng hộ, từ đó tạo tư tưởng đồng thuận cao, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện sắp xếp.

5.3. Nhập xã Sơn Hà và xã Quang Trung

Sau khi nhập xã Sơn Hà và xã Quang Trung thì đơn vị hành chính sau sắp xếp mới đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên (7,93 km², đạt 37,76% so với tiêu chuẩn quy định) theo quy định của pháp luật.

Xã Sơn Hà và xã Quang Trung đều là các xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025, có vị trí địa lý liền kề nhau, thuận lợi cho việc thực hiện sắp xếp. Mặt khác, xã Quang Trung và xã Sơn Hà đều thuộc khu vực eo nối liền hai phía Đông - Tây của huyện Phú Xuyên, có những đặc điểm khá tương đồng về vị trí địa lý, điều kiện, đặc điểm tự nhiên cũng như điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Bên cạnh đó, nếu tiến hành sắp xếp hai xã Sơn Hà và Quang Trung vào một trong các xã khác liền kề sẽ dẫn đến đơn vị hành chính mới bị kéo dài, gây khó khăn trong việc tập trung nguồn lực phát triển cũng như trong công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, khó khăn trong quá trình thực hiện do phải giải quyết các vấn đề về chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ, công chức cũng như xử lý các vấn đề về tài sản công, trụ sở làm việc,... của các xã. Do đó, tiến hành sắp xếp xã Sơn Hà và Quang Trung là hợp lý, vừa phù hợp với các đặc điểm, tình hình khách quan của 02 xã. Việc tiến hành sắp xếp xã Sơn Hà vào xã Quang Trung nhận được sự ủng hộ của người dân trên địa bàn, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân, là điều kiện thuận lợi để thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã.

5.4. Nhập xã Nam Phong và xã Nam Triều

Sau khi nhập xã Nam Phong và xã Nam Triều thì đơn vị hành chính sau sắp xếp mới đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên (9,63 km² đạt 45,86% so với tiêu chuẩn) theo quy định của pháp luật.

Xã Nam Phong là xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025, xã có địa giới hành chính liền kề với thị trấn Phú Xuyên và các xã Nam Tiến, Nam Triều. Xét về vị trí địa lý, xã Nam Phong phù hợp để thực hiện sắp xếp với xã Nam Triều và thị trấn Phú Xuyên do phần lớn diện tích đều tiếp giáp với 02 đơn vị hành chính này. Xã Nam Tiến đã tiến hành sắp xếp giai đoạn 2019 - 2021 trên cơ sở sáp nhập xã Thụy Phú và xã Văn Nhân đã hoạt động ổn định tới nay, do đó, không tiến hành sắp xếp xã Nam Phong vào xã Nam Tiến.

Xét về nguồn lực để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội thì xã Nam Phong khi sắp xếp với thị trấn Phú Xuyên sẽ là điều kiện thuận lợi để tận dụng khai thác tối đa nguồn lực sẵn có của thị trấn Phú Xuyên, đặc biệt là lợi thế về hệ thống giao thông khi trên địa bàn thị trấn có tuyến quốc lộ 1A là tuyến giao thông huyết mạch của cả nước đi qua, bên cạnh đó còn có cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình. Tuy nhiên, nếu đặt trong tổng thể toàn khu vực của huyện Phú Xuyên, thì khi sắp xếp xã Nam Phong vào thị trấn Phú Xuyên mặc dù tạo động lực để phát triển kinh tế của xã Nam Phong nhưng lại ít có tác động, ảnh hưởng tới các khu vực phía Đông của huyện. Mặt khác, khi tiến hành sắp xếp xã Nam Phong vào xã Nam Triều, đơn vị hành chính mới vừa tiếp giáp với thị trấn Phú Xuyên, vừa tiếp giáp với các xã thuộc khu vực phía Đông của huyện, từ đó, tạo động lực phát triển cho không chỉ xã Nam Phong mà còn có hiệu ứng phát triển lan tỏa ra các xã phía Đông của huyện Phú Xuyên.

Bên cạnh đó, căn cứ vào lịch sử hình thành của các xã, tháng 02/1948 xã Nam Phong được thành lập trên cơ sở sáp nhập xã Nam Phú và 02 xã Phong Triều, Nam Quất. Đến tháng 6/1956 xã Nam Phong tách ra thành 02 xã: Nam Phong và Nam Triều như hiện nay. Đó là cơ sở để khẳng định 02 xã Nam Phong và Nam Triều có những đặc điểm tương đồng về lịch sử, văn hóa, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế, phong cách lối sống. Qua thăm dò việc tiến hành sắp xếp xã Nam Phong vào xã Nam Triều nhận được sự ủng hộ của người dân, tạo tâm lý ổn định, đồng thuận cao trong quá trình thực hiện sắp xếp. Do đó, việc tiến hành sắp xếp xã Nam Phong và xã Nam Triều là hợp lý trên cơ sở loại trừ những phương án không phù hợp và không đem lại hiệu quả như mục đích của việc sắp xếp đơn vị hành chính đã đặt ra.

6. Huyện Phúc Thọ

6.1. Nhập xã Thọ Lộc vào xã Tích Giang

Sau khi nhập xã Thọ Lộc vào xã Tích Giang thì đơn vị hành chính sau sắp xếp mới đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên (10,00 km² đạt 47,62% so với tiêu chuẩn) theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đây là 2 đơn vị hành chính phù hợp về vị trí địa lý. Phân bố dân cư tương đối tập trung (hiện tại chỉ phân cách bởi quốc lộ 32), thuận tiện cho công tác quản lý sau sáp nhập. Tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội, phát triển vùng hoa cây cảnh của địa phương trong những năm tiếp theo.

6.2. Nhập xã Thượng Cốc vào xã Long Xuyên

Sau khi nhập xã Thượng Cốc vào xã Long Xuyên thì đơn vị hành chính sau sắp xếp mới đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên (10,04 km² đạt 47,81% so với tiêu chuẩn) theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đây là 2 đơn vị hành chính phù hợp về vị trí địa lý. Phù hợp với quy hoạch vùng đô thị sinh thái, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong những năm tiếp theo.

6.3. Nhập xã Vân Hà vào xã Vân Nam

Sau khi nhập xã Vân Hà vào xã Vân Nam thì đơn vị hành chính sau sắp xếp mới đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên (11,39 km² đạt 54,24% so với tiêu chuẩn) theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đây là 2 đơn vị hành chính phù hợp về vị trí địa lý. Tương đồng về phong tục tập quán, truyền thống văn hóa, lịch sử (trước đây đều thuộc tổng Vân Cốc). Tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong những năm tiếp theo.

6.4. Nhập xã Phúc Hòa vào thị trấn Phúc Thọ

Sau khi nhập xã Phúc Hòa vào thị trấn Phúc Thọ thì đơn vị hành chính sau sắp xếp mới đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên (7,86 km² đạt 56,14% so với tiêu chuẩn) theo quy định của pháp luật. Tuy

nhiên đây là 2 đơn vị hành chính phù hợp về vị trí địa lý. Tương đồng về phong tục tập quán, truyền thống văn hóa, lịch sử (trước đây đều thuộc tổng Lạc Trị). Tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong những năm tiếp theo.

7. Huyện Quốc Oai

7.1. Nhập xã Phượng Cách và xã Yên Sơn

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính mới có diện tích tự nhiên 6,97 km² đạt 33,19% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 15.366 người đạt 192,07% so với tiêu chuẩn, như vậy đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Tuy nhiên đối với 2 xã Phượng Cách, Yên Sơn từ những năm 1955 - 1956 hai xã được tách ra bởi hai xã nhập vào hiện nay, vì vậy phương án sáp nhập các xã nêu trên sẽ thuận lợi trong công tác quản lý, sinh hoạt, phù hợp về vị trí địa lý, phong tục, tập quán, văn hoá của các địa phương.

Để đảm bảo thực hiện đúng với quy định tại Điều 4, Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15, các xã sau sắp xếp trên không thể sáp nhập với một xã khác, lý do nếu sáp nhập vào các xã khác sẽ ảnh hưởng đến yếu tố lịch sử, đời sống văn hoá, địa giới hành chính, giao thông không thuận lợi, khó khăn cho người dân trong việc đi lại. Vì vậy, việc hợp nhất 02 xã Phượng Cách và xã Yên Sơn là phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong những năm tiếp theo.

7.2. Nhập xã Tân Hòa và xã Cộng Hòa

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính mới có diện tích tự nhiên 8,31 km² đạt 39,57% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 15.484 người đạt 193,55% so với tiêu chuẩn, như vậy đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Tuy nhiên đối với 2 xã Tân Hòa, Cộng Hòa từ những năm 1955 - 1956 hai xã được tách ra bởi hai xã nhập vào hiện nay, vì vậy phương án sáp nhập các xã nêu trên sẽ thuận lợi trong công tác quản lý, sinh hoạt, phù hợp về vị trí địa lý, phong tục, tập quán, văn hoá của các địa phương.

Để đảm bảo thực hiện đúng với quy định tại Điều 4, Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15, các xã sau sắp xếp trên không thể sáp nhập với một xã khác, lý do nếu sáp nhập vào các xã khác sẽ ảnh hưởng đến yếu tố lịch sử, đời sống văn hoá, địa giới hành chính, giao thông không thuận lợi, khó khăn cho người dân trong việc đi lại. Vì vậy, việc hợp nhất 02 xã Tân Hòa và xã Cộng Hòa là phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội của địa

phương trong những năm tiếp theo.

7.3. Nhập xã Đại Thành và xã Tân Phú

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính mới có diện tích tự nhiên 5,60 km² đạt 26,67% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 13.258 người đạt 165,72% so với tiêu chuẩn, như vậy đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Tuy nhiên đối với 2 xã từ những năm 1955 - 1956 hai xã được tách ra bởi 01 xã nhập vào hiện nay, vì vậy phương án sáp nhập các xã nêu trên sẽ thuận lợi trong công tác quản lý, sinh hoạt, phù hợp về vị trí địa lý, phong tục, tập quán, văn hoá của các địa phương.

Để đảm bảo thực hiện đúng với quy định tại Điều 4, Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15, các xã sau sắp xếp trên không thể sáp nhập với một xã khác, lý do nếu sáp nhập vào các xã khác sẽ ảnh hưởng đến yếu tố lịch sử, đời sống văn hoá, địa giới hành chính, giao thông không thuận lợi, khó khăn cho người dân trong việc đi lại. Vì vậy, việc hợp nhất 02 xã Đại Thành và xã Tân Phú là phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong những năm tiếp theo.

7.4. Nhập xã Nghĩa Hương và xã Liệp Tuyết

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính mới có diện tích tự nhiên 7,60 km² đạt 36,19% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 13.895 người đạt 173,69% so với tiêu chuẩn, như vậy đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số, nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Tuy nhiên đối với 2 xã Liệp Tuyết, Nghĩa Hương cùng nằm trên một dải đất ven sông tích, vì vậy phương án sáp nhập hai xã nêu trên sẽ thuận lợi trong công tác quản lý, sinh hoạt, phù hợp về vị trí địa lý của các địa phương.

Để đảm bảo thực hiện đúng với quy định tại Điều 4, Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15, các xã sau sắp xếp trên không thể sáp nhập với một xã khác, lý do nếu sáp nhập vào các xã khác sẽ ảnh hưởng đến yếu tố lịch sử, đời sống văn hoá, địa giới hành chính, giao thông không thuận lợi, khó khăn cho người dân trong việc đi lại. Vì vậy, việc hợp nhất 02 xã Liệp Tuyết và xã Nghĩa Hương là phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong những năm tiếp theo.

7.5. Nhập xã Thạch Thán vào thị trấn Quốc Oai

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính mới có diện tích tự nhiên 7,18 km² đạt 51,29% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 22.850 người đạt 285,63% so với tiêu chuẩn, như vậy đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp đạt

tiêu chuẩn về quy mô dân số, nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Tuy nhiên đối với xã Thạch Thán và thị trấn Quốc Oai là hai đơn vị trung tâm của huyện, vì vậy phương án sáp nhập hai đơn vị nêu trên sẽ thuận lợi trong công tác quản lý, sinh hoạt, phù hợp về vị trí địa lý với không gian quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Quốc Oai đã được huyện phê duyệt.

Để đảm bảo thực hiện đúng với quy định tại Điều 4, Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15, các xã sau sắp xếp trên không thể sáp nhập với một xã khác, lý do nếu sáp nhập vào các xã khác sẽ ảnh hưởng đến địa giới hành chính, giao thông không thuận lợi, khó khăn cho người dân trong việc đi lại. Vì vậy, việc hợp nhất xã Thạch Thán và thị trấn Quốc Oai là phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong những năm tiếp theo.

8. Huyện Thạch Thất

8.1. Nhập xã Dị Nậu và xã Canh Nậu

Sau sắp xếp thì ĐVHC mới có diện tích tự nhiên 8,26 km² (đạt 39,33% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 24.670 người (đạt 308,38% so với tiêu chuẩn). Tuy nhiên năm 1945 Cách mạng tháng 8 thành công xã Canh Nậu, xã Dị Nậu chung 01 xã gọi là xã Lam Sơn (*theo Địa chí huyện Thạch Thất và lịch sử Đảng bộ 2 xã*).

8.2. Nhập xã Chàng Sơn và xã Thạch Xá

Sau sắp xếp thì ĐVHC mới có diện tích tự nhiên 6,14 km² (đạt 29,42% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 19.526 người (đạt 244,08% so với tiêu chuẩn). Tuy nhiên năm 1945 Cách mạng tháng 8 thành công xã Chàng Sơn, xã Thạch là 01 xã gọi là xã Thạch Xá (*theo Địa chí huyện Thạch Thất và lịch sử Đảng bộ 2 xã*).

8.3. Nhập xã Hữu Bằng và xã Bình Phú

Sau sắp xếp thì ĐVHC mới có diện tích tự nhiên 6,84 km² (đạt 32,57% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 31.271 người (đạt 390,89% so với tiêu chuẩn). Tuy nhiên năm 1945 Cách mạng tháng 8 thành công xã Hữu Bằng, xã Bình Phú là 01 xã gọi là xã Quang Trung (*theo Địa chí huyện Thạch Thất và lịch sử Đảng bộ 2 xã*).

9. Huyện Thanh Oai

9.1. Nhập xã Xuân Dương và xã Cao Dương

Sau sắp xếp thì ĐVHC mới có diện tích tự nhiên 8,17 km² (đạt 38,90% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 19.373 người (đạt 242,16% so với tiêu chuẩn). Trong thời gian tới các Cụm công nghiệp trên địa bàn xã được triển khai thực hiện thì quy mô dân số sẽ tăng nên đảm bảo đạt 300% so với tiêu chuẩn quy

định. Ngoài ra, về lịch sử hình thành thì xã Cao Dương và xã Xuân Dương được tách ra từ xã Cao Xuân Dương.

9.2. Nhập xã Kim An, xã Kim Thụ và thị trấn Kim Bài

Sau khi thực hiện sắp xếp, đơn vị hành chính mới có diện tích tự nhiên là 10,35 km², đạt 79,93% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 18.394 người, đạt 229,93% so với tiêu chuẩn. Như vậy, đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 quy định: *“Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thì đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên”*. Đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp trên cơ sở nhập 03 đơn vị hành chính cấp xã (xã Kim An, xã Kim Thụ và thị trấn Kim Bài), thuộc trường hợp không xét đến tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số sau sắp xếp theo quy định trên.

10. Huyện Thường Tín

10.1. Nhập xã Hòa Bình và xã Hiền Giang

Huyện Thường Tín được Thành ủy Hà Nội nhất trí chủ trương, định hướng đưa vào là một trong những huyện quy hoạch xây dựng thành quận của Thủ đô giai đoạn 2026 - 2030 theo Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 về *“Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025”* và Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 về *“Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021 - 2025”* của Thành ủy Hà Nội khóa XVII. Theo đó, huyện Thường Tín đang tập trung rà soát, xây dựng các tiêu chí để xã thành một phường của quận Thường Tín theo định hướng chủ trương và quy hoạch của Thành ủy Hà Nội.

10.2. Nhập xã Hà Hồi và xã Liên Phương

Huyện Thường Tín được Thành ủy Hà Nội nhất trí chủ trương, định hướng đưa vào là một trong những huyện quy hoạch xây dựng thành quận của Thủ đô giai đoạn 2026 - 2030 theo Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 về *“Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025”* và Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 về *“Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng*

cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021 - 2025” của Thành ủy Hà Nội khóa XVII. Theo đó, huyện Thường Tín đang tập trung rà soát, xây dựng các tiêu chí để xã thành một phường của quận Thường Tín theo định hướng chủ trương và quy hoạch của Thành ủy Hà Nội.

10.3. Nhập xã Thư Phú và xã Chương Dương

Huyện Thường Tín được Thành ủy Hà Nội nhất trí chủ trương, định hướng đưa vào là một trong những huyện quy hoạch xây dựng thành quận của Thủ đô giai đoạn 2026 - 2030 theo Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 về *“Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025”* và Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 về *“Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021 - 2025”* của Thành ủy Hà Nội khóa XVII. Theo đó, huyện Thường Tín đang tập trung rà soát, xây dựng các tiêu chí để xã thành một phường của quận Thường Tín theo định hướng chủ trương và quy hoạch của Thành ủy Hà Nội.

10.4. Nhập xã Vạn Diêm và xã Thống Nhất

Huyện Thường Tín được Thành ủy Hà Nội nhất trí chủ trương, định hướng đưa vào là một trong những huyện quy hoạch xây dựng thành quận của Thủ đô giai đoạn 2026 - 2030 theo Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 về *“Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025”* và Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 về *“Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021 - 2025”* của Thành ủy Hà Nội khóa XVII. Theo đó, huyện Thường Tín đang tập trung rà soát, xây dựng các tiêu chí để xã thành một phường của quận Thường Tín theo định hướng chủ trương và quy hoạch của Thành ủy Hà Nội.

10.5. Nhập xã Văn Phú và thị trấn Thường Tín

Huyện Thường Tín được Thành ủy Hà Nội nhất trí chủ trương, định hướng đưa vào là một trong những huyện quy hoạch xây dựng thành quận của Thủ đô giai đoạn 2026 - 2030 theo Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 về *“Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025”* và Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 về *“Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021 - 2025”* của Thành ủy Hà Nội khóa XVII. Theo đó, huyện Thường Tín đang tập trung rà soát, xây dựng các tiêu chí để thị trấn thành một phường của quận Thường Tín theo định hướng chủ trương và quy hoạch của Thành ủy Hà Nội.

11. Huyện Ứng Hòa

11.1. Nhập xã Viên Nội, xã Viên An và xã Hoa Sơn

Sau khi thực hiện sắp xếp, đơn vị hành chính mới có diện tích tự nhiên là 15,90 km², đạt 75,71% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 22.149 người, đạt 276,86% so với tiêu chuẩn. Như vậy, đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 quy định: “*Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thì đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên*”. Đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp trên cơ sở nhập 03 đơn vị hành chính cấp xã (xã Viên Nội, Viên An và Hoa Sơn), thuộc trường hợp không xét đến tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số sau sắp xếp theo quy định trên. Do đó, việc sắp xếp 03 xã nêu trên thành đơn vị hành chính cấp xã mới vẫn đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

11.2. Nhập xã Cao Thành, xã Sơn Công và xã Đồng Tiến

Sau khi thực hiện sắp xếp, đơn vị hành chính mới có diện tích tự nhiên là 16,56 km², đạt 78,86% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 22.794 người, đạt 284,93% so với tiêu chuẩn. Như vậy, đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 quy định: “*Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thì đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên*”. Đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp trên cơ sở nhập 03 đơn vị hành chính cấp xã (xã Cao Thành, Sơn Công, xã Đồng Tiến), thuộc trường hợp không xét đến tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số sau sắp xếp theo quy định trên. Do đó, việc sắp xếp 03 xã nêu trên thành đơn vị hành chính cấp xã mới vẫn đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

11.3. Nhập xã Hòa Xá, xã Vạn Thái và xã Hòa Nam

Sau khi thực hiện sắp xếp, đơn vị hành chính mới có diện tích tự nhiên là 12,41 km², đạt 59,10% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 31.177 người, đạt 389,71% so với tiêu chuẩn. Như vậy, đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 quy định: “*Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thì đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên*”. Đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp trên cơ sở nhập 03 đơn vị hành chính cấp xã (xã Hòa Xá, xã Vạn Thái, xã Hòa Nam), thuộc trường hợp không xét đến tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số sau sắp xếp theo quy định trên. Do đó, việc sắp xếp 03 xã nêu trên thành đơn vị hành chính cấp xã mới vẫn đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

11.4. Nhập xã Lưu Hoàng, xã Hồng Quang và xã Đội Bình

Sau khi thực hiện sắp xếp, đơn vị hành chính mới có diện tích tự nhiên là 16,98 km², đạt 80,86% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 24.439 người, đạt 305,49% so với tiêu chuẩn. Như vậy, đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 quy định: “*Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thì đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên*”. Đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp trên cơ sở nhập 03 đơn vị hành chính cấp xã (xã Lưu Hoàng, xã Hồng Quang, xã Đội Bình), thuộc trường hợp không xét đến tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số sau sắp xếp theo quy định trên. Do đó, việc sắp xếp 03 xã nêu trên thành đơn vị hành chính cấp xã mới vẫn đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

11.5. Nhập xã Trầm Lộng và xã Hòa Lâm

Sau khi thực hiện sắp xếp, đơn vị hành chính mới có diện tích tự nhiên là 16,66 km² đạt 79,33% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 13.322 người, đạt

166,53% so với tiêu chuẩn. Như vậy, đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 quy định “*Đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng, tiêu chuẩn còn lại phải đạt từ 70% trở lên tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính*”. Đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp trên cơ sở nhập 02 đơn vị hành chính cấp xã (Trầm Lộng, Hoà Lâm) thuộc trường hợp quy mô dân số đạt trên 100% và diện tích đạt trên 70% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng. Do đó, với những yếu tố đặc thù về văn hóa, lịch sử địa phương (Hoà lâm và Trầm Lộng trước năm 1945 thuộc Tổng Trầm Lộng, trong suốt thời gian gần 4 năm (1942-1945) được chọn làm ATK của Xứ ủy Bắc Kỳ, đã nuôi giấu và bảo vệ an toàn cho nhiều cán bộ lãnh đạo cấp cao của Trung ương, Xứ ủy và Tỉnh ủy Hà Đông) việc sắp xếp 02 xã nêu trên thành đơn vị hành chính cấp xã mới vẫn đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

12. Huyện Gia Lâm

Sau thực hiện sắp xếp, điều chỉnh đơn vị hành chính theo phương án nêu trên, huyện Gia Lâm có 07 ĐVHC cấp xã dự kiến hình thành nhưng không đạt về diện tích tự nhiên, quy mô dân số theo quy định tại khoản 1, Điều 4, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15, cụ thể:

- Xã Thiên Đức: diện tích tự nhiên: 5,78 km² (đạt 27,52% so với quy định), quy mô dân số: 18.848 người (đạt 235,6% so với quy định).

- Xã Bát Tràng: diện tích tự nhiên: 5,42 km² (đạt 25,81% so với quy định); quy mô dân số: 15.566 người (đạt 194,57% so với quy định).

- Xã Kim Đức: diện tích tự nhiên: 9,40 km² (đạt 44,76% so với quy định), quy mô dân số: 15.129 người (đạt 189,11% so với quy định).

- Thị trấn Trâu Quỳ: diện tích tự nhiên: 7,16 km² (đạt 51,14% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số: 21.667 người (đạt 270,84% so với tiêu chuẩn).

- Xã Đa Tốn: diện tích tự nhiên: 7,43 km² (đạt 35,38% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số: 19.884 người (đạt 248,55% so với tiêu chuẩn).

- Xã Kiêu Kỵ: diện tích tự nhiên: 5,88 km² (đạt 27,94% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số: 13.856 người (đạt 173,20% so với tiêu chuẩn).

- Xã Dương Xá: diện tích tự nhiên: 4,94 km² (đạt 23,76% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số: 14.787 người (đạt 184,83% so với tiêu chuẩn).

Huyện Gia Lâm là một trong năm huyện của thành phố Hà Nội dự kiến lên quận (nằm trong khu vực dự kiến mở rộng nội đô) theo quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030. Ngày 08/12/2023, tại kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. UBND Thành phố sẽ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đồ án báo cáo Bộ Xây dựng, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Do đó, việc nhập các đơn vị hành chính cấp xã để định hướng trở thành đơn vị hành chính phường là phù hợp về vị trí địa lý, thuận lợi giao thông đi lại và phù hợp nguồn gốc lịch sử văn hóa. Từ đó, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân và dư luận xã hội trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

13. Quận Cầu Giấy

13.1. Điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Yên Hòa và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số phường Dịch Vọng vào phường Quan Hoa

Phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường Yên Hòa dự kiến điều chỉnh sang phường Quan Hoa nằm dọc theo bờ sông Tô Lịch, là khu vực dân cư đã hình thành từ lâu đời, cùng thời gian hình thành khu vực dân cư phường Quan Hoa (trước đây là thị trấn Cầu Giấy, huyện Từ Liêm cũ). Phần diện tích tự nhiên của phường Dịch Vọng dự kiến điều chỉnh sang phường Quan Hoa chủ yếu là diện tích đất đã có quyết định giải phóng mặt bằng để xây dựng đường Nguyễn Văn Huyền kéo dài. Đường ĐGHG sau điều chỉnh đi theo tim ngõ 381 Nguyễn Khang và tim đường Nguyễn Văn Huyền giúp dễ dàng xác định trên thực địa, thuận tiện cho công tác quản lý hành chính và đời sống sinh hoạt của Nhân dân sau này.

13.2. Điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Nghĩa Đô, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số phường Dịch Vọng và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số phường Dịch Vọng Hậu vào phường Nghĩa Tân

Các khu vực dự kiến được điều chỉnh đều tiếp giáp với các khu dân cư hiện hữu của phường Nghĩa Tân, với hệ thống đường, ngõ giao thông đi lại thuận tiện và các khu dân cư tại đây đã có thời gian do phường Nghĩa Tân quản lý về hành

chính, vì vậy phương án điều chỉnh ĐGHG ít dẫn đến xáo trộn trong sinh hoạt của nhân dân các phường có liên quan.

14. Quận Ba Đình

Sau khi sắp xếp, phường Trúc Bạch không đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số và diện tích của đơn vị hành chính tương ứng. Tuy nhiên, cơ sở và lý do của việc sắp xếp 02 phường Nguyễn Trung Trực và phường Trúc Bạch vì 02 phường có diện tích tự nhiên nhỏ và quy mô dân số ít, 02 phường có địa giới hành chính liền kề, không thể sáp nhập vào đơn vị hành chính khác. Không phải là phường trọng điểm về an ninh quốc phòng, không có di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận hoặc có di sản văn hóa vật thể được xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt. Đơn vị hành chính cùng cấp liền kề 02 phường Nguyễn Trung Trực, Trúc Bạch thuộc quận là phường Quán Thánh, Phúc Xá đều là phường trọng điểm về an ninh quốc phòng không thuộc trường hợp sắp xếp.

15. Quận Đống Đa

15.1. Nhập phường Khâm Thiên và phường Trung Phụng

Việc nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số phường Khâm Thiên và phường Trung Phụng tạo tâm lý đồng nhất, không tạo sự phân tán tư tưởng trong Nhân dân. Có yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa liên quan đến nhau. Việc sáp nhập phù hợp với địa giới hiện tại nằm trong ô quy hoạch H và các tuyến giao thông xung quanh (Khâm Thiên, đường nối ngõ Thiên Hùng, Xã Đàn) thuận lợi trong quá trình thực hiện đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và trong công tác quản lý sau này.

15.2. Nhập một phần phường Ngã Tư Sở vào phường Khương Thượng

Việc nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số phường Ngã Tư Sở vào phường Khương Thượng tạo tâm lý đồng nhất, không tạo sự phân tán tư tưởng trong Nhân dân. Phường Khương Thượng và một phần của phường Ngã Tư Sở có yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa cùng hình thành lên từ làng Khương Thượng cũ liên quan đến nhau. Việc nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số phường Ngã Tư Sở vào phường Khương Thượng phù hợp với địa giới hiện tại nằm trong ô quy hoạch J và các tuyến giao thông xung quanh (Tây Sơn, Chùa Bộc, Tôn Thất Tùng, Trường Chinh) thuận lợi trong quá trình thực hiện đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và trong công tác quản lý sau này.

15.3. Nhập một phần Ngã Tư Sở vào phường Thịnh Quang

Việc nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số phường Ngã Tư Sở vào phường Thịnh Quang tạo tâm lý đồng nhất, không tạo sự phân tán tư tưởng trong Nhân dân. Phường Thịnh Quang và một phần của phường Ngã Tư Sở có yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa cùng hình thành lên từ làng Thịnh Quang và làng Sở cũ liên quan đến nhau. Việc nhập một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số phường Ngã Tư Sở vào phường Thịnh Quang phù hợp với

địa giới hiện tại nằm trong ô quy hoạch D và các tuyến giao thông xung quanh (Láng Hạ, Thái Hà, Tây Sơn và đường Láng) thuận lợi trong quá trình thực hiện đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và trong công tác quản lý sau này.

15.4. Nhập phường Quốc Tử Giám và phường Văn Miếu

Việc nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số phường Quốc Tử Giám và phường Văn Miếu tạo tâm lý đồng nhất, không tạo sự phân tán tư tưởng trong Nhân dân. Phường Quốc Tử Giám và phường Văn Miếu có cụm Di tích Quốc gia đặc biệt Khu Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Có yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng liên quan đến nhau. Đều là 02 phường trọng điểm về quốc phòng. Việc nhập phường Văn Miếu và phường Quốc Tử Giám phù hợp với địa giới hiện tại và trong công tác quản lý sau này.

15.5. Nhập một phần phường Trung Tự vào phường Phương Liên

Sau khi nhập, phường đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật xã hội theo định hướng, quy hoạch, ranh giới phường là các tuyến đường giao thông, thuận tiện cho công tác quản lý.

15.6. Nhập một phần phường Trung Tự vào phường Kim Liên

Sau khi nhập, phường đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế xã hội theo định hướng, quy hoạch, ranh giới phường là các tuyến đường giao thông, thuận tiện cho công tác quản lý.

16. Quận Hà Đông

Theo khoản 1, Điều 4 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 quy định “Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thì đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên”. Do đó, việc nhập 03 phường của quận Hà Đông không áp dụng tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số sau khi thành lập.

17. Quận Hai Bà Trưng

17.1. Nhập phường Đồng Nhân và phường Đồng Mác

- Diện tích tự nhiên 0,30 km² (đạt 5,45% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 18.109 người (đạt 120,73% so với tiêu chuẩn).

Sau khi nhập, phường đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật xã hội theo định hướng, quy hoạch, ranh giới phường là các tuyến đường giao thông, thuận tiện cho công tác quản lý.

17.2. Nhập một phần phường Cầu Dền vào phường Bách Khoa

- Diện tích tự nhiên 0,66 km² (đạt 12,00% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 20.773 người (*đạt 138,45% so với tiêu chuẩn*).

Sau khi nhập, phường đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật xã hội theo định hướng, quy hoạch, ranh giới phường là các tuyến đường giao thông, thuận tiện cho công tác quản lý.

17.3. Nhập một phần phường Cầu Dền vào phường Thanh Nhàn

- Diện tích tự nhiên 0,77 km² (*đạt 14,00% so với tiêu chuẩn*).
- Quy mô dân số 22.899 người (*đạt 152,66% so với tiêu chuẩn*).

Sau khi nhập, phường đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật xã hội theo định hướng, quy hoạch, ranh giới phường là các tuyến đường giao thông, thuận tiện cho công tác quản lý.

17.4. Nhập phường Quỳnh Lôi và phường Bạch Mai

- Diện tích tự nhiên 0,51 km² (*đạt 9,27% so với tiêu chuẩn*).
- Quy mô dân số 28.948 người (*đạt 192,99% so với tiêu chuẩn*).

Sau khi nhập, phường đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật xã hội theo định hướng, quy hoạch, ranh giới phường là các tuyến đường giao thông, thuận tiện cho công tác quản lý.

18. Quận Long Biên

18.1. Nhập một phần phường Sài Đồng vào phường Phúc Đồng

Sau khi thực hiện sắp xếp, đơn vị hành chính mới có diện tích tự nhiên là 4,65 km² đạt 84,55% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 21.689 người, đạt 144,59% so với tiêu chuẩn. Như vậy, đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số nhưng chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 quy định “Đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng, tiêu chuẩn còn lại phải đạt từ 70% trở lên tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính”. Đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp thuộc trường hợp quy mô dân số đạt trên 100% và diện tích đạt trên 70% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng vẫn đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

19. Quận Thanh Xuân

19.1. Nhập phường Thanh Xuân Bắc và phường Thanh Xuân Nam

Sau sắp xếp ĐVHC mới có diện tích tự nhiên 0,80 km² (đạt 14,55% theo quy định), quy mô dân số 33.953 người (đạt 266,35% theo quy định).

- Phường Thanh Xuân Bắc và phường Thanh Xuân Nam trước đây là 01 phường thuộc quận Đống Đa, năm 1997, thực hiện Nghị định số 74/CP ngày 22/11/1996 của Chính phủ đã tách thành 02 phường thuộc quận Thanh Xuân. Phường có đặc thù là các khu chung cư cũ được xây dựng từ những năm 1980 của thế kỷ 20. Nhân dân có nhiều yếu tố lịch sử, văn hóa tương đồng. Hiện nay, Ủy ban nhân dân quận đang triển khai thực hiện Đề án xây dựng, cải tạo lại chung cư cũ. Dự kiến dân số phường Thanh Xuân Bắc sau khi cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ khoảng 48.000 người.

Do đó, nếu nhập thêm với 01 ĐVHC khác liền kề khác, dân số của ĐVHC cấp xã mới sẽ vào khoảng 50.000 người, trong khi đó diện tích đô thị quá thấp gây áp lực lớn và quá tải với hệ thống hạ tầng của ĐVHC như hiện tại.

19.2. Nhập phường Hạ Đình và phường Kim Giang

Sau sắp xếp ĐVHC mới có diện tích tự nhiên 0,93 km² (đạt 16,91% theo quy định), quy mô dân số 34.651 người (đạt 231,01% theo quy định).

- Phường Kim Giang và phường Hạ Đình có địa giới hành chính liền kề giáp nhau và cùng nằm trên trục đường Khương Đình. Phường Kim Giang có đặc thù là các khu chung cư cũ xây dựng từ những năm 1980 của thế kỷ 20. Hiện nay, Ủy ban nhân dân quận đang triển khai thực hiện Đề án xây dựng, cải tạo lại chung cư cũ. Dự kiến dân số của phường sau cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ khoảng 46.000 người.

Do đó, nếu nhập thêm với 01 ĐVHC khác liền kề khác, dân số của ĐVHC cấp xã mới sẽ vào khoảng 50.000 người, trong khi đó diện tích đô thị quá thấp gây áp lực lớn và quá tải với hệ thống hạ tầng của ĐVHC như hiện tại.

20. Thị xã Sơn Tây

Theo khoản 1, Điều 4 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 quy định “Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thì đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên”. Do đó, việc nhập 03 phường của thị xã Sơn Tây không áp dụng tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số sau khi thành lập.

VI. SỐ LƯỢNG CÁC ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã trước khi sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện: 30 đơn vị, gồm: 12 quận, 17 huyện, 01 thị xã.

b) ĐVHC cấp xã: 579 đơn vị, gồm: 383 xã, 175 phường, 21 thị trấn.

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện: 30 đơn vị, gồm: 12 quận, 17 huyện, 01 thị xã.

b) ĐVHC cấp xã: 518 đơn vị, gồm: 337 xã, 160 phường, 21 thị trấn.

3. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giảm do sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện: 0 đơn vị.

b) ĐVHC cấp xã: 61 đơn vị, gồm: 46 xã, 15 phường, 0 thị trấn.

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính sẽ tạo ra sự thay đổi tích cực, tinh giản bộ máy, biên chế, tăng quy mô về diện tích tự nhiên, dân số của đơn vị hành chính, khắc phục tình trạng đơn vị hành chính cấp xã không đạt tiêu chuẩn về quy mô dân số và diện tích tự nhiên theo quy định, nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy hành chính nhà nước.

- Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã. Để thực hiện tốt nhiệm vụ ở đơn vị hành chính mới sau sắp xếp yêu cầu mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải tự ý thức và thường xuyên trau dồi kiến thức, kỹ năng, nâng cao trình độ. Đối với những người không đủ điều kiện tiêu chuẩn, không đáp ứng được yêu cầu công việc sẽ phải thực hiện chính sách tinh giản theo lộ trình sắp xếp cán bộ, công chức của đơn vị hành chính mới.

- Tạo thuận lợi trong việc huy động nguồn lực xã hội, hạ tầng kỹ thuật; đồng thời có điều kiện để đổi mới chế độ, chính sách, điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội thực hiện theo phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã với đơn vị hành chính cấp xã trong cùng đơn vị hành chính cấp huyện, do đó về mô hình quản lý tại các địa phương sắp xếp cơ bản không có sự thay đổi, đảm bảo sự ổn định về mô hình quản lý của đơn vị hành chính nông thôn và đô thị trước khi sắp xếp.

1.2. Tác động tiêu cực

- Việc sắp xếp ĐVHC là một chủ trương đúng đắn, tuy nhiên có tác động đến tâm tư, tình cảm của cán bộ, công chức, người lao động đang làm việc tại những vị trí đã ổn định trong suốt quá trình công tác.

- Bộ máy cơ quan nhà nước tại đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp sẽ phải mất một thời gian nhất định để ổn định tổ chức và đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính trên địa bàn có diện tích lớn hơn và đông dân cư hơn so với trước đây.

1.3. Giải pháp

Tiếp tục đổi mới phương thức tổ chức công việc và lề lối làm việc của UBND cấp xã theo hướng công khai, rõ ràng, đơn giản hóa thủ tục, lập quy trình một cửa. Xây dựng và ban hành đầy đủ, kịp thời các quy chế, đảm bảo phát huy dân chủ, sáng kiến, sáng tạo và làm cho hệ thống cơ quan quản lý hành chính của các xã, phường, thị trấn hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu xây dựng và phát triển. Sau khi kiện toàn lại bộ máy tổ chức cần tiến hành sắp xếp lại đội ngũ cán bộ hiện có phù hợp về trình độ, năng lực chuyên môn. Cùng với ổn định tổ chức bộ máy, cấp ủy tăng cường công tác cán bộ đi cơ sở, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân để kịp thời giải quyết những phát sinh, vướng mắc sau khi tiến hành hợp nhất.

Để tháo gỡ khó trong việc giải bài toán cán bộ, công chức cấp xã dôi dư sau điều chỉnh, sắp xếp, các quận, huyện cần xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện một cách cụ thể, có phương án sắp xếp linh hoạt, khách quan, thận trọng nhân văn, vừa đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, công chức vừa phù hợp với năng lực, sở trường, vị trí công việc. Dựa trên năng lực của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư của các cơ quan, tổ chức do sắp xếp ĐVHC cấp xã sẽ được xem xét tuyển dụng, điều động hoặc luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị theo yêu cầu nhiệm vụ. Bên cạnh đó, cần làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và động viên cán bộ, công chức có thời gian công tác đủ điều kiện nghỉ bảo hiểm xã hội nghỉ hưu trước tuổi để củng cố bộ máy hành chính. Đồng thời, linh hoạt vận dụng các chính sách của Trung ương và địa phương để giải quyết quyền lợi cho nhân sự cấp xã sau khi sắp xếp nhằm đảm bảo lợi ích các bên, tạo sự thống nhất cao trong xã hội.

Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền và triển khai việc chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện các thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ và không thu các loại phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi do thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

2. Tác động về kinh tế - xã hội

2.1. Tác động tích cực

- Tạo điều kiện tập trung khai thác các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung đầu tư mở rộng sản xuất theo hướng hiện đại, phát huy có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo chính quyền hoạt động hiệu lực hiệu quả, người dân được hưởng lợi hơn, doanh nghiệp phát triển, sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm cho người dân, tác động mạnh đối sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần nâng cao thu nhập và mức sống của người dân.

- Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi được tập trung hơn, hạn chế việc đầu tư xây dựng dàn trải so với nhu cầu sử dụng.

- Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã góp phần giảm ngân sách nhà nước cho việc xây dựng công sở, mua sắm trang thiết bị; tổ chức bộ máy được tinh gọn, biên chế tinh giản; tiết kiệm chi thường xuyên,... Các nguồn lực này sẽ được tập trung cho đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế.

- Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã còn góp phần tăng nguồn lực, tiềm năng, hiệu quả đầu tư kinh tế của các địa phương, từ đó tạo điều kiện để đầu tư phát triển giáo dục, y tế, văn hóa,... phục vụ người dân; đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết việc làm.

2.2. Tác động tiêu cực

Trong giai đoạn đầu sau khi sắp xếp đơn vị hành chính sẽ có các xáo trộn, khó khăn trong quá trình người dân, doanh nghiệp đến liên hệ công tác. Người dân và các doanh nghiệp sẽ mất thêm thời gian chuyển đổi một số giấy tờ có liên quan từ đơn vị hành chính cũ sang đơn vị hành chính mới.

2.3. Giải pháp

Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, tổ chức, đơn vị xác định danh sách trụ sở, tài sản công “giữ lại tiếp tục sử dụng” của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau khi sắp xếp ĐVHC thì phải xác định cụ thể tiêu chuẩn, định mức sử dụng đối với trụ sở, tài sản công làm căn cứ để thực hiện bố trí, đầu tư, xây dựng, nâng cấp đối với trụ sở làm việc được lựa chọn là nơi làm việc của đơn vị hành chính sau sắp xếp.

Việc sắp xếp trụ sở, tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Chính quyền địa phương các cấp lập danh sách và đánh giá hiện trạng, tình hình sử dụng các trụ sở công ở các đơn vị hành chính. Đồng thời, việc quản lý - sử dụng tài sản nhà đất công của các đơn vị hành chính sau khi sáp nhập cần phải thực hiện một cách công khai, minh bạch, đúng luật, để không xảy ra thất thoát, lãng phí.

Đối với các công trình được hình thành từ tiền hỗ trợ của ngân sách nhà nước và đóng góp Nhân dân được xử lý theo hình thức: “bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất” hoặc “thu hồi”, phải được sự đồng thuận, thống nhất của nhân dân thôn, bản, xóm, tổ dân phố có công trình dôi dư và phải

thực hiện trình tự, thủ tục xác lập sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định của pháp luật; quá trình thực hiện phải đảm bảo chặt chẽ để tránh các vấn đề khiếu kiện liên quan.

Đối với các công trình trụ sở làm việc cấp xã, tài sản công dôi dư khác: khuyến khích các địa phương xây dựng phương án bàn giao các công trình, tài sản công dôi dư hiện chưa sử dụng cho lực lượng Công an xã, thị trấn để thực hiện chủ trương của Bộ Công an về xây dựng trụ sở làm việc cho lực lượng Công an xã, thị trấn. Xây dựng phương án chuyển đổi công năng, mục đích sử dụng công trình tài sản công dôi dư khác cho phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương đã được phê duyệt, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, đúng quy định; đồng thời, cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp, đảm bảo phù hợp với quy hoạch và điều kiện.

Đối với các công trình dôi dư chưa xây dựng được phương án xử lý, các địa phương nghiên cứu giao cho các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể cấp xã quản lý; yêu cầu bố trí nhân lực trông coi, bảo vệ các công trình dôi dư hiện không sử dụng, thường xuyên thực hiện công tác vệ sinh môi trường bên trong và bên ngoài công trình, không để các công trình bị xuống cấp, hoang phế, gây lãng phí tài sản của Nhà nước.

3. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

3.1. Tác động tích cực

- Việc sắp xếp giảm số lượng đơn vị hành chính giúp bộ máy hành chính được tinh gọn, giúp nâng cao năng lực, khả năng sẵn sàng chiến đấu khi có tình huống của các đơn vị công an, quân sự đóng quân trên địa bàn, tạo sự liên thông, chủ động trong chỉ huy khi có tình huống xảy ra; khắc phục được sự chòng chéo, chia cắt, tạo điều kiện tốt hơn để tập trung đầu tư, hiện đại hóa trang bị, phương tiện chiến đấu cho lực lượng vũ trang khi thi hành công vụ.

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn thành phố đã được cân nhắc, nghiên cứu kỹ các yếu tố về văn hóa, phong tục, tập quán, kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng giữa các địa phương liên quan, được sự nhất trí cao của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự đồng thuận của nhân dân địa phương. Do vậy, không ảnh hưởng nhiều đến tâm tư, tình cảm của nhân dân, tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội cơ bản được ổn định và giữ vững.

3.2. Tác động tiêu cực

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, các xã, phường mới được hình thành sẽ có địa bàn rộng và dân cư đông hơn so với trước đây. Do vậy, trong thời gian đầu, các cấp chính quyền, các lực lượng chức năng sẽ có khó khăn trong việc làm quen với địa bàn quản lý mới.

3.3. Giải pháp

Để đảm bảo tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thời gian tới, lực lượng công an các đơn vị cần triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, phương án bảo vệ an ninh trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 25/05/2023 của Bộ Chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông trong tình hình mới”, Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”.

Kiên toàn và duy trì hoạt động các mô hình an ninh tự quản ở cơ sở như phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, mô hình “Tổ dân phố an toàn về an ninh trật tự”, “nhà trường an toàn về an ninh trật tự”, hay các mô hình của Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ,... Ngoài ra, đội ngũ công an viên các thôn, tổ dân phố vẫn tiếp tục là hạt nhân trong việc nắm bắt tình hình an ninh trật tự ở cơ sở để kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh.

4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

4.1. Tác động tích cực

- Xây dựng bộ máy chính quyền địa phương ở xã, phường tinh gọn, hợp lý, đảm bảo hoạt động có hiệu lực hiệu quả, phục vụ nhân dân ngày một tốt hơn.
- Có điều kiện tập trung xây dựng bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công trực tuyến.

4.2. Tác động tiêu cực

- Tăng khối lượng giải quyết công việc hành chính, thủ tục hành chính tăng theo nhưng số lượng cán bộ, công chức phải đảm bảo theo quy định, đòi hỏi cán bộ, công chức phải nâng cao năng lực thực thi công vụ phù hợp với vị trí mới có khối lượng công việc lớn hơn, tầm hạn quản trị rộng hơn.
- Đòi hỏi phải có thêm thời gian và kinh phí để chuyển đổi hồ sơ, giấy tờ giữa đơn vị hành chính cũ và đơn vị hành chính mới thành lập.

4.3. Giải pháp

Tổ chức quán triệt sâu rộng và thực hiện có hiệu quả Nghị định 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, tạo cơ sở pháp lý vững chắc, xây dựng môi trường thuận lợi để cán bộ, công chức yên tâm trong thực hiện trách nhiệm công vụ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc. Đẩy mạnh, thực hiện hiệu quả Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022

của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời bảo đảm tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch, công bằng trong khi giải quyết công việc hành chính. Thực hiện đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ công chức, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo hiệu quả hoạt động của cơ quan Nhà nước.

Thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị làm nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính nhằm kịp thời triển khai các thủ tục hành chính và phát hiện những quy định thủ tục hành chính không đáp ứng các tiêu chí về sự cần thiết, phù hợp, tính hợp pháp.

Tiếp tục rà soát, bổ sung quy chế làm việc, trong đó cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác với các ngành cấp trên, từ đó thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị đề ra, cũng như những vấn đề hành chính tại địa phương, đơn vị mình.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành để trao đổi, gửi, nhận thông tin bằng thư điện tử, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức sử dụng thành thạo phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc trong công tác chỉ đạo điều hành và thực thi công vụ từng bước nâng cao tỷ lệ giải quyết công việc và trả kết quả bảo đảm quy định về quy trình, thời gian.

Đề tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, các tổ chức trên địa bàn các ĐVHC cấp xã liên quan đến việc điều chỉnh và sắp xếp ĐVHC trong việc thay đổi địa chỉ, giấy tờ, con dấu,... Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã sẽ chỉ đạo các Phòng ban, đơn vị xây dựng Kế hoạch cụ thể cả về nội dung và thời gian làm việc để hướng dẫn UBND cấp xã trong việc giải quyết các vấn đề cần thiết để nhằm sớm ổn định cuộc sống người dân, doanh nghiệp và công tác quản lý, hoạt động kinh doanh,... cụ thể như sau:

Khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2023 - 2025 có hiệu lực thi hành, bảo đảm công khai trên cổng thông tin điện tử, trụ sở Ủy ban nhân dân, thông báo đến các thôn, tổ dân phố, khu phố và tạo thuận lợi nhất cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ. Miễn phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

Ngoài ra, đối với giấy tờ cũ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cho cá nhân, công dân, tổ chức trước khi thực hiện sắp xếp theo đơn vị hành chính cũ nếu chưa hết hạn thời gian theo quy định vẫn được tiếp tục sử dụng; nhưng nếu

người dân, doanh nghiệp có nhu cầu điều chỉnh thì sẽ được chính quyền địa phương giải quyết kịp thời.

II. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP XÃ

1. Những thuận lợi

- Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết, Kế hoạch, Bộ Nội vụ đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện, như vậy đã cơ bản đầy đủ căn cứ pháp lý để triển khai sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

- Các cơ quan, đơn vị, UBND các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn liên quan tập trung cao cho công tác thông tin, tuyên truyền đến từng hộ gia đình về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến việc sắp xếp đơn vị hành chính, do đó tạo được sự ủng hộ, đồng thuận cao của đại đa số nhân dân tại địa phương.

- Thành phố Hà Nội đã chủ động triển khai một số nội dung công việc như: Rà soát tiêu chuẩn đơn vị hành chính; tổng hợp danh sách đơn vị hành chính phải thực hiện sắp xếp; thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền; dừng tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn toàn thành phố,... Do vậy, khi triển khai sắp xếp đơn vị hành chính theo các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Thành phố và các địa phương cơ bản đảm bảo được sự chủ động khi thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Sắp xếp các ĐVHC cấp xã có quy mô nhỏ thành những ĐVHC cấp xã có quy mô lớn hơn sẽ tạo điều kiện tập trung các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung đầu tư mở rộng sản xuất theo hướng hiện đại, phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên; đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi được tập trung hơn, tránh việc đầu tư dàn trải trong khi nhu cầu sử dụng còn hạn chế; thu gọn đầu mối các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa; nâng cao năng lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước; tinh gọn bộ máy, tiết kiệm chi ngân sách, góp phần vào sự thành công của chính sách cách mạng tiền lương, nâng cao đời sống cán bộ, công chức các cấp; nâng cao chất lượng, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2. Những khó khăn, vướng mắc

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính là một chủ trương rất lớn của Đảng và Nhà nước; phải thực hiện qua nhiều bước theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản pháp luật khác có liên quan; thời gian thực hiện tương đối gấp, phải hoàn thành trong năm 2024 để kịp thời chuẩn bị tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, bắt đầu từ đầu năm 2025.

- Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính sẽ có một bộ phận cán bộ, công chức, người lao động dôi dư sẽ ảnh hưởng đến tâm lý cán bộ và phải mất thời gian để sắp xếp, bố trí hoặc giải quyết chế độ, chính sách đối với số cán bộ này.

3. Nguyên nhân của những khó khăn vướng mắc

- Việc sắp xếp, nhập đơn vị hành chính là việc lớn, khó và nhạy cảm, nhất là việc kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, việc ổn định đời sống, sinh hoạt của người dân.

- Cán bộ, công chức của các ĐVHC cấp phường hiện nay còn trẻ, được đào tạo bài bản và có nguyện vọng cống hiến lâu dài trong các cơ quan của hệ thống chính trị. Tuy nhiên, phải giảm số lượng cán bộ, công chức theo lộ trình, việc bố trí và giải quyết chính sách cho đội ngũ cán bộ công chức dôi dư nhằm đảm bảo quyền lợi của cán bộ, công chức sẽ gặp một số khó khăn.

- Việc thực hiện nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC trong thời điểm phải thực hiện cùng lúc nhiều nhiệm vụ trọng tâm của thành phố, đặc biệt là công tác giải phóng mặt bằng, chỉnh trang đô thị,... Đây là những lĩnh vực dễ phát sinh ý kiến trong nhân dân; ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tuyên truyền, vận động người dân đồng thuận chủ trương sắp xếp ĐVHC,...

4. Giải pháp khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã

- Sắp xếp lại đội ngũ lãnh đạo quản lý, giữ nguyên các chức danh, vị trí việc làm, đáp ứng các công việc một cách ổn định, không làm xáo trộn trên từng vị trí công việc theo quy định.

- Phát triển nhanh, toàn diện, bền vững các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, Đảng viên và Nhân dân về chủ trương, phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng, điều kiện, trang thiết bị làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức; thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo lộ trình.

- Ưu tiên các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống giao thông, thủy lợi, làng nghề truyền thống.

- Tiếp tục quan tâm, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, gắn với các lễ hội trên địa bàn.

III. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

a) Năm 2023

- Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023 - 2025.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn có liên quan để triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

- Rà soát các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức lập, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thành phố, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị hoặc các quy hoạch khác có liên quan.

- Xây dựng Phương án, Đề án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025:

+ Ủy ban nhân dân các quận, huyện tiến hành việc xây dựng Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã đồng thời có 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn quy định. Khuyến khích các địa phương chủ động đề xuất sắp xếp đơn vị hành chính phù hợp với thực tiễn địa phương (kể cả các đơn vị hành chính đã đảm bảo tiêu chuẩn) để giảm số lượng ĐVHC, tăng quy mô ĐVHC, tinh gọn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế, tạo thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước và đời sống của Nhân dân.

+ Trình Ban Chấp hành Đảng bộ quận, huyện, thị xã xem xét, thống nhất phương án sắp xếp ĐVHC của địa phương, báo cáo UBND thành phố (qua Sở Nội vụ tổng hợp) báo cáo Ban cán sự Đảng ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ đạo của Thành ủy, trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

+ Sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Thành ủy, Sở Nội vụ hoàn thiện, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Bộ Nội vụ Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023 - 2025.

+ Triển khai xây dựng Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ.

+ Tổ chức xin ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan; xin ý kiến Ban Chỉ đạo về dự thảo Đề án.

b) Năm 2024

- Triển khai xây dựng Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ.

- Tổ chức lấy ý kiến cử tri trên địa bàn về Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã

- Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành nghị quyết thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã

- Trình Hội đồng nhân dân cấp huyện xem xét, ban hành nghị quyết thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

- Xin ý kiến Ban Chỉ đạo, Ban Thường vụ Thành ủy, Thành ủy về nội dung đề án và tiến độ thực hiện đề án.

- Trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, ban hành nghị quyết thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

- Hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Tập trung giải quyết chế độ, chính sách dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới đơn vị hành chính.

c) Năm 2025

- Tiếp tục giải quyết chế độ, chính sách dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và những người dôi dư sau đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030 ở những đơn vị hành chính hình thành sau khi sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức do thay đổi địa giới ĐVHC.

- Triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với từng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Sơ kết việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

2. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện

- Kinh phí Trung ương hỗ trợ cho mỗi đơn vị hành chính cấp xã giảm 500 triệu đồng tại khoản 2 Điều 22, Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023. Tổng số ĐVHC cấp xã giảm 61 ĐVHC là: $61 \times 500.000.000 = 30.500.000.000$ đồng.

- Kinh phí xây dựng Đề án là 13.480.000.000 đồng đã được phê duyệt tại Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

- Kinh phí giải quyết đối với cán bộ, công chức dôi dư sau sắp xếp thực hiện theo quy định tại Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

- Kinh phí hỗ trợ giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể:

+ Cán bộ, công chức cấp xã, viên chức dôi dư, nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã được hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng/người, bao gồm: tiền lương theo hệ số, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có);

+ Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nghỉ công tác trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền, được hỗ trợ mỗi năm công tác ở chức danh hiện giữ (không tính chức danh kiêm nhiệm) 01 tháng phụ cấp hiện hưởng tại thời điểm nghỉ công tác, nếu có số tháng lẻ từ 06 tháng trở xuống được hưởng 1/2 tháng phụ cấp hiện hưởng, số tháng lẻ từ 07 tháng đến dưới 12 tháng được tính là 01 năm;

+ Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố khi sắp xếp đơn vị hành chính, nghỉ công tác được hỗ trợ: Mỗi năm nghỉ công tác trước nhiệm kỳ được hỗ trợ 01 tháng phụ cấp hiện hưởng của chức danh hiện giữ (không tính chức danh kiêm nhiệm); nếu có số tháng lẻ từ 06 tháng trở xuống được hưởng 1/2 tháng phụ cấp hiện hưởng, số tháng lẻ từ 07 tháng đến dưới 12 tháng được tính là 01 năm; tổng số mức hỗ trợ không quá 03 tháng phụ cấp hiện hưởng/01 người.

Trong đó: Thời điểm nghỉ công tác là thời điểm thôn, tổ dân phố mới đi vào hoạt động, thời gian tính để hưởng hỗ trợ là thời gian giữ chức danh còn lại của nhiệm kỳ của thôn, tổ dân phố cũ.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Căn cứ Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn việc thực hiện sắp xếp tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở những địa phương thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; Hướng dẫn số 4099/HĐ-BNV ngày 29/7/2023 của Bộ Nội vụ về việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và việc công nhận vùng an toàn khu, xã an toàn khu, xã đảo, đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng Lao động khi

thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 cụ thể:

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, trước sau sắp xếp ĐVHC

a) Các cơ quan, đơn vị phải kiện toàn, sắp xếp

- Các cơ quan trong hệ thống chính trị xã, phường, thị trấn: Đảng bộ, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn và các Đoàn thể chính trị - xã hội (Hội Cựu chiến binh; Hội Phụ nữ; Hội Nông dân; Đoàn Thanh niên).

- Các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn xã, phường, thị trấn:

+ Trạm y tế xã, phường, thị trấn.

+ Công an xã, phường, thị trấn.

- Đối với các trường học: Để đảm bảo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên, trước mắt thành phố giữ ổn định các trường trên địa bàn các xã, phường, thị trấn sắp xếp, đồng thời giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tham mưu xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại các trường mầm non, phổ thông gắn với việc nâng cao chất lượng giáo dục, điều chỉnh hợp lý quy mô lớp học phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi quận, huyện, thị xã.

b) Phương án kiện toàn, sắp xếp

- Đối với cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể chính trị - xã hội

+ Đối với Đảng bộ xã, phường, thị trấn: Ban Thường vụ Quận, Huyện, Thị ủy sẽ tiến hành sắp xếp và quyết định việc hợp nhất Đảng bộ xã, phường, thị trấn thành một Đảng bộ ở đơn vị hành chính mới; trong đó chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời, chỉ định Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy; Ban Thường vụ Đảng ủy hoạt động đến thời điểm Đại hội Đảng bộ phường nhiệm kỳ 2025 - 2030 bầu ra Ban Chấp hành mới. Số lượng Đảng ủy viên, ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy, ủy viên Ủy ban kiểm tra Đảng ủy nhiệm kỳ đầu tiên của đơn vị hành chính mới sau sắp xếp và của nhiệm kỳ kế tiếp thực hiện theo Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương.

+ Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể (Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân): Trên cơ sở thống nhất với cấp ủy Đảng địa phương, Ban Thường trực ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã, Ban Thường vụ các Đoàn thể quận, huyện, thị xã tiến hành sắp xếp và quyết định hợp nhất các tổ chức ở các xã, phường, thị trấn thành một tổ chức ở đơn vị hành chính mới; đồng thời chỉ định Ban Thường trực, Ban Chấp hành lâm thời (chỉ định người đứng đầu; cấp phó của người đứng đầu) hoạt động đến thời điểm

Ban Thường trực, Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới được bầu. Số lượng ủy viên Ủy ban, ban thường trực, phó chủ tịch UB MTTQ Việt Nam phường và số lượng ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, phó chủ tịch (phó bí thư) tổ chức chính trị - xã hội nhiệm kỳ đầu tiên của đơn vị hành chính mới sau sắp xếp và của nhiệm kỳ kế tiếp thực hiện theo Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương.

- Nhiệm kỳ đầu tiên của Đảng bộ mới:

+ Số lượng cấp ủy viên, Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy, ủy viên Ủy ban Kiểm tra cấp ủy của đảng bộ mới tối đa không vượt quá tổng số hiện có của các tổ chức đảng cùng cấp trước khi sắp xếp trừ đi số lượng các đồng chí nghỉ hưu, nghỉ công tác, chuyển công tác khác.

+ Số lượng Phó Bí thư cấp ủy, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp ủy của Đảng bộ mới tối đa không vượt quá tổng số cấp trưởng, cấp phó hiện có của các tổ chức Đảng cùng cấp trước khi sắp xếp trừ đi số lượng các đồng chí nghỉ hưu, nghỉ công tác, chuyển công tác khác.

- Nhiệm kỳ kế tiếp:

Số lượng cấp ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ, Phó Bí thư cấp ủy; số lượng ủy viên, phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp ủy của Đảng bộ mới thực hiện theo quy định, chỉ thị của Bộ Chính trị và các hướng dẫn của Trung ương.

- Đối với Ủy ban nhân dân:

+ Đối với UBND các phường: Việc bố trí sắp xếp, tổ chức bộ máy UBND mới hình thành thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội; Số lượng công chức phường tại thời điểm sắp xếp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại văn bản 4099/HĐ-BNV ngày 29/7/2023 của Bộ Nội vụ.

+ Đối với UBND các xã, thị trấn: Số lượng công chức tại thời điểm sắp xếp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại văn bản 4099/HĐ-BNV ngày 29/7/2023 của Bộ Nội vụ.

- Đối với Hội đồng nhân dân: Thực hiện theo quy định tại Điều 134, Luật Tổ chức chính quyền địa phương: Đại biểu HĐND của các đơn vị hành chính cũ được hợp thành HĐND của ĐVHC mới và tiếp tục hoạt động đến khi hết nhiệm kỳ 2021 - 2026. Tại Kỳ họp thứ nhất, HĐND của đơn vị hành chính mới bầu các chức danh của HĐND, UBND (Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND; Trưởng ban, Phó Trưởng ban HĐND; Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND; ủy viên UBND).

- Các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn xã, phường, thị trấn

+ Đối với trạm y tế xã, phường, thị trấn: Căn cứ yêu cầu phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân địa phương tại đơn vị hành chính mới, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với UBND quận, huyện thực hiện việc hợp nhất các trạm y tế với số lượng biên chế phù hợp nhưng không vượt quá tổng số biên chế được giao và số viên chức hiện có của các trạm y tế, sau đó giảm theo lộ trình 05 năm theo quy định tại Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.

+ Công an xã, phường, thị trấn: Công an Thành phố hướng dẫn, chỉ đạo việc sắp xếp công an xã, phường, thị trấn tại đơn vị hành chính mới để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC (số liệu tính đến ngày 31/12/2023)

- Lộ trình thực hiện bố trí, sắp xếp để giảm số lượng cán bộ chuyên trách cấp phường, bảo đảm chậm nhất sau 60 tháng (5 năm) kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Hà Nội có hiệu lực thi hành thì thực hiện đúng theo quy định chung. Trường hợp đặc biệt, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã dôi dư sau sắp xếp đối với 20 quận, huyện, thị xã có ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 (trong đó có 04 ĐVHC cấp xã của huyện Gia Lâm và 06 phường của quận Cầu Giấy chỉ điều chỉnh địa giới hành chính không giảm số lượng ĐVHC cấp xã), gồm:

+ Số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách được giao theo định mức là: 4.032 người

+ Số lượng cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách hiện có mặt là: 3.383 người

+ Số lượng cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau khi sắp xếp: 1.031 người (gồm: 520 cán bộ, 365 công chức và 169 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã).

b) Phương án sắp xếp, bố trí cán bộ công chức dôi dư

- Đối với cán bộ, công chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định:

+ Bố trí thêm cán bộ mới: 63 người.

+ Sắp xếp, điều động sang phường, xã khác (nếu còn chỉ tiêu biên chế): 423 người (158 cán bộ, 265 công chức).

+ Chuyển sang công chức: 72 người.

+ Trường hợp dôi dư không bố trí, sắp xếp được sang các đơn vị khác thì động viên nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc: 122 người.

- Đối với cán bộ, công chức cấp xã không đủ điều kiện về trình độ chuyên môn:

+ Bố trí công tác khác có thể đảm nhận các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở phường/xã; tổ dân phố/thôn/khu phố: 117 người.

+ Giải quyết nghỉ tinh giản biên chế (nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn) hoặc cho nghỉ thôi việc (theo nguyện vọng) 184 người (122 cán bộ, 47 công chức, 15 người hoạt động không chuyên trách).

(Có biểu tổng hợp số lượng CBCC cấp xã dôi dư khi thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 kèm theo).

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

- Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về số lượng lãnh đạo quản lý, số lượng cán bộ, công chức, viên chức và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện sắp xếp tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức ở cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội ở những địa phương thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và các văn bản quy định khác có liên quan, cụ thể như sau:

+ Tạm dừng việc bầu các chức danh cán bộ (bao gồm: Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trưởng đoàn thể chính trị - xã hội) ở các ĐVHC phải sắp xếp cho đến khi nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC tương ứng có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp khuyết người đứng đầu mà không bố trí được người phụ trách theo quy định của cấp có thẩm quyền thì được bầu chức danh đó.

+ Việc bố trí, sắp xếp cán bộ cấp xã sau khi sắp xếp ĐVHC tiến hành đồng bộ, liên thông giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Ưu tiên bố trí, sắp xếp cán bộ cấp xã có đủ phẩm chất, năng lực, tiêu chuẩn, điều kiện vào các chức danh tương đương hoặc ưu tiên giới thiệu bầu chức danh cán bộ ở ĐVHC khi có nhu cầu hoặc ưu tiên tuyển dụng làm công chức, viên chức theo quy định.

+ Cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội ở phường thì được áp dụng theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, ngày 09/3/2015 của Chính phủ; Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW, ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương. Trường hợp thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thì thực hiện theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ và các Nghị quyết của HĐND thành phố.

- Cán bộ, công chức thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc giữ chức vụ lãnh đạo có phụ cấp chức vụ (bao gồm bầu cử, bổ nhiệm) thấp hơn lúc chưa sắp xếp đơn vị hành chính nhưng vẫn là cán bộ, công chức tại ĐVHC mới sau sắp xếp được hưởng nguyên lương, phụ cấp và bảo lưu phụ cấp chức vụ đến hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm hoặc hết nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đó. Trường hợp thời hạn còn lại của nhiệm kỳ bầu cử hoặc thời hạn bổ nhiệm dưới 06 tháng thì được bảo lưu tròn 06 tháng. Quá thời hạn trên, nếu bố trí sang chức vụ, chức danh mới thì thực hiện theo quy định của chức vụ, chức danh mới đó; nếu không được bầu, bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh lãnh đạo thì hưởng lương theo ngạch, bậc và phụ cấp (nếu có) hoặc nghỉ chế độ theo các quy định hiện hành.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

- Đối với trường học và điểm trường: Để đảm bảo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên giữ ổn định nguyên trạng các trường học trên địa bàn các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp; trong thời gian tới nếu có bất cập trong việc dạy và học sẽ sắp xếp, sáp nhập lại các trường học với các điểm trường phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường học của ngành giáo dục.

- Đối với trạm y tế: Trước mắt sẽ giữ nguyên các trạm y tế để đảm bảo công tác khám chữa bệnh cho người dân và tình hình thực thể của địa phương. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ thực hiện việc bố trí số lượng biên chế đội ngũ y, bác sĩ phù hợp theo quy định.

1. Huyện Ba Vì

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: Đặt tại Trụ sở xã Phú Phương (cũ).

Lý do: Trụ sở xã Phú Phương mới được xây mới và cải tạo năm 2021, 2022, khuôn viên rộng (5.400 m²), mới được đầu tư 01 Nhà văn hóa trung tâm xã với diện tích 13.000 m²; do vậy cơ sở vật chất đảm bảo, đáp ứng nhu cầu sử dụng, không cần phải cải tạo, sửa chữa.

Ngoài ra, khi đặt trụ sở tại đây sẽ thuận lợi trong việc kết nối giao thông với trung tâm huyện (cách trung tâm huyện 7 km); thuận lợi trong việc tổ chức những sự kiện đông người của xã như các hoạt động văn hóa, thể thao, sinh hoạt chính trị (Đảng bộ xã mới có trên 1.000 đảng viên)...

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư:

+ Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Tân Hồng: bố trí làm trụ sở Công an xã.

+ Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Châu Sơn: bố trí làm trụ sở BCH Quân sự xã.

b) Trụ sở công an: chưa có.

2. Huyện Chương Mỹ

2.1. Đối với phương án nhập xã Đồng Phú và Hồng Phong

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: Đặt tại trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Đồng Phú (cũ).

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: UBND huyện xem xét, quyết định sử dụng, nâng cấp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của địa phương, tạo thuận lợi cho giao dịch hành chính của nhân dân, không để hư hỏng, lãng phí.

b) Trụ sở công an: Giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có NQ của UBND tỉnh sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

2.2. Đối với phương án nhập 02 xã Phú An Nam và Hòa Chính

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: Đặt tại trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Hòa Chính (cũ).

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: UBND huyện xem xét, quyết định sử dụng, nâng cấp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của địa phương, tạo thuận lợi cho giao dịch hành chính của nhân dân, không để hư hỏng, lãng phí.

b) Trụ sở công an: Giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ quốc hội sẽ bố trí theo phương án của Sở y tế.

3. Huyện Mê Linh

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: Đặt tại Trụ sở xã Liên Mạc (cũ).

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Vạn Yên dự kiến sắp xếp, bố trí quỹ đất để mở rộng khuôn viên trường tiểu học Vạn Yên hiện có và công trình công cộng khác.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: Dự kiến đầu tư mới trụ sở tại khu trung tâm xã Liên Mạc, dự án do Công an thành phố làm chủ đầu tư.

- Phương án bố trí trụ sở công an đôi dư: Đề xuất Công an thành phố dùng triển khai đầu tư trụ sở công an xã Vạn Yên (hiện chưa triển khai xây dựng).

4. Huyện Mỹ Đức

4.1. Đối với phương án nhập 02 xã Mỹ Thành và Bột Xuyên

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: Đặt tại Trụ sở xã Bột Xuyên (cũ).

- Phương án bố trí trụ sở đôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Mỹ Thành sẽ chuyển thành địa điểm: Trung tâm Giáo dục cộng đồng.

b) Trụ sở công an: Giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ quốc hội sẽ bố trí theo phương án của Sở y tế.

4.2. Đối với phương án nhập 02 xã Đốc Tín và Vạn Kim

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: Đặt tại trụ sở xã Vạn Kim (cũ)

- Phương án bố trí trụ sở đôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Đốc Tín sẽ chuyển thành địa điểm: Trung tâm Giáo dục cộng đồng.

b) Trụ sở công an: Giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ quốc hội sẽ bố trí theo phương án của Sở y tế.

5. Huyện Phú Xuyên

5.1. Đối với phương án nhập 02 xã Tri Trung và Hồng Minh

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: Đặt tại trụ sở xã Hồng Minh (cũ).

- Phương án bố trí trụ sở đôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Tri Trung hiện tại: Bố trí trụ sở làm việc Hợp tác xã Nông nghiệp, các tổ chức Hội quần chúng (Chữ thập đỏ, Hội Nạn nhân chất độc da cam, Hội Cựu TNXP, Hội Cựu giáo chức...); Quỹ Tín dụng, Công an xã, Ban chỉ huy Quân sự xã.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: xã Tri Trung hiện tại.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: Không (do xã Tri Trung và Hồng Minh hiện tại không có trụ sở công an riêng).

5.2. Đối với phương án nhập 02 xã Đại Thắng và Văn Hoàng

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Chỉ huy quân sự xã mới: xã Đại Thắng hiện tại

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Văn Hoàng cũ: Bố trí thành trụ sở làm việc Công an xã, Hợp tác xã nông nghiệp, các tổ chức Hội quần chúng (Chữ thập đỏ, Hội Nạn nhân chất độc da cam, Hội Cựu TNXP, Hội Cựu giáo chức...)

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: xã Văn Hoàng hiện tại.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: Không (do xã Văn Hoàng và Đại Thắng hiện tại không có trụ sở công an riêng).

5.3. Đối với phương án nhập 02 xã Sơn Hà và Quang Trung

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: xã Sơn Hà hiện tại

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Quang Trung hiện tại: Bố trí trụ sở làm việc của Ban Chỉ huy quân sự xã, Công an xã, Hợp tác xã Nông nghiệp, các tổ chức Hội quần chúng (Chữ thập đỏ, Hội Nạn nhân chất độc da cam, Hội Cựu TNXP, Hội Cựu giáo chức...)

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: xã Quang Trung hiện tại.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: không (do hai xã Quang Trung và Sơn Hà không có trụ sở công an riêng)

5.4. Đối với phương án nhập 02 xã Nam Phong và Nam Triều

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: xã Nam Triều hiện tại.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Nam Phong hiện tại: Bố trí trụ sở làm việc của Ban Chỉ huy quân sự, Công an xã, Hợp tác xã Nông nghiệp, các tổ

chức Hội quần chúng (Chữ thập đỏ, Hội Nạn nhân chất độc da cam, Hội Cựu TNXP, Hội Cựu giáo chức...).

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: xã Nam Triều hiện tại

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: Không (do hai xã Nam Phong và Nam Triều không có trụ sở công an riêng).

6. Huyện Phúc Thọ

6.1. Đối với phương án nhập xã Thọ Lộc và xã Tích Giang

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Thọ Lộc hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Tích Giang hiện nay sẽ cải tạo, sửa chữa làm trụ sở cơ quan Công an, Quân sự xã mới.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Tích Giang hiện nay sẽ cải tạo, sửa chữa làm trụ sở cơ quan Công an, Quân sự xã mới.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: Không (do hai xã không có trụ sở công an riêng).

6.2. Đối với phương án nhập xã Thượng Cốc và xã Long Xuyên

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Long Xuyên hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Thượng Cốc hiện nay sẽ cải tạo, sửa chữa làm trụ sở cơ quan Công an, Quân sự xã mới

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Thượng Cốc hiện nay sẽ cải tạo, sửa chữa làm trụ sở cơ quan Công an, Quân sự xã mới.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: Không (do hai xã không có trụ sở công an riêng).

6.3 Đối với phương án nhập xã Vân Hà và xã Vân Nam

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Vân Nam hiện nay.

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Vân Hà hiện nay sẽ cải tạo, sửa chữa làm Trung tâm dịch vụ nông nghiệp, chế biến nông sản.

b) Trụ sở công an

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: Không (do hai xã không có trụ sở công an riêng).

6.4. Đối với phương án nhập xã Phúc Hòa và Thị trấn Phúc Thọ

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã thị trấn Phúc Thọ hiện nay.

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Phúc Hòa hiện nay sẽ cải tạo, sửa chữa làm trụ sở cơ quan Công an, Quân sự thị trấn mới.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an thị trấn mới: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Phúc Hòa hiện nay sẽ cải tạo, sửa chữa làm trụ sở cơ quan Công an, Quân sự xã mới.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: Không (do hai xã không có trụ sở công an riêng).

7. Huyện Quốc Oai

7.1. Đối với phương án nhập xã Phượng Cách và xã Yên Sơn

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Yên Sơn hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Phượng Cách bố trí làm khu Trung tâm Văn hóa.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: Trước mắt sẽ giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: Không.

7.2. Đối với phương án nhập xã Tân Hòa và xã Cộng Hòa

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Cộng Hòa hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Tân Hòa bố trí làm trụ sở Công an xã, Quân sự xã.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Tân Hòa bố trí làm trụ sở Công an xã, Quân sự xã.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: Không (do hai xã không có trụ sở công an riêng).

7.3. Đối với phương án nhập xã Đại Thành và xã Tân Phú

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Tân Phú hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Đại Thành trước mắt giữ nguyên, huyện sẽ bố trí thực hiện bố trí dôi dư theo lộ trình.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: đã được bố trí quỹ đất chưa xây dựng.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: Không (do hai xã không có trụ sở công an riêng).

7.4. Đối với phương án nhập xã Nghĩa Hương và Lập Tuyết

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Nghĩa Hương hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Lập Tuyết bố trí làm khu Trung tâm văn hóa của thôn Đại Phú.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: xã Nghĩa Hương.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: Không (do xã Lập Tuyết chưa có trụ sở công an riêng).

7.5. Đối với phương án nhập xã Thạch Thán vào thị trấn Quốc Oai

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở thị trấn Quốc Oai hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Thạch Thán trước mắt giữ nguyên, huyện sẽ bố trí thực hiện bố trí dôi dư theo lộ trình.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an thị trấn mới: thị trấn Quốc Oai.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: Không (do xã Thạch Thán chưa có trụ sở công an riêng).

8. Huyện Thạch Thất

8.1. Đối với phương án nhập xã Dị Nậu và Canh Nậu

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở UBND xã Canh Nậu hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Dị Nậu cũ dự kiến đặt trụ sở làm việc của Công an và BCH Quân sự xã mới.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: 02 xã chưa có trụ sở Công an và trụ sở BCH Quân sự riêng (đã có quy hoạch đất để xây dựng trụ sở) dự kiến đặt trụ sở làm việc của Công an và BCH Quân sự xã mới tại UBND xã Dị Nậu cũ.

8.2. Đối với phương án nhập xã Chàng Sơn và Thạch Xá

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở UBND xã Thạch Xá hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Chàng Sơn cũ dự kiến đặt trụ sở làm việc của Công an và BCH Quân sự xã mới.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: 02 xã chưa có trụ sở Công an và trụ sở BCH Quân sự riêng (đã có quy hoạch đất để xây dựng trụ sở) dự kiến đặt trụ sở làm việc của Công an và BCH Quân sự xã mới tại UBND xã Chàng Sơn cũ.

8.3. Đối với phương án sáp nhập xã Hữu Bằng và xã Bình Phú

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở UBND xã Bình Phú hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Hữu Bằng cũ dự kiến đặt trụ sở làm việc của Công an và BCH Quân sự xã mới.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: 02 xã chưa có trụ sở Công an và trụ sở BCH Quân sự riêng (đã có quy hoạch đất để xây dựng trụ sở) dự kiến đặt trụ sở làm việc của Công an và BCH Quân sự xã mới tại UBND xã Hữu Bằng cũ.

9. Huyện Thanh Oai

9.1. Đối với phương án nhập 02 xã Cao Dương và Xuân Dương

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: trước mắt sử dụng trụ sở làm việc của UBND xã Cao Dương.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Xuân Dương trước mắt giữ nguyên, huyện sẽ bố trí thực hiện bố trí dôi dư theo lộ trình.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: Trước mắt sử dụng trụ sở Công an xã Xuân Dương do hiện nay Công an xã Cao Dương đang làm việc trong trụ sở UBND xã Cao Dương, chưa có trụ sở riêng.

9.2. Đối với phương án nhập 03 xã, thị trấn Kim Bài, xã Kim An và xã Kim Thư

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thị trấn mới: sử dụng trụ sở làm việc của UBND thị trấn Kim Bài.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: trước mắt giữ nguyên, huyện sẽ bố trí thực hiện bố trí dôi dư theo lộ trình.

b) Trụ sở công an

Trụ sở công an xã mới: Trước mắt sử dụng trụ sở Công an thị trấn Kim Bài do hiện nay Công an xã Kim An, xã Kim Thư đang làm việc trong trụ sở UBND xã, chưa có trụ sở riêng.

10. Huyện Thường Tín

10.1. Đối với phương án nhập 02 xã Hòa Bình và Hiền Giang

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Hòa Bình hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: UBND huyện xem xét, quyết định sử dụng, nâng cấp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của địa phương, tạo thuận lợi cho giao dịch hành chính của nhân dân, không để hư hỏng, lãng phí.

b) Trụ sở công an: Giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có NQ của UBND huyện sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

10.2. Đối với phương án nhập 02 xã Hà Hồi và Liên Phương

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Hà Hồi hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: UBND huyện xem xét, quyết định sử dụng, nâng cấp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của địa phương, tạo thuận lợi cho giao dịch hành chính của nhân dân, không để hư hỏng, lãng phí.

b) Trụ sở công an: Giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có NQ của UBND huyện sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

10.3. Đối với phương án nhập 02 xã Thư Phú và Chương Dương

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Chương Dương hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: UBND huyện xem xét, quyết định sử dụng, nâng cấp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của địa phương, tạo thuận lợi cho giao dịch hành chính của nhân dân, không để hư hỏng, lãng phí.

b) Trụ sở công an: Giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có NQ của UBND huyện sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

10.4. Đối với phương án nhập 02 xã Vạn Điểm và xã Thống Nhất

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Vạn Điểm hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: UBND huyện xem xét, quyết định sử dụng, nâng cấp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định, hướng dẫn của cấp có

thẩm quyền, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của địa phương, tạo thuận lợi cho giao dịch hành chính của nhân dân, không để hư hỏng, lãng phí.

b) Trụ sở công an: Giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có NQ của UBND huyện sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

10.5. Đối với phương án nhập 02 xã, thị trấn Thường Tín và Văn Phú

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở Thị trấn Thường Tín hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: UBND huyện xem xét, quyết định sử dụng, nâng cấp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của địa phương, tạo thuận lợi cho giao dịch hành chính của nhân dân, không để hư hỏng, lãng phí.

b) Trụ sở công an: Giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có NQ của UBND huyện sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

11. Huyện Ứng Hòa

11.1. Đối với phương án nhập 03 xã Viên Nội, Viên An, Hoa Sơn

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Hoa Sơn hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: UBND huyện xem xét, quyết định sử dụng, nâng cấp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của địa phương, tạo thuận lợi cho giao dịch hành chính của nhân dân, không để hư hỏng, lãng phí.

b) Trụ sở công an: Giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có NQ của UBND huyện sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

11.2. Đối với phương án nhập 03 xã Cao Thành, Sơn Công, Đồng Tiến

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Sơn Công hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: UBND huyện xem xét, quyết định sử dụng, nâng cấp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của địa phương, tạo thuận lợi cho giao dịch hành chính của nhân dân, không để hư hỏng, lãng phí.

b) Trụ sở công an: Giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có NQ của UBND huyện sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

11.3. Đối với phương án nhập 03 xã Hòa Xá, Vạn Thái, Hòa Nam

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Vạn Thái hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: UBND huyện xem xét, quyết định sử dụng, nâng cấp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của địa phương, tạo thuận lợi cho giao dịch hành chính của nhân dân, không để hư hỏng, lãng phí.

b) Trụ sở công an: Giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có NQ của UBND huyện sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

11.4. Đối với phương án nhập 03 xã Lưu Hoàng, Hồng Quang, Đội Bình

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở xã Đội Bình hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: UBND huyện xem xét, quyết định sử dụng, nâng cấp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của địa phương, tạo thuận lợi cho giao dịch hành chính của nhân dân, không để hư hỏng, lãng phí.

b) Trụ sở công an: Giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có NQ của UBND huyện sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

11.5. Đối với phương án nhập 02 xã Hòa Lâm và Trầm Lộng

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã mới: sử dụng trụ sở của xã Hòa Lâm hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: UBND huyện xem xét, quyết định sử dụng, nâng cấp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của địa phương, tạo thuận lợi cho giao dịch hành chính của nhân dân, không để hư hỏng, lãng phí.

b) Trụ sở công an: Giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có NQ của UBND huyện sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

12. Huyện Gia Lâm

12.1. Đối với phương án nhập xã Đình Xuyên và xã Dương Hà

a) Trụ sở làm việc

- HĐND, UBND xã sau sắp xếp, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Dương Hà hiện nay. Đảng ủy, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội và các Hội sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đình Xuyên hiện nay.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: sử dụng Trụ sở công an xã Dương Hà hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: xã Đình Xuyên hiện không có trụ sở công an xã.

- Hiện trạng 02 xã không có Trụ sở Ban chỉ huy quân sự, dự kiến xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự tại xã Đình Xuyên.

12.2. Đối với phương án nhập xã Trung Mậu và xã Phù Đồng

a) Trụ sở làm việc

- HĐND, UBND xã sau sắp xếp, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Phù Đồng hiện nay. Đảng ủy, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội và các Hội sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Trung Mậu hiện nay.

b) Trụ sở công an, quân sự

- Trụ sở công an mới: sử dụng trụ sở công an xã Phù Đồng hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: xã Trung Mậu hiện không có trụ sở công an xã.

- Trụ sở Ban chỉ huy quân sự mới: sử dụng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự tại xã Phù Đồng hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở Ban chỉ huy quân sự dôi dư: xã Trung Mậu hiện không có trụ sở Ban chỉ huy quân sự.

12.3. Đối với phương án nhập xã Kim Sơn và xã Phú Thị

a) Trụ sở làm việc

- HĐND, UBND xã sau sắp xếp, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Kim Sơn hiện nay. Đảng ủy, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội và các Hội sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Phú Thị hiện nay.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an xã mới: sử dụng Trụ sở công an xã Kim Sơn hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: Trụ sở công an xã Phú Thị hiện nay cải tạo, sửa chữa làm trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã mới.

12.4. Đối với nhập xã Đông Dư và xã Bát Tràng

a) Trụ sở làm việc

- HĐND, UBND xã sau sắp xếp, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Bát Tràng hiện nay. Đảng ủy, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội và các Hội sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đông Dư hiện nay.

b) Trụ sở công an, quân sự

- Trụ sở công an xã mới: sử dụng Trụ sở công an xã Bát Tràng hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: xã Đông Dư hiện không có trụ sở công an xã.

- Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã mới: dự kiến xây dựng trụ sở tại xã Đông Dư.

- Phương án bố trí trụ sở Ban chỉ huy quân sự dôi dư: 02 xã hiện đều không có trụ sở Ban chỉ huy quân sự.

12.5. Đối với nhập nguyên trạng xã Yên Viên và thị trấn Yên Viên

a) Trụ sở làm việc

- HĐND, UBND xã sau sắp xếp, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND thị trấn Yên Viên hiện nay (Địa chỉ 582 Hà Huy Tập, TT Yên Viên). Đảng ủy, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội và các Hội sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Yên Viên hiện nay.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an thị trấn mới: sử dụng Trụ sở công an thị trấn Yên Viên hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: xã Yên Viên hiện không có trụ sở công an xã.

- Trụ sở Ban chỉ huy quân sự thị trấn mới: sử dụng Trụ sở UBND thị trấn Yên Viên cũ (Địa chỉ 201 Hà Huy Tập, TT Yên Viên) để cải tạo, sửa chữa.

- Phương án bố trí trụ sở Ban chỉ huy quân sự dôi dư: xã Yên Viên hiện không có trụ sở Ban chỉ huy quân sự.

12.6. Đối với nhập nguyên trạng xã Kim Lan và xã Văn Đức

a) Trụ sở làm việc

- HĐND, UBND xã sau sắp xếp, sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Văn Đức. Đảng ủy, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội và các Hội sử dụng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Kim Lan hiện nay.

b) Trụ sở công an, quân sự

- Trụ sở công an xã mới: dự kiến xây dựng mới tại xã Văn Đức.

- Phương án bố trí trụ sở công an dôi dư: xã Văn Đức và Kim Lan hiện đều không có trụ sở công an xã.

- Trụ sở Ban chỉ huy quân sự mới: dự kiến xây dựng mới tại xã Kim Lan.

- Phương án bố trí trụ sở Ban chỉ huy quân sự đôi dư: xã Văn Đức và Kim Lan hiện đều không có trụ sở Ban chỉ huy quân sự.

13. Quận Cầu Giấy

Theo phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, quận Cầu Giấy chỉ thực hiện điều chỉnh địa giới hành chính, không giảm số lượng ĐVHC cấp xã. Do đó, không có trụ sở và tài sản công đôi dư sau sắp xếp. Các trụ sở của các ĐVHC cấp xã được giữ nguyên và hoạt động ổn định.

14. Quận Ba Đình

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường mới: sử dụng trụ sở phường Trúc Bạch hiện nay.

- Phương án bố trí trụ sở đôi dư: Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường Nguyễn Trung Trực: tạm thời giữ nguyên

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an phường mới: Trụ sở công an phường Trúc Bạch hiện nay

- Phương án bố trí trụ sở công an đôi dư: giữ nguyên để đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn.

15. Quận Đống Đa

15.1. Đối với phương án nhập phường Khâm Thiên và Trung Phụng

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường mới: đặt tại phường Khâm Thiên (số 32 ngõ Sân Quân, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

- Phương án bố trí trụ sở đôi dư:

+ Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường Trung Phụng: Bố trí Mặt trận tổ quốc và khối Đoàn thể chính trị - xã hội Phường mới; Ban chỉ huy quân sự Phường.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an phường mới: giữ nguyên để đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

15.2. Đối với phương án khi nhập một phần phường Ngã Tư Sở vào phường Khương Thượng và một phần phường Ngã Tư Sở vào phường Thịnh Quang

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường mới: đặt tại phường Khương Thượng (Số 388 Đường Chương Trinh, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội) và phường Thịnh Quang (số 151 ngõ Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường Ngã Tư Sở: Bố trí Mặt trận tổ quốc và khối Đoàn thể chính trị - xã hội Phường mới; Ban chỉ huy quân sự Phường...

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an phường mới: giữ nguyên để đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

15.3. Đối với phương án khi nhập phường Quốc Tử Giám và Văn Miếu

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường mới: đặt tại trụ sở UBND phường Quốc Tử Giám.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư:

+ Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường Văn Miếu: Bố trí Mặt trận tổ quốc và khối Đoàn thể chính trị - xã hội Phường mới; Ban chỉ huy quân sự Phường.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an phường mới: giữ nguyên để đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

15.4. Đối với phương án khi nhập một phần phường Trung Tự vào phường Phương Liên và một phần phường Trung Tự vào phường Kim Liên

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường mới: phường Trung Tự (Số 02, ngõ 4B, phố Đặng Văn Ngữ, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội) và phường Kim Liên (số 23 phố Lương Đình Của, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội) .

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư:

+ Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường Phương Liên: Bố trí Mặt trận tổ quốc và khối Đoàn thể chính trị - xã hội Phường mới; Ban chỉ huy quân sự Phường.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở công an phường mới: giữ nguyên để đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

16. Quận Hà Đông

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường mới: đặt tại trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường Quang Trung và phường Nguyễn Trãi.

Đối với trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường Yên Kiêu: sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ bố trí sử dụng, đảm bảo hiệu quả, không lãng phí.

b) Trụ sở công an: trước mắt sẽ giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

17. Quận Bà Trưng

17.1. Đối với phương án khi nhập phường Đồng Nhân vào phường Đồng Mác

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở UBND phường mới: dự kiến đặt tại trụ sở UBND phường Đồng Nhân hiện nay (14 Đỗ Ngọc Du)

- Trụ sở Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức Chính trị - xã hội phường mới: dự kiến đặt tại trụ sở Trụ sở Đảng ủy - các hội đoàn thể phường Đồng Nhân hiện nay (55 phố Nguyễn Công Trứ)

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư:

+ Trụ sở UBND phường Đồng Mác hiện nay (5 phố Đồng Mác): dự kiến bố trí làm Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường

+ Trụ sở UBND phường Đồng Mác hiện nay (240 Lò Đúc): dự kiến bố trí làm Nhà Văn hóa phường

+ Trụ sở Đảng ủy phường Đồng Mác hiện nay (cuối ngõ Cẩm Hội, đang thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới): dự kiến bố trí làm Trung tâm học tập cộng đồng phường

b) Trụ sở công an

- Trụ sở Công an phường mới (chính): Dự kiến tại Công an phường Đồng Nhân.

- Phương án bố trí trụ sở Công an dôi dư:

+ Trụ sở Công an phường mới (phụ): Dự kiến bố trí tại Công an phường Đồng Mác cũ (*Bố trí các Tổ công tác của Công an phường*).

17.2. Đối với phương án khi nhập một phần phường Cầu Dền vào phường Bách Khoa

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở UBND phường mới: dự kiến đặt tại trụ sở UBND phường Bách Khoa hiện nay (39 Lê Thanh Nghị)

- Trụ sở Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức Chính trị- xã hội phường mới: dự kiến đặt tại trụ sở Trụ sở Đảng ủy- các hội đoàn thể phường Cầu Dền hiện nay (14 Đình Đại)

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư:

+ Trụ sở Mặt trận Tổ quốc và hội đoàn thể (222 Bạch Mai): dự kiến bố trí làm Nhà văn hóa, Trung tâm học tập cộng đồng hoặc Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở Công an phường mới (chính): Dự kiến tại Công an phường Bách Khoa.

- Phương án bố trí trụ sở Công an dôi dư: Không có.

17.3. Đối với phương án khi nhập một phần phường Cầu Dền vào phường Thanh Nhàn

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, UBND phường, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức Chính trị- xã hội phường mới: dự kiến đặt tại trụ sở UBND phường Thanh Nhàn hiện nay (35 ngõ 54 Kim Ngưu)

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư: không có

b) Trụ sở công an

- Trụ sở Công an phường mới (chính): Dự kiến tại Công an phường Thanh Nhàn.

- Phương án bố trí trụ sở Công an dôi dư:

+ Trụ sở Công an phường mới (phụ): Dự kiến bố trí tại Công an phường Cầu Dền cũ (*Bố trí các Tổ công tác của Công an phường*).

17.4. Đối với phương án khi nhập phường Quỳnh Lôi và phường Bạch Mai

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, UBND phường, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức Chính trị- xã hội phường mới: dự kiến đặt tại trụ sở UBND phường Quỳnh Lôi hiện nay (197 Hồng Mai)

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư:

+ Trụ sở UBND phường Bạch Mai (37 phố Hồng Mai): dự kiến bố trí làm Nhà văn hóa, Trung tâm học tập cộng đồng hoặc Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường.

+ Trụ sở Hội đoàn thể phường Bạch Mai (36 phố Hồng Mai): dự kiến bố trí làm nhà Sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố số 7 phường Bạch Mai hiện nay.

b) Trụ sở công an

- Trụ sở Công an phường mới (chính): Dự kiến tại CA phường Bạch Mai

- Phương án bố trí trụ sở Công an dôi dư:

+ Trụ sở Công an phường mới (phụ): Dự kiến bố trí tại Công an phường Quỳnh Lôi cũ (*Bố trí các Tổ công tác của Công an phường*).

18. Quận Long Biên

18.1. Đối với phương án nhập một phần phường Sài Đồng vào phường Phúc Đồng

- Trụ sở Đảng ủy, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phường đặt tại trụ sở UBND phường Phúc Đồng.

- Trụ sở Công an phường đặt tại trụ sở Công an phường Phúc Đồng.

18.2. Đối với phương án nhập một phần phường Sài Đồng vào phường Phúc Lợi

- Trụ sở Đảng ủy, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phường đặt tại trụ sở UBND phường Phúc Lợi.

- Trụ sở Công an phường đặt tại trụ sở Công an phường Phúc Lợi.

18.3. Phương án bố trí trụ sở dôi dư

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phường Sài Đồng: 01 trụ sở tại số 559 đường Nguyễn Văn Linh.

Tạm thời bố trí làm trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường (như đã báo cáo với UBND thành phố tại Báo cáo số 330/BC-UBND ngày 17/10/2023 của UBND). Sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp ĐVHC sẽ đề xuất thành phố sắp xếp làm trụ sở của Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Long Biên và Chi cục thống kê.

- Trước mắt sẽ giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp ĐVHC sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

19. Quận Thanh Xuân

19.1. Đối với phương án nhập phường Hạ Đình và Kim Giang

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường mới: Trụ sở Phường Kim Giang (cũ).

- Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự phường mới: Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự phường Hạ Đình (cũ).

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư:

+ Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường Hạ Đình (cũ): Giữ nguyên hiện trạng, thực hiện điều chỉnh quy hoạch để mở rộng trường Mầm non Ánh Sao.

+ Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự phường Kim Giang (cũ): Giữ nguyên hiện trạng, sắp xếp làm nhà Văn hóa tổ dân phố.

b) Trụ sở công an

Trước mắt sẽ giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

19.2. Đối với phương án nhập phường Thanh Xuân Bắc và Thanh Xuân Nam

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường mới: Trụ sở Phường Thanh Xuân Bắc (cũ).

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư:

+ Trụ sở Đảng ủy, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường Thanh Xuân Nam (cũ): Giữ nguyên hiện trạng, sắp xếp làm Trụ sở làm việc của BCH Quân sự của ĐVHC mới.

b) Trụ sở công an

Trước mắt sẽ giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

20. Thị xã Sơn Tây

a) Trụ sở làm việc

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường mới: Tại Trụ sở UBND phường Lê Lợi cũ - số 185 phố Lê Lợi, phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây.

- Phương án bố trí trụ sở dôi dư:

+ Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường Quang Trung cũ - số 19 Hoàng Diệu, phường Quang Trung: Mở rộng trường Tiểu học Quang Trung.

+ Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường Ngô Quyền cũ - số 35 phố Ngô Quyền: Bố trí trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự phường mới.

b) Trụ sở công an: Trước mắt sẽ giữ nguyên để đảm bảo tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ bố trí theo phương án của Công an thành phố.

VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

Tiến hành rà soát, lập danh sách các ĐVHC cấp xã hiện đang hưởng chế độ, chính sách đặc thù trên địa bàn và xác định lộ trình rà soát, đánh giá việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của ĐVHC hình thành sau sắp xếp để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc tiếp tục được hưởng các chế độ, chính sách đặc thù theo quy định tại các điều 14, 15, 16, 17, 18, 19 của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Sở Nội vụ

- Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố tiếp nhận, tổng hợp, xử lý các vấn đề liên quan đến sắp xếp ĐVHC; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kịp thời hướng dẫn, giải đáp nhằm tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn của các địa phương trong quá trình thực hiện sắp xếp ĐVHC và chủ động xin ý kiến Bộ Nội vụ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì hướng dẫn, rà soát, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp, phân loại ĐVHC; lập hồ sơ đề nghị công nhận ĐVHC cấp xã là vùng an toàn khu, xã an toàn khu, xã đảo, đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng lao động tại các ĐVHC hình thành sau sắp xếp.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại ĐVHC hình thành sau sắp xếp; hướng dẫn việc giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng dôi dư do sắp xếp ĐVHC.

2. Sở Tài chính

- Hướng dẫn công tác lập dự toán, định mức chi; việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC; việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp; việc miễn phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

- Hướng dẫn việc thực hiện kinh phí quy định tại Điều 22 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

3. Sở Xây dựng

- Chủ trì hướng dẫn các địa phương rà soát điều chỉnh quy hoạch đô thị đối với các ĐVHC đô thị dự kiến có liên quan đến sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, đề xuất các biện pháp để đảm bảo và tiếp tục nâng cao chất lượng đô thị sau khi hoàn thành sắp xếp.

- Hướng dẫn việc thực hiện phân loại đô thị (đối với thành phố, thị xã, thị trấn), việc thực hiện đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với quận, phường khi thực hiện sắp xếp ĐVHC đô thị và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

4. Sở Quy hoạch - Kiến trúc

- Hướng dẫn các quận, huyện, thị xã bổ sung nội dung về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trong quy hoạch thành phố; hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh các quy hoạch của địa phương theo Luật Quy hoạch và các quy định của pháp luật về quy hoạch đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc diện thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030.

- Hướng dẫn các địa phương rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn để bảo đảm sự thống nhất giữa các quy hoạch này với phương án sắp xếp ĐVHC và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hướng dẫn việc thực hiện nguồn vốn đầu tư công tại các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp; việc chuyển đổi Giấy phép kinh doanh của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và đầu tư.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Hướng dẫn việc rà soát, cung cấp số liệu diện tích tự nhiên theo kết quả kiểm kê đất đai của từng ĐVHC cấp huyện, cấp xã để làm căn cứ xây dựng phương án tổng thể, đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

- Hướng dẫn việc rà soát, chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi sắp xếp ĐVHC do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và môi trường.

7. Sở Tư pháp

- Hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc trong lĩnh vực hộ tịch và lý lịch tư pháp; hướng dẫn việc áp dụng pháp luật về các nội dung liên quan khi thực hiện thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Hướng dẫn việc rà soát, bổ sung thực hiện các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 tại các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp.

- Hướng dẫn việc công nhận ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

9. Sở Lao động - Thương binh và xã hội

- Hướng dẫn việc rà soát, công nhận là huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn đối với ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp; thực hiện dự án, tiểu dự án và các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030.

- Hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động - xã hội và chính sách đối với người có công tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.

10. Sở Văn hóa và Thể thao

Hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh và thực hiện việc xác định ĐVHC hình thành sau sắp xếp có di tích được công nhận, xếp hạng là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới hoặc di tích lịch sử quốc gia đặc biệt và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Văn hóa - Thể thao và du lịch.

11. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với UBND quận, huyện trong việc sắp xếp trạm y tế, cán bộ Dân số kế hoạch hóa gia đình tại đơn vị hành chính mới hình thành.

12. Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan báo chí của Thành phố

Tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ; chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy và Kế hoạch của UBND Thành phố về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, để nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tạo đồng thuận của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong quá trình thực hiện nhập các xã, phường.

13. Đề nghị Ban Tổ chức Thành ủy

Hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn các tổ chức Đảng, đoàn thể và tiếp nhận Đảng viên, đoàn viên sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính xã, phường.

14. Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy

Chỉ đạo và hướng dẫn nội dung tuyên truyền đối với các cơ quan báo chí của thành phố đảm bảo đúng định hướng, chủ trương của Trung ương và Thành

phổ trong việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

15. Công an Thành phố

- Hướng dẫn việc rà soát, cung cấp số liệu nhân khẩu thực tế cư trú tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã để các quận, huyện, thị xã có căn cứ xây dựng phương án tổng thể và Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

- Hướng dẫn, thực hiện việc thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp; hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp huyện, cấp xã do thực hiện sắp xếp và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Công an.

16. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội

Hướng dẫn và thực hiện rà soát, xác định ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp là đơn vị trọng điểm về quốc phòng và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

17. Ban Dân tộc

- Hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh thực hiện các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

- Hướng dẫn việc công nhận ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp thuộc khu vực miền núi, vùng cao; ĐVHC cấp xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I; thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban dân tộc.

18. Các sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao để hướng dẫn, chỉ đạo việc sắp xếp các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

Hướng dẫn công tác bàn giao, tiếp nhận và chuyển đổi các loại giấy tờ của Nhân dân, doanh nghiệp, cơ quan,... theo chức năng, nhiệm vụ của ngành.

19. UBND quận, huyện, thị xã; xã, phường, thị trấn nơi tiến hành việc sắp xếp ĐVHC

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền về việc sắp xếp ĐVHC trên địa bàn; thực hiện các nội dung công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng quy định và tiến độ theo Kế hoạch.

- Bố trí kinh phí thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch.

- Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tổ chức bộ máy, hồ sơ, tài liệu, cơ sở vật chất... sau sắp xếp ĐVHC; rà soát quy hoạch trụ sở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn để bố trí đầu tư xây dựng phù hợp với các ĐVHC sau sắp xếp, tập trung nguồn lực đầu tư cho các đơn vị, đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt và giao dịch ở ĐVHC sau khi sắp xếp, thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức theo thẩm quyền.

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Việc sắp xếp ĐVHC các cấp trên địa bàn thành phố nhằm cụ thể hóa chủ trương tiếp tục đổi mới theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã nhằm giảm số lượng đơn vị hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Việc sắp xếp ĐVHC các cấp thuộc thành phố Hà Nội đã đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn tại địa phương góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả của chính quyền cơ sở, tinh giản biên chế, giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ công chức để phục vụ Nhân dân tốt hơn. Bên cạnh đó, việc sắp xếp ĐVHC cấp xã tạo điều kiện tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung đầu tư mở rộng sản xuất theo hướng hiện đại, phát huy có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên, khoáng sản để phát triển; tránh đầu tư xây dựng dàn trải trong khi nhu cầu sử dụng còn hạn chế.

Việc sắp xếp tinh giản bộ máy, biên chế là vấn đề khó khăn, phức tạp và nhạy cảm liên quan trực tiếp đến hoạt động của các tổ chức và quyền lợi của cán bộ, công chức... Vì vậy, để thực hiện hiệu quả Đề án, đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao, quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục; phải xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện rõ ràng, không nóng vội, chủ quan, duy ý chí.

2. Kiến nghị, đề xuất

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xây dựng Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn thành phố Hà Nội, kính trình các cấp có thẩm quyền xem xét quyết định./.

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN

(Kèm theo Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025)

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Số ĐVHC cấp xã trực thuộc
		Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	
I	Các huyện								
1	Huyện Ba Vì				421,80	133,90	323.224	269,35	31
2	Huyện Chương Mỹ				237,48	75,39	355.801	296,50	32
3	Huyện Đan Phượng				77,83	24,71	182.662	152,22	16
4	Huyện Đông Anh				185,68	58,95	437.308	364,42	24
5	Huyện Gia Lâm				116,64	37,03	309.353	257,79	22
6	Huyện Hoài Đức				84,92	26,96	279.645	233,04	20
7	Huyện Mê Linh				141,29	44,85	265.744	221,45	18
8	Huyện Mỹ Đức				226,30	71,84	222.367	185,31	22
9	Huyện Phú Xuyên				173,56	55,10	239.955	199,96	27
10	Huyện Phúc Thọ				118,49	37,62	206.393	171,99	21
11	Huyện Quốc Oai				151,22	48,01	207.041	172,53	21
12	Huyện Sóc Sơn				305,49	96,98	368.956	307,46	26
13	Huyện Thạch Thất				187,52	59,53	235.623	196,35	23
14	Huyện Thanh Oai				124,47	39,51	232.643	193,87	21
15	Huyện Thanh Trì				63,49	20,16	293.833	244,86	16
16	Huyện Thường Tín	641			130,12	41,31	273.443	227,87	29
17	Huyện Ứng Hòa				188,23	59,76	250.905	209,09	29
II	Các thị xã								
1	Thị xã Sơn Tây				117,19	58,595	157.357	157,36	15
III	Các quận								
1	Quận Ba Đình	780			9,20	26,29	226.920	151,28	14
2	Quận Bắc Từ Liêm				45,23	129,23	276.448	184,30	13
3	Quận Cầu Giấy	435			12,44	35,54	299.194	199,46	8
4	Quận Đống Đa	43			9,94	28,40	325.441	216,96	21
5	Quận Hà Đông	43			49,63	141,80	392.137	261,42	17
6	Quận Hai Bà Trưng	64			10,26	29,31	305.017	203,34	18
7	Quận Hoàn Kiếm	1.004	0,47	Có yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa, an ninh quốc phòng	5,34	15,26	212.921	141,95	18
8	Quận Hoàng Mai				40,19	114,83	459.489	306,33	14
9	Quận Long Biên				60,09	171,69	339.323	226,22	14
10	Quận Nam Từ Liêm				32,16	91,89	287.413	191,61	10
11	Quận Thanh Xuân				9,17	26,20	310.601	207,07	11
12	Quận Tây Hồ				24,21	69,17	187.883	125,26	8

THỐNG KÊ ĐVHC CẤP HUYỆN THUỘC DIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Kèm theo Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025)

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Số ĐVHC cấp xã trực thuộc
				Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	
I	Các huyện										
II	Các thị xã										
III	Các quận										
1	Quận Hoàn Kiếm			1.004	0,47	Có yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa, an ninh quốc phòng	5,34	15,26	212.921	141,95	18

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Phụ lục 2 - 1C

THỐNG KÊ ĐVHC CẤP HUYỆN THUỘC ĐIỆN KHUYẾN KHÍCH SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Kèm theo Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phụ lục 2 - 2A

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ

(Kèm theo Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Các xã:										
1	X. Đường Lâm	TX Sơn Tây			26	0,21		7,90	37,62	12.246	153,08
2	X. Xuân Sơn	TX Sơn Tây			90	1,00		14,55	69,29	8.998	112,48
3	X. Thanh Mỹ	TX Sơn Tây			62	0,50		10,92	52,00	12.497	156,21
4	X. Kim Sơn	TX Sơn Tây			79	1,00		15,49	73,76	7.928	99,10
5	X. Sơn Đông	TX Sơn Tây			126	0,77		20,23	96,33	16.300	203,75
6	Xã Cổ Đông	TX Sơn Tây			86	0,46		26,06	124,10	18.651	233,14
7	X. Phú Cường	Ba Vì						9,40	44,76	6.666	83,33
8	X. Cổ Đô	Ba Vì						8,79	41,86	8.551	106,89
9	X. Tân Hồng	Ba Vì						8,80	41,90	17.626	220,33
10	X. Vạn Thắng	Ba Vì						9,91	47,19	17.992	224,90
11	X. Châu Sơn	Ba Vì						3,55	16,90	4.937	61,71
12	X. Phong Vân	Ba Vì						4,85	23,10	7.378	92,23
13	X. Phú Đông	Ba Vì						3,63	17,29	6.401	80,01
14	X. Phú Phương	Ba Vì						4,32	20,57	6.590	82,38
15	X. Phú Châu	Ba Vì						9,88	47,05	12.115	151,44
16	X. Thái Hòa	Ba Vì						5,70	27,14	9.688	121,10
17	X. Đồng Thái	Ba Vì						8,27	39,38	14.460	180,75

18	X. Phú Sơn	Ba Vì						13,45	64,05	10.520	131,50
19	X. Minh Châu	Ba Vì						5,32	25,33	6.597	82,46
20	X. Vật Lại	Ba Vì						14,45	68,81	15.354	191,93
21	X. Chu Minh	Ba Vì						5,08	24,19	8.846	110,58
22	X. Tòng Bạt	Ba Vì						8,24	39,24	10.925	136,56
23	X. Cẩm Lĩnh	Ba Vì						26,59	126,62	13.893	173,66
24	X. Sơn Đà	Ba Vì						12,19	58,05	9.636	120,45
25	X. Đông Quang	Ba Vì					Ổn định từ năm 1945 đến nay	3,88	18,48	5.748	71,85
26	X. Tiên Phong	Ba Vì						8,75	41,67	8.741	109,26
27	X. Thụy An	Ba Vì						16,36	77,90	9.747	121,84
28	X. Cam Thượng	Ba Vì						8,14	38,76	7.743	96,79
29	X. Thuần Mỹ	Ba Vì						12,28	58,48	7.337	91,71
30	X. Tân Lĩnh	Ba Vì	X		2980	16,99		27,64	78,97	17.537	350,74
31	X. Ba Trại	Ba Vì	X		3789	24,09		20,32	58,06	15.728	104,85
32	X. Minh Quang	Ba Vì	X		5024	34,75		28,41	81,17	14.456	180,70
33	X. Ba Vì	Ba Vì	X		2266	92,57		25,72	73,49	2.448	30,60
34	X. Vân Hòa	Ba Vì	X		5795	44,63		32,55	93,00	12.985	162,31
35	X. Yên Bài	Ba Vì	X		3639	44,86		35,37	101,06	8.112	101,40
36	X. Khánh Thượng	Ba Vì	X		4558	49,99		27,68	79,09	9.117	113,96
37	X. Đại Yên	Chương Mỹ						4,35	20,73	7.031	87,89
38	X. Đồng Lạc	Chương Mỹ						5,07	24,15	6.452	80,65
39	X. Đồng Phú	Chương Mỹ						3,98	18,95	7.223	90,29
40	X. Đông Phương Yên	Chương Mỹ			62	0,49		6,46	30,75	12.598	157,48
41	X. Đông Sơn	Chương Mỹ						7,54	35,89	11.822	147,78
42	X. Hòa Chính	Chương Mỹ						4,63	22,03	7.649	95,61
43	X. Hoàng Diệu	Chương Mỹ						8,10	38,55	11.832	147,90
44	X. Hoàng Văn Thụ	Chương Mỹ						12,88	61,33	13.770	172,13
45	X. Hồng Phong	Chương Mỹ						3,19	15,19	5.519	68,99
46	X. Hợp Đồng	Chương Mỹ						4,87	23,21	7.845	98,06

76	X. Liên Hà	Đan Phượng						3,48	16,58	9.637	120,46
77	X. Liên Trung	Đan Phượng						4,54	21,60	8.724	109,05
78	X. Thượng Mỗ	Đan Phượng						3,54	16,88	10.246	128,08
79	X. Hạ Mỗ	Đan Phượng						3,77	17,95	9.687	121,09
80	X. Tân Hội	Đan Phượng						5,54	26,39	21.587	269,84
81	X. Tân Lập	Đan Phượng						5,71	27,20	23.731	296,64
82	X. Bắc Hồng	Đông Anh						7,20	34,29	15.571	194,64
83	X. Cổ Loa	Đông Anh						8,43	40,14	20.546	256,83
84	X. Đại Mạch	Đông Anh						8,43	40,14	15.818	197,73
85	X. Đông Hội	Đông Anh						7,25	34,51	16.054	200,68
86	X. Dục Tú	Đông Anh						8,69	41,38	19.687	246,09
87	X. Hải Bối	Đông Anh						8,27	39,37	19.915	248,94
88	X. Kim Chung	Đông Anh						7,70	36,66	21.881	273,51
89	X. Kim Nỗ	Đông Anh						6,51	31,00	16.526	206,58
90	X. Liên Hà	Đông Anh						8,21	39,12	19.472	243,40
91	X. Mai Lâm	Đông Anh						6,18	29,45	14.656	183,20
92	X. Nam Hồng	Đông Anh						9,15	43,57	17.706	221,33
93	X. Nguyên Khê	Đông Anh						7,93	37,74	16.263	203,29
94	X. Tàm Xá	Đông Anh						4,58	21,81	15.372	192,15
95	X. Thụy Lâm	Đông Anh						11,26	53,64	21.884	273,55
96	X. Tiên Dương	Đông Anh						10,15	48,31	20.349	254,36
97	X. Uy Nỗ	Đông Anh						7,72	36,77	19.366	242,08
98	X. Vân Hà	Đông Anh						5,24	24,95	11.989	149,86
99	X. Vân Nội	Đông Anh						6,53	31,09	13.770	172,13
100	X. Việt Hùng	Đông Anh						8,66	41,26	18.614	232,68
101	X. Vĩnh Ngọc	Đông Anh						9,56	45,54	17.940	224,25
102	X. Võng La	Đông Anh						6,44	30,69	12.505	156,31
103	X. Xuân Canh	Đông Anh						6,31	30,03	13.279	165,99
104	X. Xuân Nộn	Đông Anh						10,89	51,84	16.298	203,73

105	X. Trung Mậu	Gia Lâm						4,30	20,49	6.246	78,08
106	X. Phù Đồng	Gia Lâm						11,82	56,30	15.475	193,44
107	X. Đình Xuyên	Gia Lâm			104	0,91		3,08	14,68	11.396	142,45
108	X. Ninh Hiệp	Gia Lâm			48	0,24		4,92	23,44	20.147	251,84
109	X. Yên Thường	Gia Lâm			18	0,09		8,67	41,29	19.872	248,40
110	X. Dương Hà	Gia Lâm			54	0,72		2,70	12,86	7.452	93,15
111	X. Yên Viên	Gia Lâm			6	0,04		3,73	17,76	14.484	181,05
112	X. Cổ Bi	Gia Lâm						4,81	22,92	14.526	181,58
113	X. Văn Đức	Gia Lâm			34	0,40		6,66	31,72	8.396	104,95
114	X. Bát Tràng	Gia Lâm			15	0,17		1,65	7,86	8.836	110,45
115	X. Kim Lan	Gia Lâm						2,74	13,05	6.733	84,16
116	X. Dương Xá	Gia Lâm						4,95	23,56	14.787	184,84
117	X. Đặng Xá	Gia Lâm			12	0,06		6,03	28,72	19.914	248,93
118	X. Phú Thị	Gia Lâm						5,09	24,24	9.780	122,25
119	X. Đa Tốn	Gia Lâm						7,40	35,22	19.884	248,55
120	X. Kiều Ky	Gia Lâm			24	0,17		5,88	27,98	13.856	173,20
121	X. Đông Dư	Gia Lâm						3,77	17,96	6.730	84,13
122	X. Dương Quang	Gia Lâm			100	0,71		5,68	27,07	14.010	175,13
123	X. Kim Sơn	Gia Lâm						6,32	30,09	15.252	190,65
124	X. Lệ Chi	Gia Lâm			10	0,08		8,25	39,29	12.159	151,99
125	X. Đức Thượng	Hoài Đức						5,25	25,01	16.082	201,03
126	X. Minh Khai	Hoài Đức			17	0,25		1,95	9,29	6.680	83,50
127	X. Dương Liễu	Hoài Đức			23	0,15		4,35	20,72	15.108	188,85
128	X. Di Trạch	Hoài Đức			62	0,59		2,83	13,46	10.567	132,09
129	X. Đức Giang	Hoài Đức			66	0,45		3,36	16,01	14.540	181,75
130	X. Cát Quế	Hoài Đức			45	0,24		4,20	19,99	18.929	236,61
131	X. Kim Chung	Hoài Đức			152	0,89		3,90	18,57	17.066	213,33
132	X. Yên Sở	Hoài Đức						4,86	23,14	11.799	147,49
133	X. Sơn Đồng	Hoài Đức			35	0,32		3,33	15,87	10.987	137,34

47	X. Hữu Văn	Chương Mỹ						5,59	26,64	10.915	136,44
48	X. Lam Điền	Chương Mỹ						8,08	38,49	12.964	162,05
49	X. Mỹ Lương	Chương Mỹ						6,98	33,24	9.573	119,66
50	X. Nam Phương Tiến	Chương Mỹ			145	1,26		16,26	77,42	11.553	144,41
51	X. Ngọc Hòa	Chương Mỹ			46	0,44		5,68	27,05	10.434	130,43
52	X. Phú Nam An	Chương Mỹ			19	0,40		3,38	16,09	4.786	59,83
53	X. Phú Nghĩa	Chương Mỹ			16	0,12		8,29	39,46	12.955	161,94
54	X. Phụng Châu	Chương Mỹ						6,90	32,88	13.626	170,33
55	X. Quảng Bị	Chương Mỹ			32	0,24		7,17	34,13	13.488	168,60
56	X. Tân Tiến	Chương Mỹ						13,12	62,48	12.495	156,19
57	X. Thanh Bình	Chương Mỹ						5,31	25,27	7.847	98,09
58	X. Thượng Vực	Chương Mỹ						4,78	22,78	7.864	98,30
59	X. Thụy Hương	Chương Mỹ						5,47	26,07	10.260	128,25
60	X. Thủy Xuân Tiên	Chương Mỹ						13,70	65,24	20.493	256,16
61	X. Tiên Phương	Chương Mỹ			10	0,05		8,15	38,80	18.240	228,00
62	X. Tốt Động	Chương Mỹ						9,15	43,56	16.738	209,23
63	X. Trần Phú	Chương Mỹ	X		486	4,41		16,20	77,15	11.017	137,71
64	X. Trung Hòa	Chương Mỹ						6,61	31,46	11.990	149,88
65	X. Trường Yên	Chương Mỹ						6,04	28,76	13.069	163,36
66	X. Văn Võ	Chương Mỹ						4,71	22,43	9.646	120,58
67	X. Đan Phượng	Đan Phượng						3,81	18,13	9.974	124,68
68	X. Song Phượng	Đan Phượng						2,54	12,09	5.328	66,60
69	X. Đồng Tháp	Đan Phượng						2,78	13,22	9.226	115,33
70	X. Phương Đình	Đan Phượng						6,25	29,78	13.699	171,24
71	X. Thọ Xuân	Đan Phượng						4,54	21,60	11.389	142,36
72	X. Thọ An	Đan Phượng						5,58	26,58	12.351	154,39
73	X. Trung Châu	Đan Phượng						8,01	38,16	9.573	119,66
74	X. Hồng Hà	Đan Phượng						9,90	47,15	13.964	174,55
75	X. Liên Hồng	Đan Phượng						5,20	24,76	8.473	105,91

134	X. Vân Canh	Hoài Đức						4,50	21,41	14.720	184,00
135	X. Đắc Sở	Hoài Đức			25	0,47		2,05	9,74	5.278	65,98
136	X. Lại Yên	Hoài Đức			44	0,51		3,28	15,62	8.659	108,24
137	X. Tiền Yên	Hoài Đức			25	0,33		3,08	14,66	7.536	94,20
138	X. Song Phương	Hoài Đức			68	0,46		5,77	27,48	14.880	186,00
139	X. An Khánh	Hoài Đức			304	1,75		8,50	40,49	17.414	217,68
140	X. An Thượng	Hoài Đức						7,78	37,05	18.089	226,11
141	X. Vân Côn	Hoài Đức						6,62	31,53	15.491	193,64
142	X. La Phù	Hoài Đức			84	0,61		3,52	16,74	13.701	171,26
143	X. Đông La	Hoài Đức						4,52	21,52	14.822	185,28
144	X. Đại Thịnh	Mê Linh						8,35	39,76	14.743	184,29
145	X. Kim Hoa	Mê Linh			129	1,00		7,58	36,10	12.907	161,34
146	X. Thạch Đà	Mê Linh						7,66	36,48	16.787	209,84
147	X. Tiến Thắng	Mê Linh						8,59	40,90	16.810	210,13
148	X. Tự Lập	Mê Linh						6,70	31,90	13.556	169,45
149	X. Thanh Lâm	Mê Linh						12,53	59,67	20.435	255,44
150	X. Tam Đồng	Mê Linh			58	0,54		6,74	32,10	10.702	133,78
151	X. Liên Mạc	Mê Linh						8,13	38,71	16.863	210,79
152	X. Vạn Yên	Mê Linh			5	0,08		3,12	14,86	6.357	79,46
153	X. Chu Phan	Mê Linh						7,89	37,57	11.368	142,10
154	X. Tiến Thịnh	Mê Linh						7,34	34,95	13.671	170,89
155	X. Mê Linh	Mê Linh						6,01	28,62	15.141	189,26
156	X. Văn Khê	Mê Linh						13,51	64,33	17.415	217,69
157	X. Hoàng Kim	Mê Linh			5	0,07		5,53	26,33	6.838	85,48
158	X. Tiền Phong	Mê Linh						10,59	50,43	21.233	265,41
159	X. Tráng Việt	Mê Linh			125	0,97		7,30	34,76	12.878	160,98
160	X. Phù Lưu Tế	Mỹ Đức			41	0,44		6,71	47,92	9.396	117,45
161	X. Đồng Tâm	Mỹ Đức			57	0,59		8,42	40,10	9.664	120,80
162	X. Thượng Lâm	Mỹ Đức			6	0,08		6,54	31,15	7.096	88,70

163	X. Phúc Lâm	Mỹ Đức			36	0,36		4,90	23,35	10.036	125,45
164	X. Tuy Lai	Mỹ Đức			37	0,26		20,48	97,51	13.992	174,90
165	X. Bột Xuyên	Mỹ Đức			46	0,50		5,81	27,66	9.169	114,61
166	X. Mỹ Thành	Mỹ Đức			18	0,45		3,91	18,63	3.967	49,59
167	X. An Mỹ	Mỹ Đức			29	0,36		6,04	28,77	7.984	99,80
168	X. Hồng Sơn	Mỹ Đức			32	0,40		17,05	81,20	7.995	99,94
169	X. Lê Thanh	Mỹ Đức			30	0,22		7,57	36,05	13.703	171,29
170	X. Xuy Xá	Mỹ Đức			29	0,31		5,33	25,38	9.502	118,78
171	X. Phùng Xá	Mỹ Đức			14	0,15		4,41	21,02	9.169	114,61
172	X. Đại Hưng	Mỹ Đức			81	0,97		7,00	33,32	8.359	104,49
173	X. Vạn Kim	Mỹ Đức			35	0,44		6,17	29,38	7.978	99,73
174	X. Đốc Tín	Mỹ Đức			19	0,36		3,45	16,42	5.247	65,59
175	X. Hương Sơn	Mỹ Đức			57	0,24		40,89	194,73	23.361	292,01
176	X. Hùng Tiến	Mỹ Đức			49	0,61		8,83	42,05	8.056	100,70
177	X. An Tiến	Mỹ Đức			52	0,68		9,77	46,53	7.692	96,15
178	X. Hợp Thanh	Mỹ Đức			109	0,68		11,23	53,47	16.144	201,80
179	X. Hợp Tiến	Mỹ Đức			142	0,95		13,98	66,59	14.912	186,40
180	X. An Phú	Mỹ Đức	X		5610	56,35		22,84	108,77	9.955	124,44
181	X. Bạch Hạ	Phú Xuyên						5,80	27,63	10.130	126,63
182	X. Châu Can	Phú Xuyên						8,55	40,71	11.862	148,28
183	X. Chuyên Mỹ	Phú Xuyên						8,54	40,69	10.626	132,83
184	X. Đại Thắng	Phú Xuyên						4,18	19,93	7.202	90,03
185	X. Đại Xuyên	Phú Xuyên						9,35	44,55	10.134	126,68
186	X. Hoàng Long	Phú Xuyên						10,58	50,39	11.320	141,50
187	X. Hồng Minh	Phú Xuyên						5,65	26,90	9.279	115,99
188	X. Hồng Thái	Phú Xuyên						9,24	44,02	8.630	107,88
189	X. Khai Thái	Phú Xuyên						9,27	44,13	9.982	124,78
190	X. Minh Tân	Phú Xuyên						8,24	39,23	15.605	195,06
191	X. Nam Phong	Phú Xuyên						3,75	17,87	5.280	66,00

192	X. Nam Tiến	Phú Xuyên						6,81	32,44	9.369	117,11
193	X. Nam Triều	Phú Xuyên						5,88	28,01	7.200	90,00
194	X. Phú Túc	Phú Xuyên						7,85	37,39	9.697	121,21
195	X. Phú Yên	Phú Xuyên						4,34	20,65	6.379	79,74
196	X. Phúc Tiến	Phú Xuyên						7,40	35,25	10.899	136,24
197	X. Phượng Dực	Phú Xuyên						6,58	31,35	10.250	128,13
198	X. Quang Lăng	Phú Xuyên						6,05	28,80	7.158	89,48
199	X. Quang Trung	Phú Xuyên						4,15	19,77	5.126	64,08
200	X. Sơn Hà	Phú Xuyên						3,78	18,00	6.304	78,80
201	X. Tân Dân	Phú Xuyên						7,60	36,17	9.878	123,48
202	X. Tri Thủy	Phú Xuyên						5,55	26,44	11.507	143,84
203	X. Tri Trung	Phú Xuyên						3,80	18,10	4.666	58,33
204	X. Văn Hoàng	Phú Xuyên						6,03	28,73	7.526	94,08
205	X. Vân Từ	Phú Xuyên						6,51	31,01	5.790	72,38
206	X. Võng Xuyên	Phúc Thọ						7,51	35,76	19.511	243,89
207	X. Phụng Thượng	Phúc Thọ						6,27	29,83	15.152	189,40
208	X. Trạch Mỹ Lộc	Phúc Thọ						5,47	26,05	8.036	100,45
209	X. Thanh Đa	Phúc Thọ						4,39	20,89	8.243	103,04
210	X. Phúc Hòa	Phúc Thọ						4,13	19,69	7.465	93,31
211	X. Hiệp Thuận	Phúc Thọ						7,35	34,99	11.752	146,90
212	X. Sen Phương	Phúc Thọ						7,85	37,39	13.221	165,26
213	X. Long Xuyên	Phúc Thọ						6,78	32,29	9.518	118,98
214	X. Xuân Đình	Phúc Thọ						9,13	43,45	10.391	129,89
215	X. Thọ Lộc	Phúc Thọ						3,79	18,07	8.618	107,73
216	X. Liên Hiệp	Phúc Thọ					<i>Đình Hạ Hiệp (di tích Quốc gia đặc biệt)</i>	4,28	20,40	11.385	142,31
217	X. Tam Hiệp	Phúc Thọ						5,61	26,73	13.774	172,18
218	X. Tích Giang	Phúc Thọ					<i>Đình Tường Phiêu (di tích Quốc gia đặc biệt)</i>	6,21	29,57	9.936	124,20

219	X. Tam Thuần	Phúc Thọ						4,78	22,78	7.381	92,26
220	X. Vân Nam	Phúc Thọ						6,31	30,05	7.652	95,65
221	X. Vân Phúc	Phúc Thọ						5,27	25,10	7.787	97,34
222	X. Thượng Cốc	Phúc Thọ						3,26	15,52	6.111	76,39
223	X. Hát Môn	Phúc Thọ						4,37	20,80	9.547	119,34
224	X. Ngọc Tảo	Phúc Thọ						6,89	32,82	9.450	118,13
225	X. Vân Hà	Phúc Thọ						5,08	24,19	2.372	29,65
226	X. Cấn Hữu	Quốc Oai			44	0,39		9,85	46,92	11.233	140,41
227	X. Cộng Hòa	Quốc Oai			18	0,24		4,46	21,25	7.348	91,85
228	X. Đại Thành	Quốc Oai			6	0,09		2,69	12,82	6.988	87,35
229	X. Đồng Quang	Quốc Oai			33	0,19		10,98	52,27	16.959	211,99
230	X. Đông Xuân	Quốc Oai	X		4.474	78,26		16,19	46,27	5.717	71,46
231	X. Đông Yên	Quốc Oai			102	0,72		12,64	60,20	14.228	177,85
232	X. Hòa Thạch	Quốc Oai			153	1,06		18,38	87,51	14.482	181,03
233	X. Liệp Tuyết	Quốc Oai			15	0,24		3,93	18,71	6.159	76,99
234	X. Nghĩa Hương	Quốc Oai			26	0,34		3,67	17,49	7.736	96,70
235	X. Ngọc Liệp	Quốc Oai			30	0,31		6,40	30,47	9.565	119,56
236	X. Ngọc Mỹ	Quốc Oai			54	0,43		5,57	26,50	12.481	156,01
237	X. Phú Cát	Quốc Oai			128	1,35		11,23	53,46	9.458	118,23
238	X. Phú Mãn	Quốc Oai	X		2.323	90,78		8,99	25,69	2.559	17,06
239	X. Phượng Cách	Quốc Oai			29	0,42		2,65	12,62	6.915	86,44
240	X. Sài Sơn	Quốc Oai			19	0,09		10,15	48,33	21.774	272,18
241	X. Tân Hòa	Quốc Oai			46	0,57		3,85	18,34	8.136	101,70
242	X. Tân Phú	Quốc Oai			9	0,14		2,91	13,86	6.270	78,38
243	X. Thạch Thán	Quốc Oai			36	0,51		2,08	9,90	7.041	88,01
244	X. Tuyết Nghĩa	Quốc Oai			32	0,42		5,14	24,49	7.692	96,15
245	X. Yên Sơn	Quốc Oai			36	0,43		4,32	20,57	8.451	105,64
246	X. Bắc Sơn	Sóc Sơn						30,05	143,11	19.502	243,78
247	X. Minh Trí	Sóc Sơn						23,58	112,27	16.312	203,90

248	X. Hồng kỳ	Sóc Sơn						14,38	68,47	14.112	176,40
249	X. Nam Sơn	Sóc Sơn						24,42	116,27	10.749	134,36
250	X. Trung Giã	Sóc Sơn						8,67	41,29	16.367	204,59
251	X. Tân Hưng	Sóc Sơn						9,16	43,61	13.031	162,89
252	X. Minh Phú	Sóc Sơn						18,92	90,10	14.534	181,68
253	X. Phù Linh	Sóc Sơn						13,93	66,32	12.981	162,26
254	X. Bắc Phú	Sóc Sơn						11,34	54,00	12.670	158,38
255	X. Tân Minh	Sóc Sơn						12,49	59,49	18.761	234,51
256	X. Quang Tiến	Sóc Sơn						13,35	63,57	12.376	154,70
257	X. Hiền Ninh	Sóc Sơn						13,14	62,56	14.206	177,58
258	X. Tân Dân	Sóc Sơn						10,30	49,04	16.775	209,69
259	X. Tiên Dược	Sóc Sơn						13,07	62,22	19.792	247,40
260	X. Việt Long	Sóc Sơn						7,33	34,89	10.210	127,63
261	X. Xuân Giang	Sóc Sơn						9,20	43,82	11.535	144,19
262	X. Mai Đình	Sóc Sơn						14,68	69,90	23.786	297,33
263	X. Đức Hoà	Sóc Sơn						7,36	35,03	9.958	124,48
264	X. Thanh Xuân	Sóc Sơn						8,68	41,34	15.582	194,78
265	X. Đông Xuân	Sóc Sơn						7,14	33,99	15.581	194,76
266	X. Kim Lũ	Sóc Sơn						5,30	25,26	12.482	156,03
267	X. Phú Cường	Sóc Sơn						8,52	40,57	15.371	192,14
268	X. Phú Minh	Sóc Sơn						7,55	35,97	12.086	151,08
269	X. Phù Lỗ	Sóc Sơn						6,25	29,76	19.445	243,06
270	X. Xuân Thu	Sóc Sơn						5,63	26,81	12.706	158,83
271	X. Bình Phú	Thạch Thất						4,95	23,57	11.893	148,66
272	X. Bình Yên	Thạch Thất						11,69	55,67	13.705	171,31
273	X. Canh Nậu	Thạch Thất						5,06	24,10	16.424	205,30
274	X. Cẩm Yên	Thạch Thất						4,03	19,19	8.728	109,10
275	X. Cấn Kiệm	Thạch Thất						7,19	34,24	11.149	139,36
276	X. Chàng Sơn	Thạch Thất						2,74	13,05	11.458	143,23

277	X. Dị Nậu	Thạch Thất						3,20	15,24	8.246	103,08
278	X. Đại Đồng	Thạch Thất						5,29	25,19	11.444	143,05
279	X. Đồng Trúc	Thạch Thất						6,66	31,71	7.547	94,34
280	X. Hạ Bằng	Thạch Thất						6,81	32,43	7.799	97,49
281	X. Hương Ngải	Thạch Thất						4,80	22,86	10.172	127,15
282	X. Hữu Bằng	Thạch Thất						1,89	9,00	19.378	242,23
283	X. Kim Quan	Thạch Thất						4,60	21,90	9.713	121,41
284	X. Lại Thượng	Thạch Thất						8,78	41,81	11.124	139,05
285	X. Phú Kim	Thạch Thất						6,24	29,71	11.743	146,79
286	X. Phùng Xá	Thạch Thất						4,67	22,24	14.115	176,44
287	X. Tân X.	Thạch Thất						8,61	41,00	6.055	75,69
288	X. Thạch Hoà	Thạch Thất						27,00	128,57	10.835	135,44
289	X. Thạch Xá	Thạch Thất						3,40	16,19	8.068	100,85
290	X. Tiến Xuân	Thạch Thất	X					21,68	61,94	8.449	56,33
291	X. Yên Bình	Thạch Thất	X					19,63	56,09	7.999	53,33
292	X. Yên Trung	Thạch Thất	X					15,62	44,63	4.074	27,16
293	X. Cự Khê	Thanh Oai			620	2,61		5,68	27,07	23.789	297,36
294	X. Bích Hòa	Thanh Oai			26	0,21		5,23	24,92	12.107	151,34
295	X. Cao Viên	Thanh Oai			190	0,90		7,22	34,40	21.053	263,16
296	X. Thanh Cao	Thanh Oai			14	0,12		4,69	22,34	11.604	145,05
297	X. Bình Minh	Thanh Oai			23	0,15		6,76	32,19	15.093	188,66
298	X. Tam Hưng	Thanh Oai			16	0,12		11,04	52,58	13.621	170,26
299	X. Thanh Thù	Thanh Oai			40	0,42		5,30	25,25	9.568	119,60
300	X. Mỹ Hưng	Thanh Oai						6,33	30,14	8.028	100,35
301	X. Thanh Mai	Thanh Oai			59	0,51		5,48	26,08	11.649	145,61
302	X. Thanh Văn	Thanh Oai						6,78	32,27	7.110	88,88
303	X. Đỗ Động	Thanh Oai						6,38	30,37	4.087	51,09
304	X. Kim An	Thanh Oai						2,93	13,94	4.246	53,08
305	X. Kim Thư	Thanh Oai			50	0,76		2,92	13,90	6.554	81,93

306	X. Phương Trung	Thanh Oai			67	0,37		4,79	22,81	18.033	225,41
307	X. Dân Hòa	Thanh Oai			112	0,22		5,22	24,84	50.567	632,09
308	X. Hồng Dương	Thanh Oai			58	0,43		10,04	47,83	13.419	167,74
309	X. Cao Dương	Thanh Oai			22	0,18		4,58	21,82	12.444	155,55
310	X. Xuân Dương	Thanh Oai			18	0,26		3,59	17,08	6.929	86,61
311	X. Tân Ước	Thanh Oai						8,73	41,58	8.593	107,41
312	X. Liên Châu	Thanh Oai						6,28	29,88	10.803	135,04
313	X. Tam Hiệp	Thanh Trì			81	0,50		3,20	15,24	16.359	204,49
314	X. Tứ Hiệp	Thanh Trì			157	0,63		4,21	20,05	24.779	309,74
315	X. Ngọc Hồi	Thanh Trì			71	0,52		3,80	18,10	13.725	171,56
316	X. Tân Triều	Thanh Trì						2,99	14,26	30.723	384,04
317	X. Hữu Hòa	Thanh Trì			43	0,33		2,96	14,11	13.062	163,28
318	X. Tả Thanh Oai	Thanh Trì						8,09	38,54	35.450	443,13
319	X. Vạn Phúc	Thanh Trì						5,29	25,20	13.863	173,29
320	X. Vĩnh Quỳnh	Thanh Trì			59	0,20		6,42	30,57	29.782	372,28
321	X. Duyên Hà	Thanh Trì			27	0,41		2,76	13,16	6.600	82,50
322	X. Thanh Liệt	Thanh Trì			115	0,60		3,49	16,63	19.081	238,51
323	X. Ngũ Hiệp	Thanh Trì			107	0,55		3,24	15,45	19.284	241,05
324	X. Yên Mỹ	Thanh Trì			19	0,30		3,84	18,29	6.254	78,18
325	X. Đông Mỹ	Thanh Trì			41	0,41		2,77	13,19	9.943	124,29
326	X. Đại Áng	Thanh Trì						5,25	25,01	12.123	151,54
327	X. Liên Ninh	Thanh Trì						4,23	20,16	16.469	205,86
328	X. Chương Dương	Thường Tín			28	0,46		4,10	19,54	6.128	76,60
329	X. Dũng Tiến	Thường Tín			4	0,04		6,19	29,49	9.423	117,79
330	X. Duyên Thái	Thường Tín			35	0,28		4,02	19,16	12.688	158,60
331	X. Hà Hồi	Thường Tín			16	0,14		3,93	18,70	11.423	142,79
332	X. Hồng Vân	Thường Tín			16	0,25		4,47	21,30	6.476	80,95
333	X. Hiền Giang	Thường Tín			11	0,21		3,24	15,44	5.152	64,40
334	X. Hòa Bình	Thường Tín			41	0,55		3,89	18,52	7.444	93,05

335	X. Khánh Hà	Thường Tín			22	0,17		4,75	22,62	12.812	160,15
336	X. Lê Lợi	Thường Tín			14	0,15		5,11	24,35	9.239	115,49
337	X. Liên Phương	Thường Tín			7	0,08		2,70	12,87	9.079	113,49
338	X. Minh Cường	Thường Tín			7	0,07		4,73	22,53	10.597	132,46
339	X. Nghiêm Xuyên	Thường Tín			20	0,30		5,70	27,14	6.756	84,45
340	X. Nguyễn Trãi	Thường Tín			16	0,15		6,01	28,61	10.479	130,99
341	X. Nhị Khê	Thường Tín			21	0,26		2,79	13,29	8.066	100,83
342	X. Ninh Sở	Thường Tín			10	0,10		4,93	23,48	10.382	129,78
343	X. Quất Động	Thường Tín			51	0,55		4,83	22,98	9.292	116,15
344	X. Tân Minh	Thường Tín			13	0,13		6,18	29,41	9.722	121,53
345	X. Thắng Lợi	Thường Tín			15	0,15		6,01	28,61	10.098	126,23
346	X. Thống Nhất	Thường Tín			17	0,21		4,92	23,43	8.237	102,96
347	X. Thư Phú	Thường Tín			13	0,18		2,50	11,90	7.069	88,36
348	X. Tiền Phong	Thường Tín			28	0,03		4,82	22,96	105.387	1317,34
349	X. Tô Hiệu	Thường Tín			12	0,09		5,54	26,37	12.658	158,23
350	X. Tự Nhiên	Thường Tín			34	0,32		6,10	29,04	10.551	131,89
351	X. Văn Bình	Thường Tín			26	0,21		5,19	24,71	12.347	154,34
352	X. Vạn Điểm	Thường Tín			48	0,56		3,06	14,57	8.579	107,24
353	X. Văn Phú	Thường Tín			9	0,10		3,18	15,16	8.659	108,24
354	X. Vân Tảo	Thường Tín			22	0,17		5,13	24,41	12.905	161,31
355	X. Văn Tự	Thường Tín			33	0,33		5,17	24,62	10.137	126,71
356	X. Viên An	Ứng Hòa						4,70	22,38	8.092	101,15
357	X. Viên Nội	Ứng Hòa						4,50	21,43	5.426	67,83
358	X. Cao Thành	Ứng Hòa						3,85	18,33	5.433	67,91
359	X. Hoa Sơn	Ứng Hòa						6,70	31,90	8.631	107,89
360	X. Trường Thịnh	Ứng Hòa						5,81	27,67	8.146	101,83
361	X. Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa						8,59	40,90	14.907	186,34
362	X. Liên Bạt	Ứng Hòa						8,11	38,62	8.919	111,49
363	X. Sơn Công	Ứng Hòa						6,51	31,00	8.103	101,29

364	X. Đồng Tiến	Ứng Hòa						6,20	29,52	9.258	115,73
365	X. Vạn Thái	Ứng Hòa			46	0,39		5,96	28,38	11.678	145,98
366	X. Hòa Xá	Ứng Hòa			31	0,54		2,20	10,48	5.769	72,11
367	X. Hòa Nam	Ứng Hòa						4,25	20,24	13.730	171,63
368	X. Hòa Phú	Ứng Hòa						6,35	30,24	8.723	109,04
369	X. Phù Lưu	Ứng Hòa			8	0,13		4,68	22,29	6.155	76,94
370	X. Lưu Hoàng	Ứng Hòa						3,84	18,29	6.463	80,79
371	X. Hồng Quang	Ứng Hòa						5,24	24,95	8.610	107,63
372	X. Đội Bình	Ứng Hòa			33	0,35		7,90	37,62	9.366	117,08
373	X. Phương Tú	Ứng Hòa			22	0,16		10,47	49,86	14.023	175,29
374	X. Trung Tú	Ứng Hòa			25	0,26		9,86	46,95	9.508	118,85
375	X. Đồng Tân	Ứng Hòa						6,39	30,43	6.361	79,51
376	X. Hòa Lâm	Ứng Hòa						9,49	45,19	7.736	96,70
377	X. Trầm Lộng	Ứng Hòa			45	0,81		7,17	34,14	5.586	69,83
378	X. Kim Đường	Ứng Hòa						8,70	41,43	8.906	111,33
379	X. Minh Đức	Ứng Hòa			12	0,17		8,69	41,38	7.235	90,44
380	X. Đại Hùng	Ứng Hòa			39	0,66		4,88	23,24	5.905	73,81
381	X. Đại Cường	Ứng Hòa						4,95	23,57	5.637	70,46
382	X. Đông Lỗ	Ứng Hòa			34	0,51		7,67	36,52	6.712	83,90
383	X. Tảo Dương Văn	Ứng Hòa			40	0,48		8,53	40,62	8.343	104,29
II	Các thị trấn										
1	Thị trấn Tây Đằng	Ba Vì						12,28	87,71	17.817	222,71
2	TT Chúc Sơn	Chương Mỹ						5,24	37,44	15.438	192,98
3	TT Xuân Mai	Chương Mỹ			91	0,39		9,60	68,56	23.326	291,58
4	Thị trấn Phùng	Đan Phượng						2,63	18,81	11.994	149,93
5	Thị trấn Đông Anh	Đông Anh						4,39	31,38	32.251	403,14
6	Thị trấn Trâu Quỳ	Gia Lâm			178	0,82		7,19	51,32	21.667	270,84
7	Thị trấn Yên Viên	Gia Lâm						0,97	6,93	13.612	170,15
8	Thị trấn Tràm Trôi	Hoài Đức			46	0,57		1,28	9,12	8.016	100,20

9	Thị trấn Chi Đông	Mê Linh						4,64	33,14	9.652	120,65
10	Thị trấn Quang Minh	Mê Linh						9,02	64,43	19.293	241,16
11	Thị trấn Đại Nghĩa	Mỹ Đức			72	0,78		4,95	23,59	9.210	115,13
12	Thị trấn Phú Minh	Phú Xuyên						1,10	7,86	5.656	70,70
13	Thị trấn Phú Xuyên	Phú Xuyên						6,96	49,72	12.500	156,25
14	Thị trấn Phúc Thọ	Phúc Thọ						3,73	26,66	9.725	121,56
15	Thị trấn Quốc Oai	Quốc Oai			20	0,13		5,10	36,43	15.809	197,61
16	Thị trấn Sóc Sơn	Sóc Sơn			27	0,45		1,07	7,64	6.006	75,08
17	Thị trấn Liên Quan	Thạch Thất						2,98	21,29	7.217	90,21
18	Thị trấn Kim Bài	Thanh Oai			29	0,37		4,50	32,16	7.753	96,91
19	Thị trấn Văn Điển	Thanh Trì			115	0,61		0,90	6,43	18.948	236,85
20	Thị trấn Thường Tín	Thường Tín			50	0,77		0,90	6,42	6.507	81,34
21	Thị trấn Vân Đình	Ứng Hòa			29,00	0,18		6,04	43,14	16.474	205,93
III	Các phường								0,00		0,00
1	P. Cống Vị	Ba Đình			24	0,14		0,53	9,64	17.478	116,52
2	P. Điện Biên	Ba Đình			128	1,42		0,94	17,12	8.999	59,99
3	P. Đội Cấn	Ba Đình			17	0,12		0,40	7,36	14.726	98,17
4	P. Giảng Võ	Ba Đình			19	0,08		0,61	11,09	22.422	149,48
5	P. Kim Mã	Ba Đình			16	0,12		0,48	8,73	13.155	87,70
6	P. Liễu Giai	Ba Đình			76	0,38		0,68	12,38	19.805	132,03
7	P. Ngọc Hà	Ba Đình			27	0,13		0,82	14,99	20.462	136,41
8	P. Ngọc Khánh	Ba Đình						1,01	18,36	22.835	152,23
9	P. N.T.Trực	Ba Đình			7	0,11		0,16	2,91	6.601	44,01
10	P. Phúc Xá	Ba Đình			25	0,13		0,89	16,25	18.679	124,53
11	P. Quán Thánh	Ba Đình			23	0,30		0,78	14,14	7.700	51,33
12	P. Thành Công	Ba Đình			75	0,36		0,64	11,68	20.910	139,40
13	P. Trúc Bạch	Ba Đình			12	0,12		0,50	9,09	10.181	67,87
14	P. Vĩnh Phúc	Ba Đình			127	0,55		0,71	13,00	22.967	153,11
15	P. Cổ Nhuế 1	Bắc Từ Liêm						2,22	40,36	24.647	164,31

16	P. Cỏ Nhuế 2	Bắc Từ Liêm						4,13	75,09	30.428	202,85
17	P. Đông Ngạc	Bắc Từ Liêm						2,52	45,82	24.553	163,69
18	P. Đức Thắng	Bắc Từ Liêm						1,20	21,82	13.687	91,25
19	P. Liên Mạc	Bắc Từ Liêm						6,41	116,55	11.198	74,65
20	P. Minh Khai	Bắc Từ Liêm						5,13	93,27	18.683	124,55
21	P. Phú Diễn	Bắc Từ Liêm						2,84	51,64	28.381	189,21
22	P. Phúc Diễn	Bắc Từ Liêm						2,38	43,27	14.881	99,21
23	P. Tây Tựu	Bắc Từ Liêm						5,53	100,55	19.207	128,05
24	P. Thượng Cát	Bắc Từ Liêm						4,16	75,64	8.565	57,10
25	P. Thụy Phương	Bắc Từ Liêm						2,93	53,27	12.579	83,86
26	P. Xuân Đình	Bắc Từ Liêm						3,52	64,00	36.506	243,37
27	P. Xuân Tảo	Bắc Từ Liêm						2,26	41,09	12.256	81,71
28	P. Dịch Vọng	Cầu Giấy			98	0,34		1,35	19,82	28.531	190,21
29	P. Dịch Vọng Hậu	Cầu Giấy			64	0,20		1,61	29,18	32.076	213,84
30	P. Mai Dịch	Cầu Giấy			298	0,73		2,02	36,65	40.922	272,81
31	P. Nghĩa Đô	Cầu Giấy			112	0,32		1,34	24,40	35.442	236,28
32	P. Nghĩa Tân	Cầu Giấy			122	0,53		0,68	12,36	22.967	153,11
33	P. Quan Hoa	Cầu Giấy			435	1,28		0,89	16,18	34.070	227,13
34	P. Trung Hòa	Cầu Giấy			89	0,16		2,43	44,24	55.684	371,23
35	P. Yên Hòa	Cầu Giấy			215	0,43		2,06	37,45	49.502	330,01
36	P. Cát Linh	Đống Đa			55	0,59		0,37	6,73	9.245	61,63
37	P. Hàng Bột	Đống Đa			69	0,35		0,31	5,64	19.513	130,09
38	P. Khâm Thiên	Đống Đa			0	0,00		0,18	3,27	8.918	59,45
39	P. Khương Thượng	Đống Đa			34	0,26		0,34	6,18	13.251	88,34
40	P. Kim Liên	Đống Đa			32	0,22		0,34	6,18	14.466	96,44
41	P. Láng Hạ	Đống Đa			148	0,55		0,96	17,45	26.730	178,20
42	P. Láng Thượng	Đống Đa			202	0,67		1,22	22,18	30.112	200,75
43	P. Nam Đồng	Đống Đa			21	0,16		0,41	7,45	12.986	86,57
44	P. Ngã Tư Sở	Đống Đa			21	0,29		0,23	4,18	7.121	47,47

45	P. Ô Chợ Dừa	Đống Đa			26	0,08		1,14	20,73	31.828	212,19
46	P. Phương Liên	Đống Đa			2	0,01		0,44	8,00	14.920	99,47
47	P. Phương Mai	Đống Đa			36	0,22		0,62	11,27	16.543	110,29
48	P. Quang Trung	Đống Đa			58	0,53		0,41	7,45	10.878	72,52
49	P. Quốc Tử Giám	Đống Đa			38	0,49		0,19	3,45	7.810	52,07
50	P. Thịnh Quang	Đống Đa			5	0,03		0,45	8,18	15.948	106,32
51	P. Thổ Quan	Đống Đa			4	0,02		0,28	5,09	16.641	110,94
52	P. Trung Liệt	Đống Đa			73	0,37		0,77	14,00	19.549	130,33
53	P. Trung Phụng	Đống Đa			13	0,10		0,24	4,36	13.283	88,55
54	P. Trung Tự	Đống Đa			32	0,26		0,42	7,64	12.165	81,10
55	P. Văn Chương	Đống Đa			21	0,15		0,33	6,00	14.141	94,27
56	P. Văn Miếu	Đống Đa			59	0,63		0,29	5,27	9.393	62,62
57	P. Biên Giang	Hà Đông			17	0,19		2,76	50,18	9.023	60,15
58	P. Đồng Mai	Hà Đông			11	0,06		6,59	119,87	17.395	115,97
59	P. Dương Nội	Hà Đông						5,95	108,18	33.881	225,87
60	P. Hà Cầu	Hà Đông						1,45	26,34	24.431	162,87
61	P. Kiến Hưng	Hà Đông						4,20	76,41	42.175	281,17
62	P. La Khê	Hà Đông			1	0,00		2,89	52,59	42.438	282,92
63	P. Mộ Lao	Hà Đông						1,31	23,75	30.778	205,19
64	P. Nguyễn Trãi	Hà Đông						0,42	7,64	13.305	88,70
65	P. Phú La	Hà Đông						1,76	32,08	18.667	124,45
66	P. Phú Lãm	Hà Đông			1	0,01		2,48	45,18	19.791	131,94
67	P. Phú Lương	Hà Đông						7,06	128,41	29.194	194,63
68	P. Phúc La	Hà Đông						1,39	25,18	32.654	217,69
69	P. Quang Trung	Hà Đông						0,80	14,50	20.980	139,87
70	P. Vạn Phúc	Hà Đông			1	0,00		1,43	26,08	20.109	134,06
71	P. Văn Quán	Hà Đông			8	0,03		1,32	24,02	24.362	162,41
72	P. Yên Nghĩa	Hà Đông			4	0,01		7,61	138,35	33.060	220,40
73	P. Yết Kiêu	Hà Đông						0,21	3,83	9.672	64,48

74	P. Bạch Đằng	Hai Bà Trưng			5	0,02		1,10	19,99	26.393	175,95
75	P. Bách Khoa	Hai Bà Trưng						0,52	9,48	11.271	75,14
76	P. Bạch Mai	Hai Bà Trưng						0,26	4,66	17.086	113,91
77	P. Cầu Dền	Hai Bà Trưng			8	0,07		0,17	3,08	11.538	76,92
78	P. Đồng Mác	Hai Bà Trưng						0,15	2,78	10.021	66,81
79	P. Đồng Nhân	Hai Bà Trưng			4	0,05		0,15	2,71	8.088	53,92
80	P. Đồng Tâm	Hai Bà Trưng			7	0,05		0,51	9,35	15.153	101,02
81	P. Lê Đại Hành	Hai Bà Trưng			1	0,01		0,87	15,78	9.167	61,11
82	P. Minh Khai	Hai Bà Trưng			5	0,03		0,47	8,58	19.607	130,71
83	P. Nguyễn Du	Hai Bà Trưng						0,52	9,45	10.812	72,08
84	P. Phạm Đình Hổ	Hai Bà Trưng			1	0,01		0,48	8,66	17.774	118,49
85	P. Phố Huế	Hai Bà Trưng			16	0,14		0,20	3,67	11.391	75,94
86	P. Quỳnh Lôi	Hai Bà Trưng						0,25	4,60	11.862	79,08
87	P. Quỳnh Mai	Hai Bà Trưng						0,17	3,06	14.308	95,39
88	P. Thanh Lương	Hai Bà Trưng						1,57	28,57	26.190	174,60
89	P. Thanh Nhàn	Hai Bà Trưng						0,73	13,27	20.863	139,09
90	P. Trương Định	Hai Bà Trưng						0,52	19,82	18.856	125,71
91	P. Vĩnh Tuy	Hai Bà Trưng			17	0,04		1,60	29,13	44.657	297,71
92	P. Phúc Tân	Hoàn Kiếm						0,79	14,44	17.955	119,70
93	P. Đồng Xuân	Hoàn Kiếm						0,17	3,11	10.516	70,11
94	P. Hàng Mã	Hoàn Kiếm						0,17	3,15	10.622	70,81
95	P. Hàng Buồm	Hoàn Kiếm						0,12	2,26	11.453	76,35
96	P. Hàng Đào	Hoàn Kiếm						0,07	1,22	6.012	40,08
97	P. Hàng Bồ	Hoàn Kiếm						0,09	1,67	9.041	60,27
98	P. Cửa Đông	Hoàn Kiếm						0,16	2,82	10.624	70,83
99	P. Lý Thái Tổ	Hoàn Kiếm						0,25	4,53	11.127	74,18
100	P. Hàng Bạc	Hoàn Kiếm						0,09	1,58	7.491	49,94
101	P. Hàng Gai	Hoàn Kiếm						0,09	1,66	7.642	50,95
102	P. Chương Dương	Hoàn Kiếm						1,00	18,27	24.229	161,53

103	P. Hàng Trống	Hoàn Kiếm						0,35	6,32	15.141	100,94
104	P. Cửa Nam	Hoàn Kiếm						0,26	4,64	10.527	70,18
105	P. Hàng Bông	Hoàn Kiếm						0,18	3,21	17.937	119,58
106	P. Tràng Tiền	Hoàn Kiếm						0,39	7,02	10.666	71,11
107	P. Trần Hưng Đạo	Hoàn Kiếm						0,47	8,55	10.901	72,67
108	P. Phan Chu Trinh	Hoàn Kiếm						0,43	7,79	10.503	70,02
109	P. Hàng Bài	Hoàn Kiếm						0,27	4,95	10.534	70,23
110	P. Hoàng Văn Thụ	Hoàng Mai						1,73	31,43	28.538	190,25
111	P. Giáp Bát	Hoàng Mai						0,57	10,40	14.178	94,52
112	P. Mai Động	Hoàng Mai						0,81	14,67	49.048	326,99
113	P. Tương Mai	Hoàng Mai						0,74	13,46	27.074	180,49
114	P. Tân Mai	Hoàng Mai						0,50	9,09	22.380	149,20
115	P. Thịnh Liệt	Hoàng Mai						3,21	58,40	30.918	206,12
116	P. Đại Kim	Hoàng Mai						2,81	51,18	45.122	300,81
117	P. Hoàng Liệt	Hoàng Mai						4,84	87,95	76.592	510,61
118	P. Yên Sở	Hoàng Mai						7,50	136,32	26.261	175,07
119	P. Định Công	Hoàng Mai						2,77	50,30	39.096	260,64
120	P. Lĩnh Nam	Hoàng Mai						5,57	101,34	30.129	200,86
121	P. Vĩnh Hưng	Hoàng Mai						1,76	31,92	35.147	234,31
122	P. Thanh Trì	Hoàng Mai						3,33	60,60	18.624	124,16
123	P. Trần Phú	Hoàng Mai						4,05	73,56	16.364	109,09
124	P. Bồ Đề	Long Biên						3,68	66,89	32.591	217,27
125	P. Cự Khối	Long Biên						4,85	88,16	11.025	73,50
126	P. Đức Giang	Long Biên						2,51	45,58	30.171	201,14
127	P. Gia Thụy	Long Biên						1,42	25,89	16.669	111,13
128	P. Giang Biên	Long Biên						4,35	79,02	21.280	141,87
129	P. Long Biên	Long Biên						7,88	143,25	22.098	147,32
130	P. Ngọc Lâm	Long Biên						1,20	21,75	25.852	172,35
131	P. Ngọc Thụy	Long Biên						8,77	159,45	38.605	257,37

132	P. Phúc Đồng	Long Biên			1	0,01		4,53	82,36	16.872	112,48
133	P. Phúc Lợi	Long Biên			105	0,50		6,26	113,82	20.953	139,69
134	P. Sài Đồng	Long Biên			107	0,59		0,85	15,45	17.992	119,95
135	P. Thạch Bàn	Long Biên						5,19	94,27	28.492	189,95
136	P. Thượng Thanh	Long Biên						4,86	88,35	31.559	210,39
137	P. Việt Hưng	Long Biên						3,74	68,07	22.070	147,13
138	P. Cầu Diễn	Nam Từ Liêm						1,44	26,16	22207	148,05
139	P. Đại Mỗ	Nam Từ Liêm						5,14	93,49	31278	208,52
140	P. Mễ Trì	Nam Từ Liêm						4,46	81,09	30021	200,14
141	P. Mỹ Đình 1	Nam Từ Liêm						2,38	43,35	21270	141,80
142	P. Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm						1,94	35,33	23881	159,21
143	P. Phú Đô	Nam Từ Liêm						2,46	44,69	14079	93,86
144	P. Phương Canh	Nam Từ Liêm						2,43	44,09	15828	105,52
145	P. Tây Mỗ	Nam Từ Liêm						6,30	114,58	35526	236,84
146	P. Trung Văn	Nam Từ Liêm						2,69	48,89	29863	199,09
147	P. Xuân Phương	Nam Từ Liêm						2,93	53,22	14084	93,89
148	P. Tứ Liên	Tây Hồ						2,92	53,07	15.753	105,02
149	P. Quảng An	Tây Hồ						3,82	69,44	13.648	90,99
150	P. Bưởi	Tây Hồ						1,51	27,45	28.423	189,49
151	P. Thụy Khuê	Tây Hồ						2,06	37,40	20.163	134,42
152	P. Nhật Tân	Tây Hồ						3,41	62,00	13.211	88,07
153	P. Xuân La	Tây Hồ						2,40	43,64	24.653	164,35
154	P. Yên Phụ	Tây Hồ						1,50	27,27	24.181	161,21
155	P. Phú Thượng	Tây Hồ						6,60	120,00	27.458	183,05
156	P. Nhân Chính	Thanh Xuân						1,61	29,25	49.119	327,46
157	P. Khương Đình	Thanh Xuân						1,39	25,25	41.769	278,46
158	P. Thanh Xuân Trung	Thanh Xuân			357	0,94		1,18	21,45	37.894	252,63
159	P. Khương Mai	Thanh Xuân			228	0,93		1,06	19,27	24.604	164,03
160	P. Phương Liệt	Thanh Xuân			196	0,75		0,94	17,09	26.017	173,45

161	P. Khương Trung	Thanh Xuân				0,00		0,74	13,45	30.824	205,49
162	P. Hạ Đình	Thanh Xuân			168	0,85		0,70	12,73	19.653	131,02
163	P. Thượng Đình	Thanh Xuân						0,67	12,18	25.770	171,80
164	P. Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân			231	0,98		0,49	8,91	23.642	157,61
165	P. Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân			163	1,00		0,31	5,64	16.311	108,74
166	P. Kim Giang	Thanh Xuân			195	1,30		0,23	4,18	14.998	99,99
167	P. Lê Lợi	TX Sơn Tây			93	1,08		0,90	16,36	8.617	172,34
168	P. Phú Thịnh	TX Sơn Tây				0,00		2,59	47,09	90.158	1803,16
169	P. Ngô Quyền	TX Sơn Tây			44	0,52		0,42	7,64	8.418	168,36
170	P. Quang Trung	TX Sơn Tây			154			0,76	13,82	8.714	174,28
171	P. Sơn Lộc	TX Sơn Tây						1,12	20,36	9.160	183,20
172	P. Xuân Khanh	TX Sơn Tây			83	0,87		4,25	77,27	9.557	191,14
173	P. Viên Sơn	TX Sơn Tây			51	0,62		2,93	53,27	8.284	165,68
174	P. Trung Hưng	TX Sơn Tây			10	0,10		5,45	99,09	10.456	209,12
175	P. Trung Sơn Trầm	TX Sơn Tây			68	0,75		3,62	65,82	9.098	181,96

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phụ lục 2 - 2B

THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Kèm theo Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Các xã:										
1	Xã Châu Sơn	Huyện Ba Vì						3,55	16,90	4.937	61,71
2	Xã Phú Đông						Địa giới ổn định	3,63	17,29	6.401	80,01
3	Xã Đông Quang						Địa giới ổn định	3,88	18,48	5.748	71,85
4	Xã Đồng Phú	Huyện Chương Mỹ						3,98	18,95	7.223	90,29
5	Xã Hồng Phong							3,19	15,19	5.519	68,99
6	Xã Phú Nam An				19	0,397		3,38	16,10	4.786	59,83
7	Xã Đan Phượng	Huyện Đan Phượng						3,81	18,14	9.744	121,80
8	Xã Song Phượng							2,54	12,10	5.072	63,40
9	Xã Đồng Tháp							2,78	13,24	8.924	111,55
10	Xã Liên Hà							3,48	16,57	9.427	117,84
11	Xã Thượng Mỗ							3,54	16,86	9.925	124,06
12	Xã Hạ Mỗ							3,77	17,95	9.404	117,55
13	Xã Đình Xuyên	Huyện Gia Lâm			104	0,91	Định hướng lên phường	3,08	56,00	11.396	75,97
14	Xã Dương Hà				54	0,72	Định hướng lên phường	2,70	49,09	7.452	49,68
15	Xã Yên Viên				6	0,04	Định hướng lên phường	3,73	67,82	14.484	96,56
16	Xã Bát Tràng				15	0,17	Định hướng lên phường	1,65	30,00	8.836	58,91
17	Xã Kim Lan						Định hướng lên phường	2,74	49,82	6.733	44,89

18	Xã Đông Dư						Định hướng lên phường	3,77	68,55	6.730	44,87
19	Xã Đắc Sở	Huyện Hoài Đức			25	0,47		2,05	9,76	5.278	65,98
20	Xã Tiền Yên				24	0,32		3,08	14,67	7.536	94,20
21	Xã Đức Giang				66	0,45		3,36	16,00	14.540	181,75
22	Xã Minh Khai				17	0,25		1,95	9,29	6.680	83,50
23	Xã Lại Yên				44	0,51		3,28	15,62	8.659	108,24
24	Xã Di Trạch				62	0,59	Định hướng lên phường	2,83	51,45	10.567	70,45
25	Xã Cát Quế				45	0,24	Định hướng lên phường	4,20	76,36	18.929	126,19
26	Xã Kim Chung				152	0,89	Định hướng lên phường	3,90	70,91	17.066	113,77
27	Xã Sơn Đồng				35	0,32	Định hướng lên phường	3,33	60,55	10.987	73,25
28	Xã La Phù				84	0,61	Định hướng lên phường	3,52	64,00	13.701	91,34
29	Xã Vạn Yên	Huyện Mê Linh			5	0,08		3,12	56,73	6.357	42,38
30	Xã Mỹ Thành	Huyện Mỹ Đức			18	0,45		3,91	71,09	3.967	26,45
31	Xã Đốc Tín				19	0,36		3,45	62,73	5.247	34,98
32	Xã Tri Trung	Huyện Phú Xuyên						3,80	18,10	4.666	58,33
33	Xã Đại Thắng							4,18	19,90	7.202	90,03
34	Xã Sơn Hà							3,78	18,00	6.304	78,80
35	Xã Quang Trung							4,15	19,76	5.126	64,08
36	Xã Nam Phong							3,75	17,86	5.280	66,00
37	Xã Thọ Lộc	Huyện Phúc Thọ						3,79	18,05	8.618	107,73
38	Xã Thượng Cốc							3,26	15,52	6.111	76,39
39	Xã Vân Hà							5,08	24,19	2.372	29,65
40	Xã Phúc Hòa							4,13	19,67	7.465	93,31
41	Xã Phượng Cách	Huyện Quốc Oai			29	0,42		2,65	12,62	6.915	86,44
42	Xã Thạch Thán				36	0,51		2,08	9,90	7.041	88,01
43	Xã Tân Hòa				46	0,57		3,85	18,33	8.136	101,70
44	Xã Đại Thành				6	0,09		2,69	12,81	6.988	87,35
45	Xã Tân Phú				9	0,14		2,91	13,86	6.270	78,38
46	Xã Nghĩa Hương				26	0,34		3,67	17,48	7.736	96,70

47	Xã Liệp Tuyết			15	0,24		3,93	18,71	6.159	76,99
48	Xã Phú Mãn		x	2.323	90,78		8,99	42,81	2.559	31,99
49	Xã Dị Nậu	Huyện Thạch Thất		0	0,00		3,20	15,24	8.246	103,08
50	Xã Chàng Sơn			0	0,00		2,74	13,05	11.458	143,23
51	Xã Thạch Xá			0	0,00		3,4	16,19	8.068	100,85
52	Xã Hữu Bằng			0	0,00		1,89	9,00	19.378	242,23
53	Xã Cẩm Yên			0	0,00	Địa giới ổn định	4,03	19,19	8.728	109,10
54	Xã Kim An	Huyện Thanh Oai		11	0,27		2,93	13,95	4.087	51,09
55	Xã Kim Thư			50	0,76		2,92	13,90	6.554	81,93
56	Xã Xuân Dương			18	0,26		3,59	17,10	6.929	86,61
57	Xã Đông Mỹ	Huyện Thanh Trì		41	0,41		2,77	13,19	9.943	124,29
58	Xã Duyên Hà			27	0,41		2,76	13,14	6.600	82,50
59	Xã Yên Mỹ			19	0,30		3,84	18,29	6.254	78,18
60	Xã Tam Hiệp			81	0,50	Định hướng lên phường	3,20	58,18	16.359	109,06
61	Xã Ngọc Hồi			71	0,52	Định hướng lên phường	3,80	69,09	13.725	91,50
62	Xã Hữu Hòa			43	0,33	Định hướng lên phường	2,96	53,82	13.062	87,08
63	Xã Thanh Liệt			115	0,60	Định hướng lên phường	3,49	63,45	19.081	127,21
64	Xã Ngũ Hiệp			107	0,55	Định hướng lên phường	3,24	58,91	19.284	128,56
65	Xã Chương Dương	Huyện Thường Tín		28	0,46		4,10	19,52	6.128	76,60
66	Xã Duyên Thái			35	0,28		4,02	19,14	12.688	158,60
67	Xã Hà Hồi			16	0,14		3,92	18,67	11.423	142,79
68	Xã Hiền Giang			11	0,21		3,24	15,43	5.152	64,40
69	Xã Nhị Khê			21	0,26		2,79	13,29	8.066	100,83
70	Xã Vạn Điểm			48	0,56		3,06	14,57	8.579	107,24
71	Xã Hòa Bình			41	0,55		3,89	18,52	7.444	93,05
72	Xã Liên Phương			7	0,08		2,70	12,86	9.079	113,49
73	Xã Thư Phú			13	0,18		2,50	11,90	7.069	88,36
74	Xã Văn Phú			9	0,10		3,18	15,14	8.659	108,24
75	Xã Viên Nội			5	0,09		4,50	21,43	5.426	67,83

76	Xã Cao Thành	Huyện Ứng Hòa			39	0,72		3,85	18,33	5.433	67,91
77	Xã Trầm Lộng				45	0,81		7,17	34,14	5.586	69,83
78	Xã Hòa Xá				31	0,54		2,2	10,48	5.769	72,11
79	Xã Lưu Hoàng							3,84	18,29	6.463	80,79
II	Các thị trấn:										
80	Thị trấn Thường Tín	Huyện Thường Tín			50	0,77		0,9	6,43	6.507	81,34
81	Thị trấn Văn Điển	Huyện Thanh Trì			115	0,61		0,90	4,29	18.984	237,30
82	Thị trấn Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn			27	0,45	Định hướng lên phường	1,07	7,64	6.006	75,08
83	Thị trấn Phú Minh	Huyện Phú Xuyên			0	0,00	Vị trí biệt lập	1,10	7,86	5.656	70,70
84	Thị trấn Trạm Trôi	Huyện Hoài Đức			46	0,57		1,28	6,10	8.016	100,20
85	Thị trấn Yên Viên	Huyện Gia Lâm			0	0,00	Định hướng lên phường	0,97	17,64	13.162	87,75
86	Thị trấn Phùng	Huyện Đan Phượng			0	0,00		2,63	18,79	11.138	139,23
III	Các phường:										
87	Pường Phúc Xá	Quận Ba Đình			25	0,13	Trọng điểm QP	0,89	16,18	18.679	124,53
88	Pường Điện Biên				128	1,42	Trọng điểm QP	0,94	17,09	8.999	59,99
89	Pường Quán Thánh				23	0,30	Trọng điểm QP	0,77	14,00	7.700	51,33
90	Pường Đội Cấn				17	0,12	Trọng điểm QP	0,40	7,27	14.726	98,17
91	Pường Ngọc Hà				27	0,13	Trọng điểm QP	0,82	14,91	20.462	136,41
92	Pường Liễu Giai				76	0,38	Trọng điểm QP	0,68	12,36	19.805	132,03
93	Pường Vĩnh Phúc				127	0,55	Trọng điểm QP	0,71	12,91	22.967	153,11
94	Pường Cống Vị				24	0,14	Có yếu tố lịch sử	0,53	9,64	17.478	116,52
95	Pường Giảng Võ				19	0,08	Có yếu tố lịch sử	0,61	11,09	22.422	149,48
96	Pường Thành Công				75	0,36	Có yếu tố lịch sử	0,64	11,64	20.910	139,40
97	Pường Kim Mã				16	0,12	Có yếu tố lịch sử	0,48	8,73	13.155	87,70
98	Pường Trúc Bạch				12	0,12	Có yếu tố lịch sử	0,5	9,09	10.181	67,87
99	Pường Nguyễn Trung Trực				7	0,11	Có yếu tố lịch sử	0,16	2,91	6.601	44,01
100	Pường Ngọc Khánh						Có yếu tố lịch sử	1,01	18,36	22.835	152,23
101	Pường Quan Hoa	Quận Cầu Giấy			435	1,28		0,89	16,18	34.070	227,13

102	Phường Nghĩa Tân	Quận Cầu Giấy			122	0,53		0,68	12,36	22.967	153,11
103	Phường Khâm Thiên	Quận Đống Đa			0	0,00		0,18	3,27	8.918	59,45
104	Phường Trung Phụng				13	0,10		0,24	4,36	13.283	88,55
105	Phường Thịnh Quang				5	0,03		0,45	8,18	15.948	106,32
106	Phường Khương Thượng				34	0,26		0,34	6,18	13.251	88,34
107	Phường Ngã Tư Sở				21	0,29		0,23	4,18	7.121	47,47
108	Phường Trung Tự				32	0,26	Có đặc điểm về kt	0,42	7,64	12.165	81,10
109	Phường Văn Chương				21	0,15		0,33	6,00	14.141	94,27
110	Phường Quang Trung				58	0,53	Trọng điểm QP	0,41	7,45	10.878	72,52
111	Phường Nam Đồng				21	0,16	Trọng điểm QP	0,41	7,45	12.986	86,57
112	Phường Hàng Bột				69	0,35	Trọng điểm QP	0,31	5,64	19.513	130,09
113	Phường Láng Hạ				148	0,55	Trọng điểm QP	0,96	17,45	26.730	178,20
114	Phường Thổ Quan				44	0,26	Có yếu tố lịch sử	0,28	5,09	16.641	110,94
115	Phường Cát Linh				55	0,59	Có đặc điểm về kt	0,37	6,73	9.245	61,63
116	Phường Phương Mai				36	0,22	Có đặc điểm về kt	0,62	11,27	16.543	110,29
117	Phường Trung Liệt				73	0,37	Có đặc điểm về kt	0,77	14,00	19.549	130,33
118	Phường Quốc Tử Giám				38	0,49	trọng điểm QP	0,19	3,45	7.810	52,07
119	Phường Văn Miếu				59	0,63	trọng điểm QP	0,29	5,27	9.393	62,62
120	Phường Phương Liên				58	0,39	có yếu tố lịch sử	0,44	8,00	14.920	99,47
121	Phường Kim Liên				32	0,22	có yếu tố lịch sử	0,34	6,18	14.466	96,44
122	Phường Yên Kiêu	Quận Hà Đông			0	0,00		0,21	3,82	9.672	64,48
123	Phường Nguyễn Trãi				0	0,00		0,42	7,64	13.305	88,70
124	Phường Quang Trung				0	0,00		0,80	14,55	20.980	139,87
125	Phường Biên Giang				17	0,19	Vị trí biệt lập	2,76	50,18	9.023	60,15
126	Phường Quỳnh Lôi				0	0,00		0,25	4,55	11.862	79,08
127	Phường Thanh Nhàn				0	0,00		0,74	13,45	20.863	139,09
128	Phường Bách Khoa				0	0,00		0,52	9,45	11.271	75,14
129	Phường Bạch Mai				0	0,00		0,26	4,73	17.086	113,91
130	Phường Cầu Dền				8	0,07		0,17	3,09	11.538	76,92

131	Phường Đồng Mác	Quận Hai Bà Trưng			0	0,00		0,15	2,73	10.021	66,81
132	Phường Đồng Nhân				4	0,05		0,15	2,73	8.088	53,92
133	Phường Đồng Tâm				7	0,05		0,51	9,27	15.153	101,02
134	Phường Lê Đại Hành				1	0,01	trọng điểm QP	0,87	15,82	9.167	61,11
135	Phường Minh Khai				5	0,03		0,47	8,55	19.607	130,71
136	Phường Phố Huế				16	0,14		0,20	3,67	11.391	75,94
137	Phường Quỳnh Mai							0,17	3,09	14.308	95,39
138	Phường Trương Định							0,52	9,45	18.856	125,71
139	Phường Bạch Đằng							1,09	19,82	26.393	175,95
140	Phường Phúc Tân	Quận Hoàn Kiếm					Trọng điểm QP	0,79	14,44	17.955	119,70
141	Phường Đồng Xuân						Có yếu tố lịch sử	0,17	3,09	10.516	70,11
142	Phường Hàng Mã						Có yếu tố lịch sử	0,17	3,15	10.622	70,81
143	Phường Hàng Buồm						Có yếu tố lịch sử	0,12	2,26	11.453	76,35
144	Phường Hàng Đào						Có yếu tố lịch sử	0,07	1,22	6.012	40,08
145	Phường Hàng Bồ						Có yếu tố lịch sử	0,09	1,67	9.041	60,27
146	Phường Cửa Đông						Có yếu tố lịch sử	0,16	2,82	10.624	70,83
147	Phường Lý Thái Tổ						Trọng điểm QP	0,25	4,53	11.127	74,18
148	Phường Hàng Bạc						Có yếu tố lịch sử	0,09	1,58	7.491	49,94
149	Phường Hàng Gai						Có yếu tố lịch sử	0,09	1,66	7.642	50,95
150	Phường Chương Dương						Trọng điểm QP	1,00	18,27	24.229	161,53
151	Phường Hàng Trống						Trọng điểm QP	0,35	6,32	15.141	100,94
152	Phường Cửa Nam							0,26	4,64	10.527	70,18
153	Phường Hàng Bông						Có yếu tố lịch sử	0,18	3,21	17.937	119,58
154	Phường Tràng Tiền						Trọng điểm QP	0,39	7,02	10.666	71,11
155	Phường Trần Hưng Đạo						Trọng điểm QP	0,47	8,55	10.901	72,67
156	Phường Phan Chu Trinh							0,43	7,79	10.503	70,02
157	Phường Hàng Bài						Trọng điểm QP	0,27	4,95	10.534	70,23
158	Phường Giáp Bát	Quận Hoàng Mai						0,57	10,40	14.178	94,52
159	Phường Tương Mai							0,74	13,46	27.074	180,49

160	Phường Tân Mai	Quận Long Biên						0,50	9,09	22.380	149,20
161	Phường Sài Đồng				107	0,59		0,85	15,45	17.992	119,95
162	Phường Kim Giang				195	1,30		0,23	4,18	14.998	99,99
163	Phường Hạ Đình	Quận Thanh Xuân			168	0,85		0,7	12,73	19.653	131,02
164	Phường Thanh Xuân Nam				163	1,00		0,31	5,64	16.311	108,74
165	Phường Thanh Xuân Bắc				231	0,98		0,49	8,91	23.642	157,61
166	Phường Thanh Xuân Trung				357	0,94	Có yếu tố lịch sử	1,18	21,45	37.894	252,63
167	Phường Khương Mai				228	0,93	Trọng điểm QP	1,06	19,27	24.604	164,03
168	Phường Phương Liệt				196	0,75	Có yếu tố lịch sử	0,94	17,09	26.017	173,45
169	Phường Khương Trung				290	0,94	Có yếu tố lịch sử	0,74	13,45	30.824	205,49
170	Phường Thượng Đình				0	0,00	Có yếu tố lịch sử	0,67	12,18	25.770	171,80
171	Phường Lê Lợi		Thị xã Sơn Tây			93	1,08		0,90	16,36	8.617
172	Phường Ngô Quyền				44	0,52		0,42	7,64	8.418	168,36
173	Phường Quang Trung				154	1,77		0,76	13,82	8.714	174,28

THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN KHUYẾN KHÍCH SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Kèm theo Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc DDVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Các xã:										
1	Xã Thọ Xuân	Huyện Đan Phượng						4,53	21,57	11.053	138,16
2	Xã Trung Châu							8,01	38,14	9.121	114,01
3	Xã Kim Sơn	Huyện Gia Lâm					Định hướng lên phường	6,31	30,05	15.252	190,65
4	Xã Phú Thị						Định hướng lên phường	5,08	24,19	9.780	122,25
5	Xã Trung Mậu						Định hướng lên phường	4,30	20,48	6.246	78,08
6	Xã Phù Đổng						Định hướng lên phường	11,82	56,29	15.768	197,10
7	Xã Kiêu Kỵ				24	0,17	Định hướng lên phường	5,88	28,00	13.856	173,20
8	Xã Đa Tốn						Định hướng lên phường	7,40	35,24	19.884	248,55
9	Xã Dương Xá						Định hướng lên phường	4,95	23,57	14.787	184,84
10	Xã Vạn Phúc	Huyện Thanh Trì			59	0,43		5,29	25,19	13.863	173,29

II	Các thị trấn:										
1	Thị trấn Trâu Qùy	Huyện Gia Lâm					Định hướng lên phường	7,19	51,36	21.667	270,84
III	Các phường:										
1	Phường Trúc Bạch	Quận Ba Đình			12	0,12	Có yếu tố lịch sử	0,5	2,38	10.181	127,26
2	Phường Nguyễn Trung Trực				7	0,11	Có yếu tố lịch sử	0,16	0,76	6.601	82,51
3	Phường Quốc Tử Giám	Quận Đống Đa			38	0,49	Trọng điểm QP	0,19	0,90	7.810	97,63
4	Phường Văn Miếu				59	0,63	Trọng điểm QP	0,29	1,38	9.393	117,41

THÔNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ CÓ ĐỊA GIỚI LIỀN KÈ THỰC HIỆN SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
I	Các xã										
1	Xã Phú Phương	Huyện Ba Vì			0	0,00		4,32	20,57	6.590	82,38
2	Xã Tân Hồng				0	0,00		8,80	41,90	17.626	220,33
3	Xã Hòa Chính	Huyện Chương Mỹ			0	0,00		4,63	22,05	7.649	95,61
4	Xã Văn Đức	Huyện Gia Lâm			34	0,40	Định hướng lên phường	6,66	31,71	8.396	104,95
5	Xã Dương Liễu	Huyện Hoài Đức			23	0,21	Định hướng lên phường	4,35	79,09	11.108	74,05
6	Xã An Khánh				304	0,64	Định hướng lên phường	8,50	154,55	47.414	316,09
7	Xã Song Phương				68	0,46	Định hướng lên phường	5,77	104,91	14.880	99,20
8	Xã Liên Mạc	Huyện Mê Linh			0	0,00		8,13	147,82	16.863	112,42
9	Xã Bột Xuyên	Huyện Mỹ Đức			0	0,00		5,81	27,67	9.169	114,61
10	Xã Vạn Kim				0	0,00		6,17	29,38	7.978	99,73
11	Xã Hồng Minh	Huyện Phú Xuyên			0	0,00		5,65	26,90	9.279	115,99
12	Xã Văn Hoàng				0	0,00		6,03	28,71	7.526	94,08

13	Xã Nam Triều			0	0,00		5,88	28,00	7.200	90,00
14	Xã Tích Giang	Huyện Phúc Thọ		0	0,00		6,21	29,57	9.936	124,20
15	Xã Long Xuyên			0	0,00		6,78	32,29	9.518	118,98
16	Xã Vân Nam			0	0,00		6,31	30,05	7.652	95,65
17	Xã Yên Sơn	Huyện Quốc Oai		36	0,43		4,32	20,57	8.451	105,64
18	Xã Cộng Hòa			18	0,24		4,46	21,24	7.348	91,85
19	Xã Canh Nậu	Huyện Thạch Thất		0	0,00		5,06	24,10	16.424	205,30
20	Xã Bình Phú			0	0,00		4,95	23,57	11.893	148,66
21	Xã Cao Dương	Huyện Thanh Oai		22	0,18		4,58	21,81	12.444	155,55
22	Xã Vĩnh Quỳnh	Huyện Thanh Trì		59	0,20	Định hướng lên phường	6,42	116,73	29.782	198,55
23	Xã Tứ Hiệp			157	0,63	Định hướng lên phường	4,21	76,55	24.779	165,19
24	Xã Viên An	Huyện Ứng Hòa		19	0,23		4,70	22,38	8.092	101,15
25	Xã Hoa Sơn			39	0,45		6,70	31,90	8.631	107,89
26	Xã Sơn Công			0	0,00		6,51	31,00	8.103	101,29
27	Xã Đồng Tiến			0	0,00		6,20	29,52	9.258	115,73
28	Xã Hòa Lâm			25	0,32		9,49	45,19	7.736	96,70
29	Xã Vạn Thái			46	0,39		5,96	28,38	11.678	145,98
30	Xã Hòa Nam			0	0,00		4,25	20,24	13.730	171,63
31	Xã Hồng Quang			0	0,00		5,24	24,95	8.610	107,63
32	Xã Đội Bình			33	0,35		7,90	37,62	9.366	117,08
33	Xã Văn Bình	Huyện Thường Tín		26	0,21		5,18	24,67	12.347	154,34
34	Xã Nguyễn Trãi			16	0,15		6,01	28,62	10.479	130,99

35	Xã Thống Nhất				17	0,21		4,92	23,43	8.237	102,96
II	Các thị trấn:										
1	Thị trấn Phúc Thọ	Huyện Phúc Thọ			0	0,00		3,73	26,64	9.725	121,56
2	Thị trấn Quốc Oai	Huyện Quốc Oai			20	0,13		5,10	36,43	15.809	197,61
3	Thị trấn Kim Bài	Huyện Thanh Oai			0	0,00		4,50	21,43	7.753	96,91
III	Các phường:										
1	Pường Yên Hòa	Quận Cầu Giấy			215	0,43		2,06	37,45	49.502	330,01
2	Pường Nghĩa Đô				112	0,32		1,34	24,36	35.442	236,28
3	Pường Dịch Vọng				98	0,34		1,35	24,55	28.531	190,21
4	Pường Dịch Vọng Hậu				64	0,20		1,61	29,27	32.076	213,84
5	Pường Phúc Đồng	Quận Long Biên			1	0,01		4,53	82,36	16.872	112,48
6	Pường Phúc Lợi				105	0,50		6,26	113,82	20.953	139,69

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CBCC CẤP XÃ DÔI DƯ KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TT	Tên ĐVHC	Thuộc Phương án sắp xếp	Tổng	Định mức (Người/xã (Phường))			Tổng	Số lượng hiện có mặt (Người/xã (Phường))			Tổng	Số lượng đối dư (Người/xã (Phường))			Phương án sắp xếp đối với cán bộ cấp xã			Phương án sắp xếp đối với công chức cấp xã (Bổ trí sang địa phương khác ...)	Phương án sắp xếp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (Bổ trí sang địa phương khác ...)	Phương án khác (tính gián biên chế hoặc thôi việc...)			Ghi chú
				Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	Bổ trí thêm cán bộ mới	Chuyển sang công chức	Bổ trí sang địa phương khác			Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
I	HUYỆN BA VÌ																						
1	Xã Châu Sơn	Nhập 03 xã thành 01 xã	28	10	8	10	22	10	6	6	25												
2	Xã Phú Phương		32	11	9	12	24	10	8	6		1	6	18	1	6	2	13	0	6	0		
3	Xã Tân Hồng		40	11	13	16	29	11	10	8													
II	HUYỆN CHƯƠNG MỸ																						
1	Xã Đồng Phú	Nhập 02 xã thành 01 xã	32	11	9	12	27	11	9	7	19	11	5	3				5	3				
2	Xã Hồng Phong		32	11	9	12	26	11	6	9													
3	Xã Phú An Nam	Nhập 02 xã thành 01 xã	32	11	9	12	26	11	7	8	19	11	4	4				4	4				
4	Xã Hòa Chính		32	11	9	12	27	11	7	9													
III	HUYỆN GIA LÂM																						
1	Xã Đình Xuyên	Nhập 02 xã thành 01 xã	26	11	7	8	25	11	8	6	19	10	4	5			10	4	5				
2	Xã Dương Hà		25	11	7	7	26	11	9	6													
3	Xã Trung Mậu	Nhập 02 xã thành 01 xã	25	11	7	7	25	11	8	6	17	7	4	6			7	4	6				
4	Xã Phù Đồng		26	11	7	8	28	10	11	7													
5	Xã Văn Đức	Nhập 02 xã thành 01 xã	24	11	6	7	25	11	9	5	15	8	3	4			8	3	4				
6	Xã Kim Lan		24	11	6	7	22	10	6	6													
7	Xã Yên Viên	Nhập 02 xã thành 01 xã	25	11	7	7	26	11	8	7	14	7	2	5			7	2	5				
8	Thị trấn Yên Viên		27	11	8	8	23	9	9	5													
9	Xã Phú Thị	Nhập 02 xã thành 01 xã	26	11	7	8	25	11	9	5	19	9	5	5			9	5	5				
10	Xã Kim Sơn		25	11	7	7	28	11	10	7													
11	Xã Bát Tràng	Nhập 02 xã thành 01 xã	24	11	6	7	25	10	9	6	16	6	5	5			6	5	5				
12	Xã Đông Dư		24	11	6	7	25	11	8	6													
13	Xã Dương Xá	Điều chỉnh địa giới hành chính 04 xã, thị trấn, không giảm số lượng ĐVHC	23	11	5	7	28	11	11	6	0												không giảm số lượng ĐVHC
14	Thị trấn Trâu Quỳ		27	11	9	7	27	11	10	6	0												
15	Xã Đa Tốn		27	11	16	7	28	11	10	7	0												
16	Xã Kiều Kỵ		30	11	12	7	27	11	10	6	0												
IV	HUYỆN MÊ LINH																						
1	Xã Liên Mạc	Nhập 02 xã thành 01 xã	40	11	13	16	32	11	11	10	17	9	5	3	0	0	2	4		4	1	3	
2	Xã Vạn Yên		32	11	9	12	26	9	7	10													
V	HUYỆN MỸ ĐỨC																						
1	Xã Bọt Xuyên	Nhập 02 xã thành 01 xã	32	11	9	12	24	11	7	6	18	11	5	2	4	0	8	2	2		4		
2	Xã Mỹ Thành		28	10	8	10	26	10	8	8													

TT	Tên ĐVHC	Thuộc Phương án sắp xếp	Tổng	Định mức (Người/xã (Phường))			Tổng	Số lượng hiện có mặt (Người/xã (Phường))			Tổng	Số lượng dôi dư (Người/xã (Phường))			Phương án sắp xếp đối với cán bộ cấp xã			Phương án sắp xếp đối với công chức cấp xã (Bổ trí sang địa phương khác ...)	Phương án sắp xếp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (Bổ trí sang địa phương khác ...)	Phương án khác (tính gián biên chế hoặc thôi việc...)			Ghi chú
				Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	Bổ trí thêm cán bộ mới	Chuyển sang công chức	Bổ trí sang địa phương khác			Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
3	Xã Vạn Kim	Nhập 02 xã thành	32	11	9	12	20	12	8	8	20	11	4	5	7		4	2	5		1		
4	Xã Đốc Tín	01 xã	28	10	8	10	25	10	6	9													
VI HUYỆN PHÚ XUYỀN																							
1	Xã Đại Thắng	Nhập 02 xã thành	32	11	9	12	26	11	9	6	18	11	7	0	4		3	7		4	5		
2	Xã Văn Hoàng	01 xã	32	11	9	12	24	11	7	6													
3	Xã Nam Phong	Nhập 02 xã thành	32	11	9	12	27	10	8	9	22	11	7	4	6		3	7		6	0		
4	Xã Nam Triều	01 xã	32	11	9	12	27	12	8	7													
5	Xã Quang Trung	Nhập 02 xã thành	28	10	8	10	23	10	8	5	19	11	8	0	3		3	8		3	0		
6	Xã Sơn Hà	01 xã	32	11	9	12	26	10	9	7													
7	Xã Tri Trung	Nhập 02 xã thành	28	10	8	10	24	10	7	7	20	10	7	3	5		1	7		5	0		
8	Xã Hồng Minh	01 xã	32	11	9	12	28	11	9	8													
VII HUYỆN PHÚC THỌ																							
1	Xã Thọ Lộc	Nhập 02 xã thành	32	11	9	12	25	11	8	6	21	11	9	1			9	1		1			
2	Xã Tích Giang	01 xã	32	11	9	12	27	11	9	7													
3	Xã Văn Hà	Nhập 02 xã thành	28	10	8	10	24	10	8	6	18	10	8	0				3		3	3		
4	Xã Văn Nam	01 xã	32	11	9	12	25	11	9	5													
5	Xã Thượng Cốc	Nhập 02 xã thành	32	11	9	12	25	10	8	7	21	10	8	3			5			4	5	3	
6	Xã Long Xuyên	01 xã	32	11	9	12	28	11	9	8													
7	Xã Phúc Hòa	Nhập 02 xã, thị	32	11	9	12	25	10	8	7	18	9	9	0				1		3	4		
8	Thị trấn Phúc Thọ	trấn thành 01 thị	32	11	9	12	24	10	9	5													
VIII HUYỆN QUỐC OAI																							
1	Xã Đại Thành	Nhập 02 xã thành	32	11	9	12	24	10	8	6	17	11	5	1				1		3			
2	Xã Tân Phú	01 xã	32	11	9	12	27	12	7	8													
3	Xã Liệp Tuyết	Nhập 02 xã thành	32	11	9	12	25	11	7	7	17	11	6	0						1			
4	Xã Nghĩa Hương	01 xã	32	11	9	12	26	11	9	6													
5	Xã Phương Cách	Nhập 02 xã thành	32	11	9	12	29	11	10	8	18	9	8	1						3			
6	Xã Yên Sơn	01 xã	32	11	9	12	25	9	9	7													
7	Xã Cộng Hòa	Nhập 02 xã thành	32	11	9	12	25	10	7	8	14	10	4	0									
8	Xã Tân Hòa	01 xã	32	11	9	12	25	11	8	6													
9	Xã Thạch Thán	Nhập 02 xã, thị	32	11	9	12	28	11	9	8	16	11	5	0									
10	Thị trấn Quốc Oai	trấn thành 01 thị	36	11	11	14	32	11	11	10											2		
IX HUYỆN THẠCH THÁT																							
1	Xã Canh Nậu	Nhập 02 xã thành	40	11	13	16	28	11	10	7	14	11	5	-2	1	1	4		1	1			
2	Xã Dị Nậu	01 xã	32	11	9	12	26	11	8	7													
3	Xã Chàng Sơn	Nhập 02 xã thành	32	11	9	12	24	11	6	7	19	11	6	2	1	3	4		2	1			
4	Xã Thạch Xá	01 xã	32	11	9	12	27	11	9	7													

TT	Tên ĐVHC	Thuộc Phương án sắp xếp	Tổng	Định mức (Người/xã (Phường))			Tổng	Số lượng hiện có mặt (Người/xã (Phường))			Tổng	Số lượng đôi dư (Người/xã (Phường))			Phương án sắp xếp đối với cán bộ cấp xã			Phương án sắp xếp đối với công chức cấp xã (Bổ trí sang địa phương khác ...)	Phương án sắp xếp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (Bổ trí sang địa phương khác ...)	Phương án khác (tính gián biên chế hoặc thôi việc...)			Ghi chú
				Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	Bổ trí thêm cán bộ mới	Chuyển sang công chức	Bổ trí sang địa phương khác			Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
5	Xã Hữu Bằng	Nhập 02 xã thành	40	11	13	16	28	11	8	9	15	11	4	0			3			1			
6	Xã Bình Phú	01 xã	32	11	9	12	27	11	9	7													
X	HUYỆN THANH OAI																						
1	Xã Cao Dương	Nhập 02 xã thành 01 xã	34	11	10	13	26	11	8	7	12	9	3	0	0	2	0	1	0	2	2	0	
2	Xã Xuân Dương		32	11	9	12	26	9	8	9													
3	Xã Kim An	Nhập 03 xã, thị trấn thành 01 thị trấn	28	10	8	10	25	10	6	9	41	21	12	8	0	6	2	10	8	11	2	0	
4	Xã Kim Thư		32	11	9	12	29	11	10	8													
5	Thị trấn Kim Bài		32	11	9	12	27	11	9	7													
XI	HUYỆN THƯỜNG TÍN																						
1	X. Chương Dương	Nhập 02 xã thành 01 xã	32	11	9	12	28	11	8	9	22	11	7	4	3	1	1	5	4	2	2		
2	X. Thư Phú		32	11	9	12	28	11	9	8													
3	X. Hiền Giang	Nhập 02 xã thành 01 xã	32	11	9	12	28	11	8	9	22	11	7	4	2	2	1	5	4	3	2		
4	X. Hòa Bình		32	11	9	12	28	11	9	8													
5	X. Liên Phương	Nhập 02 xã thành 01 xã	32	11	9	12	27	10	7	10	17	10	4	3	3	2	1	1	3	2	3		
6	X. Hà Hồi		32	11	9	12	28	11	9	8													
7	X. Thống Nhất	Nhập 02 xã thành 01 xã	32	11	9	12	30	11	8	11	20	11	4	5	3	2	2	5	5	1			
8	X. Vạn Diêm		32	11	9	12	26	11	7	8													
9	X. Văn Phú	Nhập 01 xã va 01 thị trấn thành 01 thị trấn	32	11	9	12	28	11	9	8	20	11	7	2	4	3	1	5	2	1	2		
10	Thị trấn Thường Tín		32	11	9	12	26	11	8	7													
XII	HUYỆN ỨNG HÒA																						
1	Xã Viên An	Nhập 03 xã thành 01 xã	32	11	9	12	22	10	6	6	31	21	5	5	2	7	2	2		9	2		
2	Xã Viên Nội		28	11	7	10	25	11	6	8													
3	Xã Hoa Sơn		32	11	9	12	26	11	7	8													
4	Xã Cao Thành	Nhập 03 xã thành 01 xã	28	10	8	10	24	9	5	10	33	20	5	8	1	8	2	4		8	1		
5	Xã Sơn Công		32	11	9	12	25	11	7	7													
6	Xã Đồng Tiến		32	11	9	12	26	11	7	8													
7	Xã Vạn Thái	Nhập 03 xã thành 01 xã	32	11	9	12	26	11	9	6	37	22	8	7	2	6	1	4		10	3		
8	Xã Hòa Xá		28	10	8	10	24	10	7	7													
9	Xã Hòa Nam		34	12	9	13	28	12	8	8													
10	Xã Lưu Hoàng	Nhập 03 xã thành 01 xã	32	11	9	12	25	11	7	7	28	20	6	2	2	6	1	1		11	2		
11	Xã Hồng Quang		32	11	9	12	23	10	7	6													
12	Xã Đội Bình		32	11	9	12	23	10	7	6													
13	Xã Hòa Lâm	Nhập 02 xã thành 01 xã	32	11	9	12	26	11	8	7	15	11	4	0	3	3		1		5	1		
14	Xã Trầm Lộng		32	11	9	12	26	11	8	7													
XIII	QUẬN CẦU GIẤY																						
1	Phường Yên Hòa		41	6	15	20	42	6	16	20	0												

TT	Tên ĐVHC	Thuộc Phương án sắp xếp	Tổng	Định mức (Người/xã (Phường))			Tổng	Số lượng hiện có mặt (Người/xã (Phường))			Tổng	Số lượng dôi dư (Người/xã (Phường))			Phương án sắp xếp đối với cán bộ cấp xã			Phương án sắp xếp đối với công chức cấp xã (Bổ trí sang địa phương khác ...)	Phương án sắp xếp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (Bổ trí sang địa phương khác ...)	Phương án khác (tính gián biên chế hoặc thôi việc...)			Ghi chú
				Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	Bổ trí thêm cán bộ mới	Chuyển sang công chức	Bổ trí sang địa phương khác			Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
2	Phường Quan Hoa	Điều chỉnh ĐGHCh giữa các phường	38	6	15	17	37	6	14	17	0												không giảm số lượng ĐVHC
3	Phường Dịch Vọng		37	6	15	16	36	6	14	16	0												
4	Phường Dịch Vọng Hậu		38	6	15	17	39	6	16	17	0												
5	Phường Nghĩa Đô		39	6	15	18	38	6	14	18	0												
6	Phường Nghĩa Tân		36	6	15	15	35	6	14	15	0												
XIV	QUẬN BA ĐÌNH																						
1	Phường Trúc Bạch	Nhập 02 phường thành 01 phường	33	6	15	12	21	6	9	6	21	6	9	6	1	4	1	9	6				
2	Phường Nguyễn Trung Trực		33	6	15	12	26	6	13	7													
XV	QUẬN ĐÔNG ĐA																						
1	Phường Khâm Thiên	Nhập 02 phường thành 01 phường	32	6	14	12	25	5	11	9	15	4	8	3	1	1	2	8	3				
2	Phường Trung Phụng		35	6	15	14	25	5	12	8													
3	Phường Ngã Tư Sở	Nhập 03 phường thành 02 phường	35	6	15	14	25	5	12	8	0	2	4	-6	1	1		4					
4	Phường Khương Thượng		35	6	15	14	22	5	10	7													
5	Phường Thịnh Quang		32	6	14	12	23	4	12	7													
6	Phường Kim Liên	Nhập 03 phường thành 02 phường	35	6	15	14	24	5	12	7	3	5	3	-5	1	2	2	3					
7	Phường Trung Tự		35	6	15	14	25	6	11	8													
8	Phường Phương Liên		35	6	15	14	24	6	10	8													
9	Phường Quốc Tử Giám	Nhập 02 phường thành 01 phường	32	6	14	12	26	6	12	8	14	5	8	1	1	1	3	8	1				
10	Phường Văn Miếu		32	6	14	12	23	5	11	7													
XVI	QUẬN HÀ ĐÔNG																						
1	Phường Nguyễn Trãi	Nhập 03 phường thành 01 phường mới	35	6	15	14	30	5	15	10		8	13	2			8	12		1	2		
2	Phường Quang Trung		36	6	15	15	26	6	12	8													
3	Phường Yết Kiêu		34	6	14	14	24	5	13	6													
XVII	QUẬN HAI BÀ TRUNG																						
1	Phường Đống Mác	Nhập 02 phường thành 01 phường	26	6	13	7	26	6	13	7	24	6	11	7			6	11	7				
2	Phường Đồng Nhân		27	6	14	7	25	6	12	7													
3	Phường Thanh Nhân	Nhập 03 phường thành 02 phường	29	6	16	7	28	6	15	7	21	5	9	7			5	9	7				
4	Phường Bách Khoa		28	6	15	7	27	6	14	7													
5	Phường Cầu Dền		27	6	14	7	24	5	12	7													
6	Phường Quỳnh Lôi	Nhập 02 phường thành 01 phường	28	6	15	7	28	6	15	7	27	5	15	7			5	15	7				
7	Phường Bạch Mai		28	6	15	7	27	5	15	7													
XVIII	QUẬN LONG BIÊN																						
1	Phường Phúc Đồng	Nhập 03 phường thành 02 phường	27	6	14	7	26	5	14	7	24	6	10	8		1	2	9		2	1	7	
2	Phường Phúc Lợi		26	6	14	6	26	6	14	6													
3	Phường Sài Đồng		28	6	14	8	24	6	10	8													
XIX	QUẬN THANH XUÂN																						

TT	Tên ĐVHC	Thuộc Phương án sắp xếp	Tổng	Định mức (Người/xã (Phường))			Tổng	Số lượng hiện có mặt (Người/xã (Phường))			Tổng	Số lượng dôi dư (Người/xã (Phường))			Phương án sắp xếp đối với cán bộ cấp xã			Phương án sắp xếp đối với công chức cấp xã (Bổ trí sang địa phương khác ...)	Phương án sắp xếp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (Bổ trí sang địa phương khác ...)	Phương án khác (tinh giản biên chế hoặc thôi việc...)			Ghi chú
				Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	Bổ trí thêm cán bộ mới	Chuyển sang công chức	Bổ trí sang địa phương khác			Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
1	Phường Hạ Đình	Nhập 02 phường thành 01 phường	35	6	15	14	27	6	14	7	18	4	11	3			4	11	3				
2	Phường Kim Giang		35	6	15	14	26	4	13	9													
3	Phường Thanh Xuân Bắc	Nhập 02 phường thành 01 phường	36	6	15	15	27	6	15	6	18	6	10	2			6	10	2				
4	Phường Thanh Xuân Nam		35	6	15	14	28	6	15	7													
X	THỊ XÃ SƠN TÂY																						
1	Phường Lê Lợi	Nhập 03 phường thành 01 phường mới	34	6	15	13	24	5	12	7	43	11	24	8	1	4	2	24	8	4			
2	Phường Ngô Quyền		34	6	15	13	26	6	13	7													
3	Phường Quang Trung		35	7	15	13	28	7	14	7													
	Tổng cộng		4032	1211	1356	1472	3383	1174	1228	989	1031	520	365	169	63	72	158	265	117	122	47	15	0